Ngày soạn:

**BÀI 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN**

**(TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

Thời gian thực hiện: 9 tiết

(Đọc: 4,5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết, Ôn tập 0,5 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

* Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tuỳ bút, tản văn.
* Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh.
* Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
* Giải thích được nghĩa của từ.
* Viết được bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
* Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân (tác phẩm văn học, tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ).
* Nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

**2. Về năng lực:** Phát triển *năng lực tự chủ và tự học*, *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông quan hoạt động đọc, viết, nói và nghe; *năng lực hợp tác* thông qua những hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết, bài nói của bạn.

**3. Về phẩm chất:** Biết yêu quý và có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết 1,2 - VĂN BẢN 1: AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?**

**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

* Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút qua văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?.*
* Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh được thể hiện qua văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?.*
* Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học qua văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?.*

**2. Về năng lực:**

***Năng lực chung***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù***

* Nhận biết được một số yếu tố hình thức; nội dung của văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*.
* Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình của tùy bút.
* Phân tích được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.

**3. Về phẩm chất**:

* Biết yêu quý và có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên.
* Yêu quý, gắn bó với quê hương xứ sở.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**2. Học liệu:**

**Đối với giáo viên**

* Giáo án;
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
* Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**Đối với học sinh**

* SGK, SBT Ngữ văn 11.
* Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ cảm nhận cá nhân:

 Lắng nghe ca khúc *“Huế tình yêu của tôi*” của nhạc sĩ Trương Tuyết Mai. Và trả lời câu hỏi sau:

- *Bạn biết gì về thành phố Huế? Hãy chia sẻ với các bạn của mình về điều đó.*

*- Dựa vào nhan đề và hình ảnh minh họa trong SGK trang 11, bạn dự đoán gì về nội dung của văn bản?*

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nguồn: *https://www.youtube.com/watch?v=8tgErfdRHxQ***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Bạn biết gì về thành phố Huế? Hãy chia sẻ với các bạn của mình về điều đó.*  *- Dựa vào nhan đề và hình ảnh minh họa, bạn dự đoán gì về nội dung của văn bản?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.  - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Một số thông tin về thành phố Huế**  https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF   * Huế là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam; * Huế từng là kinh đô (cố đô Huế) của Việt Nam dưới triều Tây Sơn và triều Nguyễn; * Những địa danh nổi bật là sông Hương và những di sản để lại của triều đại phong kiến, Thành phố có năm danh hiệu UNESCO ở Việt Nam: Quần thể di tích Cố đô Huế (1993), Nhã nhạc cung đình Huế (2003), Mộc bản triều Nguyễn (2009), Châu bản triều Nguyễn (2014) và Hệ thống thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016).   **2. Nội dung của văn bản qua nhan đề và hình ảnh**  - Nhìn vào nội dung và hình ảnh em đoán nội dung văn bản nói về vẻ đẹp sông Hương của Huế.  - Từ khóa: Sông Hương. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:** Nhận biết và hiểu được một số đặc trưng của thể tùy bút, tản văn.
2. **Nội dung**: HS sử dụng SGK, quan sát, chắt lọc kiến thức trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.
3. **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị về mục Tri thức ngữ văn và làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ sau:  *- Trình bày khái niệm và cho biết đặc trưng thể loại của thể tùy bút, tản văn.*  *-Yếu tố trữ tình và yếu tố tự sự trong tản văn, tùy bút là gì?Cái “tôi” của tác giả trong tản văn, tùy bút?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS nghe GV yêu cầu, sau đó HS đọc thông tin trong SGK, chuẩn bị trình bày trước lớp.  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị.  + Dự kiến khó khăn: Học sinh chưa đọc phần *Tri thức ngữ văn*, gặp khó khăn trong việc tổng hợp  + Tháo gỡ khó khăn: Câu hỏi gợi mở để HS trả lời; gọi HS khác giúp đỡ bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Khái niệm và đặc trưng**  **a. Tùy bút**  - *Khái niệm*: là tiểu loại thuộc loại hình kí, thường tập trung thể hiện cái “tôi” của tác giả, luôn có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình.  *- Đặc trưng*:  + Chi tiết, sự kiện chỉ là cái cơ, là tiền đề để bộc lộ cảm xúc, suy tư, nhận thức, đánh giá về con người và cuộc sống.  + Ngôn ngữ tùy bút giàu chất thơ.  + Sức hấp dẫn của tùy bút là tính chất tự do, tài hoa trong liên tưởng gắn với cái tôi tác giả.  **b. Tản văn**  - *Khái niệm*: tản văn là một dạng văn xuôi gần với tùy bút.  - *Đặc trưng:*  + Tản văn thường kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả thiên nhiên, khắc họa nhân vật.  + Tản văn chú trọng việc nêu lên được nét chính của hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội và bộc lộ tình cảm, ý nghĩ của tác giả.  + Sức hấp dẫn ở tản văn chủ yếu ở khả năng phát hiện những nét đặc thù, đặc biệt của sự việc, đối tượng hay khả năng kết nối, xâu chuỗi các sự việc, đối tượng có vẻ rời rạch, nhỏ nhặt để hướng đến thể hiện chủ đề của tác phẩm.  **2. Yếu tố tự sự và trữ tình tùy bút và tản văn**  - *Yếu tố tự sự trong tùy bút, tản văn*: là yếu tố kể chuyện, thể hiện qua việc ghi chép, thuật lại các sự việc, câu chuyện, chuỗi tình tiết liên liên quan tới hành vi, diễn biến tâm trạng, tình cảm của nhân vật hay lịch sử, phong tục được đề cập trong tác phẩm.  - *Yếu tố trữ tình trong tùy bút, tản văn*: là yếu tố thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của cái tôi tác giả trong tùy bút hay của người kể chuyện, quan sát, miêu tả trong tản văn.  **3. Cái “tôi” tác giả trong sáng tác văn học**  - Tổng thể những nét riêng biệt, nổi bật làm nên phẩm chất tinh thần độc đáo của tác giả, thể hiện trong tác phẩm văn học nói chung, đặc biệt trong các tác phẩm giàu yêu tố trữ tình như thơ trữ tình hay tùy bút, tản văn.  - Dấu hiệu: quan niệm về cái đẹp; qua cách nhìn, cách cảm về thế giới và con người; qua cách biểu đạt riêng giàu tính sáng tạo và thẩm mĩ;… |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1. AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số nét khái quát về tác giả và tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, quan sát, chắt lọc kiến thức trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:** GV yêu cầu 1 HS đọc to, rõ ràng thông tin trong SGK trang 17.  **2. Tác giả:** *Nêu một số nét cơ bản về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường.*  **3. Tác phẩm:** *Nêu một số nét cơ bản về tác phẩm (xuất xứ, thể loại, đề tài, chủ đề)*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo theo nhóm đôi, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm1937 tại thành phố Huế. Ông mất ngày 24 tháng 7 năm 2023.  - Quê ở huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.  - Ông là một nhà văn, đồng thời cùng là một nhà văn hóa và có sự gắn bó sâu sắc với Huế.  - Ông có sở trường về tùy bút – bút kí.  - Các tác phẩm chính của ông: “Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu” (1971), “Rất nhiều ánh lửa” (1979), “Ngọn núi ảo ảnh” (1999)…  **2. Văn bản**  ***- Xuất xứ:*** “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” là bài kí xuất sắc của Hoàng Phủ Ngọc Tường viết tại Huế năm 1981, in trong tập bút kí cùng tên năm 1986.  ***- Thể loại:*** tùy bút  ***- Đề tài***: dòng sông quê hương (sông Hương).  ***- Chủ đề:*** thể hiện lòng yêu nước, tinh thần dân tộc gắn liền với tình yêu thiên nhiên sâu sắc, với truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được vẻ đẹp của dòng sông Hương được miêu tả dưới nhiều góc nhìn khác nhau, nhận biết được yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* và chuẩn kiến thức GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Vẻ đẹp của dòng sông Hương**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau  **- Nhóm 1**: *Nêu một số chi tiết cho thấy hình tượng sông Hương trong văn bản được miêu tả từ nhiều góc nhìn khác nhau (thiên nhiên, lịch sử, văn hóa,…)*  **- Nhóm 2**: *Tìm một số chi tiết thể hiện chất tự sự và chất trữ tình trong văn bản? Nêu cảm nghĩ về những chi tiết ấy?*  - **Nhóm 3:** *Tìm và cho biết tác dụng của một số biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản?*  **- Nhóm 4.** *Cho biết cảm hứng chủ đạo và nhận xét cách thể hiện cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo theo nhóm, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới    **Thủy trình của Sông Hương**  https://xaydungso.vn/bai-viet-khac/bao-tang-ban-do-song-huong-hue-kham-pha-lich-su-va-van-hoa-mien-trung-vi-cb.html  Sông Hương Huế - Khám phá vẻ đẹp thơ mộng của Kinh Thành Huế  **Vẻ đẹp sông Hương ban ngày**  Thú vui đi thuyền rồng trên sông Hương có gì hấp dẫn đến thế? - Digiticket  **Vẻ đẹp sông Hương về đêm**  **Nhiệm vụ 2: Tình cảm, cảm xúc của nhà văn**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau  *- Nhận xét vẻ đẹp của con sông Hương và tình cảm, cảm xúc nhà văn gửi gắm qua văn bản “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”.*  *- Việc tác giả có những phát hiện đặc biệt về sông Hương đã đem đến cho bạn bài học gì về cách quan sát, cảm nhận cuộc sống xung quanh?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới | **II. Khám phá văn bản**  **1. Vẻ đẹp của dòng sông Hương**  ***a. Góc nhìn quan sát sông Hương***  *Những chi tiết miêu tả con sông Hương theo các góc độ khác nhau:*  ***\* Góc độ địa lý***: miêu tả thông qua thủy trình của dòng sông Hương từ thượng nguồn đến khi vào trong lòng thành phố Huế và cuối cùng là đổ ra biển.  - *“Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy vào như cơn lốc vào những đáy vực…”*  - “*Nhưng ngay từ đầu, vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương…đã vòng những khúc quanh đột ngột… Từ ngã ba tuần, sông Hương theo hướng Bắc Nam qua điện Hòn chén, vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua bãi Nguyệt Biều, Lương Quán…”*  ***\* Góc độ lịch sử:*** sông Hương như một chứng nhân lịch sử, chứng kiến biết bao thăng trầm của dân tộc Việt Nam.  - *“Sông Hương... là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc”.*  - *“Khi nghe lời gọi, nó tự hiến đơi fminhf như một chiến công…”*  ***\* Góc độ thi ca***: sông Hương trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho các nhà thơ.  - *“Có một dòng thi ca về sông Hương và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ”*  ***\* Góc độ âm nhạc***: gắn sông Hương với nền âm nhạc cổ điển Huế.  - *“Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya”.*  - “*Toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya”.*  ***\* Góc độ văn hóa***:  - *“Sông Hương…trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”.*  - Màu sông khói trên sông Hương được ví với *“màu áo cưới của Huế ngày xưa rất xưa, màu áo điều lục với loại vải vân thư màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong…”.*  **Tóm lại:**  - Bằng tất cả tình yêu dành cho con sông và tài năng vượt trội ở thể kí, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã làm hiện lên những vẻ đẹp khác nhau của sông Hương.  - Sông Hương trong cái nhìn của nhà văn đã hóa thành một sinh thể có tâm hồn phong phú, có dòng đời trải qua nhiều thăng trầm, gian truân để cuối cùng bộc lộ vẻ đẹp thơ mộng, đầy cá tính, vừa trí tuệ, vừa dịu dàng, vừa ngọt ngào, duyên dáng, vừa trầm tĩnh bởi chiều sâu văn hóa.  **b*. Yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản***  ***\* Yếu tố tự sự***  - Sự hiểu biết của nhà văn về dòng sông của các nước ở trên thế giới, nêu lên sự đặc biệt của riêng dòng sông Hương quê mình.  “*Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất”.*  - Sự hiểu biết của nhà văn, ông đã quan sát con sông ở nơi xa xôi, quan sát một cách tỉ mỉ và nhất là dòng chảy của nó.  *“Tôi đã đến Lê-nin-grát, có lúc đứng nhìn sông Nê-va cuốn trôi những đám băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân, mỗi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân…”.*  ***\* Yếu tố trữ tình***  - Biện pháp nhân hóa có hiệu quả: sông Hương trở nên có hồn hơn, tâm trạng “vui tươi hẳn lên” là khi nó biết mình sắp được về với Huế - “người tình nhân mong đợi”.  *“…như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biền bãi xanh biếc của những vùng ngoại ô Kim Long”.*  - Cách nói hình tượng, so sánh cái hữu hình là dòng sông với tâm trạng e thẹn, ngại ngùng trong tình yêu, thể hiện sự lãng mạn, tinh tế của nhà văn.  *“…sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến, đường cong ấy làm cho dòng sông như mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”.*  ***c. Cảm hứng chủ đạo***  ***\* Cảm hứng chủ đạo***:  - Ca ngợi vẻ đẹp đầy chất thơ của sông Hương;  - Yêu tha thiết, đắm say và trân trọng tự hào đối với vẻ đẹp nên thơ của thiên nhiên xứ sở, những giá trị lịch sử, bề dày văn hóa và vẻ đẹp tâm hồn của con ngưởi ở vùng đất cố đô.  ***\* Cách thể hiện cảm hứng chủ đạo:***  - Thể hiện qua những từ ngữ, câu văn **bộc lộ trực tiếp** tình cảm, cảm xúc, nhận xét, đánh giá của tác giả dành cho sông Hương, xứ Huế:  + *“Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương thuộc về một thành phố duy nhất”.*  + *“có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ”,…*  - Thể hiện qua cách tác giả lựa chọn sử dụng từ ngữ, hình ảnh khắc họa hình tượng sông Hương, xứ Huế trong văn bản.  + “*rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn…màu đỏ của hoa đổ quyên rừng”.*  + *“dòng sông mềm như tấm lụa”*  + *“sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biền bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long”.*  - Thể hiện qua những phát hiện, liên tưởng thú vị, tài hoa, tinh tế và độc đáo của tác giả dành cho sông Hương, xứ Huế:  + Cô gái Di-gan phóng khoán và man dại  + Người mẹ phù sa của vùng văn hóa xứ sở,…  - Thể hiện qua cách nhìn, khám phá sông Hương ở nhiều góc độ, khía cạnh để phát hiện ra nhiều vẻ đẹp đa dạng của sông Hương.  - Tác dụng của cách thể hiện: tác động đến cảm xúc của người đọc, góp phần làm nên chất trữ tình/chất thơ cho văn bản.  **2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả trong văn bản**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường đã đem đến cho sông Hương một diện mạo mới, một vẻ đẹp mới, vừa hết sức thân quen, lại vừa mới lạ vô cùng, qua đó thể hiện tình yêu quê hương xứ Huế rất sâu sắc của nhà văn.  - Tác phẩm ra đời như một sự cảm tạ đối với đất mẹ Huế, nơi sinh ra ông, như một lời yêu thương mà ông dành riêng cho dòng Hương giang. Bên cạnh đó, người đọc nhận ra tình yêu và sự gắn bó tha thiết của một trí thức yêu nước với cảnh sắc quê hương và lịch sử dân tộc.  - Tác dụng của văn bản đối với người đọc: + Muốn có được những phát hiện về cảnh sắc thiên nhiên, vạn vật quanh mình, chúng ta cần nuôi dưỡng một tình yêu tha thiết, mê đắm và hòa mình trọn vẹn với thiên nhiên để cảm nhận vẻ đẹp độc đáo của vạn vật.  + Cần tiếp cận, khám phá vạn vật ở nhiều góc độ khác nhau để nhìn nhận đối tượng một cách toàn diện hơn.  + Trong quá trình khám phá thiên nhiên, cần kết hợp tìm hiểu tri thức về đối tượng để có điều kiện khám phá, phát hiện những khía cạnh độc đáo của thiên nhiên. |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Tổng kết những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tùy bút “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* và chuẩn kiến thức GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của tùy bút “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới | **III. Tổng kết**  **a) Giá trị nội dung**   * Bài kí ngợi ca dòng sông Hương và rộng hơn là vùng đất cố đô Huế đẹp thơ mộng hữu tình, ca ngợi lịch sử vẻ vang của Huế, ca ngợi văn hóa và tâm hồn người Huế. * Tác giả coi sông Hương là biểu tượng cho tất cả những gì là vẻ đẹp của cảnh và người đất đế đô này. * Bài kí chứng tỏ sự gắn bó máu thịt, tình yêu thiết tha với Huế và một vốn hiểu biết sâu sắc về nền văn hóa đất cố đô của tác giả HPNT   **b) Giá trị nghệ thuật**   * Đoạn trích là đoạn văn xuôi súc tích và đày chất thơ về sông Hương. Nét đắc sắc làm nên sức hấp dẫn của đoạn văn là những cảm xúc sâu lắng được tổng hợp từ một vốn hiểu biết phong phú về văn hóa, lịch sử, địa lí và một trí tưởng tượng sáng tạo độc đáo. * Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Tìm một số chi tiết cho thấy sông Hương trong văn bản được miêu tả từ nhiều góc nhìn khác nhau: địa lý, lịch sử, âm nhạc, thi ca,…**

|  |  |
| --- | --- |
| **VẺ ĐẸP CỦA SÔNG HƯƠNG** | |
| **GÓC NHÌN** | **CHI TIẾT MIÊU TẢ** |
| **Địa lý** |  |
| **Lịch sử** |  |
| **Âm nhạc** |  |
| **Thi ca** |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Chỉ ra yếu tố tự sự, yếu tố trữ tình và liệt kê một số từ ngữ, câu văn cho thấy sự hiện diện của cái “tôi” của tác giả trong văn bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố tự sự** |  |
| **Yếu tố trữ tình** |  |
| **Cái “tôi” của tác giả** |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

để viết đoạn văn ngắn về vẻ đẹp của sông Hương.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành viết đoạn đến vẻ đẹp của sông Hương trong văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?.*

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS viết đoạn văn ngắn về cảm nhận của vẻ đẹp sông Hương thực hiện nhanh tại lớp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | Sông Hương là dòng sông “duy nhất” chảy qua lòng thành phố Huế nên nó mang những nét đẹp riêng mà không có dòng sông nào có được. Hình như Hoàng Phủ Ngọc Tường rất tự hào vì điều này, tự hào với một tình yêu sông Hương đến mê đắm. Vẻ đẹp dòng sông Hương ẩn hiện dưới ngòi bút tinh tế và một tình yêu tha thiết đã khiến cho nó càng trở nên mê đắm đối với người đọc. Sông Hương được nhìn từ nhiều góc độ, từ nhiều khía cạnh, từ chiều dài của thời gian và chiều sâu của không gian. Nhưng dù ở góc độ nào thì sông Hương vẫn mang một nét đẹp riêng rất Huế. Có lẽ đối với Hoàng Phủ Ngọc tường nói chung, với nhân dân Huế nói chung thì sông Hương chính là một biểu tượng đẹp đẽ nhất tạo nên vẻ đẹp Huế suốt mấy nghìn năm lịch sử. Bằng ngòi bút tinh tế, cảm xúc chân thành và một tâm lòng yêu thương của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã vẽ nên một bức tranh tuyệt đẹp về sông Hương. Một vẻ đẹp rất riêng, rất dịu dàng, rất huế khiến người đọc muốn một lần đến đó tận hưởng. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để tạo lập văn bản: sáng tác một bài thơ, vẽ một bức tranh,… về hình tượng sông Hương (hoặc về sông núi quê hương của bạn).

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS làm bài tập vận dụng, yêu cầu tạo lập văn bản.

**c. Sản phẩm:** Sáng tác của học sinh: bài thơ, bài hát, bức tranh,…

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS sáng tác một bài thơ, vẽ một bức tranh,… về hình tượng sông Hương (hoặc về sông núi quê hương của bạn).

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

**4. Củng cố:** Em hãy nêu nội dung chính của văn bản “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”

**5. HDVN:** - Ôn tập văn bản: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?.*

- Soạn văn bản 2 – *Cõi lá.*

**BÀI 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN**

**(TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

**Tiết: 3-3.5**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**VĂN BẢN 2: CÕI LÁ**

**(Đỗ Phấn)**

**(1,5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Phân tích và đánh giá được cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB *Cõi lá*; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ VB *Cõi lá*.

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của VB *Cõi lá* trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức đánh giá cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

**2. Về năng lực**

* Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm
* Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút hoặc tản văn.

**3. Về phẩm chất:**

Biết yêu quý và có ý thức gìn giữ vẻ đẹp của thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1, 2, 3

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
2. **Nội dung:** GV cho HS xem 1 số tranh ảnh về những biến đổi của thiên nhiên khi thời tiết chuyển mùa; HS xem ảnh và trả lời.
3. **Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ: | Gợi ý: |
| GV cho HS xem 1 số tranh ảnh về những biến đổi của thiên nhiên khi thời tiết chuyển mùa:  Description: A collage of different seasons  Description automatically generated  Description: A house covered in red and yellow leaves  Description automatically generated  Description: A path with trees and lights  Description automatically generated   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * GV quan sát, gợi mở * HS quan sát, suy nghĩ   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * Gv tổ chức hoạt động * HS tham gia hoạt động   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | Dấu hiệu chuyển mùa từ hạ sang thu là gió se, sương mù, sắc xanh xủa cây cối dần chuyển sang vàng,… |

**HOẠT ĐỘNG** **2:** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát**

1. **Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc
2. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV
3. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ   1. *GV hướng dẫn cách đọc*   *+ VB Cõi lá khá ngắn, có thể cho HS đọc hết VB trên lớp. GV chọn HS có giọng đọc tốt, lưu ý các em ngừng, nghỉ đúng chỗ và đọc diễn cảm.*  *+ GV nhắc nhở HS theo dõi VB, chú ý các câu hỏi trong các box, tự trả lời thầm trong đầu*   1. *Gv phát PHT số 1 để Hs tìm hiểu về tác giả và tác phẩm (làm ở nhà)*   *Lưu ý: Hs có thể làm video hoặc inphographic về tác giả, tác phẩm*   * HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * Hs làm việc cá nhân * GV quan sát   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS trình bày sản phẩm * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT**   1. **Đọc** 2. **Tìm hiểu chung**   **a. Tác giả**  - Tiểu sử  + Đỗ Phấn sinh năm 1056 tại Hà Nội.  + Ông viết văn từ khi còn là HS phổ thông, nhưng lớn lên lại theo học hội họa.  + 2005, ông trở lại con đường viết văn với những tản văn về Hà Nội.  + Ông đã xuất bản 11 tiểu thuyết, 4 truyện ngắn và 12 tản văn  - Đặc điểm nghệ thuật:  Bút pháp nghệ thuật tài hoa, độc đáo cùng những màu sắc khác lạ qua việc khắc họa hình ảnh đời sống sinh hoạt của người dân, ngòi bút nhẹ nhàng và đầy tinh tế.  - Các tác phẩm tiêu biểu:  Đỗ Phấn có nhiều tác phẩm nổi bật chủ yếu khắc họa về Hà Nội nơi ông gắn bó, các tác phẩm có thể kể đến như: Ngồi lê đôi mách với Hà Nội, Chuông đồng hồ, Bánh mì, Vòi nước công cộng,… những tác phẩm đó đã làm cho độc giả có cái nhìn chung nhất về cuộc sống, về con người.  **b. Tác phẩm**  - Thể loại: Tản văn  - Phương thức biểu đạt: Tự sự  - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: Tác phẩm Cõi lá của tác giả Đỗ Phấn được sáng tác sau khi ông quay lại với các tác phẩm viết văn của mình vào những năm 2005, tản văn chuyên về chủ đề Hà Nội được mọi người yêu mến. |

**PHT số 1**



**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

* Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút hoặc tản văn.
* Phân tích và đánh giá được cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ VB.
* Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
* Phân tích được ý nghĩa hay tác động của VB văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức đánh giá cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
* Biết yêu quý và có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên.

1. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV
2. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
3. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bố cục của VB**   * GV chuyển giao nhiệm vụ:   *Gv tổ chức cho Hs làm việc cá nhân để tìm hiểu bố cục của VB*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi * Gv quan sát, cố vấn   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS trả lời câu hỏi * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức   **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của “Cõi lá”, mối quan hệ giữa cây, lá và con người.**   * GV chuyển giao nhiệm vụ:   *Gv cho HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu:*  *+ Hs tìm những từ có thể kết hợp với từ “cõi” (Từ “cõi” đứng ở đầu) và giải thích nghĩa*  *+ Hs giải thích nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của “cõi lá” theo cách hiểu của mình. + Chỉ ra mối quan hệ giữa cây, lá và con người trong VB.*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1.Tìm hiểu bố cục của VB**  \* Đoạn trích tản văn Cõi lá là chuỗi cảm xúc miên man của tác giả về cảnh sắc thiên nhiên Hà Nội gắn với từng mùa cây thay lá. Có thể chia đoạn trích thành 3 phần:  + **Đoạn 1:** Từ đầu đến… “*xôn xao lá cành*” → Cảm xúc vỡ òa khi bất ngờ nhận ra mùa xuân tới.  + **Đoạn 2:** Từ *“Chín cây bồ đề”…*đến … *“quyến rũ từng bước chân người”* → Miêu tả chi tiết đặc điểm từng loại lá, cây chuyển sắc theo mùa.  + **Đoạn 3:** Phần còn lại → Niềm rung cảm khi đi trong “cõi lá mùa xuân thành phố”          **2.** **Tìm hiểu nghĩa của “Cõi lá”, mối quan hệ giữa cây, lá và con người.**  *-“Cõi lá”* là xứ sở của lá, thế giới của lá. Tác giả đã miêu tả *“cõi lá”* với các tầng bậc ý nghĩa:  + Vẻ đẹp của thiên nhiên: Lá cây bồ đề như khoảng trời trong veo, ngọt ngào như mật chảy tháng Giêng; lá của những cây sấu cổ thụ, lá bằng lăng,…tất cả làm nên những nét đặc trưng, quyến rũ của cảnh sắc Hà Nội.  + “Cõi lá” cũng là “cõi người”, “cõi nhân sinh”. *“Những đứa trẻ tan trường ríu rít dưới gốc cây như những thiên thần bước ra từ lá”;* là tình yêu của người HN *“Những người HN chẳng có việc gì…”;* là cõi nhớ của người HN; là nguồn nhựa sống của người HN, đi trong “cõi lá” thấy mình trẻ lại. |
| * HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi * Gv quan sát, cố vấn   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Thế giới cây, lá và con người hòa quyện trong nhau, nương tựa nhau, làm nên một thực thể sống, cùng sinh tồn. |
| **NV3: Hướng dẫn Hs phân tích một vài đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự với trữ tình/ nghị luận hoặc miêu tả thiên nhiên với miêu tả con người và làm rõ tác dụng của sự kết hợp ấy trong văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs thảo luận nhóm 4-6 em để hoàn thiện PHT số 2*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ. *(HS có thể tùy ý phân tích một trong số những đoạn văn đã chọn)*   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận và hoàn thành PHT số 2 * Gv quan sát, cố vấn   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS thuyết trình sản phẩm thảo luận * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Phân tích một vài đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự với trữ tình/ nghị luận hoặc miêu tả thiên nhiên với miêu tả con người và làm rõ tác dụng của sự kết hợp ấy trong văn bản.** *(PHT số 2)* |
| **NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chủ đề, đánh giá ý nghĩa thông điệp của văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chuyển giao nhiệm vụ: | **4. Chủ đề, đánh giá ý nghĩa thông điệp của văn bản**  **a. Chủ đề văn bản** |

|  |  |
| --- | --- |
| *Hs thảo luận nhóm theo phương pháp khăn trải bàn để tìm hiểu chủ đề, đánh giá ý nghĩa thông điệp của văn bản*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi * Gv quan sát, cố vấn   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS trình bày câu trả lời * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | * Cảm xúc của tác giả về cảnh sắc thiên nhiên Hà Nội gắn với từng mùa cây thay lá trong hiện tại và kí ức. * Đánh giá ý nghĩa thông điệp VB:   + Sự sống của con người luôn gắn bó hữu cơ với thiên nhiên  + Thiên nhiên không chỉ làm đẹp cảnh quan mà còn giúp tâm hồn con người thêm phong phú, cân bằng, tươi mới.  + Nhắc nhở mỗi chúng ta phải có ý thức bảo vệ, gìn giữ thiên nhiên |
| **NV5: Hướng dẫn học sinh phát hiện một vài biểu hiện của nét đẹp văn hóa được thể hiện trong văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chuyển giao nhiệm vụ: *Gv để HS tự do trình bày suy nghĩ bản thân bằng phương pháp phỏng vấn nhanh* * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trình bày ý kiến * Gv quan sát, gợi mở   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS trình bày câu trả lời * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **5. Một vài biểu hiện của nét đẹp văn hóa được thể hiện trong văn bản**   * Con người sống gần gũi với thiên nhiên, yêu mến thiên nhiên. Họ dõi theo thiên nhiên, nắm được quy luật thay lá của mỗi loài cây. Từng loại cây, lá mang đến nét vẻ riêng cho cảnh sắc HN. * Thiên nhiên làm cuộc sống con người thêm tươi đẹp, trữ tình, lãng mạn. Người HN thích dạo chơi, ngắm nhìn mỗi loại lá khi chuyển mùa. * Thiên nhiên là nơi lưu giữ kí ức đẹp đẽ về quê hương, Tổ quốc, khiến con người thêm yêu Tổ quốc, quê hương mình. * Tôn trọng quyền sinh tồn của muôn loài * Con người cần làm đẹp cuộc sống cũng như tâm hồn bằng lối sống thân thiện, hòa hợp với môi trường thiên nhiên. * … |
| **NV6: Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi đọc hiểu các văn bản thuộc thể loại tản văn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chuyển giao nhiệm vụ: *Gv cho HS xem lại phần Tri thức Ngữ văn của bài học, đọc kĩ mục về Tản văn. Từ VB Cõi lá, HS rút ra được 1 số đặc điểm tương ứng với các nội dung của Tri thức Ngữ văn* * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, viết hoặc vẽ * Gv quan sát, gợi mở   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS trình bày câu trả lời * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **6. Một số lưu ý khi đọc hiểu các văn bản thuộc thể loại tản văn**   * Nội dung được miêu tả có ý nghĩa như thế nào? Nhận biết những tình cảm, suy nghĩ của tác giả bộc lộ trong quá trình miêu tả * Khả năng quan sát, xâu chuỗi các sự việc, hiện tượng nhỏ nhặt, rời rạc để hướng tới thể hiện chủ đề của tác phẩm * Cách nhìn, cách cảm về thế giới, con người giàu tính sáng tạo và thẩm mĩ * Ngôn ngữ của tản văn giàu sức gợi, chất thơ * Yếu tố tự tự và trữ tình luôn đan xen, hòa quyện; các chi tiết, sự kiện được miêu tả vừa đậm chất suy tư, vừa bay bổng, lãng mạn. |

**PHT số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình/ nghị luận** | **Đoạn văn có sự kết hợp giữa miêu tả thiên nhiên và miêu tả con người** |
|  |  |
|  |  |

**Gợi ý PHT số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình/ nghị luận** | **Đoạn văn có sự kết hợp giữa miêu tả thiên nhiên và miêu tả con người** |
| *- Nhìn chung thì vòng đời của một chiếc lá bồ đề…cái biển người chộn rộn áo cơm này*  *- Những tưởng vô duyên đến như cây xà cừ…mùa thu quyến rũ bước chân người.* | *- Chính cây bồ đề trên đường Trần Nhân Tông…những thiên thần bước ra từ lá*  *- Miên man trong cõi lá mùa xuân…Hay tự nhận mình như thế* |
| **Tác giả kể, bàn bạc về một vòng đời của lá. Vòng đời đó kéo dài từ thu sang đông, vòng đời đó khiến con người nhớ nhung và chờ đợi** | **Kết hợp miêu tả thiên nhiên và con người khiến bức tranh thiên nhiên sống động, có hồn, thiên nhiên trở nên gần gũi, hòa quyện với con người.** |

**Nội dung 3: Tổng kết a. Mục tiêu:**

Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

1. **Nội dung:** Giáo viên phát PHT số 3, học sinh làm việc cá nhân
2. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT
3. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chuyển giao nhiệm vụ   *+ Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản theo PHT số 3 (Hs làm việc cá nhân)*   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | |  |  |  * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trả lời * Gv quan sát, hỗ trợ   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * Hs trả lời * Hs khác lắng nghe, bổ sung   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **III. TỔNG KẾT**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | * Tác phẩm *Cõi lá* đã khắc họa tình yêu của tác giả với mảnh đất Hà Nội thủ đô yêu dấu. * Qua những hình ảnh về thiên nhiên, về con người, những đặc trưng của Hà Nội thật đẹp qua lăng kính của ông. * Đó là tình cảm yêu thương của tác giả đã gửi gắm vào từng trang giấy. | * *Cõi lá* là một tác phẩm mang khuynh hướng tản văn - đó là thể loại khó tuy nhiên với ngòi bút của tác giả đã sử dụng thành công thể loại này trong tác phẩm. * Cùng với nghệ thuật về tả cảnh, nổi bật lên là chất trữ tình đầy màu sắc, yếu tố cảm xúc tạo nên cái nhìn mới mẻ với người đọc   -Ngôn ngữ tản văn đầy tinh tế và lắng đọng tạo nên nét sống động cho tác phẩm. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
2. **Nội dung:** Gv cho HS đóng vai phóng viên và phỏng vấn ngắn ***“Cảm nhận về Cõi lá”***
3. **Sản phẩm học tập:** HS trình bày cảm nhận về VB Cõi lá
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS đóng vai phóng viên và phỏng vấn ngắn ***“Cảm nhận về Cõi lá”***  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS vận dụng kiến thức đã học và trình bày cảm nghĩ. * GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).   **B3. Báo cáo thảo luận**   * GV cho đại diện các nhóm đóng vai phóng viên và mời 1 – 2 HS phỏng vấn. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** * GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | *(Phần cảm nhận của HS)* |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành
2. **Nội dung:** Gv hướng dẫn hs cảm thụ VB bằng một bức tranh ***“Cõi lá”*** theo trí tưởng tượng
3. **Sản phẩm học tập:** Tranh của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Vẽ một bức tranh về bức tranh Cõi lá Hà Nội theo trí tưởng tượng của HS.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS cảm nhận, tưởng tượng, thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * Gv tổ chức hoạt động * Hs nhận xét   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, đánh giá. | *(Tranh của HS)* |

**4. Củng cố:** Em hãy nêu nội dung chính của văn bản “Cõi lá”

**5. HDVN:** - Ôn tập văn bản: *Cõi lá*

- Soạn thực hành tiếng Việt –*Giải thích nghĩa của từ*

Ngày soạn:

**BÀI 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN**

**(TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 3.5-4.5: GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ**

**(01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được thế nào là nghĩa của từ, nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ và các cách giải thích nghĩa của từ.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp;

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và giáo viên, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp;

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết giải quyết vấn đề logic, sáng tạo, linh hoạt.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ và văn học: giải thích được nghĩa của từ, vận dụng linh hoạt từ ngữ trong giao tiếp và làm văn.

**3. Phẩm chất**

- Biết yêu quý, trân trọng tiếng mẹ đẻ

- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút dạ, giấy A0

**2. Học liệu**

**a. Giáo viên**

**-** Kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng phân công nhiệm vụ học sinh ở nhà và trên lớp

**b. Học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 11

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi, hướng dẫn học bài, vở ghi.

# **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

- Tạo hứng thú học tập, tâm thế tích cực cho HS, huy động tri thức nền giúp HS sẵn sàng, hào hứng khám phá bài học

**b. Nội dung**

- GV kể cho HS nghe truyện cười **“Tiền tiêu”**

**Nam**: - Cậu có biết không, ba mình mới chuyển sang ngân hàng làm việc đấy.  
**Bắc**: - Sao cậu bảo bố cậu là bộ đội?  
**Nam**: - Đúng rồi, thư trước ba mình báo tin: "Ba đang ở hải đảo." Nhưng thư này ba mình nói là ba đang giữ tiền tiêu cho Tổ quốc.  
**Bắc**: !!!

**-** GV: Cho biết vì sao Nam tưởng ba mình đã chuyển sang làm việc tại ngân hàng?

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

# **d.** Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Cho biết vì sao Nam tưởng ba mình đã chuyển sang làm việc tại ngân hàng?  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao  - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện  ***\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  *-* GV mời đại diện 2-3 HS trình bày trước lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có)  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn vào bài học. | Nam đang nhầm lẫn nghĩa từ “tiêu” trong cụm từ “tiền tiêu” (tiền để tiêu xài, mua bán hàng ngày) với tiếng “tiêu” trong từ “tiền tiêu” (chỉ một vị trí quan trọng, nơi canh gác ở phía trước khu vực trú quân, hướng về quân địch). Vì vậy Nam đã nhầm tưởng bố mình chuyển sang làm ngân hàng. |

# **HOẠT ĐỘNG 2. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được khái niệm nghĩa của từ, nghĩa gốc, nghĩa chuyển và các cách giải thích nghĩa của từ

**b. Nội dung:**

- HS hoàn thiện bài tập thực hành tiếng Việt

**b. Sản phẩm:**

- Bài làm của HS

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Bài 1**. Chọn ba chú thích giải thích nghĩa của từ trong văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Hoàng Phủ Ngọc Tường) và cho biết mỗi chú thích đã giải nghĩa từ theo cách nào.  **Bài 2.** Xác định cách giải thích nghĩa của từ được dùng trong những trường hợp sau:  **a**. Lâu bền: lâu dài và bền vững  **b**. Dềnh dàng: chậm chạp, không khẩn trương, để mất nhiều thì giờ vào những việc phụ hoặc không cần thiết.  **c.** Đen nhánh: đen và bóng đẹp, có thể phản chiếu ánh sáng được.  **d**. Tê (từ ngữ địa phương: kia  **đ**. Kiến thiết: kiến (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là “xây dựng, chế tạo”, thiết (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là “bày ra, sắp đặt”; kiến thiết có nghĩa là xây dựng (theo quy mô lớn).  **Bài 5.** Giải thích nghĩa của từ in đậm trong các câu sau và cho biết bạn đã chọn cách giải thích nghĩa nào:  **a.** Những ngọn đồi này tạo nên những mảng **phản quang** nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả.  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ai đã đặt tên cho dòng sông?)  **b**. Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương tỏa đi khắp phố thị, với những cây đa, cây cừa đổ thụ tỏa vầng lá u sầm xuống những xóm thuyền **xúm xít**; từ những nơi ấy, vẫn **lập lòe** trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được.  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?)*  **c**. Những chiếc lá non đu đưa trong gió tưởng như có tiếng chuông chùa **huyền hoặc** vọng về từ cõi thanh cao u tịch.  (Đỗ Phấn, Cõi lá)  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - GV chia lớp thành 04 nhóm, mỗi nhóm 01 nhiệm vụ.(Nhóm 1 bài 1, nhóm 02 bài 2, nhóm 03 bài 5, nhóm 04 bài 5). Các nhóm thảo luận trong thời gian 05 phút sau đó trình bày vào phiếu học tập trong thời gian 05 phút. Nhóm nào xong sẽ treo phiếu học tập (giấy A0 lên bảng). GV đánh giá các nhóm theo rubric (phụ lục)  - HS thực hiện nhiệm vụ,  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV: cho các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung và phản biện.  - HS: đại diện nhóm trình bày, HS khác lắng nghe, góp ý.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV chốt kiến thức, đánh giá hoạt động các nhóm theo rubric | **1. Bài 1. SGK tr.20**  Ba chú thích của từ trong văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông (Hoàng Phủ Ngọc Tường) là:  + Lưu tốc: tốc độ chảy của dòng nước  Giải thích theo cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.  + Mô tê (từ ngữ địa phương miền Trung): đâu đó.  Giải thích theo cách: dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.  + Châu thổ: đồng bằng ở vùng cửa sông do phù sa bồi đắp nên.  Giải thích theo cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.  **2. Bài 2.** **SGK tr.20**  **a**. Lâu bền: lâu dài và bền vững  Giải thích theo cách: Giải thích của từ bằng cách giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.  **b**. Dềnh dàng: chậm chạp, không khẩn trương, để mất nhiều thì giờ vào những việc phụ hoặc không cần thiết.  Giải thích theo cách: Dùng từ (hoặc một số) từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.  **c.** Đen nhánh: đen và bóng đẹp, có thể phản chiếu ánh sáng được.  Giải thích theo cách: phân tích nội dung nghĩa của từ  **d.** Tê (từ ngữ địa phương) : kia  Giải thích theo cách: Dùng từ (hoặc một số) từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.  **đ**. Kiến thiết: kiến (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là “xây dựng, chế tạo”, thiết (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là “bày ra, sắp đặt”; kiến thiết có nghĩa là xây dựng (theo quy mô lớn).  Giải thích từng thành tố cấu tạo  **3. Bài 5.** SGK tr.20  **a.** Phản quang là hiện tượng phản xạ lại ánh sáng tới. Khi có sự chiếu sáng của tia sáng hay ánh đèn thì vật có phủ phản quang sẽ phát huy tác dụng giúp cho con người có thể quan sát vật đó từ xa một cách dễ dàng hơn.  → Sử dụng cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.  **b.** - xúm xít: Xúm lại sát nhau, thành một đám lộn xộn xung quanh một chỗ nào đó.  → Sử dụng cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.  - lập lòe: nhấp nháy, nhập nhòe  → Sử dụng cách giải thích: Dùng từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.  **c**. huyền hoặc: không có thực, mang vẻ huyền bí  → Sử dụng cách giải thích: phân tích nội dung nghĩa của từ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: CHỐT LẠI KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm nghĩa của từ, các cách giải thích nghĩa của từ

**b. Nội dung:**

- GV: Qua các bài tập trên, các em hiểu thế nào là nghĩa của từ? Có mấy cách giải thích nghĩa của từ?

- HS: thực hiện

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Qua các bài tập trên, các em hiểu thế nào là nghĩa của từ? Từ có thể có bao nhiêu nghĩa? Có mấy cách giải thích nghĩa của từ?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS nghe GV yêu cầu, sau đó đọc thông tin trong SGK và chuẩn bị trình bày trước lớp  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV: mời 1-2 HS trình bày  + Dự kiến khó khăn: HS chưa đọc phần Tri thức Ngữ văn, gặp khó khăn trong việc khái quát kiến thức  + Tháo gỡ khó khăn: Câu hỏi gợi mở để HS trả lời, gọi HS khác giúp đỡ bạn.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chốt | **1. Khái niệm nghĩa của từ**  - Là nội dung (sự vật, hoạt động, tính chất, quan hệ…) mà từ biểu thị.  **2. Các thành phần nghĩa của từ**  - Nghĩa gốc: nghĩa ban đầu của từ  - Nghĩa chuyển: hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.  **3. Các cách giải thích nghĩa của từ:**  - Cách 1: Phân tích nội dung nghĩa của từ và phạm vi sử dụng, khả năng kết hợp  - Cách 2: Dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa, trái nghĩa.  - Cách 3: Nếu là từ ghép giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ. |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** giúp HS vận dụng linh hoạt, phù hợp cách giải thích nghĩa của từ khi tiếp nhận văn học và giao tiếp sinh hoạt hàng ngày

**b. Nội dung:** Khi giải thích nghĩa của từ em cần lưu ý điều gì?

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Những lưu ý khi giải thích nghĩa của từ**  **2. Củng cố, mở rộng :**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - **Bài 3** SGK tr.20  - **Bài 4** SGK tr.20  - **Bài 6** SGK tr.20  - Bài tập: Làm video hoặc viết blog giúp HS tiểu học hoặc người nước ngoài học giải thích nghĩa của từ tiếng Việt dễ dàng, thuận lợi hơn.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm ở nhà | **1. Những lưu ý khi giải thích nghĩa của từ**  **-** Chú ý từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ  **-** Căn cứ vào ngữ cảnh, tình huống giao tiếp.  **2. Củng cố, mở rộng :**  **Bài 3.** SGK tr.20  **a**. **Giao thương**: giao lưu buôn bán nói chung  **b**. **Nghi ngại**: nghi ngờ, e ngại; chưa dám có thái độ, hành động rõ ràng.  **c**. **Đăm đăm**: có sự tập trung chú ý hay tập trung suy nghĩ rất cao, hướng về một phía hay một cái gì đó.  **Bài 4.**  **a**. Ấp iu: ôm ấp  Cách giải thích này chính xác vì: sử dụng cách giải thích theo cách dùng từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.  **b**. Âm u: tối tăm  Cách giải thích này chính xác vì: dựa vào nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ để giải thích.  **Bài 6.**  **a.** Bồn chồn: nôn nao, thấp thỏm, không yên lòng.  Cách giải thích: Dựa vào nghĩa gốc ban đầu của từ.  Đặt câu: Nó đi lâu về quá làm tôi bồn chồn lo lắng.  **b**. trầm mặc: có dáng vẻ đang tập trung suy tư, ngẫm nghĩ điều gì  Cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.  Đặt câu: Ông tư ngồi trầm mặc suy nghĩ về những việc đã xảy ra.  **c**. viễn xứ: nơi hoàn toàn xa xôi, cách biệt  Cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.  Đặt câu: Cậu Ba bỏ làng đi viễn xứ từ năm 18 tuổi.  **d.** nhạt hoét: Có vị như của nước lã hoặc tương tự ít mặn, ít ngọt, ít chua… ý nói rất nhạt.  Cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.  Đặt câu: Nó nấu canh lúc nào cũng nhạt hoét. |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÓM 1 – BÀI 1** | | |
| **Từ** | **Nghĩa của từ** | **Cách giải thích** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÓM 2 – BÀI 2** | | |
| **Từ** | **Nghĩa của từ** | **Cách giải thích** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÓM 3 – BÀI 5** | | |
| **Từ** | **Nghĩa của từ** | **Cách giải thích** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÓM 4 – BÀI 5** | | |
| **Từ** | **Nghĩa của từ** | **Cách giải thích** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**PHỤ LỤC**

# **Rubric 1: Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức 3 (2.75 – 3.25đ)** | **Mức 2 (1 – 2,5đ)** | **Mức 1 (0 -1,5đ)** |
| **Phân chia công việc** | Phân chia công việc hợp lí, phù hợp với điều kiện và năng lực của từng thành viên. | Phân chia công việc cho tất cả các thành viên trong nhóm, nhưng chưa phù hợp  với năng lực | **Chỉ phân công công việc cho một vài cá nhân trong nhóm** |
| **Lắng nghe trao đổi** | Tất cả các thành viên trong nhóm đều chú ý lắng nghe, trao đổi  ,đóng góp ý kiến | Đa số các thành viên trong nhóm đều tham gia trao đổi, đóng góp ý kiến | **Các thành viên trong nhóm chưa chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến của các thành viên khác, hầu như không đưa ra ý kiến**  **của cá nhân.** |
| **Hợp tác** | **Tất cả các thành viên**  **đều tôn trọng ý kiến**  **của các thành viên khác và cùng thống nhất để đưa ra phương án chung của**  **cả nhóm** | **Hầu hết các thành viên**  **đều đưa ra được ý kiến**  **cá nhân nhưng còn khó khăn trong việc thống nhất phương án chung của cả nhóm** | **Chỉ một vài người**  **đưa ra ý kiến cá**  **nhân và chưa thống nhất được phương án chung của cả nhóm** |

**4. Củng cố:** Em hãy cho biết thế nào là nghĩa của từ? Hãy chỉ ra các thành phần nghĩa và các cách giải thích nghĩa của từ?

**5. HDVN:** - Ôn tập văn bản: *Giải thích nghĩa của từ*

- Soạn thực hành tiếng Việt –*Chiều xuân.*

Ngày soạn:

**BÀI 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN**

**(TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

**Tiết 4.5- 5: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**

**CHIỀU XUÂN**

**Anh Thơ**

**(0,5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn….

**2. Năng lực:**

Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc, phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh.

**3. Phẩm chất:** Biết yêu quý và có ý thức gìn giữ vẻ đẹp của thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên.

**2. Thiết bị**: bảng, bảng phụ, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thứ nền, thu hút HS vào bài học và hiểu hơn về tác giả cũng như tác phẩm “Chiều xuân- Anh Thơ”.

**b. Nội dung:** GV cho HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời thông qua câu hỏi gợi mở của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi cho HS, HS suy nghĩ cá nhân và trả lời theo gợi ý của GV. GV cho HS tìm hiểu tham khảo trước ở nhà.  ? Em hãy cho biết vài nét chính về tác giả Anh Thơ (nguồn gốc, phong cách sáng tác thơ...)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | - Anh Thơ tên khai sinh là Vương Kiều Ân, sinh ra tại thị trấn Ninh Giang, Hải Dương.  - Nhà thơ tìm đến thơ ca như một con đường giải thoát khỏi cuộc đời tù túng, buồn tẻ và tự khẳng định giá trị của người phụ nữ trong xã hội đương thời.  - Anh Thơ có sở trường viết về cảnh sắc nông thôn Việt Nam, gợi không khí và nhịp sống nơi đồng quê miền Bắc ở nước ta.  - Nhà thơ là nữ sĩ tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại. |

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG.**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS *cách đọc văn bản trước*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Đọc văn bản**  - HS biết cách đọc |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố chi tiết , hình ảnh …. Tiêu biểu của bức tranh “chiều xuân”.

**b. Nội dung**: Đọc hiểu văn bản để phản hồi các vấn đề thuộc văn bản.

**c. Sản phẩm**: Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*; các phiếu học tập.

**d.Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS làm việc theo nhóm, GV chia lớp thành 4 nhóm (8-9 HS/nhóm); thảo luận thực hiện thời gian 10 phút, với các câu hỏi SGK. HS trình bày trên bảng phụ.  **Nhóm 1:** Bức tranh “chiều xuân” qua ngòi bút của thi sĩ Anh Thơ hiện lên có gì đặc biệt? Hãy chỉ ra một số hình ành, chi tiết tiêu biểu làm nên nét riêng của bức tranh đồng quê ấy?  **Nhóm 2:** Nhịp điệu của bài thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện vẻ đẹp đặc trưng của bức tranh chiều xuân ở thôn quê?  **Nhóm 3**: Trong nhịp sống hối hả của cuộc sống hiện đại, bức tranh quê trong bài thơ đem đến cho bạn suy nghĩ gì?  **Nhóm 4**: HS trao đổi, góp ý với các nhóm khác.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Nội dung văn bản**  **Câu 1: Bức tranh “chiều xuân” qua ngòi bút của thi sĩ Anh Thơ hiện lên những nét đặc biệt như:**  - Bức tranh “chiều xuân” được gợi tả với những hình ảnh quen thuộc, đặc trưng của miền quê Bắc bộ như: 1 bến đò vắng khách với con đò, quán nhỏ, hoa xoan, con dê làng, cỏ non, đàn sáo đen, cánh bướm rập rờn, trâu bò , đồng lúa , lũ cò con…  - Bức tranh “chiều xuân” đẹp, bình yên, tĩnh lặng nhưng gợi buồn: mưa đổ bụi chầm chậm theo từng khoảnh khắc thời gian, bến đò thưa khách mênh mông, trống trải, con đò nhỏ nghỉ ngơi nằm trôi theo dòng nước, quán tranh đứng im lìm bên những chòm hoa xoan rụng tơi bời trong mưa xuân.  - Bức tranh chiều xuân tuy gợi buồn nhưng vận được điểm chút sắc màu sinh động của sự sống thanh bình: màu “biếc” của cỏ non trải dài tràn cả con đường đê, đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ làm rộn cả cành đồng chiều; những cánh bướm nhỏ với đủ màu sắc “rập rờn”, chao lượn theo làn gió, đàn trâu ung dung , thong thả gặm cỏ mà tưởng như “cúi ăn mía”….  🡪 Những hoạt động ấy tuy không ồn ào, vội vã nhưng cũng đủ tạo ra những điểm chấm phá độc đáo, góp phần làm vơi bớt nỗi buồn vắng vẻ của bến đò chiều.  - Bức tranh “chiều xuân” tĩnh lặng ấy dường như trở nên tươi tắn, rộn rã và tràn đầy sức sống hơn với sự xuất hiện của âm thanh của “lũ cò con chốc chốc vụt bay ra” và hình ảnh “1 cô nàng yếm thắm” đang mải mê “cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa”.  🡪 Tiếng động bất ngờ của lũ cò càng làm nổi bật cái tĩnh lặng, thanh bình của cảnh, vẻ đẹp của cô thôn nữ bên cạnh vẻ đẹp của thiên nhiên khiến cho cảnh sắc bình thường thân quen trở nên đẹp độc đáo, lạ thường.  **2. Câu 2:**  - Vần: Vần chân (vắng-lặng, cỏ-gió, ra-hoa), vần thông (trôi-bời)  🡪Hầu hết vần của bài thơ đều là những âm tiết mở hoặc nữa khép, vì vậy, tạo âm hưởng vang xa gợi liên tưởng về không gian mênh mông, rộng mở, trống trải, vắng lặng của buổi chiều xuân nơi bến đò, con đê làng và đồng ruộng thân quen.  - Nhịp: đây là thể thơ 7 chữ nên nhịp thơ chủ yếu được ngắt nhịp 4/3 đều đặn; nhịp của bài thơ được tạo nên từ nhịp độ hoạt động của muôn vật trong bức tranh ấy.  🡪 Trong khoảng không gian “chiều xuân” dưới cảm nhận của nhà thơ mọi vật dường như đều chuyển động khẽ, chầm chậm, lặng lờ, thậm chí đứng yên.  🡪 Nhịp thơ vì thế cũng thật chậm rãi, nhẹ nhàng, đều đặn. Chính nhịp thơ ấy đã góp phần gợi tả vẻ đẹp đặc trưng của buổi chiều xuân ở thôn quê (thanh bình, yên ả, tĩnh lặng, gợi buồn).  ***3. Câu 3.***  Cần sống chậm để lắng nghe từng biến chuyển của thiên nhiên , cố gắng huy động nhiều  nhiều giác quan để quan sát , cảm nhân từng  vẻ đẹp, khoảnh khắc tuyệt diệu của thiên  nhiên để tìm lại cho mình những khoảnh khắc thanh bình, yên ả trong cuộc sống. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP-VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, ….thông qua các câu hỏi trắc nghiệm và bài tập nhỏ về nhà.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu một vài nét về thơ

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV cho HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời nhanh.

1. Những hình ảnh nào không được nhắc đến trong bài “Chiều Xuân”-Anh Thơ.
2. Một bến đò vắng khách với con đò,
3. Quán nhỏ, hoa xoan, con dê làng,
4. Cỏ non, đàn sáo đen, trâu bò , đồng lúa , lũ cò con…
5. Những ngôi nhà cao tầng, những hàng cột điện thẳng tấp…
6. Bài thơ “Chiều xuân” thuộc thể thơ nào?
7. Tự do
8. Lục bát.
9. Thất ngôn
10. Tứ tuyệt.
11. Bài thơ “chiều xuân” gửi đến thông điệp cần sống chậm lại để cảm nhận cuộc sống là:
12. Đúng b.Sai
13. Hãy cảm nhận và vẽ 1 bức tranh trên giấy A4 về cảnh chiều xuân trong bài thơ “chiều xuân”.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm

- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. Củng cố:** Em hãy nêu nội dung chính của văn bản “Chiều xuân”

**5. HDVN:** - Ôn tập văn bản: *Chiều xuân*

- Soạn văn bản – *Trăng sáng trên đầm sen*

**BÀI 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN**

**(TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

**Tiết: 5- 5.5**

**PHẦN 1. ĐỌC**

**Đọc mở rộng theo thể loại**

**TRĂNG SÁNG TRÊN ĐẦM SEN**

**-Chu Tự Thanh -**

**(0,5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Một số yếu tố hình thức và nội dung của văn bản, sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tản văn.

- Một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học, những đặc trưng của thể loại bút kí và đặc sắc nghệ thuật của bài kí.

- Chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh.

**2. Về năng lực**

- Nhận biết và phân tích được: một số yếu tố hình thức và nội dung của văn bản, sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tản văn qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen.*

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học, những đặc trưng của thể loại bút kí và đặc sắc nghệ thuật của bài kí.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh được thể hiện qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen.*

**3. Về phẩm chất**

Biết yêu quý, trân trọng và có ý thức gìn giữ vẻ đẹp của quê hương, yêu đất nước, con người Việt Nam.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video clip tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ HT cho HS.

- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm HT của HS) (nếu có), giấy A4, A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

- SGK, SGV.

- Ảnh chân dung tác giả; tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động mở đầu) hoặc nội dung VB.

- Các PHT; bảng trình bày đặc điểm của thể loại tản văn được thể hiện qua văn bản.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền và tạo hứng thú cho HS.

**b) Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.

**c) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: | Gợi ý: |
| + HS làm việc theo nhóm (dãy bàn):  (1) Vẻ đẹp nào của hoa sen làm em ấn tượng nhất?  (2) Quan sát các bức ảnh được trình chiếu kết hợp với liên tưởng, cảm nhận của bản thân và cho biết: vẻ đẹp của đầm sen trong đêm trăng sáng có gợi cho em được cảm xúc đặc biệt nào không?  Description: A full moon over a lake  Description automatically generatedDescription: A moon over a lake  Description automatically generated  Description: A full moon over a field of flowers  Description automatically generated  + HS làm việc theo nhóm đôi: Hoàn thành cột K và W của phiếu KWL sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K**  **Những điều em đã biết**  **về thể loại bút kí** | **W**  **(Những điều em muốn biết thêm về thể loại bút kí)** | **L**  **(Những điều em đã học được về bút kí)** | |  |  |  |  * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tham gia theo nhóm (dãy bàn). Hoạt động (1): nhóm 1 + 2; (2): nhóm 3 + 4.  - Đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày nội dung cột K và W của phiếu KWL. Các nhóm khác bổ sung (nếu có). GV ghi chú tóm tắt nội dung trả lời của HS trên bảng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện thành viên các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  - Đại diện 1 - 2 nhóm HS trả lời câu hỏi.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV không giới hạn phạm vi câu trả lời. HS thoải mái chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình.  - Dựa trên cột K và W mà HS đã làm, GV xác định những nội dung thống nhất mà các em đã biết về truyện; những vấn đề còn băn khoăn, cần trao đổi, tìm hiểu thêm về thể loại này. | - Vẻ đẹp hoa sen: mộc mạc, bình dị, thanh cao, thanh khiết, …  - Cảm nhận bản thân: ngỡ ngàng, hoài niệm, xúc động, vui sướng, yêu mến những cái đẹp bình dị của thiên nhiên và quê hương hơn,… |

**HOẠT ĐỘNG** **2.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. *Tìm hiểu khái quát***

1. **Mục tiêu:** Biết được những thông tin về tác giả, tác phẩm.
2. **Nội dung:** HS tự tìm hiểu + sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:** kiến thức và câu trả lời của HS**.**
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *Chu Tự Thanh*và tác phẩm *Trăng sáng trên đầm sen.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  Hs làm việc cá nhân, lắng nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học (nếu có).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * Câu trả lời miệng của HS. * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT**   1. **Đọc** 2. **Tìm hiểu chung**   - Tác giả:  + Chu Tự Thanh (1891 – 1948), tên khai sinh là Chu Tự Hoa, người Dương Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.  + Con người chính trực thẳng thắn, yêu ghét rõ ràng.  + Là nhân sĩ yêu nước nổi tiếng, được đánh giá rất cao và được độc giả ưu ái gọi là “mĩ văn”.  - Tác phẩm *Trăng sáng trên đầm sen:*  + Thể loại: tản văn.  + Xuất xứ:  in trong Những câu chuyện đi cùng năm tháng, NXB Văn học, Hà Nội, năm 2014.  + Phương thức biểu đạt: Tự sự. |

**Nội dung 2. *Khám phá văn bản***

**a. Mục tiêu**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của đầm sen trong đêm trăng.

- Nhận biết được yếu tố tự sự, yếu tố trữ tình của tản văn và một số đặc điểm của ngôn từ qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen*, phân tích những đặc trưng thể loại thể hiện qua văn bản.

- Nhận biết và phân tích được cái tôi của tác giả.

- Biết yêu quý và có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên.

1. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV
2. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
3. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vẻ đẹp của cảnh đầm sen trong đêm trăng**   * GV chuyển giao nhiệm vụ: *Chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh gợi tả vẻ đẹp hòa hợp giữa ánh trăng với hoa lá trên đầm sen.* * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Gv cho HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, hoàn thành PHT số 1 yêu cầu:  *+ Nhóm 1 + 2: Tìm những chi tiết cho thấy sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản Trăng sáng trên đầm sen (cột 1).*  *+ Nhóm 3 + 4: Nêu tác dụng của những sự kết hợp ấy (cột 2).*   |  |  | | --- | --- | | **(1)**  **Chi tiết cho thấy sự kết hợp** | **(2)**  **Nhận xét tác dụng của sự kết hợp** | |  |  | |  |  * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi * Gv quan sát, cố vấn   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1.** **Một số từ ngữ, hình ảnh gợi tả vẻ đẹp hòa hợp giữa ánh trăng với hoa lá trên đầm sen**  - Từ ngữ: tỏa, phủ, tắm gội, xuyên qua, bao trùm, hài hòa.  - Hình ảnh:  + “ánh trăng như nước chảy, lặng lẽ tỏa xuống mặt lá sen và hoa sen”.  + “lá sen và hoa sen như vừa được tắm gội bằng sữa bò”, “lại được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng”.  + Ánh trăng trên đầm sen không đồng đều, thế nhưng giữa ánh sáng và hình bóng tạo nên một giai điệu hài hoà, như bản nhạc vi-ô-lông (violin) nổi tiếng.        **2.** **Tìm hiểu sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình**   |  |  | | --- | --- | | **(1)**  **Chi tiết cho thấy sự kết hợp** | **(2)**  **Nhận xét tác dụng của sự kết hợp** | | “Tôi” kể về việc một mình đi ngắm đầm sen trong đầm sen trong đêm trăng (thể hiện rõ qua đoạn 1 và 2), đồng thời bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về cái “thú” đơn độc của mình (*“tôi thích ồn ào … ưa lúc một mình*”, *“cảm thấy mình là con người tự do”*). | Nội dung kể trở nên sâu sắc, gợi cảm nhờ những yếu tố suy tư, mang đậm dấu ấn cá nhân | | Những chi tiết gợi tả vẻ đẹp hài hòa giữa ánh trăng với hoa lá trên đầm sen (thể hiện rõ qua đoạn 3 + 4 + 5, các đoạn này đặc tả, nhưng cũng là kể về việc đi ngắm đầm sen; trong đó yếu tố biểu cảm thể hiện qua một số từ ngữ: *“dường như có chút rung động”, “càng trở nên duyên dáng”, “dễ chịu khác thường”*). | Sự kết hợp ấy đã khắc họa nên vẻ đẹp thiên nhiên đêm trăng thật trữ tình, dịu ngọt và thơ mộng, tạo nên một khoảnh khắc làm rung động lòng người. | | Kể về tập tục hái sen của vùng Giang Nam, trong đó yếu tố biểu cảm thể hiện rõ qua câu cuối: *“Đó là … mùa lãng mạn nhất”*. | - Cảnh sắc thêm lãng mạn và say đắm lòng người.  - Góp phần bộc lộ quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả: *“Đó là … mùa lãng mạn nhất”*. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **NV3: Hướng dẫn HS tìm hiểu những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ và thú vị của tác giả**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chuyển giao nhiệm vụ:   *+ HS làm việc theo nhóm đôi, tìm dẫn chứng trong văn bản “Trăng sáng trên đầm sen” để chứng minh người viết tùy bút, tản văn thường có những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ và thú vị.*  *+ Từ đó, hãy xác định cảm hứng chủ đạo của văn bản.*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận và hoàn thành PHT số 2 * Gv quan sát, cố vấn   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * GV mời một HS của mỗi dãy bàn lần lượt chia sẻ kết quả thảo luận. * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | 1. **Những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ và thú vị, cảm hứng chủ đạo**  * **Những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ và thú vị**   - Thoát khỏi bản thân vào lúc bình thường, như bước vào một thế giới khác hẳn.  - Trên mặt đầm sen quanh co uốn khúc là những tán lá sen san sát. Lá sen nhô lên mặt nước rất cao, như là váy của nàng vũ nữ yêu kiều.  - Có bông vừa dịu dàng hé nở, có bông còn e thẹn chúm chím, chúng như những hạt ngọc châu, lại như những cánh sao trên bầu trời đêm thăm thẳm, hoặc lại như những cô gái xinh đẹp vừa tắm xong.  - Một làn gió nhẹ nhàng vô tình thổi qua, đưa hương thơm của những bông sen tỏa khắp đất trời, mùi hương được nhà thơ tinh tế mà khéo léo so sánh với “tiếng hát trên tòa nhà cao tầng từ xa vọng tới”  - Lớp sương mỏng nhẹ phủ trên tán lá và cánh hoa làm cho chúng như mới được “tắm gội bằng sữa bò” hay “lại như được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng”  - Ánh trăng xuyên qua kẽ lá từ trên những rặng cây cao rọi xuống, bóng lá cây màu đen loang lổ từng lớp trông như ma; hình bóng của những cành liễu thưa thớt, cong cong, như vẽ lên mặt lá sen.  - Liên tưởng cảm nhận “ánh trăng không được tỏ cho lắm” với cảm giác say ngủ và chợp mắt.  - Ánh trăng trên đầm sen không đồng đều, thế nhưng giữa ánh sáng và hình bóng tạo nên một giai điệu hài hoà, như bản nhạc vi-ô-lông (violin) nổi tiếng.  - Bất chợt nhớ lại quang cảnh hái sen.   * **Cảm hứng chủ đạo**   - Viết về vẻ đẹp thiên nhiên đêm trăng thật dịu ngọt, thơ mộng.  - Thể hiện niềm xao xuyến khi được thưởng thức trọn vẹn vẻ đẹp của hương sắc nơi đây. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV4: Hướng dẫn học sinh khái quát đặc điểm thể loại tản văn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chuyển giao nhiệm vụ:   + Mỗi nhóm (dãy bàn) cử một bạn bất kỳ lền lượt lên bảng nhắc lại một đặc trưng của thể loại tản văn (ghi bảng).  + HS làm việc nhóm đôi, tóm tắt một số đặc điểm của tản văn dựa vào bảng gợi ý sau:   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của tản văn** | **Nhận xét**  **(Thông qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen)*** | | Kết hợp tự sự, trữ tình |  | | Nghị luận, miêu tả thiên nhiên |  | | Những liên tưởng, phát hiện bất ngờ |  |  * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. * Các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung, trao đổi (nếu có).   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, góp ý câu trả lời của HS * Hướng dẫn HS chú ý một số đặc điểm của tản văn thông qua VB và ghi chép vào vở. | **4. Khái quát đặc điểm thể loại**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của tản văn** | **Nhận xét**  **(Thông qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen)*** | | Kết hợp tự sự, trữ tình | - Đoạn trích kể lại một lần “tôi” một mình đi ngắm đầm sen trong đêm trăng sáng.  - Đồng thời, dòng cảm xúc, suy tư của tác giả cũng được bày tỏ thông qua việc miêu tả vẻ đẹp của đầm sen dưới ánh trăng:  + Đầm sen hiện ra với vẻ đẹp dịu dàng mà lại thơ mộng biết bao (Hs liệt kê một số chi tiết, từ ngữ dùng để miêu tả) 🡪 tác giả rất vừa ý, chỉ cần chợp mắt lạ chút thôi, cũng khiến ông rất dễ chịu và thỏa mãn.  + Ánh trăng xuyên thấu chiếu vào mọi vật, cảnh và trăng hòa quyện với nhau 🡪 lòng người rung động trước khoảnh khắc ấy.  🡺 Chất trữ tình trong tản văn, tạo nên rung động thẩm mỹ cho người đọc | | Nghị luận, miêu tả thiên nhiên 🡪 bộc lộ cái tôi trong tùy bút | - Các từ nhân xưng ngôi thứ nhất  - Văn bản bộc lộ được tư tưởng, tình cảm của tác giả đối với thiên nhiên và con người:  + Với bản thân mình: Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về cái “thú” đơn độc của mình: *“Một mình đi dưới ánh trăng mênh mang … cảm thấy mình là con người tự do”*.  + Tác giả cho rằng mùa hái sen cũng chính là *“mùa lãng mạn nhất”*: sự xinh đẹp, trẻ trung, yểu điệu của các thiếu nữ cộng hưởng với vẻ đẹp tinh khôi, nhẹ nhàng của hoa sen. | | + Ngôn ngữ tinh tế, sống động mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình  + Những liên tưởng, phát hiện bất ngờ, thú vị | - Lá sen như những cánh sao trên bầu trời.  - Lớp sương mỏng nhẹ phủ trên tán lá và cánh hoa: *“tắm gội bằng sữa bò”* hay *“lại như được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng”.*  - Lá sen nhô lên mặt nước, như váy của nàng kiều nữ yêu kiều  - Giữa ánh sáng và hình bóng tạo nên một giai điệu hài hòa, tựa như bản nhạc vi-ô-lông.  - Mùi hương được so sánh khéo léo với *“tiếng hát trên tòa nhà cao tầng từ xa vọng tới”.*  - Bất chợt nhớ tới quang cảnh hái sen, tập tục hái sen của vùng Giang Nam từ thời Lục Triều. | |

**Nội dung 3. Tổng kết**

1. **Mục tiêu**

Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

1. **Nội dung:** Giáo viên phát PHT số 3, học sinh làm việc cá nhân
2. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT
3. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chuyển giao nhiệm vụ: *Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản theo PHT số 2 (HS làm việc cá nhân)*  |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | |  |  |  * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trả lời * Gv quan sát, hỗ trợ   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * Hs trả lời * Hs khác lắng nghe, bổ sung   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **III. TỔNG KẾT**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | - Văn bản ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, con người trong đêm trăng sáng.  - Qua đó bộc lộ tình yêu thiên nhiên, tâm hồn trắc ẩn của tác giả. | Ngôn ngữ được sử dụng giàu tính nghệ thuật, đồng thời có sử dụng các biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa… | |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
2. **Nội dung:** Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong văn bản *Trăng sáng trên đầm sen.*
3. **Sản phẩm học tập:** Đoạn văn trình bày cảm nhận của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoàn thành phiếu KWL (cột L).  - Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong văn bản *Trăng sáng trên đầm sen.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**   * Cá nhân HS vận dụng kiến thức đã học và trình bày cảm nghĩ. * GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).   **B3. Báo cáo thảo luận**   * GV mời 3 HS lên chia sẻ bài viết trước lớp. * Thu 5 bài viết để ghi điểm (điểm cộng hoặc điểm KTTX).   **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | *(Phần cảm nhận của HS)* |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành
2. **Nội dung:** Vào vai một tác giả văn học, viết một bài tản văn ngắn ghi lại cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp của một cảnh sắc thiên nhiên mà bản thân em đã có dịp thăm thú.
3. **Sản phẩm học tập:** Tranh của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Vào vai một tác giả văn học, viết một bài tản văn ghi lại cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp của một cảnh sắc thiên nhiên mà bản thân em đã có dịp thăm thú.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ (làm ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * Gv tổ chức hoạt động * Hs nhận xét   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá. | *Bài viết của HS.* |

**5. HDVN:**

- Ôn tập văn bản: *Trăng sáng trên đầm sen*

- Soạn văn bản – *Viết văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận*

Ngày soạn:

**BÀI 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN**

**( TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

**PHẦN 3. VIẾT**

**Tiết 5.5- 7.5: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH CÓ LỒNG GHÉP**

**MỘT HAY NHIỀU YẾU TỐ NHƯ MIÊU TẢ, TỰ SỰ, BIỂU CẢM, NGHỊ LUẬN**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

**-** Nănglực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực trình bày, suy nghĩ cảm xúc cá nhân

- Năng lực viết, tạo lập văn bản

**3. Về phẩm chất**: Có ý thức trong việc tạo lập văn bản thuyết minh có lồng ghép các yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

**2. Học liệu:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 11

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi phát vấn: Em hiểu thế nào là thuyết minh? Hãy nối các phương thức biểu đạt với nội dung của các phương thức đó

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi  **CH**: Em hiểu thế nào là thuyết minh? Hãy nối các phương thức biểu đạt với nội dung của các phương thức đó. ( Phiếu học tập 1)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - **Thuyết minh là**: Là cung cấp, giới thiệu, giảng giải,… những tri thức về một sự vật, hiện tượng nào đó cho những người cần biết nhưng còn chưa biết.  - **Các phương thức biểu đạt và nội dung của các phương thức biểu đạt**: 6 phương thức (bao gồm Thuyết minh)  + **Tự sự:** là dùng ngôn ngữ để kể một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng tạo thành một kết thúc. Ngoài ra, người ta không chỉ chú trọng đến kể việc mà còn quan tâm đến việc khắc hoạ tính cách nhân vật và nêu lên những nhận thức sâu sắc, mới mẻ về bản chất của con người và cuộc sống.  + **Biểu cảm:** là một nhu cầu của con người trong cuộc sống bởi trong thực tế sống luôn có những điều khiến ta rung động (cảm) và muốn bộc lộ (biểu) ra với một hay nhiều người khác. Phương thức biểu cảm là dùng ngôn ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.  + **Miêu tả**: là dùng ngôn ngữ làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc như đang hiện ra trước mắt hoặc nhận biết được thế giới nội tâm của con người.  + **Nghị luận**: là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.  + **Hành chính – công vụ**: là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lý [thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng…] |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu về kiểu bài**

**a**. **Mục tiêu**: Nhận biết được kiểu bài, yêu cầu đối với VB Thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận .

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu về kiểu bài:  + *Bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.*  *là kiểu bài thế nào?*  *+ Khi viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận cần chú ý yêu cầu gì?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I/ Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**   \* **Kiểu bài**: Thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận là kiểu bài thông tin tổng hợp, sử dụng kết hợp nhiều yếu tố, phương tiện để miêu tả, giải thích làm rõ đặc điểm của một đối tượng hoặc một quy trình hoạt động, giúp người đọc hiểu rõ về đối tượng hay quy trình hoạt động.  **\* Yêu cầu:**  - Nêu được đối tượng hay quy trình cần thuyết minh  - Làm rõ các đặc điểm của đối tượng/ các bước thực hiện hay các công đoạn trong việc thực hiện quy trình.  - Lồng ghép được một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  - Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí.  - Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ phù hợp.  - Bố cục đảm bảo ba phần:  +MB: Nêu nhan đề bài viết và giới thiệu đối tượng/ quy trình cần thuyết minh.  + TB: Lần lượt thuyết minh về các đặc điểm có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và có thể kết hợp sử dụng một số phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ làm rõ nội dung thuyết minh.  + KB: Khẳng định giá trị của đối tượng/ quy trình trong đời sống hoặc nêu tác dụng của việc nhận thức đúng về đối tượng/ quy trình. |

**Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a**. **Mục tiêu**: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc quan sát, đọc và phân tích VB mẫu.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  **CH:** Từng phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc của bài viết đã được triển khai như thế nào và đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài thuyết minh hay chưa?  **CH:** Nội dung thuyết minh về quy trình làm một chiếc nón lá được sắp xếp theo trình tự nào? Tác dụng của việc sắp xếp nội dung thuyết minh theo trình tự ấy là gì?  **CH:** Các yếu tố miêu tả có tác dụng như thế nào trong một bài thuyết minh về quy trình hoạt động; chỉ ra một số chi tiết cho thấy bài viết tham khảo có sử dụng yếu tố này.  **CH:** Các yếu tố nghị luận và biểu cảm sử dụng đan xen trong bài viết có tác dụng gì?  **CH:** Bài viết sử dụng loại phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ nào? Tác dụng của phương tiện ấy trong bài viết là gì?  **CH:**Từ bài viết, bạn rút ra được những lưu ý gì khi viết bài văn thuyết minh về một quy trình có sử dụng kết hợp một hay nhiều yếu tố như miêu tả, biểu cảm, nghị luận?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Câu 1:** Từng phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc của bài viết trên đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài thuyết minh như sau:  - Nêu được đối tượng cần thuyết minh.  - Làm rõ được các đặc điểm/ các bước thực hiện và các công đoạn trong việc thực hiện nón lá.  - Sắp xếp nội dung thuyết minh nón lá theo trình tự hợp lí.  - Lồng ghép được các yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm… vào bài viết.  - Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phù hợp.  - Đảm được bố cục 3 phần của văn bản.  **Câu 2:**  Nội dung thuyết minh về quy trình làm một chiếc nón lá được sắp xếp theo từng công đoạn.  - Tác dụng: Việc sắp xếp nội dung theo trình tự ấy giúp người đọc, người nghe dễ hình dung và hiểu rõ hơn về cách để làm một chiếc nón lá.  **Câu 3:**  - Các yếu tố miêu tả làm cho bài thuyết minh về quy trình hoạt động trở nên rõ ràng, chi tiết, giúp người đọc; người nghe dễ hình dung hơn về các công đoạn, cách xử lí… của đối tượng.  - Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả là:  + “Khi xếp lá, người thợ phải khéo léo sao cho lúc chêm lá không bị chồng lên thành nhiều lớp, để nón đạt được độ thanh và mỏng”.  + “Từ vành nón, khoảng nan thứ ba và thứ tư, người thợ sẽ dùng chỉ kết nhôi, đối xứng hai bên để buộc quai. Quai nón thường được làm bằng lụa, the, nhung… với các màu sắc như tím, hồng đào, xanh thiên lí…”  **Câu 4:** Các yếu tố nghị luận và biểu cảm sử dụng đan xen giúp cho bài viết trở nên gần gũi, dễ đọc, dễ nghe hơn.  **Câu 5:**  - Bài viết trên sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh.  - Tác dụng: Giúp cho người đọc dễ hình dung hơn về đối tượng và quy trình thực hiện.  **Câu 6:**  - Xác định rõ đối tượng cần thuyết minh.  - Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.  - Kết hợp hài hòa giữa các yếu tố: miêu tả, biểu cảm, nghị luận…  - Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)**

**a**. **Mục tiêu**:

- Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết VB thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

- Biết tìm ý, lập dàn ý và viết VB thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

- Biết cách xem lại và chỉnh sửa VB thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuẩn bị viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + *Vấn đề mà em định viết là gì?*  *+ Xác định đề tài và mục đích viết .*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - Gv bổ sung, nhận xét | **III. Thực hành viết theo các bước**  **Đề 1:** Viết bài văn thuyết minh về một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng mà bạn quan tâm. Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  **1. Chuẩn bị viết**  - Xác định đề tài:đề tài của bài thuyết minh về quy trình/ đối tượng cần đáp ứng yêu cầu sau:  + Là quy trình/ đối tượng mà bạn hiểu rõ  + Được nhiều người quan tâm  + Có điểm riêng hấp dẫn.  - Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc  + Mục đích viết:  + Người đọc bài viết của bạn có thể là thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng lớp, phụ huynh,... |

**\* Tìm ý, lập dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + *Vấn đề mà em định viết là gì?*  *+ Các ý sắp xếp theo trình tự như thế nào?*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - Gv bổ sung, nhận xét | **2. Tìm ý, lập dàn ý**  - **Tìm ý:** Quan sát tiếp cận đối tượng hoặc theo dõi quy trình cần thuyết minh, kết hợp thu thập thông tin trên sách, báo, các phương tiện truyền thông.  \* Chẳng hạn như thuyết minh về quy trình làm bánh trung thu, bạn có thể tìm ý theo các vấn đề gợi ý sau:  + Lịch sử ra đời của bánh trung thu  + Nguyên liệu  + Các bước làm bánh  + Yêu cầu thành phẩm  + Ý nghĩa của bánh trung thu trong đời sống văn hóa của người Việt Nam.  **- Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí:  - Mở bài: giới thiệu quy trình/đối tượng và lí do cần thuyết minh.  - Thân bài:  + Miêu tả bao quát đối tượng/ quy trình  + Trình bày từng phương diện của đối tượng/ quy trình thuyết minh theo một trật tự hợp lí ( trước – sau; trên- dưới; trong –ngoài; khái quát- cụ thể)  + Tập trung giới thiệu đặc điểm đặc sắc nhất của đối tượng/ quy trình.  + Làm rõ vai trò, giá trị, ý nghĩa của đối tượng/ quy trình.  - Kết bài: Đánh giá đối tượng/ quy trình cần thuyết minh. |

**\* Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - Gv bổ sung, nhận xét | **3. Viết bài:**  Tùy vào đối tượng/ quy trình thuyết minh, lựa chọn các bước thuyết minh hợp lí. Chung quy, khi viết bài văn thuyết minh cần phải đáp ứng các yêu cầu.  - Bám sát đối tượng/ quy trình thuyết minh.  - Làm sáng tỏ các đặc điểm của đối tượng/ quy trình bằng cách giới thiệu, miêu tả, giải thích. Sắp xếp nội dung thuyết minh theo một trình tự hợp lí. Chú ý lựa chọn ngôn ngữ và các phương tiện hộ trợ trình bày phù hợp với từng nội dung thuyết minh. Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ như: sơ đồ, hình ảnh, mô hình… để tăng tính trực quan, sinh động, hấp dẫn.  - Đưa ra những nhận xét, đánh giá đảm bảo tính khách quan, xác thực, phù hợp với đối tượng/ quy trình.  - Thông tin cần chính xác, phong phú, đa dạng, lồng ghép nghị luận và biểu cảm để bài thuyết minh không bị khô khan.  - Lưu ý tránh các lỗi chính tả, dùng từ, viết câu, liên kết câu/ đoạn  **4. Xem lại và chỉnh sửa** |

**Phụ lục**

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nối cột A với cột B sao cho phù hợp** | |
| **A** | **B** |
| **Tự sự** | là một nhu cầu của con người trong cuộc sống bởi trong thực tế sống luôn có những điều khiến ta rung động (cảm) và muốn bộc lộ (biểu) ra với một hay nhiều người khác. Phương thức biểu cảm là dùng ngôn ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh. |
| **Miêu tả** | là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình. |
| **Biểu cảm** | là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lý [thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng…] |
| **Nghị luận** | là dùng ngôn ngữ làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc như đang hiện ra trước mắt hoặc nhận biết được thế giới nội tâm của con người. |
| **Thuyết minh** | là dùng ngôn ngữ để kể một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng tạo thành một kết thúc. Ngoài ra, người ta không chỉ chú trọng đến kể việc mà còn quan tâm đến việc khắc hoạ tính cách nhân vật và nêu lên những nhận thức sâu sắc, mới mẻ về bản chất của con người và cuộc sống. |
| **Hành chính- công vụ** | Là cung cấp, giới thiệu, giảng giải,… những tri thức về một sự vật, hiện tượng nào đó cho những người cần biết nhưng còn chưa biết. |

**PHIẾU HỌC TẬP 2**

**Họ và tên học sinh**:………………………………………………………**Lớp**………………

**PHIẾU VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH CÓ LỒNG GHÉP MỘT HAY NHIỀU YẾU TỐ NHƯ MIÊU TẢ, TỰ SỰ, BIỂU CẢM, NGHỊ LUẬN**

**ĐỀ BÀI**: **Viết bài thuyết minh về một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng mà bạn quan tâm. Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận**

**ĐỐI TƯỢNG THUYẾT MINH:**

**………………………………………………………………………**

**NHIỆM VỤ 1. XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÁC BƯỚC THỰC HIỆN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuẩn bị viết** | |
| **\* Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc**  - Đề tài của bài thuyết minh về quy trình/ đối tượng cần đáp ứng các yêu cầu sau:  + Là quy trình/ đối tượng mà bạn hiểu rõ, thuận lợi cho việc thuyết minh.  + Được nhiều người quan tâm.  + Có điểm riêng, hấp dẫn. | |
| **Văn bản này viết ra nhằm mục đích gì?** |  |
| **Người đọc văn bản này là ai?** |  |
| ***\* Thu thập tư liệu***  + Phạm vi lựa chọn của bạn cần giới hạn ở một nội dung.  + Sau khi chọn được đối tượng/ quy trình hoạt động cần thuyết minh, bạn hãy vận dụng các kĩ năng thu thập tư liệu đã được giới thiệu ở các lớp trước để thực hiện thao tác này. | |
| **Nội dung được lựa chọn là gì?** |  |
| **Các nguồn tư liệu thu thập về đối tượng từ đâu? (Trích dẫn nguồn và nội dung thu thập)** |  |
| **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý** | |
| ***\* Tìm ý:*** Bạn nên quan sát, tiếp cận trực tiếp đối tượng hoặc theo dõi quy trình cần thuyết minh, kết hợp thu thập những thông tin trên sách, báo, các phương tiện truyền thông. | |
| **Lịch sử ra đời** |  |
| **Nội dung/Nguyên liệu/ Thành phần** |  |
| **Các bước thực hiện (đồ ăn), quy trình xây dựng (di tích), quy trình hoạt động (hoạt động cụ thể)** |  |
| **Yêu cầu thành phẩm** |  |
| **Ý nghĩa của thành phẩm** |  |
| ***\* Lập dàn ý*** : Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí. | |
| **Mở bài: Giới thiệu quy trình/ đối tượng và lí do cần thuyết minh.** |  |
| **Thân bài:**  + Tổng quan về đối tượng/ quy trình cần thuyết minh  + Trình bày những đặc điểm cụ thể của đối tượng hoặc các bước/ công đoạn của một quy trình (nguyên liệu thực hiện, các bước tiến hành, yêu cầu thành phẩm, ý nghĩa…)  + Miêu tả chi tiết một vài đặc điểm, một vài công đoạn độc đáo, đặc sắc hoặc lồng ghép các nhận xét, đánh giá, bày tỏ cảm xúc. |  |
| **Kết bài: Đánh giá về đối tượng/ quy trình thuyết minh.** |  |
| **Bước 3: Viết bài**  Tùy vào đối tượng/ quy trình thuyết minh, lựa chọn các bước thuyết minh hợp lí. Chung quy, khi viết bài văn thuyết minh cần phải đáp ứng các yêu cầu.  - Bám sát đối tượng/ quy trình thuyết minh.  - Làm sáng tỏ các đặc điểm của đối tượng/ quy trình bằng cách giới thiệu, miêu tả, giải thích. Sắp xếp nội dung thuyết minh theo một trình tự hợp lí. Chú ý lựa chọn ngôn ngữ và các phương tiện hộ trợ trình bày phù hợp với từng nội dung thuyết thuyết minh. Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ như: sơ đồ, hình ảnh, mô hình… để tăng tính trực quan, sinh động, hấp dẫn.  - Đưa ra những nhận xét, đánh giá đảm bảo tính khách quan, xác thực, phù hợp với đối tượng/ quy trình.  - Thông tin cần chính xác, phong phú, đa dạng, lồng ghép nghị luận và biểu cảm để bài thuyết minh không bị khô khan.  - Lưu ý tránh các lỗi chính tả, dùng từ, viết câu, liên kết câu/ đoạn | |

**NHIỆM VỤ 2. VIẾT BÀI – HOÀN THÀNH SẢN PHẨM BÀI VIẾT**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)**

**a**. **Mục tiêu**: Biết vận dụng quy trình viết VB

**b. Nội dung:** HS hoàn thành bài viết và tự đối chiếu với rubric chấm trước khi nộp cho GV

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà thực hiện hai nhiệm vụ:*  *+ Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.*  *+ Chọn một VB có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.để giới thiệu với các bạn trong lớp và làm phong phú thêm “kho tài nguyên” của lớp học.*  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi | GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS |

**4. Củng cố: Qua bài viết tham khảo:**

**Thuyết minh về bánh Trung thu**

*Tết Trung thu, phải nói đến chiếc bánh nướng, bánh dẻo kì diệu, cũng giống như chiếc bánh chưng trong những ngày Tết Nguyên Đán và quy trình làm ra chiếc bánh Trung thu cũng thật đáng chú ý.*

*Bánh dẻo có hai phần: Phần áo và phần nhân. Áo bánh phải chọn gạo nếp vàng, vùng Trôi hoặc vùng Bắc Ninh, Bắc Giang. Gạo được rang rồi xay, hoặc giã nhỏ mịn, nhào với nước đường thắng ngan ngát một mùi hương bưởi. Tất cả những công đoạn kể trên đều phải do một bàn tay thợ có “nghề” đã được “hạ sơn” đảm nhiệm. Người thợ không được sai sót một khâu nào. Sai một ly đi một dặm. Lúc ra khuôn, cái bánh hiện rõ những hoa văn chìm nổi của một bông hoa nở 8 cánh hoặc 10 cánh. Khuôn mặt áo bánh dẻo mịn, bánh ngọt đậm, thơm dịu. Phần nhân bánh nhất thiết phải do thợ cả quán xuyến với những khâu quan trọng đầy bí quyết nhà nghề như: rang vừng, ủ vừng, xử lý mứt bí khẩu, mứt sen, hạt dưa, hạnh nhân, ướp nhân, tạo hương cho nhân…*

*Nhân của bánh dẻo chay tịnh, nặng mùi hương đồng gió nội. Mãi về sau này, người ta mới phá cách cho thêm lạp sườn vào. Nhân bánh nướng được cải tiến với nhiều sáng kiến. Mỗi hiệu bánh đều muốn có phần độc đáo của mình. Vả lại bánh nướng là “em” của bánh dẻo. Nó sinh sau đẻ muộn, mới xuất hiện từ năm 1930 nên lắm trò hơn. Ngoài mứt bí, hạt dưa, nhân bánh nướng còn có thêm cả ruột quả trứng ở giữa hoặc thịt lợn quay, gà quay, lạp sườn…gọi là nhân thập cẩm… Bánh nướng cũng có loại nhân chay bằng đậu xanh mịn, dừa sợi, hạt sen.*

*Bánh dẻo trắng trong, bánh nướng có màu vàng sẫm và vàng nhạt do chỗ nướng già, nướng non tạo ra, thường có đường kính chừng 7-8cm, chiều dày 2,5-3 cm. Cứ 4 cái bánh được xếp chồng lên nhau là một cân. Ngoài giấy bọc có in nhãn hiệu đẹp và nhiều màu sắc. Đặc biệt là các hiệu người Hoa rất chú ý in nhãn hiệu thật nổi. Nhiều nhà còn đặt làm những chiếc bánh dẻo đặc biệt to bằng chiếc đĩa tây hoặc gần bằng cái mâm, trên có hình mặt trăng tròn, lưỡng long tranh châu, song phượng…*

*Nghĩa là người thợ làm cả cái việc tạo hình trên chiếc bánh. Bánh dẻo, bánh nướng Trung thu nói lên cái tài hoa của người thợ. Ngay cả ở các hiệu lớn của người Hoa trước đây, thợ Việt Nam cũng chiếm 70-90%. Hằng năm, cứ đến gần Tết Trung thu là các hiệu lại rộn rã cho người về các vùng lân cận, đón các phường thợ làm bánh nổi tiếng ra Hà Nội vào mùa. Các chủ hiệu ưu ái họ lắm, mỗi người được chủ hiệu phát một áo choàng trắng, mũ trắng và một đôi guốc mộc. Các cửa hàng lấy làm hãnh diện đã mời được ông Toán làng Bưởi, các ông Ba Thiện xã Cào ở tỉnh Sờn, ông Quế Xuân Tảo Sở, hoặc ông Lý Bắc Ninh.*

*Sự thật đã có một thời vẻ vang, các hiệu bánh Tùng Hiên, Tràng Thái, Ngọc Anh, Cự Hương, Việt Hương… đã nổi danh xa gần ai cũng biết tiếng. Bánh của họ đủ sức cạnh tranh với các hiệu người Hoa như Tây Nam, Mỹ Kinh. Từ kẻ chợ đến vùng quê, nhân dân các tinh khác không bao giờ quên, sản phẩm của họ với cái “tạng”, cái “gu” Việt Nam. Có điều, các hiệu của người Hoa chú ý nhiều đến bao bì, quảng cáo hơn. Họ tiếp khách niềm nở với đủ những chi tiết tế nhị và tỉ mỉ.*

*Tết Trung thu, nhà nào cũng phải có bánh dẻo. Người nghèo cũng cố mua cho con cái một vài cái bánh dẻo. Không có bánh dẻo tức là không có Tết. Người ta làm quà cho ân nhân, khách quý, bạn thân…bằng bánh Trung thu. Chiếc bánh dẻo tròn, gợi hình mặt trăng thể hiện sự tròn đầy, viên mãn.*

*Vào những năm 1989 – 1990, những chiếc bánh Trung thu từng tham dự các Hội chợ quốc tế ở đức và Bun-ga-ri, gây sự chú ý đặc biệt và được tặng Huy chương độc đáo. Chúng mang mùi vị, thanh sắc Việt Nam, kèm theo cái nghệ thuật thưởng thức miếng ngon tinh tế, thanh nhã. Nó cũng là biểu tượng văn hóa của Việt Nam. Chiếc bánh Trung thu sẽ trường tồn. Chúng ta mong sao có thêm nhiều người thợ tài hoa kế tục nghệ thuật làm bánh Trung thu truyền thống, không những cho mọi người mà còn cho khách nước ngoài thưởng thức mỗi khi đến với mùa Tết Trung thu.*

**5. HDVN:**

- Ôn tập văn bản: *Viết văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận*

- Soạn văn bản – *Giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.*

Ngày soạn:

**BÀI 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN**

**( TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

**PHẦN 4. NÓI VÀ NGHE**

**Tiết: 7.5-8.5**

**NÓI: GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC HOẶC MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN**

**NGHE: NẮM BẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI NÓI; NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, ĐẶT CÂU HỎI VỀ BÀI THUYẾT TRÌNH**

**(1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

* Học sinh ghi nhớ được các bước thuyết trình và đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân
* Học sinh tự tin trình bày chia sẻ quan điểm của bản thân
* Học sinh vận dụngnăng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

**2. Về năng lực chung**: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Phẩm chất và tinh thần về công dân số, công dân toàn cầu được rút ra từ tác phẩm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV hỏi: Làm thế nào để có thể truyền tải được nội dung tư tưởng và những nét đặc sắc của tác phẩm qua một bài nói ngắn? | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | | **HS chia sẻ quan điểm cá nhân**  - Người nói hiểu về tác phẩm  - Người nói biết nhấn nhá và xoáy vào những điều đặc sắc của tác phẩm  - Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh ghi nhớ** được các bước thuyết trình và đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân * **Học sinh tự tin trình bày** chia sẻ quan điểm của bản thân   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh đọc thật kỹ các thao tác chuẩn bị nói và nghe * Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kỹ năng nói nghe * Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị * HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân * HS thực hành lập dàn ý và nói   Đề bài: Giới thiệu và làm rõ giá trị của một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật mà bạn yêu thích  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành nói theo chủ đề  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức | * **Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nói**   **Bước 1: Chuẩn bị nói**  **Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói**  **Đề tài**: Giới thiệu về một tác phẩm văn học (tuỳ bút, tản văn, bài thơ,...) hoặc tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc,...) theo lựa chọn cá nhân.   * **Mục đích nói:** Giúp người nghe nắm bắt một số thông tin chính về tác phẩm nói: Giúp người nghe nắm bắt một số thông tin chính về tác để họ có thể cập nhật thông tin, chủ động tìm hiểu, thưởng thức,... Ngoài những mục đích trên, bài nói của bạn còn có mục đích nào khác nữa? * **Đối tượng người nghe:** Ngoài bạn bè, thầy, cô giáo, bạn còn muốn trình bày bài nói với ai? * **Không gian và thời gian nói:** Không gian trình bày ở đâu?, Bạn sẽ nói trong bao lâu?,...   **Tìm ý**  Để tìm ý cho bài nói, bạn nên:  • Chọn một tác phẩm văn học (tuỳ bút, tản văn, bài thơ,...) hoặc tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc,...) mà bạn yêu thích.  • Tìm hiểu kĩ tác phẩm. Có thể tham khảo thêm một số tư liệu liên quan đến tác giả, hoàn cảnh ra đời, vị trí của tác phẩm, đánh giá của các nhà chuyên môn,...  • Ghi chú lại những thông tin sau:  – Tên tác phẩm nghệ thuật, thể loại; tên tác giả; tên nhà xuất bản/đạo diễn/ hoạ sĩ/ nhạc sĩ,….; năm xuất bản/sản xuất/sáng tác,...  – Một số đặc điểm về nội dung, hình thức nghệ thuật, chủ đề và thông điệp của tác phẩm, trong đó đặc biệt lưu ý:  Đối với tác phẩm văn học, cần giới thiệu về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Ví dụ: Khi giới thiệu một tác phẩm tản văn hay tuỳ bút từ bài học này, bạn có thể tóm tắt những tình cảm, suy tư, nhận thức của tác giả về hình ảnh con người, sự việc được miêu tả trong tác phẩm và một số nét đặc sắc nghệ thuật như kết sự hơn giữa yếu tố tư sư và trữ tình  Đối với tác phẩm nghệ thuật, bạn cần giới thiệu về đặc điểm nội dung và nghệ thuật dựa trên đặc trưng loại hình của tác phẩm như:  + Tác phẩm điện ảnh: bối cảnh xảy ra câu chuyện, cốt truyện, nhân vật, diễn viên (đặc biệt là diễn viên chính), âm thanh, hình ảnh, ánh sáng, góc quay,...  + Tác phẩm hội hoạ: hình ảnh con người hoặc sự vật được thể hiện trong tác phẩm, không gian xung quanh, đường nét và hình khối, bố cục, màu sắc, kích thước, tỉ lệ, chất liệu,...  + Tác phẩm âm nhạc: nội dung bản nhạc/ bài hát, ca từ, giai điệu, tiết tấu, hoà âm, nghệ thuật trình bày/ biểu diễn của nghệ sĩ/ ca sĩ,...  + Tác phẩm điêu khắc: hình ảnh con người hoặc sự vật được khắc hoạ trong tác phẩm, phối cảnh đặt để, trưng bày tác phẩm, mảng khối, bố cục, kích cỡ, chất liệu,...  - Nhận xét, đánh giá điều bạn yêu thích/không thích về tác phẩm (chọn ít nhất một yếu tố nào đó của tác phẩm để nhấn mạnh), cảm xúc/ tâm trạng khi đọc/xem/ nghe tác phẩm.  – Cách thức thể hiện bài trình bày, ví dụ như đóng vai, đọc thơ, biểu diễn một phân đoạn nào đó của tác phẩm.  – Ý tưởng về việc sử dụng phương tiện trực quan hỗ trợ cho bài giới thiệu, ví dụ: máy chiếu; hình ảnh minh hoạ cho tác phẩm; đoạn phim/ đoạn nhạc được cắt ra từ tác phẩm, trang phục biểu diễn,..  **Lập dàn ý**  (Có thể lập dàn ý theo mẫu ở phụ lục)  **Luyện tập**  Khi luyện tập, bạn nên đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm. Để phần trình bày đạt hiệu quả tốt nhất, bạn nên:  • Mở đầu ngắn gọn, hấp dẫn, gợi hứng thú; kết thúc ấn tượng, đặc sắc, tạo dư âm.  • Lựa chọn từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, sinh động; giải thích rõ những từ ngữ khó.  • Nắm vững bố cục bài trình bày, dùng từ ngữ chuyển tiếp giữa các phần để người nghe dễ theo dõi.  • Trích dẫn một số câu văn/ thơ, lời thoại giữa các nhân vật, ca từ, phân cảnh/ phân đoạn ấn tượng trong tác phẩm điện ảnh/âm nhạc, trình chiếu hình ảnh của tác phẩm hội hoạ, điêu khắc để làm rõ nội dung giới thiệu.  • Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (phương tiện hỗ trợ trình bày, phương tiện ngôn ngữ hình thể) để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho bài trình bày.  • Sử dụng một số kĩ thuật như: cách phát âm, sự nhấn mạnh, tốc độ nói, chỗ ngừng nghỉ,...  • Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể trao đổi.  **Bước 2: Trình bày bài nói**  Tạo không khí và mối quan hệ gần gũi, thân thiện, lịch sự với người nghe.  • Sử dụng thẻ ghi chú ghi lại những từ ngữ quan trọng; sắp xếp các thẻ ấy hợp lí để hỗ trợ người nghe theo dõi phần trình bày.  • Sử dụng cách xưng hô và các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp, thể hiện sự quan tâm đến người nghe, mời gọi người nghe tương tác với mình trong khi nói.  • Nói bằng giọng tự tin, rõ ràng, rành mạch, có cảm xúc.  **Bước 3: Trao đổi, đánh giá**  **Trao đổi**  **Trong vai trò người nghe**: Thể hiện thái độ lắng nghe chăm chú, nghiêm túc bằng những tín hiệu không lời (ánh mắt, cái gật đầu, nụ cười,...); nêu rõ những điểm thú vị trong câu chuyện của người nói; phản hồi lịch sự với người nói về những nội dung chưa hiểu rõ, những vấn đề mà bạn cho là chưa hợp lí, chưa đồng tình.  **Trong vai trò người nói**: Kiên nhẫn chờ đến lượt lời của bạn; tránh chỉ trích gay gắt, trao đổi trên tinh thần xây dựng; tôn trọng ý kiến của người khác; giải thích rõ hơn về những điều mà người nghe chưa hiểu về bài trình bày của bạn hoặc khác quan điểm với bạn (nếu có); cầu thị và ghi chép tóm lược câu hỏi hoặc góp ý của người nghe.  **Đánh giá**: Tham khảo bảng kiểm   * **Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nghe**   **Bước 1: Chuẩn bị nghe**  Trước khi nghe một bài thuyết trình, bạn nên:  • Tìm hiểu trong sách, báo, Internet về đề tài của bài thuyết trình.  • Suy nghĩ về những gì bạn đã biết và muốn biết thêm về đề tài của bài thuyết trình  • Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.  • Tìm vị trí thích hợp để có thể theo dõi và tương tác tốt với người thuyết trình.  **Bước 2: Lắng nghe và ghi chép**  Trong khi nghe thuyết trình, bạn nên:  • Tập trung lắng nghe nội dung thuyết trình để hiểu quan điểm của người nói.  • Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của bài thuyết trình và quan điểm của người nói:  - Các kiểu câu như: Vấn đề thứ nhất là...; Quan điểm của tôi là...; Tôi nghĩ...; Theo tôi...;...  - Những nội dung mà người nói nhấn mạnh, nói chậm hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ.  - Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình để hiểu quan điểm của họ.  • Dùng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý,... để ghi chép thông tin chính của bài thuyết trình. Lưu ý sắp xếp thông tin nghe được theo một trật tự logic để hiểu hơn về ý nghĩa của thông tin.  • Đánh dấu những nội dung chính, thông tin quan trọng, thú vị bằng bút màu, gạch chân, dấu sao (\*),...  • Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung thuyết trình và cách thức thuyết trình (giọng nói, phong cách, các ví dụ, hình ảnh,...).  • Ghi những câu hỏi mà bạn muốn trao đổi với người thuyết trình.  **Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá**  Dùng kĩ thuật PMI (plus, minus, interesting) để nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thuyết trình, cụ thể là:  - Nêu và khẳng định những điểm tích cực của bài thuyết trình (P): Bài thuyết trình - của bạn đã đem đến cho tôi cách nhìn mới về vấn đề...; Bằng những ví dụ cụ thể, cách trình bày rõ ràng, bạn đã giúp tôi hiểu rõ vấn đề.......  – Nêu một hoặc hai điểm hạn chế hoặc cần trao đổi thêm (M) bằng giọng điệu mềm mỏng, bằng cách đặt câu hỏi: Tôi không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của bạn, tôi cho là... vì những lí do sau...; Tôi nghĩ rằng, bài thuyết trình của bạn sẽ thú vị hơn nếu...; Bạn có thể giúp tôi làm rõ vấn đề... hay không? ;  – Khẳng định sự thú vị của bài thuyết trình (I): Mặc dù còn một vài điểm như trên nhưng có thể nói, bài thuyết trình của bạn rất ấn tượng...; Tôi học được cách trình bày hấp dẫn, thu hút của bạn...;  • **Khi trao đổi, bạn nên:**  – Trước khi nêu câu hỏi: Nêu điểm tích cực về nội dung và cách thức thuyết trình,  xác nhận lại quan điểm của người nói.  – Mạnh dạn nêu câu hỏi về những điều chưa rõ. Cần lưu ý hỏi ngắn gọn, mạch lạc, rõ ràng, tránh hỏi quá nhiều hoặc hỏi dồn dập theo kiểu lấn lướt người trình bày.  – Tôn trọng quan điểm của người nói, tránh công kích cá nhân. | |

**Phiếu học tập**

***Phụ lục 1. Phiếu lập dàn ý bài nói***

|  |
| --- |
| **PHIẾU GIỚI THIỆU VỀ MỘT**  **TÁC PHẨM VĂN HỌC HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT**  Tên tác phẩm văn học/ nghệ thuật:………………………………………………………….  Thể loại: ………………….  Tên tác giả: .................................  **1**. Lí do chọn giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật:  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  **2**. Nội dung giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật:  – Giới thiệu tóm tắt về nội dung và nghệ thuật:  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  – Giới thiệu về chủ đề, thông điệp của tác phẩm:  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  **3**. Trình bày một số ý kiến nhận xét, đánh giá/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc/ xem/ nghe tác phẩm:  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………… |

***Phụ lục 2. Bảng kiểm kĩ năng nói***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **MỞ ĐẦU** | Chào hỏi và tự giới thiệu |  |  |
| Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tác giả |  |  |
| Nêu lí do chọn tác phẩm một cách thuyết phục và hấp dẫn. |  |  |
| Nhận xét khái quát về tác phẩm |  |  |
| **NỘI DUNG TRÌNH BÀY** | Giới thiệu đặc điểm, nội dung và hình thức của tác phẩm |  |  |
| Giới thiệu chủ đề, thông điệp của tác phẩm |  |  |
| Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc, xem nghe tác phẩm |  |  |
| Sắp xếp các ý hợp lí, logic |  |  |
| **KẾT THÚC** | Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm |  |  |
| Khuyến khích người nghe thưởng thức tác phẩm |  |  |
| Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe |  |  |
| Cảm ơn và chào kết thúc |  |  |
| **KĨ NĂNG TRÌNH BÀY, TƯƠNG TÁC** | Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu |  |  |
| Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ |  |  |
| Tương tác tích cực với người nghe |  |  |
| Phản hồi thỏa đáng những ý kiến, quan điểm của người nghe |  |  |

***Phụ lục 3. Bài nói tham khảo***

*Tài sản về vật chất có thể nhanh đến và nhanh đi nhưng tài sản về tinh thần thì sẽ luôn luôn được lưu giữ. Người ta cũng không thể đem tài sản tinh thần ra để định giá bởi vì nó là vô giá. Đối với tất cả người dân Việt Nam, chúng ta có nhiều khối tài sản tinh thần chung và trong số đó không thể không nhắc đến đó chính là Truyện Kiều. Tác phẩm giống như một viên ngọc sáng mà tất cả các nhà văn, nhà thơ đều ao ước mình có thể làm nên một tác phẩm như vậy.*

*Kiệt tác vĩ đại Truyện Kiều được viết bằng chữ Nôm theo thể loại truyện thơ. Toàn bộ tác phẩm gồm 3254 câu thơ lục bát, thể thơ truyền thống của dân tộc. Mặc dù được viết dựa theo cốt truyện cuốn tiểu thuyết “Kim Vân Kiều Truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân nhưng Nguyễn Du đã có sự sáng tạo để tạo nên một Đoạn Trường Tân Thanh phù hợp với văn hoa của người Việt và thể hiện được những tinh hoa trong ngôn ngữ của người Việt.*

*Cốt truyện xoay quanh cuộc đời của Thúy Kiều, một người con sinh ra trong gia đình trung lưu lương thiện. Thúy Kiều vốn có cuộc sống êm đềm bên cha mẹ và hai người em là Thúy Vân và Vương Quan cho đến trước khi sóng gió ập đến.*

*Cả thiên truyện được chia làm ba phần với phần một có tên là Gặp gỡ và đính ước. Vào ngày hội Đạp Thanh, ba chị em Thúy Kiều cùng nhau đi tảo mộ. Tại đây, Kiều đã gặp nấm mồ của Đạm Tiên và tỏ lòng thương xót cho thân phận của người con gái hồng nhan, bạc mệnh. Lúc chuẩn bị ra về, Kiều lại gặp gỡ Kim Trọng và dường như hai người đã cảm mến nhau ngay từ giây phút đầu gặp gỡ. Sau đó, hai người đã bí mật gặp nhau và cùng nhau đính ước.*

*Phần hai có tên gọi Gia biến và lưu lạc. Sau khi đính ước, Kim Trọng phải về quê hộ tang chú. Đúng lúc này gia đình Kiều bị vu oan, cha và em Kiều là Vương Quan bị bắt. Để cứu cha và em, Kiều đã phải bán mình để có tiền chuộc. Trước khi ra đi, Kiều đã trao lại mối duyên tình của mình cho em gái Thúy Vân. Sau khi bán mình, Kiều bị Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh lừa vào chốn lầu xanh. Tại đây, Kiều đã được Thúc Sinh cứu ra để làm vợ lẽ. Thúc Sinh là một khách làng chơi hào phóng nhưng vợ của hắn là Hoạn Thư có tính ghen điên cuồng. Hoạn Thư đã bày mưu tính kế để bắt Kiều về đày đọa. Sau khi trốn thoát, Kiều đã đến nương nhờ nơi cửa Phật và được sư Giác Duyên giúp đỡ. Nhưng sư Giác Duyên vì tin lời Bạc Bà, Bạc Hạnh nên đã giao lầm Kiều vào tay kẻ xấu. Thêm một lần nữa Kiều bị rơi vào chốn lầu xanh. Tại đây, Kiều gặp được Từ Hải, một vị anh hùng đầu đội trời chân đạp đất. Không chỉ chuộc Kiều về làm vợ, Từ Hải còn giúp Kiều báo ân, báo oán. Nhưng nàng Kiều thật thà lại một lần nữa bị kẻ xấu lừa. Tin lời Hồ Tôn Hiến, Kiều đã đẩy Từ Hải vào chỗ chết. Sau đó, Kiều bị bắt phải hầu rượu, đánh đàn trong tiệc mừng công của quân triều và sau cùng bị ép gả cho một viên quan thổ. Vì quá đau xót và tủi nhục cho chính mình, khi đi qua sông Tiền Đường nàng đã nhảy xuống tự vẫn nhưng may mắn được sư Giác Duyên cứu giúp. Kiều lại tiếp tục sống nương nhờ cửa Phật.*

*Phần ba có tên gọi là Đoàn tụ. Sau khi hộ tang chú, Kim Trọng đã trở lại để tìm người yêu. Lúc này biết được sự việc Kim Trọng vô cùng đau đớn. Chàng kết duyên với Thúy Vân theo như lời dặn của Kiều nhưng trong lòng vẫn không nguôi nhớ về nàng. Kim Trong đã đi tìm Kiều ở khắp nơi và may mắn đã cho hai người gặp lại nhau. Ngày đoàn viên của gia đình, Kiều đã quyết định “Duyên đối lứa cũng là duyên bạn bầy” để tỏ lòng kính trọng người yêu cũng như bảo vệ danh tiết của mình.*

*Về nội dung, Truyện Kiều mang đến giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo vô cùng to lớn. Đó là một bức tranh khắc họa chân thực xã hội trước đây đầy rẫy những sự bất công và tàn bạo. Ở đó, con người bị vùi thập, bị tha hóa chỉ vì đồng tiền. Ở xã hội đó xuất hiện quá nhiều những con buôn giáo dở, nhà chứa nhơ nhớp và cả những tên quan tham ô lại. Người phụ nữ sống trong xã hội ấy bị đối xử một cách tàn nhẫn, bất công, bị chà đạp lên nhân phẩm khiến cho họ sống không bằng chết. Thế nhưng họ vẫn giữ được nhân phẩm, vẫn thể hiện được tài năng và khát vọng tự do, khát vọng tình yêu.*

*Về nghệ thuật, Truyện Kiều đã cho thấy được tinh hoa trong ngôn ngữ cũng như thể loại văn học của dân tộc. Tác phẩm đã sử dụng thể thơ lục bát một cách quá xuất sắc. Khi đọc tác phẩm, ta thấy một sự gần gũi, thân thuộc nhưng vẫn rất bác học. Có thể nói, nghệ thuật tự sự của tác phẩm đã có bước phát triển vượt bậc.*

*Cho đến nay, Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng và có hàng ngàn công trình nghiên cứu về tác phẩm này. Truyện Kiều không chỉ đưa văn học Việt Nam vươn xa ra thế giới mà còn giúp đất nước và con người Việt Nam ra xa hơn phạm vị quốc gia.*

*Truyện Kiều hoàn hảo cả về mặt nội dung và nghệ thuật. Những nhân vật trong tác phẩm như là con người thật ngoài đời. Đó là những điều làm nên giá trị tuyệt vời cho tác phẩm này.*

(Nguồn: Internet)

***Phụ lục 4. Bảng kiểm kĩ năng nghe***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **CHUẨN BỊ NGHE** | Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết trình |  |  |
| **TRONG KHI NGHE** | Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình |  |  |
| Ghi chép tóm tắt nội dung thuyết trình bằng các từ khóa, cụm từ, sơ đồ dàn ý. |  |  |
| Đánh dấu những thông tin quan trọng |  |  |
| Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung và cách thức thuyết trình. |  |  |
| Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận |  |  |
| **SAU KHI NGHE** | Sử dụng kĩ thuật PMI để nhân xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của bài thuyết trình về nội dung, cách thức thuyết trình. |  |  |
| Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi (biết chờ đến lượt mình, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi tôn trọng quan điểm người nói. |  |  |
| Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi. |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành nói – nghe theo nhóm hoặc nói trước cả lớp  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Dàn ý bài nói tham khảo (Phụ lục)** |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói  **b. Nội dung thực hiện:** HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS |

**5. HDVN:**

- Ôn tập văn bản: *Giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.*

- Soạn văn bản – *ôn tập*

Ngày soạn:…..

**Bài 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN**

**(TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

**Tiết: 8.5- 9 TIẾT: ÔN TẬP**

**(0.5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Củng cố kiến thức đã học về văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen.*
* Luyện tập về cách giải thích nghĩa của từ.
* Củng cố và luyện tập về kĩ năng viết một văn bản thuyết minh (có lồng ghép một số yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm).
* Củng cố lại kiến thức về giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù***

* Củng cố kiến thức đã học về văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen.*
* Luyện tập về cách giải thích nghĩa của từ.
* Củng cố và luyện tập về kĩ năng viết một văn bản thuyết minh (có lồng ghép một só yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm).
* Củng cố lại kiến thức về giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, có ý thức ôn tập và hoàn thành bài đầy đủ.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Đối với học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 11.

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ cảm nhận về tình yêu thiên nhiên.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về cảm nhận về về tình yêu thiên nhiên.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi: *Chia sẻ với các bạn cảm nhận của em về tình yêu thiên nhiên.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân và chia sẻ trong nhóm.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

- Gợi mở:

*Thiên nhiên là một phần rất quan trọng trong cuộc sống của con người, bao gồm nước, đất, không khí, cây cối, động vật, v.v... Thiên nhiên cung cấp nguồn tài nguyên thiết yếu cho sự sống của con người và cả những sinh vật khác. Tình yêu thiên nhiên là việc chúng ta cần có để bảo vệ môi trường, đảm bảo cuộc sống của con người và sinh vật khác trên trái đất. Tình yêu thiên nhiên dẫn đến những hành động bảo vệ môi trường, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của con người đến môi trường và duy trì sự cân bằng tự nhiên. Khi chúng ta yêu thiên nhiên, chúng ta sẽ có thái độ tôn trọng và trách nhiệm với môi trường, đồng thời đề xuất và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường để giúp cho trái đất trở nên tốt hơn.*

- GV dẫn dắt vào bài học mới*: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau củng cố kiến thức về* ***Bài 1: Thông điệp từ thiên nhiên.***

**B. CỦNG CỐ KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố lại kiến thức.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS ôn tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nhắc lại kiến thức chung và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| ***Nhiệm vụ 1: Ôn tập văn bản đọc***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm nhỏ (4-6 HS) và thực hiện những yêu cầu sau:  + *Nêu điểm tương đồng hoặc gần gũi về nội dung (chủ đề, cảm hứng) giữa các văn bản: Ai đã đặt tên cho dòng sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen.*  + *Từ ba văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen, hãy lập bảng tổng hợp về sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình theo gợi ý sau: dấu hiệu nhận biết sự kết hợp, yếu tố tự sự, yếu tố trữ tìn, tác động của sự kết hợp ấy đến người đọc.*  *+ Tìm đọc thêm một số tùy bút, tản văn về đề tài thiên nhiên. Liên hệ với những văn bản trong bài học để thấy cách tiếp cận riêng của mỗi nhà văn.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới.  ***Nhiệm vụ 2: Ôn tập thực hành tiếng Việt***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:  *+ Giải thích nghĩa của từ sau và xác định cách giải thích đã dùng: phẳng lặng, nhấp nháy, cổ thi, chật chội.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới.  ***Nhiệm vụ 3: Ôn tập kĩ năng viết văn bản thuyết minh***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:  *+ Cho đề bài: Hãy viết văn bản thuyết minh (có lồng ghép một số yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm) về một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng mà bạn quan tâm.*  *Yêu cầu:*  *- Lập dàn ý cho đề bài trên.*  *- Viết đoạn mở bài và một đoạn thân bài.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới.  ***Nhiệm vụ 4: Ôn tập kĩ năng giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:  *Để giới thiệu một tác phẩm văn học/ nghệ thuật cũng như nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói hiệu quả, bạn cần lưu ý những điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **I. Ôn tập văn bản đọc**  **1. Điểm tương đồng hoặc gần gũi về nội dung (chủ đề, cảm hứng) giữa các văn bản: Ai đã đặt tên cho dòng sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen.**  - Các VB đều lấy thiên nhiên làm đối tượng miêu tả chính.  - Ba VB đều thể hiện niềm mến yêu thiết tha đối với cảnh đẹp của quê hương, đất nước.  - Gắn với miêu tả, tự sự là những nhận định, đánh giá, liên tưởng,…tất cả được bao trùm trong cảm xúc say mê, tạo nên không khí trữ tình cho tác phẩm.  **2. Bảng tổng hợp về sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình**  - GV hướng dẫn HS trả lời bằng cách hoàn thành bảng (trang 100).  **3. Tìm đọc thêm một số tùy bút, tản văn về đề tài thiên nhiên**  - GV gợi ý cho HS đọc thêm một số tùy bút, tản văn để so sánh.  Ví dụ: tùy bút *Người lái đò sông Đà* – Nguyễn Tuân và tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc tường.  - Cách tiếp cận sự vật của Nguyễn Tuân ở góc độ văn hóa thẩm mỹ, liên tục đan cài nhiều liên tưởng, tưởng tượng thú vị từ kiến thức của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực như quân sự, địa lý, thể thao, thi ca để làm nổi bật vẻ đẹp hung bạo và trữ tình của dòng sông Đà.  - Cách tiếp cận của Hoàng Phủ Ngọc Tường với dòng sông Hương là tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau: địa lý, lịch sử, văn hóa, thi ca… để làm nổi bật lên vẻ đẹp trữ tình, đằm thắm có chút huyền bí, man dại của dòng Hương giang.  **II. Ôn tập thực hành tiếng Việt**  **1. Giải thích nghĩa của từ sau và xác định cách giải thích đã dùng*: phẳng lặng, nhấp nháy, cổ thi, chật chội.***  *Gợi ý:*  - *Phẳng lặng:* lặng lẽ, êm ả, không xáo động.  => Cách giải thích: Dùng một hoặc một số từ đồng nghĩa, trái nghĩa để giải thích.  - *Nhấp nháy: 1. (mắt)* mở ra, nhắm lại liên tiếp. 2. Có ánh sáng khi lóe ra khi tắt, liên tiếp.  => Cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.  - *Cổ thi:* cổ là xưa, cũ; thi là thơ; cổ thi là thơ cũ, thơ xưa.  => Cách giải thích: Giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.  - *Chật chội:* chật, gây nên cảm giác bức bối, khó chịu. (nói khái quát; thường nói về nơi ở).  => Cách giải thích: Dùng từ đồng nghĩa giải thích, có nêu thêm sắc thái nghĩa (gây nên cảm giác bức bối, khó chịu) và cách dùng của từ ngữ (nói khái quát).  **III. Kĩ năng viết văn bản thuyết minh**  -Đây là bài tập thực hành viết.  - GV gợi ý cho HS chọn một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng nào đó.  - Lưu ý: HS vận dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong quá trình thuyết minh.  **IV. Giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật**  *-* Những điểm lưu ý khi giới thiệu (nói) về một tác phẩm văn học / nghệ thuật:  + Chọn những tác phẩm mình yêu thích, tìm hiểu kĩ về tác phẩm. Nên lựa chọn tác phẩm tùy bút hoặc tản văn để đạt mục đích củng cố kiến thức về thể loại của bài học.  + Giới thiệu đầy đủ cả hai phương diện: nội dung và nghệ thuật.  + Đưa ra những nhận xét của bản thân.  + Từ ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu, sinh động.  + Sử dụng kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ, kết hợp trình chiếu để bài nói sinh động, hấp dẫn.  + Trao đổi, tương tác với người nghe trên tin thần cầu thị.  - *Những điểm lưu ý khi nắm bắt (nghe) nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói:*  *+* Tìm hiểu trước về bài thuyết trình.  + Tập trung lắng nghe, nắm bắt và ghi chép những nội dung chính và quan điểm của người nói.  + Đánh dấu những điểm mới mẻ, thú vị hoặc những điểm cần trao đổi.  + Có thái độ lịch sự, đúng mực khi trao đổi. |

***\* Bảng tổng hợp về sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong 3 VB: Ai dã đặt tên cho dòng sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Dấu hiệu nhận biết sự kết hợp yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình** | **Tác động của sự kết hợp đến người đọc** |
| ***Ai đã đặt tên cho dòng sông?*** | Miêu tả thủy trình của sông Hương từ thượng nguồn đổ ra biển trong niềm cảm xúc dạt dào của nhà văn về con sông từ các góc nhìn: thiên nhiên, văn hóa, lịch sử,… | Mở rộng những hiểu biết về sông Hương. Dòng sông như có hồn, gắn bó máu thịt với con người quê hương xứ sở. |
| ***Cõi lá*** | Miêu tả cảnh sắc Hà Nội trong hiện tại và kí ức gắn với mỗi mùa cây thay lá với các cung bậc cảm xúc: rộn ràng, hoài niệm, chờ mong, hân hoan, vui sướng… | Yêu mến thiên nhiên Hà Nội và tâm hồn người Hà Nội. Từ đó, có ý thức giữ gìn vẻ đẹp văn hóa của Thủ đô. |
| ***Trăng sáng trên đầm sen*** | Miêu tả cảnh đêm trăng sáng trên đầm sen từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể với những suy tư, liên tưởng và cảm xúc lãng mạn, bay bổng. | Nhận thức rõ hơn vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống và tâm hồn con người. Được chiêm ngưỡng vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên, tâm hồn con người trở nên cân bằng, tươi mới hơn. |

**5. HDVN:**

- Hoàn thiệnn bài tập, chủ động ôn tập lại kiến thức *Bài 1 – Thông điệp từ thiên nhiên.*

- Soạn Bài 2 – Văn bản 1 - *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.*

Ngày soạn:

**BÀI 2 HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**(Văn bản nghị luận)**

Thời gian thực hiện: 12 tiết

(Đọc: 5.5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 4 tiết, Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0.5 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

-Nhận biết và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được nhan đề của văn bản nghị luận.

- Xác định và giải thích được nghĩa của từ.

– Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

– Chuẩn bị được hành trang và xác định được mục tiêu phấn đấu cho tương lai.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực chung***

– Năng lực tự chủ và tự học: thông qua hoạt động chuẩn bị bài trước ở nhà, hoạt động luyện tập vận dụng.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua hoạt động nhóm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua hoạt động thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết phân tích và đánh giá được một số tác phẩm truyện.

***2.2. Năng lực đặc thù***

***– Năng lực văn học:***

+ Năng lực đọc – hiểu văn bản: Thông qua việc tìm hiểu về đặc điểm của văn bản, HS biết cách phân tích những đặc trưng của thể loại văn bản.

+ Năng lực tạo lập văn bản: Biết cách vận dụng kiến thức để viết một bài văn.

***– Năng lực ngôn ngữ:***

+ Biết lựa chọn ngôn ngữ khi viết một bài văn.

+ Trình bày kết quả học tập một cách tự tin, có sức thuyết phục.

**3. Về phẩm chất:**

– Chăm chỉ thực hiện nhiệm vụ học tập.

– Có trách nhiệm với bản thân, với tập thể, đóng góp công sức của bản thân để hoàn thành mục tiêu học tập.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- Giấy A0, A4 để các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm và các mẫu Phiếu học tập.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:***- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Em đã có những chuẩn bị cho tương lai của mình hãy chưa? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a.Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

**b.Nội dung**: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân quan sát bức ảnh khoa học viễn tưởng về thế giới tương lai và thực hiện những yêu cầu.

**c.Sản phẩm**: Những chia sẻ của học sinh.

**d.Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh về khoa học viễn tưởng về thế giới tương lai và trả lời những câu hỏi sau:   * Bức tranh thể hiện những hình dung gì về thế giới tương lai? * Theo em, thế giới tương lai sẽ có gì khác so với hiện tại? * Mỗi cá nhân và toàn xã hội cần chuẩn bị những hành trang gì để thích nghi với thế giới tương lai đó?   ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.  - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  ***\*Bước 4:*  Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá. | + Bức tranh thể hiện sự phát triển của thế giới trong tương lai, được thay thế bởi máy móc, công nghệ hiện đại, nhưng kéo theo hệ quả xấu cho môi trường sinh thái.  + Theo em, thế giới tương lai sẽ hiện đại hơn, nhiều máy móc, công nghệ sẽ thay thế dần một số vị trí của con người.  + Mỗi cá nhân và toàn xã hội cần chuẩn bị những hành trang về mặt tri thức và luôn sẵn sàng đối đầu với mọi thách thức. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được nhan đề của văn bản nghị luận.

- Xác định và giải thích được nghĩa của từ.

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực đặc thù: Đọc, viết.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các văn bản đọc ở các tiết học sau.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại***  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về đặc điểm của văn bản nghị luận  - GV hướng dẫn HS chia lớp thành 4 nhóm.  - GV yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị về mục Tri thức ngữ văn và làm việc cá nhân, hoàn thiện hai phiếu học tập:  .     Nhóm 1: Chỉ ra tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận bằng cách hoàn thành Phiếu học tập số 1 theo PHỤ LỤC 1.  ·     Nhóm 2: Chỉ ra vai trò của yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong VB nghị luận bằng cách hoàn thiệnn Phiếu học tập số 2 theo PHỤ LỤC 1.  Nhóm 3*: Nhan đề của văn bản nghị luận giúp ích gì cho bài văn nghị luận.*  Nhóm 4*: Xác định và giải thích được nghĩa của từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | 1. **Một số tri thức về thể loại văn bản nghị luận**   \* Phiếu học tập số 1  - Tính thuyết phục của lí lẽ thể hiện ở chỗ soi chiếu vấn đề trên nhiều khía cạnh, có những cơ sở vững chắc (từ lí thuyết và thực tiễn) để làm điểm tựa  cho lập luận.  - Tính thuyết phục của bằng chứng thể hiện ở việc lựa chọn bằng chứng phù hợp, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ.  - Cách biểu đạt: tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng còn thể hiện ở những cách biểu đạt độc đáo, ấn tượng, giàu tính hùng biện nhằm tác động vào tư tưởng, tình cảm của người đọc.  **2. Yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn nghị luận**  Yếu tố thuyết minh: cung cấp tri thức về nguồn gốc, cấu tạo, vai trò, ý nghĩa… của đối tượng cần bàn luận.  - Yếu tố miêu tả: thể hiện các đặc điểm, tính chất nổi bật của con người, đồ vật, cảnh sinh hoạt…  - Yếu tố tự sự: thuật lại các sự việc liên quan đến luận đề, luận điểm, các bằng chứng trong văn bản.  => Mục đích chung: thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết.  **3. Nhan đề của văn bản nghị luận**  Nhan đề của văn bản nghị luận thường khái quát nội dung chính của văn bản. Bên cạnh đó, để tăng sức thuyết phục, người viết có thể chọn những nhan đề độc đáo, khơi gợi cảm xúc nơi người đọc.  **4. Cách giải thích nghĩa của từ**  - Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ…) mà từ biểu thị. Nghĩa của từ được nhận diện thông qua nhận thức, sự hiểu biết của mỗi người.  - Có thể giải thích nghĩa của từ bằng một số cách chính sau đây:  + Phân tích nội dung nghĩa của từ :  Ví dụ: **Hắn** (khẩu ngữ): từ dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba, với hàm ý coi thường hoặc thân mật. **Hắn** không phải là người tử tế.  + Dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.  Ví dụ: *đẫy đà*: to béo, mập mạp  *bất chợt*: chợt  *bất an*: không yên ổn  + Đối với từ ghép, có thể giải thích nghĩa của từ bằng cách giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.  Ví dụ: *tươi trẻ*: tươi tắn và trẻ trung.  *sơn hà*: *sơn* là núi, *hà* là sông, *sơn hà*: núi sông, thường dùng để chỉ đất đai thuộc chủ quyền của một nước.  - Khi giải thích từ, cần chú ý đến nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.  + Nghĩa gốc là nghĩa ban đầu của từ.  Ví dụ: Tấm thảm trải sàn này đẹp quá!  *Thảm* ở ví dụ trên mang nghĩa gốc, chỉ “hàng dệt bằng sợ to, thường có hàng trang trí, dùng trải trên lối đi, trên sàn nhà”.  + Nghĩa chuyển là nghĩa hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.  **Ví dụ:** Tôi yêu những **thảm** lá vàng tuyệt đẹp ở nơi này.  **Thảm** trong trường hợp này là nghĩa chuyển, chỉ “lớp lá cây dày phủ trên mặt đất”. |

**PHỤ LỤC 1:**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** |

|  |
| --- |
| Tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng VB nghị luận |

|  |
| --- |
| Cách biểu đạt  ....................................................................................................................................  ....................................................................................................................................  ..................................................................................................................................... |

|  |
| --- |
| Tính thuyết phục của lí lẽ  ..................................................................................................................................... |

|  |
| --- |
| Tính thuyết phục của bằng chứng  ....................................................................................................................................... |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** |

|  |
| --- |
| Phiếu học tập số 2  - Yếu tố thuyết minh: …………………………………………………………………..  - Yếu tố miêu tả: ……………………………………………………………………….  - Yếu tố tự sự:………………………………………………………………………….. |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: MỘT CÂY BÚT VÀ MỘT QUYỂN SÁCH CÓ THỂ THAY ĐỔI THẾ GIỚI**

**(**Ma-la-la Diu-sa-phdai)

* 1. **Tìm hiểu khái quát**

1. **Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

**b. Nội dung:**

HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

**\* Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**\* Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

Theo em, một cuốn sách sẽ ảnh hưởng như thế nào tới người đọc? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Giáo dục là ưu tiên hàng đầu đối với mỗi quốc gia. Lý do là bởi vai trò của giáo dục đối với mọi mặt xã hội, mọi lĩnh vực là rất lớn. Nó không chỉ có những tác động tích cực đến cá nhân mỗi người mà còn là cả một tập thể, một thế hệ hơn nữa là cả một thời kỳ, một đất nước. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*để hiểu hơn về vai trò của giáo dục đối với thế giới.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**   1. **Đọc:**   - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định thể loại của văn bản.*  *+ Nhan đề của văn bản giúp ích gì cho người đọc?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **2.Tác giả:**  *- GV yêu cầu HS:*  giới thiệu về tác giả *Ma-la-la Diu-sa-phdai.*  **3.Văn bản**  *GV yêu cầu HS:*  giới thiệu về tác phẩm.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | 1. **Đọc hiểu văn bản**   **1.Đọc**  - Thể loại: Nghị luận.  **-** Nhan đề của tác phẩm cho chúng ta thấy được vai trò và xứ mệnh của việc học quan trọng như thế nào trong đời sống. Nhan đề có ý nghĩa quan trọng trong việc truyền tải phần lớn nội dung của văn bản đến người đọc, người nghe.  **2. Tác giả:**  - Ma-la-la Diu-sa-phdai là một nhà hoạt động xã hội người Pa-kít-xtan, được nhận giải thưởng Nô -ben Hòa bình năm 2014.  - Năm 2012, cô bị các tay súng Ta-li-ban bắn trọng thương do công khai lên tiếng phản đối việc cấm đoán phụ nữ đi học và phá hủy các trường học dành cho trẻ em gái ở Pa-kít-xtan.  12/7/2013 - Ma-la-la Diu-sa-phda đã có bài phát biểu tại Liên Hợp Quốc để kêu gọi quyền tiếp cận giáo dục cho trẻ em gái trên toàn cầu. Từ đó, Liên Hợp Quốc chọn ngày 12/7 hàng năm là ngày Ma-la-la để kỉ niệm sự kiện này.  **3.Văn bản**  - Văn bản được in trong *Những bài diễn văn đã thay đổi thế giới* do Phạm Ngọc Lan dịch.  - NXB Quercus Luân Đôn năm 2014. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.*

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Trình bày luận điểm và lí lẽ dẫn chứng được tác giả sử dụng nhằm làm sáng tỏ mục đích trong văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* Nhiệm vụ 2 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+**Trình bày mục đích và thái độ của tác giả khi viết văn bản trên.*  *+ Các yếu tố tự sự, miêu tả được nêu trong văn bản nhằm mục đích gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. → Ghi lên bảng. | **III. Khám phá văn bản**  **1. *Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***  \* Luận điểm 1: Nêu lí do và khẳng định quyền lợi:  - Lí lẽ dẫn chứng:  + “Hôm nay là ngày của tất cả mọi phụ nữ, mọi thanh thiếu niên nam nữ đã cất cao tiếng nói để bảo vệ quyền lợi của mình”.  + “Tôi cất tiếng – không phải để thét lên, mà để người ta nghe thấy tiếng nói của những người không có tiếng nói.”  + “Tôi cao giọng …không có tiếng nói  => Nhận xét về cách lập luận: chặt chẽ, đưa ra nhiều lí lẽ và dẫn chứng phù hợp. Việc lặp lại “đó là lí do tại sao” có tác dụng nhấn mạnh cách bằng chứng được nêu ra. Cách đưa ra quan điểm kiểu này khơi gợi cho người đọc những liên tưởng và khiến họ cảm thấy sự đúng đắn cho vấn đề được nêu ra ở sau.  \* Luận điểm 2: Đưa ra các nguyên nhân nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.  + “Ở Ấn Độ, nhiều em bé vô tội và nghèo khổ vẫn là nạn nhận của tệ lạm dụng lao động trẻ em.”  + “Ở Nigeria, nhiều trường học bị tàn phá.”  + Người dân ở Áp-ga-nít-xtan suốt nhiều thập kỉ qua đã phải chịu thiệt thòi vì những rào cản của chủ nghĩa cực đoan.  + …  =>Hệ thống lí lẽ kèm dẫn chứng hợp lí, rõ ràng để chứng minh. Những dẫn chứng mà tác giả lấy chủ yếu là những thực trạng tồi tệ mà chiến tranh, đói nghèo, bất công… gây ra cho con người. Cách biểu đạt độc đáo đã tác động vào tư tưởng, tình cảm của người đọc.  \* Luận điểm 3: Lời kêu gọi  - Lí lẽ dẫn chứng:  + “Chúng tôi kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới rằng tất cả các thỏa thuận hòa bình phải hướng đến bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em […].  + “Chúng tôi kêu gọi tất cả các chính phủ hãy đảm bảo giáo dục bắt buộc miễn phí cho tất cả các trẻ em trên toàn thế giới.  + ….  ***2. Mục đích và thái độ của tác giả.***  - Mục đích: Văn bản viết ra nhằm đòi quyền lợi được đi học của các bé gái, quyền được sống trong một đất nước hòa bình và bình đẳng.  - Thái độ: Tác giả đã bày tỏ thái độ quyết liệt, mạnh mẽ cùng sự đồng cảm giữa con người với người làm nổi bật ý chí và mục đích của văn bản.  - Các yếu tố tự sự, miêu tả (nếu có) được nêu trong văn bản nhằm mục đích:  + Tái hiện rõ nét đời sống, thực trạng của con người đang khốn khó và khổ cực như thế nào trong hiện tại.  + Làm nổi bật các luận điểm, luận cứ giúp người đọc, người nghe dễ dàng nắm bắt.  + Giúp cho văn bản trở nên hấp dẫn và thu hút người đọc, người nghe. |

**2.3. Tổng kết**

1. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
2. **Nội dung**: Học sinh khái quá giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi: Nêu nội dung và nghệ văn bản nghị luận trên.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu:  *+ Hãy rút ra nội dung chính của văn bản.*  *+ Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1.Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật**  **a.Nội dung**  **Lời kêu gọi của Ma-la-la trước toàn thế giới để đấu tranh cho quyền đi học của các bé gái, quyền được sống trong một đất nước hòa bình và bình đẳng.**  **b. Nghệ thuật**  - Văn phong tao nhã, cách cảm nhận tinh tế của một cây bút giàu trí tuệ, tổng hợp từ vốn hiểu biết sâu rộng đã làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của văn bản nghị luận.  - Hệ thống lí lẽ, dẫn chứng chặt chẽ, có sức thuyết phục cao.  **2. Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc hiểu loại văn bản:**  - Chú ý tìm ra các luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng để thấy được sự liên kết của văn bản.  - Cần hiểu được mục đích và đối tượng hướng đến của văn bản.  + Lập luận chặt chẽ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

*Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về điều bản thân cần làm để tuổi trẻ có ý nghĩa***.**

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: yêu cầu học sinh t*riển khai vấn đề nghị luận.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và tìm các luận điểm.  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | Có thể theo hướng sau:  - Tuổi trẻ là giai đoạn thanh xuân, là quãng đời đẹp đẽ, có ý nghĩa nhất của đời người… Song thời gian là một dòng chảy thẳng, tuổi trẻ sẽ dần qua đi. Mặt khác, ở độ tuổi này, chúng ta dễ đối mặt với phải nhiều cám dỗ cuộc đời.  - Vây phải làm gì để tuổi trẻ có ý nghĩa?  + Trau dồi kiến thức, hiểu biết.  + Bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách; sống có ước mơ, lí tưởng.  + Tích cực tham gia hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện.  + Dành thời gian quan tâm đến gia đình, đến những người thân yêu.  + Biết hưởng thụ cuộc sống, quan tâm đến bản thân.  + Từ đó phê phán những người sống uổng phí tuổi trẻ và rút ra bài học cho bản thân. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  *Viết bài văn* *trình bày ý kiến của em về vai trò của tri thức trong tương lai.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

1. **Củng cố:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động.  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học.  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập.  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**Ngày soạn: ......**

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**Tiết …. VĂN BẢN 2: NGƯỜI TRẺ VÀ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ XXI**

**(Đỗ Thị Ngọc Quyên, Nguyễn Đức Dũng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI*.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI*.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản *Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI*.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

**3. Về phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tìm kiếm và xác định mục tiêu phấn đấu trong tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Tranh ảnh.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút dạ, giấy A0.

**2. Học liệu**

- KHBD, SGK, SGV, SBT.

- PHT số 3,4.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Bạn quan tâm điều gì về tương lai?  + Bạn đã trau dồi những kĩ năng gì để chuẩn bị cho tương lai của chính mình?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, lắng nghe.  - GV quan sát.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Gv tổ chức hoạt động.  - Hs trả lời câu hỏi.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài. | - Em quan tâm sau này mình sẽ trở thành người thế nào, điều gì sẽ xảy ra trong tương lai?  - Để chuẩn bị cho tương lai, em đã chăm chỉ học tập và trau dồi các kĩ năng tin học, làm việc … |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản và tìm hiểu chung về văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:**  **2. Tác giả**  **3. Tác phẩm**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + Hướng dẫn cách đọc văn bản.  + Xác định thể loại, phương thức biểu đạt và tóm tắt văn bản.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Tóm tắt: Thế kỉ XXI – thế kỉ toàn cầu hóa sâu rộng, thế giới đã trở nên “phẳng” và “ảo” với mạng Internet và các ứng dụng công nghệ truyền thông. Chúng ta cần nắm vững kiến thức cốt lõi của ngành, kiến thức của các ngành gần, ngành liên quan vì thế giới hiện đại không thể chia tách các ngành, các lĩnh vực, mà chúng tồn tại ràng buộc, lệ thuộc, tương tác với nhau. Thêm nữa, các vấn đề xã hội hiện đại đòi hỏi các giải pháp liên ngành, do vậy kiến thức liên ngành ngày càng trở nên quan trọng. Vì vậy, chúng ta không chỉ nắm vững kiến thức cốt lõi của ngành mà còn hiểu biết về kiến thức của các ngành gần, ngành liên quan. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Đỗ Thị Ngọc Quyên.  - Nguyễn Đức Dũng.  **2. Văn bản**  - **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI trích từ trang web của Bộ Khoa học và Công nghệ, ngày 9/9/2021.  **https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/20614/cong-nghe-ai-cua-hien-tai-và-tuong-lai.aspx**)  - Thể loại: Văn bản nghị luận.  - Phương thức biểu đạt: nghị luận, thuyết minh.  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “kỉ nguyên bất định ở thế kỉ XXI” : Giới thiệu về bối cảnh và hành trang tri thức mà người trẻ cần chuẩn bị.  + Phần 2: Tiếp đến “để ứng phó với bất định”: Chuẩn bị hành trang về kĩ năng.  + Phần 3: Tiếp đến hết: Chuẩn bị hành trang về thái độ. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản nghị luận.

- Biết xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy; biết phân tích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề; biết phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố trong văn bản nghị luận.

- Biết xác định yếu tố thuyết minh và nêu tác dụng của yếu tố trong văn bản.

- Chỉ ra được mục đích và thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản.

- Bày tỏ thái độ, cách đánh giá đối với vấn đề nghị luận.

- Biết liên hệ với bản thân, trân trọng vấn đề gợi ra từ tác phẩm.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy. (Gv kết hợp sử dụng PHT số 3, Hs làm việc nhóm)    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở.  - HS thảo luận.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Yếu tố thuyết minh và tác dụng**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ.  Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố thuyết minh trong văn bản.(Hs làm việc nhóm đôi).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở.  - HS thảo luận.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Mục đích và thái độ của người viết**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Bạn hãy chỉ ra mục đích và thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản. (Hs làm việc cá nhân).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở.  - HS theo dõi văn bản thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo sản phẩm.  - HS báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV mở rộng:  1. Bạn có đồng ý với “thái độ phù hợp với sự bất định” được trình bày ở đoạn cuối của văn bản không? Vì sao?  2. Trong “Khung kĩ năng thế kỉ XXI”, những kĩ năng nào bạn thấy bản thân cần trau dồi thêm? Bạn sẽ làm gì để hình thành, phát triển các kĩ năng ấy? | **II. Khám phá văn bản**  **1. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy.**  **a. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng**  - Luận đề: Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI  - Luận điểm:  \* Luận điểm 1. Người trẻ cần chuẩn bị hành trang tri thức.  - Lí lẽ:  + Kiến thức cốt lõi của ngành là quan trọng và tất yếu.  + Khối kiến thức chung cũng quan trọng.  + Khối các môn học cần có là tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ toàn cầu...  - DC: Giải pháp liên ngành đã trở nên hiển hiện nhất trong đại dịch Covid-19. Trong lúc nước sôi lửa bỏng, chống dịch cấp quốc gia và trên toàn cầu là bài toán không thể giải chỉ bằng các mô hình dịch tễ hay các giải pháp y tế, mà còn đòi hỏi các tính toán về công bằng, an sinh xã hội, về tâm lí xã hội và cách tiếp cận cộng đồng.  \* *Luận điểm 2*. Người trẻ cần chuẩn bị hành trang về kĩ năng.  + Thiếu kĩ năng làm việc là vấn đề.  + Ba khối kĩ năng trọng yếu cho sinh viên.  - DC: “Khung kĩ năng của thế kỉ XXI” là chỉ dẫn giúp thu hẹp khoảng cách giữa việc đào tạo ở đại học với nhu cầu của doanh nghiệp.  \* Luận điểm 3. Người trẻ cần chuẩn bị hành trang về thái độ.  - Lí lẽ:  + Thái độ là hành trang không thể thiếu.  + Thái độ mà người trẻ cần có: sẵn sàng, chủ động, có sự chuẩn bị, thay vì hoang mang sợ hãi, nghi hoặc.  - DC: Có thể thấy trong khung kĩ năng của công dân thế kỉ XXI đã ẩn chứa một phần thái độ mà những người trẻ cần có.  **b. Mối quan hệ giữa các yếu tố**  - Các luận điểm trong bài văn nghị luận cần được liên kết chặt chẽ với nhau, nhưng cũng phải rành mạch, không trùng lặp.  - Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau để dẫn tới kết luận.  - Lí lẽ và bằng chứng chứng minh cho luận điểm, luận điểm chứng minh cho luận đề.  **2. Yếu tố thuyết minh và tác dụng**  - Yếu tố thuyết minh: khối các môn học cốt lõi mà sinh viên...; khối kiến thức chung liên ngành bao gồm: Hiểu biết...  => cung cấp tri thức về nguồn gốc, cấu tạo, vai trò, ý nghĩa của việc cần phải có những hành trang vào thế kỉ XXI.  **3. Mục đích và thái độ của người viết**  - Mục đích: Khẳng định sự bất định của thế giới trong tương lai và nhắc nhở người trẻ về việc chuẩn bị những hành trang (tri thức, kĩ năng, thái độ) cho thế kỉ mới.  - Thái độ: kiên quyết, mạnh mẽ và dứt khoát. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh.

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ.  Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV quan sát, hướng dẫn.  - HS suy nghĩ.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm.  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Cách tổng kết 2**  **PHT số 4**   |  |  | | --- | --- | | **Những điều em nhận biết và làm được** | **Những điều em còn băn khoăn** | |  |  | | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Văn bản đề cập đến những hành trang cần thiết mà người trẻ cần chuẩn bị cho thế kỉ XXI.  **2. Nghệ thuật**  - Sử dụng vốn từ ngữ, sự hiểu biết sâu rộng đã làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của văn bản nghị luận.  - Hệ thống lí lẽ, dẫn chứng chặt chẽ, có sức thuyết phục cao. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

Luận đề

Lí lẽ - DC

Lí lẽ - DC

Lí lẽ - DC

Luận điểm 2

Luận điểm1

Luận điểm 3

Luận điểm 4

Lí lẽ - DC

Luận đề: Người trẻ cần mang theo những hành trang gì để bước vào thế kỉ XXI?

Luận điểm 3: Hành trang thái độ

Lí lẽ -DC

+ Thiếu kĩ năng làm việc là vấn đề

+ Ba khối kĩ năng trọng yếu cho sinh viên.

- DC: “Khung kĩ năng của thế kỉ XXI” là chỉ dẫn giúp thu hẹp khoảng cách giữa việc đào tạo ở đại học với nhu cầu của doanh nghiệp.

Lí lẽ - DC

+ Thái độ là hành trang không thể thiếu.

+ Thái độ mà người trẻ cần có: sẵn sàng, chủ động, có sự chuẩn bị, thay vì hoang mang sợ hãi, nghi hoặc.

- DC: Có thể thấy trong khung kĩ năng của công dân thế kỉ XXI đã ẩn chứa một phần thái độ mà những người trẻ cần có.

Lí lẽ - DC

- Kiến thức cốt lõi của ngành là quan trọng và tất yếu.

- Khối kiến thức chung cũng quan trọng.

- Khối các môn học cần có là tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ toàn cầu...

DC: Giải pháp liên ngành đã trở nên hiển hiện nhất trong đại dịch Covid-19. Trong lúc nước sôi lửa bỏng, chống dịch cấp quốc gia và trên toàn cầu là bài toán không thể giải chỉ bằng các mô hình dịch tễ hay các giải pháp y tế, mà còn đòi hỏi các tính toán về công bằng, an sinh xã hội, về tâm lí xã hội và cách tiếp cận cộng đồng.

Luận điểm 2: Chuẩn bị hành trang về kĩ năng.

Luận điểm1: Chuẩn bị hành trang tri thức

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Làm bài tập trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ.  GV tổ chức trò chơi ngôi sao may mắn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi hs trả lời.  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 1: Văn bản “Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI” là của tác giả nào?**  A. Đỗ Thị Ngọc Quyên  B. Nguyễn Đức Dũng  C. Cả hai đáp án trên đều đúng  D. Cả hai đáp án trên đều sai  **Câu 2: Theo tác giả bài viết thì giới trẻ cần chuẩn bị những gì cho thế kỉ XXI?**  A. Trang bị tri thức  B. Kĩ năng  C. Thái độ  D. Tất cả các đáp án trên  **Câu 3: Vì sao chúng ta cần phải nắm bắt kiến thức các ngành gần, các nhà liên quan?**  A. Vì thế giới hiện đại không thể tách các ngành, các lĩnh vực  B. Tất cả chúng có sự ràng buộc, lệ thuộc, tương tác với nhau  C. Các vấn đề hiện đại đòi hỏi các giải pháp liên ngành  D. Tất cả các đáp án trên  **Câu 4: Theo tác giả, trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, thế giới đã trở nên thế nào?**  A. Phẳng và ảo với mạng internet cùng các ứng dụng công nghệ truyền thông  B. Sự bất định lan truyền với tốc độ chóng mặt và xảy ra trên quy mô lớn  C. Cả hai đáp A và B  D. Cả hai đáp án trên đều sai  **Câu 5: Câu chuyện liên ngành được chứng thực nhất khi nào?**  A. Đại dịch Covid-19  B. Trong cuộc chiến trong HIV  C. Trong cuộc chiến chống ma túy  D. Tất cả đáp án trên  **Câu 6: Chống dịch Covid-19 là bài toán nan giải cần có các giải pháp nào?**  A. Mô hình dịch tễ, y tế bài toán về công bằng, an sinh xã hội, về tâm lí xã hội và cách tiếp cận cộng đồng  B. Có hệ thống dịch tễ và phương pháp y tế hiện đại  C. Sản xuất thuốc điều trị Covid-19  D. Tất cả các đáp án trên  **Câu 7: Tổ chức Partnership for 21st Century skills gọi tắt là gì?**  A. P20  B. P21  C. P22  D. P23  **Câu 8: Khung kĩ năng của thế kỉ XXI cần có bộ kĩ năng nào?**  A. Bộ kĩ năng sống và làm việc  B. Bộ kĩ năng học tập và sáng tạo  C. Bộ kĩ năng ICT (công nghệ, truyền thông, thông tin)  D. Tất cả các đáp án trên  **Câu 9: Để xây dựng thành công các bộ kĩ năng cần có sự chuẩn bị như thế nào?**  A. Môi trường học tập, phát triển nghề nghiệp  B. Chương trình giáo dục và phương pháp sư phạm  C. Các bộ chuẩn và đánh giá  D. Tất cả các đáp án trên  **Câu 10: Theo tác giả khối các môn học cốt lõi mà sinh viên trong thế kỉ XXI cần có là gì?**  A. Tiếng mẹ đẻ, tiếng Anh, Nhân văn  B. Toán, kinh tế, khoa học, địa lí, lịch sử  C. Quản lí nhà nước  D. Tất cả các đáp án trên |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (HS làm ở nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ.

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về việc cần thiết phải chuẩn bị hành trang khi bước vào thế kỉ XXI.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

Ngày soạn:

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết …: GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Về kiến thức:** Hiểu được nghĩa của từ và cách sử dụng.

## **2. Về năng lực:**

## *- Năng lực đặc thù:* ***Giải thích được nghĩa của từ.***

**- Năng lực chung: NL giao tiếp và hợp tác:** Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi ở hoạt động *Tìm hiểu tri thức tiếng Việt* và nhóm ở hoạt động *Luyện tập*.

**3. Về phẩm chất**:

- Chăm chỉ luyện tập kĩ năng thực hành tiếng Việt.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

* Máy chiếu, micro, bảng, phấn.
* SGK, SGV.
* PHT.
* Bảng kiểm.

**2. Học liệu:**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** Kiến thức ở phần Tri thức Ngữ văn

**3. Bài mới: Thực hành Tiếng Việt:** Giải thích nghĩa của từ

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện.

**b. Nội dung:** Giải thích nghĩa của từ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời miệng của HS về nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| B1. Chuyển giao nhiệm vụ  * **GV tổ chức hoạt động tìm hiểu kiến thức:** GV tổ chức hoạt động NỐI – GHÉP các cách giải thích nghĩa của từ.   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Theo định nghĩa của từ tượng hình và tượng thanh.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**   Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay, Thực hành tiếng Việt trang 45. | Các cách giải thích nghĩa của từ  **1. Phân tích nội dung nghĩa của từ**  Chỉ ra phạm vi sử dụng, loại từ, khả năng kết hợp của từ, chú ý đến sự khác nhau của các từ đồng nghĩa.  **2. Dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa**  Tìm các từ đồng nghĩa tương đương, dễ hiểu hơn từ cần giải thích. Có thể tìm thêm các từ trái nghĩa. Có thể nói thêm sự khác biệt về sắc thái nghĩa và cách dùng các từ.  **3. Giải nghĩa các thành tố trong từ**  Tách từng yếu tố để định nghĩa. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NHẬN BIẾT.... (Kiến thức Tiếng Việt được học)**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định và phân tích được nghĩa của từ.

- Giải thích được nghĩa của từ cần giải thích.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. NHẬN BIẾT....** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Nghĩa của từ là gì?*  + Có thể giải thích nghĩa của từ bằng cách nào?  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | \* **Cách giải thích nghĩa của từ**  - Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ…) mà từ biểu thị. Nghĩa của từ được nhận diện thông qua nhận thức, sự hiểu biết của mỗi người.  - Có thể giải thích nghĩa của từ bằng một số cách chính sau đây:  + Phân tích nội dung nghĩa của từ bằng một số cách chính sau đây:  **Ví dụ:** **Hắn** (khẩu ngữ): từ dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba, với hàm ý coi thường hoặc thân mật. **Hắn** không phải là người tử tế.  + Dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.  **Ví dụ:** *đẫy đà*: to béo, mập mạp  *bất chợt:* chợt  *bất an*: không yên ổn  + Đối với từ ghép, có thể giải thích nghĩa của từ bằng cách giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.  **Ví dụ**: *tươi trẻ*: tươi tắn và trẻ trung.  *sơn hà:* *sơn* là núi, *hà* là sông, *sơn hà*: núi sông, thường dùng để chỉ đất đai thuộc chủ quyền của một nước.  - Không giải thích từ, cần chú ý đến nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.  + Nghĩa gốc là nghĩa ban đầu của từ.  **Ví dụ:** Tấm thảm trải sàn này đẹp quá!  Thảm ở ví dụ trên mang nghĩa gốc, chỉ “hàng dệt bằng sợ to, thường có hàng trang trí, dùng trải trên lối đi, trên sàn nhà”.  + Nghĩa chuyển là nghĩa hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.  **Ví dụ:** Tôi yêu những**thảm** lá vàng tuyệt đẹp ở nơi này.  **Thảm**trong trường hợp này là nghĩa chuyển, chỉ “lớp lá cây dày phủ trên mặt đất”. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về cách giải thích nghĩa của từ.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi liên quan đến cách giải thích nghĩa của từ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Luyện tập về cách giải thích nghĩa của từ.  - GV yêu cầu HS làm những bài tập sau:  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  → Ghi lên bảng. | **Bài 1:**  a. *quyền lợi*: Quyền lợi là Quyền được hưởng những lợi ích về chính trị xã hội, về vật chất, tinh thần do kết quả hoạt động của bản thân tạo nên hoặc do phúc lợi chung.  ->  Giải thích nghĩa bằng cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.  b. *giáo dục*: Giáo dục là hình thức học tập theo đó kiến thức, kỹ năng, được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua giảng dạy, đào tạo, hay nghiên cứu.  ->  Giải thích nghĩa bằng cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.  c. *hiểu biết*: Biết rõ, hiểu thấu.  --> Giải thích nghĩa bằng cách: dùng một số từ đồng nghĩa và trái nghĩa với từ cần giải thích.  d. *chiến thắng*: chiến đấu hoặc trong một cuộc thi đấu thể thao chiến thắng giặc ngoại xâm giành chiến thắng chung cuộc.  ->  Giải thích nghĩa bằng cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.  **Bài 2:**  a. Trong các nghĩa của từ “quả”, 1. nghĩa  bộ phận của cây do bầu nhụy hoa phát triển mà thành, bên trong chứa hạt. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* (tục ngữ) là nghĩa gốc.  Nghĩa chuyển là 2. Từ dùng để chỉ từng, đơn vị những vật có hình giống như quả cây: quả bóng, quả trứng gà, quả lựu đạn, quả tim,... 3. Đồ để đựng bằng gỗ, hình hộp tròn, bên trong chia thành nhiều ngăn có nắp đậy: quả trầu. Bưng quả đồ lễ. 4. (kết hợp hạn chế, dùng đi đôi với nhận), Kết quả (nói tắt), Có nhân thì có quả, Quan hệ giữa nhân và quả. 5. (khẩu ngữ) Món lợi thu được trong làm ăn, buôn bán; thắng quả; trúng quả; thua liền mấy quả.  b. Các nghĩa của từ “quả” được giải thích theo cách Giải thích nghĩa bằng cách: dùng một số từ đồng nghĩa và trái nghĩa với từ cần giải thích và phân tích nội dung nghĩa của từ.  **Bài 3:**  Phần giải thích nghĩa của từ đả kích và khép nép đúng còn phần giải thích nghĩa của từ trắng thì thiếu do trắng có nhiều nghĩa có thể hiểu như  có màu sáng, phân biệt với những cái cùng loại mà sẫm màu hoặc có màu khác hoàn toàn không có hoặc không còn gì cả. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hành viết đoạn văn và giải nghĩa từ.

**b. Nội dung:** HS viết đoạn và thực hành giải nghĩa.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  ***Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày một mục tiêu của bạn trong tương lai và những giải pháp để đạt được mục tiêu ấy. Hãy giải thích nghĩa của hai từ ngữ trong đoạn văn và cho biết bạn đã giải thích theo cách nào.***  Học sinh thảo luận và thực hiện.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện trình bày, thuyết trình.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo. | Bài làm của học sinh  Tham khảo bài làm ở phụ lục  Dàn ý tham khảo  **1. Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: mục tiêu sống (học sinh tự lựa chọn cách viết mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp cho bài làm văn của mình tùy thuộc vào khả năng của từng người).  **2. Thân đoạn:**  **a. Giải thích**  Mục tiêu sống: những suy nghĩ, hành động tích cực của con người, hướng đến những điều tốt đẹp và cao cả.  Mục tiêu sống ảnh hưởng quan trọng đến suy nghĩ và hành động của con người đặc biệt là các bạn thanh niên hiện nay.  **b. Phân tích**  - Biểu hiện của người sống có mục tiêu:  Biết phấn đấu, vươn lên trong cuộc sống của mình, nỗ lực hết sức để mong muốn đạt được những thành tựu cho riêng mình.  Khi vấp ngã không chán nản, buông xuôi mà tìm cách đứng dậy sau vấp ngã để đi tiếp con đường mình đã chọn.  - Lợi ích của việc sống có mục tiêu:  Mang đến cho con người những thành quả sau bao nỗ lực, cố gắng.  Giúp chúng ta tôi luyện những phẩm chất quý giá: chăm chỉ, cần cù, lạc quan.  Khiến chúng ta được người khác yêu thương, tin tưởng và học tập theo.  **c. Chứng minh**  Học sinh lấy dẫn chứng về những người trẻ sống có lí tưởng, có mục tiêu nổi bật, tiêu biểu mà được nhiều người biết đến.  **d. Phản biện**  Trong xã hội vẫn còn nhiều người sống không có ước mơ, hoài bão, vô cảm hoặc có ước mơ nhưng không cố gắng thực hiện mà chỉ hão huyền, viển vông về một cuộc sống tốt đẹp hơn → những người này đáng bị phê phán, chỉ trích.  **3. Kết đoạn**: Khái quát lại tầm quan trọng của mục tiêu sống, đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân. |

**4. Củng cố: GV** hệ thống lại nội dung bài học.

**5. HDVN:** HS soạn phần đọc mở rộng theo thể loại *Hình tượng con người chinh phục thế giới trong “Ông già và biển cả”****.***

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI (Văn bản nghị luận)**

**VĂN BẢN 3: (Đọc kết nối chủ điểm)**

**CÔNG NGHỆ AI CỦA HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI**

**A. MỤC TIÊU**

**1: Về kiến thức:**

- Nhận diện và phân tích được thể loại của văn bản.

- Phân tích, tổng hợp các thông tin, kiến thức từ văn bản.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản *Công nghệ AI của hiện tại và tương lai.*

**2.Về năng lực:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

**3.Về phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tìm kiếm và xác định mục tiêu phấn đấu trong tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.

- Tranh ảnh, tài liệu nghe nhìn liên quan đến trích đoạn: máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh tư liệu liên quan.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- Phiếu học tập : GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu trước khi đọc, sau khi đọc) trong SGK thành phiếu học tập.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:**  SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung: N**êu những vấn đề cơ bản tạo tâm thế cho HS tiếp thu, hình thành kiến thức mới.

**c. Sản phẩm:** Hệ thống câu hỏi gợi mở, bảng biểu, clip, đạo cụ, tranh ảnh, trò chơi...

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS quan sát và ghi nhận thông tin về một đoạn clip ghi nhận những phát triển vượt bậc của công nghệ AI hiện nay và đặt ra câu hỏi “Theo em, do đâu mà công nghệ AI ngày càng phát triển? Đó có phải là một dấu hiệu tốt cho sự phát triển của nhân loại?”  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi và ghi nhận thông tin từ đoạn clip.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Thảo luận nhóm đôi và đưa ra ý kiến đóng góp cho tiết học.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá trên tinh thần tiếp nhận các ý kiến, suy nghĩ của HS.  GV dẫn dắt vào bài học mới. | - Phần thảo luận và trả lời của HS. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2. Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:** Nắm được thông tin văn bản truyền tải về công nghệ AI trong hiện tại và tương lai. Biết khái quát nội dung chính của văn bản bằng một đoạn văn hoặc sơ đồ. Đồng thời, hiểu được những thông điệp mà văn bản muốn truyền tải.
2. **Nội dung:** Chú trọng kĩ năng tổng hợp và phân tích thông tin văn bản đưa ra nhằm giúp HS giải quyết nhóm câu hỏi của phần sau khi đọc.
3. **Sản phẩm:** Đọc hiểu văn bản theo đúng các yêu cầu cần đạt.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ và trả lời các câu hỏi của phần sau khi đọc.  - Tổ 1: câu 1  - Tổ 2: câu 2  - Tổ 3: câu 3  - Tổ 4: câu 4  - GV lưu ý học sinh trả lời câu hỏi Sau khi đọc cần bám sát tri thức Ngữ Văn đã học về đặc trưng thể loại văn bản thông tin.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận theo sự hướng dẫn của GV.  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV mời HS đại diễn của mỗi nhóm trình bày phần trả lời câu hỏi. Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV chốt ý kiến và nhận xét. | **Câu 1:**  Công nghệ AI là công nghệ được quan tâm phát triển bậc nhất hiên nay, được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, ngày càng phổ biến và ứng dụng rộng rãi. AI là công nghệ sử dụng kĩ thuật số, nổi bật là năng lực tự học có thể tự phân tích, phán đoán trước các dữ liệu mới mà không cần sự hỗ trợ của con người và có khả năng tự thích nghi.... Từ những dự đoán về ứng dụng công nghệ AI mà các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp, khởi nghiệp và chính phủ có thể định hướng mục tiêu phát triển trong tương lai như hỗ trợ hệ thống cổng thông tin chính phủ, hỗ trợ nhận diện khuôn mặt và hỗ trợ ngành vận tải.  **Câu 2:**  Do đặc trưng của công nghệ AI là năng lực "tự học" của máy tính, có thể tự phán đoán, phân tích trước các dữ liệu mới mà không cần sự hỗ trợ của con người, đồng thời óc khả năng xử lí dữ liệu với số lượng rất lớn ở tốc độ cao, có khả năng tự học và phát triển, đưa ra các lập luận để giải quyết vấn đề...  **Câu 3:**  Theo em AI không thể thay thế hoàn toàn con người trong công việc. Vì:   * Đúng là đã có những robot được phát triển trí thông minh nhân tạo để đọc các tín hiệu cảm xúc, nhưng chúng không thể thay thế con người, nhất là trong các tình huống phức tạp. Chúng có thể ghi nhận cảm xúc, nhưng xây dựng mối quan hệ và thể hiện sự đồng cảm với khách hàng, với đồng nghiệp lại là câu chuyện khác. Vì robot không thể tận dụng và hiểu tâm lí như con người, chúng sẽ không thể đặt ra vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề như những chuyên gia thiết kế sản phẩm, quảng cáo và tiếp thị đang làm. * Về mặt kĩ thuật, tự động hóa đã bắt đầu tiếp quản nhiều nơi làm việc, nhưng doanh nghiệp vẫn cần con người để giám sát nó. Ví dụ như vị trí kế toán hoặc bộ phận hành chính, ở vị trí này nhân sự có thể sử dụng một chương trình để theo dõi doanh thu và chi phí. Nhưng điều gì sẽ xảy ra khi chương trình đó bị treo, có lỗi hệ thống? Chủ doanh nghiệp sẽ chuyển sang sử dụng một phần mềm hoặc quy trình tự động khác ngay không? * Câu trả lời là không, họ cần một người có chuyên môn để phát hiện sai sót, sử dụng những kĩ năng, kinh nghiệm có sẵn để sửa chữa, kiểm tra thiệt hại. Để quản lí nhân viên thì máy tính hay tự động hóa đơn giản không thể thay thế con người. * Có thể nhiều người đã thấy những tin tức về việc robot giao tiếp với nhau, thậm chí là giao tiếp với con người. Nhưng chúng vẫn không thể hoàn toàn thay thế con người, bao gồm cả đối nội trong công ty lẫn đối ngoại với đối tác, khách hàng.   **Câu 4:**  Sự phát triển của AI mang đến những thuận lợi và thách thức:  - Thuân lợi:   * Trí tuệ nhân tạo có thể xử lí khối lượng lớn công việc. Với dữ liệu lớn hơn, nhiều vấn đề hơn cũng như công nghệ AI có thể đưa ra những dự đoán chính xác hơn con người. Đây là một lợi thế lớn của công nghệ AI hiện nay. * Nhận dạng giọng nói: Hầu hết mọi người đều biết cách gọi Siri khi họ cần chỉ đường hoặc hỏi Alexa trong ngôi nhà thông minh của họ để đặt hẹn giờ. * Ô tô tự lái: Máy học và nhận dạng hình ảnh được sử dụng trong các phương tiện tự điều khiển để giúp phương tiện hiểu được môi trường xung quanh và có thể phản ứng tương ứng. * Chatbots: Nhiều công ty đang sử dụng trí tuệ nhân tạo để cải thiện đội ngũ dịch vụ khách hàng của họ. * Mua sắm trực tuyến: Một hệ thống mua sắm trực tuyến sử dụng các thuật toán để tìm hiểu về sở thích của bạn và dự đoán những gì bạn muốn mua. * Dịch vụ phát trực tuyến: Khi người dùng ngồi xem chương trình truyền hình yêu thích hoặc nghe bản nhạc yêu thích, họ có thể nhận được những gợi ý thú vị khác dựa trên sở thích. * Chăm sóc sức khỏe: Trí tuệ nhân tạo đang đóng một vai trò to lớn trong công nghệ chăm sóc sức khỏe dựa trên các công cụ mới có thể chẩn đoán, phát triển thuốc, theo dõi bệnh nhân,… * Hệ thống nhà xưởng, kho bãi: Ngành vận chuyển và bán lẻ sẽ không giống nhau nhờ các phần mềm được liên kết với trí tuệ nhân tạo * Giáo dục: Những thứ như trình kiểm tra đạo văn và công cụ tìm kiếm trích dẫn có thể giúp giáo viên và học sinh sử dụng trí tuệ nhân tạo để cải thiện bài báo và nghiên cứu.   - Thách thức: Sử dụng AI rất tốn kém khi phải xử lý lượng lớn dữ liệu cần thiết cho lập trình AI. Khả năng giải thích sẽ là rào cản đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực hoạt động theo các yêu cầu tuân thủ quy định nghiêm ngặt. Đây là câu trả lời cho câu hỏi về những hạn chế của công nghệ AI là gì? Bởi vì công nghệ này mới và rất phát triển, không phải ở tất cả các quốc gia đều sử dụng AI.  -> Để thích nghi với hoàn cảnh ấy thì người trẻ cần chú ý, tập trung vào học tập, phát triển bản thân để có thể thích nghi cũng như làm chủ được công nghệ đó. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Luyện tập các kĩ năng thiết yếu, củng cố kiến thức cho HS.

**b. Nội dung:** Tổ chức cuộc thi thể hiện những hiểu biết của em về những công nghệ AI đnag được phát triển và ứng dụng trong cuộc sống hiện nay.

**c. Sản phẩm:** Phần tham gia đóng góp kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức cuộc thi thể hiện những hiểu biết của em về những công nghệ AI đnag được phát triển và ứng dụng trong cuộc sống hiện nay. HS đại diện tổ để trình bày hiểu biết về các công nghệ AI hiện đại mà em biết.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo tổ theo hướng dẫn của GV.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trình bày và đóng góp kiến thức cho các bạn khác.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV ghi nhận đóng góp kiến thức của HS. | - HS làm luyện tập theo sự hướng dẫn của GV. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Rèn kĩ năng viết dựa trên kiến thức đã được học từ văn bản.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của bản thân về công nghệ AI.

**c. Sản phẩm:** Bài văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao BTVN yêu cầu mỗi HS viết một đoạn văn 150 chữ trình bày suy nghĩ của bản thân về công nghệ AI.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ theo định hướng của GV.

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS nộp lại bài làm vào tiết học sau.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV nhận xét, góp ý nội dung bài làm của HS.

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VÀ ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**(Hoạt động báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và đọc kết nối chủ điểm)**

**a. Mục tiêu:** Báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và đọc kết nối chủ điểm tại lớp.

**b. Sản phẩm:** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

***\* Giao nhiệm vụ học tập***

GV yêu cầu HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà; chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.

***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện.

***\* Báo cáo thảo luận***

HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc với bạn cùng nhóm đôi, sau đó chia sẻ trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

***\* Kết luận, nhận định***

Với VB *Hình tượng con người chinh phục thế giới trong “Ông già và biển cả”*, GV nhận xét, đánh giá kĩ năng đọc VB nghị luận của HS, sau đó gợi ý câu trả lời:

**Câu 1:** HS vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB dựa vào gợi ý sau:

* Luận đề: Hình tượng ông lão đánh cá trong tác phẩm tượng trưng cho người chinh phục thiên nhiên, suy rộng ra, đó là biểu tượng con người chinh phục thế giới.
* Luận điểm 1: Cuộc chiến của ông lão với con cá khổng lồ là cuộc chiến gay go và ngoan cường, khẳng định sức mạnh cả tinh thần và thể chất của con người.
* Luận điểm 2: Ý nghĩa của việc ông lão chiến thắng con cá kiếm.

**Câu 2:** HS căn cứ vào sơ đồ đã thực hiện ở câu 1 để chỉ phân tích lí lẽ, bằng chứng mà bản thân ấn tượng.

**Câu 3:**

**Mục đích viết của VB:** Thuyết phục người đọc về ý nghĩa của hình tượng ông lão đánh cá trong tác phẩm *Ông già và biển cả*.

Thái độ, tình cảm: Sự nể phục, niềm yêu thích trước hình tượng ông lão đánh cá trong tác phẩm *Ông già và biển cả*.

**Câu 4:** HS chỉ ra các yếu tố thuyết minh, tự sự, miêu tả trong VB và nêu tác dụng của các yếu tố ấy dựa vào bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Một số ví dụ thể hiện trong văn bản** | **Tác dụng** | **Mục đích chung** |
| **Thuyết minh** | Cung cấp tri thức về Ơ nít-xơ-tơ Hê-minh-uây và tác phẩm *Ông già và biển cả* (đoạn đầu VB). | Cung cấp tri thức về bối cảnh để người đọc hiểu hơn về các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB. |  |
| **Tự sự** | “ông lão vẫn kiên cường không bỏ cuộc” “ông lão luôn tự động viên mình”, “ông lão đã chiến thắng”… | Trình bày các sự việc để người đọc hiểu hơn về quá trình ông lão bắt con cá kiếm (các bằng chứng trong VB). | Thuyết phục người đọc về các luận điểm và các luận đề của VB (góp phần thực hiện mục đích viết của VB). |
| **Miêu tả** | “ông lão đã quá già, “ông gần như kiệt sức”, “ông mệt mỏi và suy sụp”… | Giúp người đọc hình dung rõ hơn về hình tượng ông lão đánh cá và con cá kiếm (các bằng chứng trong VB). |

**Câu 5:** HS bày tỏ quan điểm cá nhân. GV có thể tổ chức theo hình thức thảo luận nhóm đôi (think - pair – share), tranh luận ngắn, ghi nhận và tổng kết những ý kiến hay, đáng chú ý.

*\* Với VB Công nghệ AI của hiện tại và tương lai, GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, sau đó gợi ý trả lời:*

**Câu 1:** HS căn cứ vào nhan đề VB và đề mục của các phần để thực hiện tóm tắt nội dung.

Gợi ý: VB đề cập đến những ứng dụng của Al trong hiện tại và tương lai.

**Câu 2:** HS đọc quét tìm thông tin trong VB. Chú ý vào đoạn văn đầu tiên.

Gợi ý: Al có được khả năng vượt trội và ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống vì có khả năng “tự học”, có thể tự phán đoán, phân tích dữ liệu với số lượng rất lớn ở tốc độ cao; có khả năng thích nghi, tự học, tự phát triển, đưa ra lập luận để giải quyết vấn đề, có thể giao tiếp như con người,...

**Câu 3 và câu 4**: HS có quyền trình bày ý kiến theo quan điểm của bản thân. Nếu cần, GV có thể tổ chức tranh luận ngắn và tổng kết những ý kiến hay, đáng lưu ý.

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**PHẦN 3. VIẾT**

**Tiết …..: VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

**2.Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

NL giao tiếp, hợp tác: biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**b. Năng lực riêng biệt:**

+ NL tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

Có ý thức, trách nhiệm trong quá trình thực hiện viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:**

SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ: Không**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nêu một vấn đề xã hội nổi trội.  - Trình bày được quan điểm cá nhân về vấn đề đó.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - Hs có suy nghĩ đúng để trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.  - GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá. | **-** Môi trường: Ô nhiễm.  - Đạo đức, lối sống: Bạo lực học đường. |

.- GV dẫn vào bài học: *Cả lớp vừa được nghe các bạn chia sẻ về các vấn đề xã hội và đưa ra được các quan điểm đúng đắn của các bạn. Để thể hiện quan điểm về một vấn đề xã hội, chúng ta có thể viết bài nghị luận. Cụ thể như thế nào, lớp mình cùng nhau đi vào bài học hôm nay với nội dung: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a.Mục tiêu:**

+ Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

+ Yêu cầu hiểu đúng hướng về kiểu bài về văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu:  + Các nhóm tìm hiểu về tri thức kiểu bài.  + Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện lại tri thức về kiểu bài nghị luận xã hội.(Phiếu giao bài về nhà chuẩn bị- HS trình bày trước lớp)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm tìm hiểu về tri thức kiểu bài.  - Vẽ sơ đồ tư duy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày sơ đồ tư duy trước lớp.  - GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **\* Khái niệm:**  Nghị luận về một vấn đề xã hội là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội), giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó.  **\* Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**  - Có luận điểm rõ ràng, chặt chẽ, thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề.  - Đưa ra hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ, để làm sáng tỏ luận điểm.  - Nêu và phân tích, trao đổi về các ý kiến trái chiều.  - Bố cục bài viết gồm ba phần:  Mở bài: Giới thiệu vấn đề xã hội cần bàn luận, thể hiện rõ quan điểm của người viết về vấn đề đó.  Thân bài: Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết, phản biện các ý kiến trái chiều.  Kết bài: Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề, đưa ra những đề xuất giải pháp phù hợp. |

**Nội dung 2: Phân tích ngữ liệu tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

+ Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

+ Yêu cầu hiểu đúng hướng về kiểu bài về văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV lần lượt cho HS thực hiện yêu cầu:  Phân tích văn bản: Tầm quan trọng của việc học phương pháp học.  **Câu 1 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Bài viết bàn về vấn đề gì? Nhận xét của bạn về hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  **Câu 2 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Tóm tắt nội dung phần mở bài, thân bài, kết bài.  **Câu 3 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Bài viết đã sử dụng những cách thức nào để phần mở bài và kết bài gây ấn tượng?  **Câu 4 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Cách lập luận của tác giả khi trao đổi với ý kiến trái chiều có gì đáng lưu ý?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và nhận xét.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Phân tích ngữ liệu tham khảo**  **Câu 1 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Bài viết bàn về vấn đề gì? Nhận xét của bạn về hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  **Trả lời:**  - Bài viết bàn luận về việc lựa chọn phương pháp học phù hợp.  - Hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản chặt chẽ, có tính thuyết phục cao; thu hút được người đọc, người nghe.  **Câu 2 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Tóm tắt nội dung phần mở bài, thân bài, kết bài.  **Trả lời:**  - Tóm tắt mở bài: Tất cả chúng ta đều suốt đời học tập trong nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng không phải ai cũng thành công. Và yếu tố quan trọng, quyết định cho sự thành công hay thất bại của chúng ta phần lớn là do cách chúng ta lựa chọn phương pháp học.  - Tóm tắt thân bài: Học phương pháp là học các kĩ năng, cách thức để tiếp thu tri thức nhanh nhất và hiệu quả. Theo Prit-men, mỗi quốc gia, mỗi cá nhân cần có sự khôn ngoan và phương pháp tối ưu để nắm bắt các thành tựu khoa học công nghệ của thế giới. Hay Hen-ri A- đam-xơ cũng đã từng khẳng định rằng “Biết cách học là đủ chứng tỏ bạn là người thông thái”. Một phương pháp học tập sai lầm sẽ khiến tốn thời gian mà việc học không hiệu quả. Ngược lại, khi nhận ra những điểm chưa hợp lí trong phương pháp học mà điều chỉnh, ta sẽ tiến bộ rõ rệt. Cũng có ý kiến “Chỉ cần học thuộc những gì thầy cô trên lớp dạy đi thi được điểm tốt là được, tại sao cần phương pháp học?”. Mục đích của việc học là để hoàn thiện con người, trau dồi tri thức, không phải vì điểm số.  - Tóm tắt kết bài: Vậy để thành công, mỗi chúng ta cần hình thành cho mình những phương pháp học tập hiệu quả, phù hợp với khả năng và mục tiêu của bản thân. Như Phrăng- xít Bây – cơn đã nói “Tri thức là sức mạnh”.  **Câu 3:**  Phần mở bài và kết bài gây ấn tượng bằng cách đưa những nhận định của những người nổi tiếng vào để dẫn dắt, đưa ra vấn đề cho bài viết nghị luận. Cách gây ấn tượng này giúp cho bài viết trở nên có tính xác thực, chính xác, thuyết phục, đáng tin cậy hơn. Đồng thời những nhận định ấy còn làm cho bài viết thu hút người đọc, biến bài nghị luận khô khan trở nên thú vị, hấp dẫn hơn.  **Câu 4:**  Cách lập luận của tác giả khi trao đổi với ý kiến trái chiều: tác giả nêu sự không đồng tính với ý kiến theo quan điểm của mình. Tác giả không phản đối gay gắt, mà sử dụng “theo tôi”. Sau khi đưa ra quan điểm không đồng ý, tác giả lí giải lí do vì sao không đồng tình. Cách đưa ra 1 ý kiến và bàn luận về ý kiến đó giúp cho bài viết nghị luận trở nên thuyết phục, có độ tin cậy cao. |

**Nội dung 3: Thực hành viết theo quy trình**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Quy trình viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội (theo PHT).

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuẩn bị viết***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK về quy trình viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.  GV nêu câu hỏi hướng dẫn, định hướng cho HS chuẩn bị trước khi viết.  - Yêu cầu 1 HS nhắc lại đề bài: *Hãy viết văn bản nghị luận trình bày ý kiến về một trong những vấn đề sau:*  *+ Những tấm gương vượt khó vươn lên trong học tập.*  *+ Học tập có phải là con đường duy nhất đến thành công.*  *+ Có phải lúc nào cũng luôn theo đuổi đam mê.*  *+ Chọn lựa nghề nghệp nghe theo cha mẹ hay tự mình quyết định.*  *GV Chia lớp thành 3 nhóm - (Phiếu học tập)*  *- GV yêu cầu HS: Tìm đề tài cho bài viết: Liệt kê những vấn đề mà các em quan tâm vào mẫu – Sau đó chọn 1 vấn đề đã tìm để lập dàn ý, viết bài.*  *Nhóm 1: Vấn đề gia đình.*  *Nhóm 2: Vấn đề trong nhà trường.*  *Nhóm 3: Vấn đề ngoài xã hội.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS đọc chuẩn bị viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS nêu lại bước chuẩn viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | ***1. Chuẩn bị viết***  *- Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc.*  *- Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc.*  *- Thu thập tư liệu.* |

***\* Tìm ý và lập dàn ý***

*- Tìm ý: Luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng.*

*+ Luận điểm của vấn đề nghị luận?Vấn đề cần bàn luận?*

*+ Những lí lẽ, bằng chứng nào làm sáng tỏ luận điểm?*

*+ Có những ý kiến trái chiều nào về vấn đề ? Phản biện ý kiến như thế nào?*

***Gợi ý:***

**-** Niềm đam mê trong cuộc sống.

**-** Vai trò của niềm đam mê giúp ta thực hiện mục tiêu trong cuộc sống.

- Tấm gương tiêu biểu thành công nhờ đam mê: Newton, Ê-đi-xơn.

- Thiếu đam mê ta dễ dàng bỏ cuộc, thất bại trong cuộc sống.

**\* Lập dàn ý:**

*- Lập dàn ý: Sắp xếp các ý đảm bảo yêu cầu bố cục, kiểu bài (xem sơ đồ -SGK- Dàn ý bên dưới)*

**-** *Sắp xếp bố cục như thế nào? Trong mỗi phần sẽ triển khai nội dung gì?*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao đề bài cho HS (vừa đọc to, vừa ghi lên bảng).  - HS nhớ lại nhiệm vụ của 3 phần trong khi lập dàn ý cho đề bài đã chọn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc yêu cầu của đề bài.  - HS viết bài theo quy trình (chú ý bảng kiểm để nắm được các yêu cầu kĩ năng viết bài - Bên dưới)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS đọc dàn ý và đoạn mở bài, kết bài trước lớp.  - GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, góp ý cho HS. | ***2. Tìm ý và lập dàn ý*** |

***Lập dàn ý***

**1. Mở bài**

Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Theo đuổi đam mê, thành công sẽ theo đuổi bạn.

**2. Thân bài**

**- Giải thích:**  
+ "Đam mê": là những mong muốn, khát khao cháy bỏng về một kết quả, mục tiêu nào đó trong cuộc sống, công việc, tình cảm. Chỉ cần có đam mê, quyết tâm theo đuổi những mục tiêu, lí tưởng thì thành công sẽ mỉm cười với bạn.

**- Vai trò của đam mê:**  
+ Người có đam mê sẽ kiên trì với những mục tiêu, ước mơ của bản thân mà không bị dao động bởi những khó khăn, thử thách trong quá trình thực hiện.  
+ Đam mê thắp lên ngọn lửa nhiệt huyết trong trái tim mỗi người, đó cũng là nguồn sức mạnh to lớn giúp con người mạnh mẽ đối mặt với những khó khăn, thử thách.  
+ Đam mê là "đôi tay" nâng đỡ chúng ta khỏi những thất bại và cảm xúc tiêu cực khi đối mặt với những kết quả không mong muốn.  
+ Giúp con người mạnh mẽ, kiên định hơn với con đường mà mình đã lựa chọn.  
+ Đam mê mang đến tình yêu, sự nhiệt huyết trong công việc, qua đó khám phá ra những năng lực, khả năng tiềm ẩn, phá vỡ những giới hạn của bản thân để tự hoàn thiện và phát triển.  
+ Đam mê không chỉ đưa chúng ta đến với thành công mà còn giúp chúng ta sống có ích, không hoài phí tuổi trẻ.

**- Dẫn chứng**:  
+ Đưa ra những dẫn chứng cụ thể , theo đuổi đam mê và thành công: Newton, Ê-đi-xơn, .....

+ Tuổi trẻ ngày nay: Học sinh, sinh viên thành công với những sáng chế khoa học.

**- Phản đề:**  
+ Thiếu đi đam mê chúng ta sẽ dễ dàng chán nản, từ bỏ và không thể đi đến chặng đường cuối cùng của thành công.  
+ Có rất nhiều người sống không có lí tưởng, không có đam mê hay chăng có nhưng đam mê tầm thường.

**- Bài học**: Hãy sống hết mình với đam mê vì khi bạn theo đuổi đam mê thì thành công sẽ đến với bạn.

**3. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề, nêu giải pháp.

**\* Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS hoàn thành phần viết dựa vào dàn ý.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS viết bài theo quy trình (chú ý bảng kiểm để nắm được các yêu cầu kĩ năng viết bài).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS đọc bài viết.  - GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, góp ý cho HS. | **3. Viết bài**  **4. Xem lại, chỉnh sửa** |

***\* Viết bài (Tham khảo). Vai trò đam mê trong cuộc sống***

Ralph Emerson “Đam mê có khả năng tái tạo thế giới cho những người trẻ tuổi. Nó khiến cho mọi thứ trỏ nên sống động và có ý nghĩa”. Điều đó chứng tỏ rằng, có đam mê chúng ta sẽ có động lực để thực hiện được ước mơ, hoài bão của mình và rồi ta sẽ thành công. Vậy thì tại sao, bản thân mỗi người lại không thể vẽ ra cho mình một đam mê và ước muốn cống hiến mình vì niềm đam mê đó.

Đam mê là một cái gì đó lớn lao hơn sở thích và niềm vui. Sở thích có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh, tùy theo trạng thái nhưng đam mê thì không. Nó bền bỉ và gắn kết với con người một cách keo sơn khó có thể thể tách rời. "Đam mê": là những mong muốn, khát khao cháy bỏng về một kết quả, mục tiêu nào đó trong cuộc, công việc, tình cảm. Chỉ cần có đam mê, quyết tâm theo đuổi những mục tiêu, lí tưởng thì thành công sẽ mỉm cười với bạn.

Cũng giống như ý chí và nghị lực, đam mê có vai trò vô cùng quan trọng là động lực để con người vượt qua mọi khó khăn, rào cản để đến với niềm khát khao của mình. Vì có đam mê, chúng ta sẽ không sợ bất kì thử thách nào cả, dù nó có khó khăn và vất vả đến đâu, ta cũng sẽ cố gắng để vượt qua. Đam mê là đòn bẩy, là động lực để con người vươn xa hơn và cao hơn trời bầu trời mơ ước. Cũng nhờ có đam mê mà con người phát huy được hết những khả năng tiềm tàng của mình. Người có đam mê sẽ kiên trì với những mục tiêu, ước mơ của bản thân mà không bị dao động bởi những khó khăn, thử thách trong quá trình thực hiện. Đam mê thắp lên ngọn lửa nhiệt huyết trong trái tim mỗi người, đó cũng là nguồn sức mạnh to lớn giúp con người mạnh mẽ đối mặt với những khó khăn, thử thách. Đam mê là "đôi tay" nâng đỡ chúng ta khỏi những thất bại và cảm xúc tiêu cực khi đối mặt với những kết quả không mong muốn. Giúp con người mạnh mẽ, kiên định hơn với con đường mà mình đã lựa chọn. Đam mê mang đến tình yêu, sự nhiệt huyết trong công việc, qua đó khám phá ra những năng lực, khả năng tiềm ẩn, phá vỡ những giới hạn của bản thân để tự hoàn thiện và phát triển. Đam mê không chỉ đưa chúng ta đến với thành công mà còn giúp chúng ta sống có ích, không hoài phí tuổi trẻ. Niềm đam mê vẽ ra một con đường đi cho tương lai, và cuộc đời ta sẽ dấn mình và theo đuổi con đường ấy đến khi nào ta chạm đến cuối đường. Chúng ta, với đam mê cháy bỏng, sẽ không bao giờ bỏ cuộc giữa chừng dù cho đường đi có muôn vàn chông gai, thử thách. Đôi chân như được tiếp thêm sức mạnh, nó không biết mỏi, không biết đau mà chỉ hừng hực khí thế tiến về phía trước. Niềm đam mê quả thật là rất cần thiết và có ý nghĩa lớn lao trong cuộc đời mỗi con người.

Giống như Bác Hồ đã từng nói:

Không có việc gì khó  
 Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển  
Quyết chí ắt làm nên

Niềm đam mê sẽ cho ta sức mạnh để vượt qua những gian nan, thử thách. Nó là nguồn động lực để ta không ngừng cố gắng hoàn thiện mình, cố gắng trau dồi kiến thức để thực hiện ước mơ. Có những người, cả cuộc đời chỉ theo đuổi một niềm đam mê duy nhất. Tuy khó khăn nhưng chưa bao giờ họ nản chí như Newton, Ê-đi-xơn, Bill Gate đã vượt qua những khó khăn, thất bại để đem đến những thành tựu khoa học vĩ đại cho nhân loại. Đam mê như là cái đích của cuộc sống và theo đuổi đam mê là hành trình mà con người đi tìm ý nghĩa của bản thân đối với cuộc sống này.

Tuy nhiên trong cuộc sống vẫn có người sống không có hoài bão, không có ước mơ và đam mê thấy khó khăn họ chán nản, buông xuôi từ bỏ công việc. Những con người ấy thật tầm thường và nhỏ bé. Không có đam mê, không có hoài bão cũng chính là một cuộc sống không có tương lai. Dù nhỏ bé hay lớn lao, dám ước mơ và thực hiện ước mơ mới là bản lĩnh của một con người thực thụ. Chưa đi đã sợ không đến đích, chưa làm đã sợ mình không làm được. Nếu cứ suy nghĩ như vậy thì bạn mãi chỉ có thể dậm chân một chỗ, không những không tiến được mà còn thụt lùi. Tất cả những mơ ước cũng chỉ là ước mơ, vẽ ra rồi để đấy. Niềm đam mê và được hết mình vì đam mê là một ý nghĩa lớn lao của cuộc sống. Có đam mê ắt sẽ có những nỗ lực để đi đến thành công.

Như vậy đam mê là nguồn lực cần có ở mỗi người. Có đam mê ắt chúng ta sẽ có được thành công. Đam mê vẫn là ngọn lửa rực cháy trong trái tim mỗi người .Chúng ta sẽ không ngừng cố gắng vì đam mê và cũng sẽ không bao giờ hối hận vì bản thân mình đã dám đam mê, hãy làm cho cuộc sống này có một hướng đi đúng đắn. Đam mê sẽ luôn theo bạn đến suốt cuộc đời và nó làm cho cuộc sống của bạn rực rỡ sắc màu hơn.

***\* Xem lại và chỉnh sửa***

**Đọc và chỉnh sửa bài viết theo bảng kiểm**

**Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiềm tra** | | **Đạt** | **Không đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| **Thân bài** | Giải thích được vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết. |  |  |
| Nêu được những lí lẽ thuyết phục đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm. |  |  |
| Nêu được những bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ. |  |  |
| Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí. |  |  |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại quan điểm của bản thân. |  |  |
| Đề xuất giải pháp bài học phù hợp. |  |  |
| **Kĩ năng trình bày, tương tác với người khác** | Có mở bài có kết bài gây ấn tượng. |  |  |
| Sắp xếp luận điểm, lí lẽ bằng chứng hợp lí. |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng, rành mạch không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. |  |  |

**\*. Kết luận**

**GV: Từ bài viết của mình rút ra kinh nghiệm gì khi viết văn bản nghị luận về vấn đề xã hội**

**1. Đọc kĩ đề**

- Mục đích: Hiểu rõ yêu cầu của đề, phân biệt được tư tưởng đạo lí hay hiện tượng đời sống.

- Phương pháp xác định: Đọc kĩ đề, gạch chân dưới từ, cụm từ quan trọng để giải thích và xác lập luận điểm cho toàn bài. Từ đó có định hướng đúng mà viết bài cho tốt.

**2. Lập dàn ý**

- Giúp ta trình bày văn bản khoa học, có cấu trúc chặt chẽ, hợp logic.

- Kiểm soát được hệ thống ý, lập luận chặt chẽ, mạch lạc.

- Chủ động dung lượng các luận điểm phù hợp, tránh lan man, dài dòng.

**3. Dẫn chứng phù hợp**

- Không lấy những dẫn chứng chung chung.

- Dẫn chứng phải có tính thực tế và thuyết phục (người thật, việc thật).

- Đưa dẫn chứng phải thật khéo léo và phù hợp (tuyệt đối không kể lể dài dòng).

**4. Lập luận chặt chẽ, lời văn cô đọng, giàu sức thuyết phục**

- Lời văn, câu văn, đoạn văn viết phải cô đúc, ngắn gọn.

- Lập luận phải chặt chẽ.

- Cảm xúc trong sáng, lành mạnh.

- Để bài văn thấu tình đạt lý thì phải thường xuyên tạo lối viết song song (đồng tình, không đồng tình; ngợi ca, phản bác…).

**5. Bài học nhận thức và hành động**

- Sau khi phân tích, chứng minh, bàn luận… thì phải rút ra cho mình bài học.

- Thường bài học cho bản thân bao giờ cũng gắn liền với rèn luyện nhân cách cao đẹp, đấu tranh loại bỏ những thói xấu ra khỏi bản thân, học tập lối sống…

**6. Độ dài cần phù hợp với yêu cầu đề bài**

- Khi đọc đề cần chú ý yêu cầu đề (hình thức bài làm là đoạn văn hay bài văn, bao nhiêu câu, bao nhiêu chữ…) từ đó sắp xếp ý tạo thành bài văn hoàn chỉnh.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chọn vấn đề xã hội nổi bật nhất thực hiện theo các bước đã hướng dẫn.

- GV mời 1 – 2 HS lên bảng lập dàn ý.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV.

- HS lập dàn ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu một số HS nhận xét bài của các bạn trên bảng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

**4. Củng cố:**

- Nắm được bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- Cần: có mở bài có kết bài gây ấn tượng; Sắp xếp luận điểm, lí lẽ bằng chứng hợp lí; diễn đạt rõ ràng, rành mạch không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

**5. HDVN:**

- Bài cũ: Học nội dung phần lí thuyết, kinh nghiệm khi viết văn nghị luận xã hội.

- Bài mới: Chuẩn bị Bài nói – nghe.

**PHIẾU HỌC TẬP**

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện lại tri thức về kiểu bài nghị luận xã hội **(**Giao bài về nhà).

2. Liệt kê những vấn đề mà các em quan tâm vào mẫu.

*Chia lớp thành 3 nhóm (Mỗi nhóm liệt kê 1 chủ đề)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề gia đình** | **Vấn đề trong nhà trường** | **Vấn đề ngoài xã hội** |
| **.......................** |  |  |

***Ví dụ*** *: HS điền vào phiếu của nhóm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề gia đình** | **Vấn đề trong nhà trường** | **Vấn đề ngoài xã hội** |
| **-** Yêu thương, quan tâm, chia sẻ.  - Cách giáo dục, nuôi dạy con cái.  - Bạo lực gia đình.  - Áp lực của gia đình trong thành tích học tập của con  .................. | - Thi cử, bạo lực....  - Đam mê học tập.  - Tầm quan trọng của động cơ học tập ...... | - Giáo dục  - Giao thông................  - Môi trường sống  - Vấn đề khác…  - Phẩm chất: Lòng dũng cảm, ý chí, niềm tin, nghị lực. |

3. Lập dàn ý cho chủ đề : Tầm quan trọng của gia đình trong cuộc sống

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận. |
| Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận. |
| **Thân bài** | Giải thích được vấn đề cần bàn luận. |
| Trình bày hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết . |
| Nêu được những lí lẽ thuyết phục đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm. |
| Nêu được những bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ. |
| Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí. |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại quan điểm của bản thân. |
| Đề xuất giải pháp bài học phù hợp. |

Ngày soạn:

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết ….. TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** Học sinh biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: kết cấu bài có ba phần rõ rằng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân: Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: kết cấu bài có ba phần rõ rằng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất:** Có ý thức tự giác, tích cực trong việc học tập, rèn luyện để phát triển bản thân, quan tâm và xác định các mục tiêu phần đầu cho tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:** SGV, SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **11A** |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS, nêu được các bước khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: Khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội chúng ta cần thực hành theo mấy bước? Trình bày các bước đó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Dẫn dắt vào bài học mới: Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học bài trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội. | Khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội chúng ta cần thực hành theo ba mấy bước:  Bước 1: Chuẩn bị nói.  Bước 2: Trình bày bài nói.  Bước 3: Trao đổi, đánh giá. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: kết cấu bài có ba phần rõ rằng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc đề tài SGK trang 53 và trả lời câu hỏi:  **Đề tài:** Bài viết của bạn được lựa chọn để tham gia buổi tọa đàm *Những góc nhìn cuộc sống*, trình bày ý kiến, quan điểm của học sinh về các vấn đề xã hội. Từ bài viết bạn hãy chuẩn bị nội dung bài nói đề tham gia buổi tọa đàm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Đề tài bài nói đã được chuẩn bị ở phần Viết. Một số đề tài gợi ý:  - Những tấm gương vượt khó vươn lên trong học tập.  - Học đại học có phải là con đường duy nhất để thành công?  - Có phải lúc nào cũng nên theo đuổi đam mê?  - Chọn lựa nghề nghiệp: nghe theo cha mẹ hay tự mình quyết định?  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung ý kiến trình bày của bạn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Chuẩn bị nói**  ***- Xác định đề tài***  Đề tài của bài nói đã được bạn chuẩn bị ở phần viết  - Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói:  + Mục đích nói chính là để thuyết phục người nghe về quan điểm của bạn trước một vấn đề xã hội.  + Đối tượng người nghe của bạn có thể là thầy cô, các bạn học sinh, ban chủ nhiệm câu lạc bộ, các khách mời...  + Không gian và thời gian nói: Bạn cần tìm hiểu xem buổi toạ đàm diễn ra trong không gian nào (hội trường, trước sân trường, trong phòng học...), thời gian trình bày bài nói là bao lâu? Từ đó, bạn chọn cách trình bày phù hợp: gần gũi, thân thiện hay trang trọng,  ***- Tìm ý và lập dàn ý***  Bạn hãy chuyển dàn ý đã chuẩn bị ở phần Viết thành dàn ý cho bài nói, bằng cách:  + Đảm bảo kết cấu bài nói có ba phần rõ ràng: mở đầu, nội dung chính, kết thúc.  + Lựa chọn những luận điểm trọng tâm mà bạn tâm đắc nhất để trình bày. Tóm tắt hệ thống luận điểm dưới dạng sơ đồ để chủ động khi trình bày, giúp người nghe dễ dàng theo dõi nội dung.  + Sắp xếp, chỉnh sửa các lí lẽ, bằng chứng cho phù hợp với thời gian nói.  + Dự kiến các ý kiến trái chiều và chuẩn bị những phản hồi của bản thân.  + Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, âm thanh, video clip...) hỗ trợ và dự tính cách khai thác các phương tiện ấy sao cho hiệu quả. Có thể phối hợp đa dạng phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói trực quan, hấp dẫn hơn.  ***- Luyện tập:***  Bạn có thể luyện nói bằng cách đứng trước gương, tự ghi âm để nghe lại hoặc luyện tập với các bạn. Khi luyện tập, cần chú ý lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói; sử dụng các từ nối để phần trình bày mạch lạc, rõ ràng; chú ý đến ngữ điệu nói và những khoảng ngắt, nghỉ để nhấn mạnh các nội dung chính của bài nói.  **Bước 2: Trình bày bài nói**  Khi trình bày, bạn nên dựa vào phần tóm tắt luận điểm đã chuẩn bị từ trước, kết nối bài nói với các phương tiện phi ngôn ngữ, chú ý tương tác với người nghe.  **Bước 3: Trao đổi, đánh giá**  Khi trao đổi với người nghe, bạn nên có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe và ghi chép các ý kiến; lựa chọn một số câu hỏi, ý kiến quan trọng để phản hồi trong thời gian cho phép.  Trong bước đánh giá, bạn sẽ có hai vai trò: người trình bày và người nghe. Trong vai trò người trình bày, bạn tự đánh giá bài nói của mình; trong vai trò người nghe, bạn đánh giá phần trình bày của thành viên khác trong lớp dựa vào bảng kiểm dưới đây:  **Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nội dung kiềm tra** | | **Đạt** | **Không đạt** | | **Mở đầu** | Lời chào ban đầu và tự giới thiệu (nếu cần). |  |  | | Giới thiệu vấn đề cần trình bày. |  |  | | Nêu khái quát nội dung bài nói. |  |  | | **Nội dung chính** | Thể hiện rõ quan điểm của người nói về vấn đề xã hội cần bàn luận. |  |  | | Trình bày hệ thống luận điểm rõ ràng, thuyết phục. |  |  | | Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, mạch lạc để làm rõ luận điểm. |  |  | | Nêu và phân tích, đánh giá, trao đổi về các ý kiến trái chiều. |  |  | | **Kết thúc** | Tóm lược nội dung đã trình bày và khẳng định lại quan điểm của mình. |  |  | | Nêu vấn đề thảo luận và mời người nghe phản hồi, trao đổi; cảm ơn và kết thúc. |  |  | | **Kĩ năng trình bày, tương tác với người khác** | Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp với nội dung bài nói. |  |  | | Sử dụng hiệu quả, đa dạng các phương tiện phi ngôn ngữ. |  |  | | Tương tác tích cực với người nghe. |  |  | | Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

**b. Nội dung:** Thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**c. Sản phẩm:**

**-** Bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**-** Câu trao đổi với bài nói của người khác, phần trả lời các ý kiến phản biện của người nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS tiếp tục làm việc theo cặp, luyện tập nói và nghe nghe về đề tài: Theo bạn, việc chủ động chuẩn bị những hành trang vào tương lai có ý nghĩa gì đối với các bạn trẻ hiện nay?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc theo cặp, luyện tập nói và nghe.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời 1 - 2 HS lên bảng nói trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe.  - GV cho cả lớp tiến hành đánh giá bằng bảng kiểm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS. | - Giới thiệu: Tầm quan trọng của việc chủ động chuẩn bị những hành trang vào tương lai đối với các bạn trẻ hiện nay.  - Hành trang vào tương lai gồm: tri thức, kỹ năng, thói quen …  - Tại sao việc chủ động chuẩn bị những hành trang vào tương lai đối với các bạn trẻ hiện nay có ý nghĩa quan trọng?  + Giúp các bạn tự tin và chủ động hơn.  + Hình thành những kĩ năng, kiến thức, thói quen cần có để phục vụ bản thân, gia đình và cộng đồng.  + Luôn chủ động trước mọi tình huống, thách thức của thời đại, xã hội.  + Không bị lạc hậu và thụt lùi với thời cuộc.  - Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới bằng cách nào?  - Đánh giá chung: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

**b. Nội dung:** Thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**c. Sản phẩm:**

**-** Bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**-** Câu trao đổi với bài nói của người khác, phần trả lời các ý kiến phản biện của người nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS tập thực hành nói và nghe về đề tài: Ý chí của con người.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lắng nghe, về nhà chuẩn bị.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS thực hiện vào tiết học sau.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá buổi học. | - Giới thiệu vấn đề: Ý chí là một trong những đức tính quý báu của con người mà ai cũng cần rèn luyện.  - Ý chí của con người là sự nhẫn nại, cố gắng, quyết tâm vươn lên, theo đuổi mục tiêu của mình cho dù gặp nhiều khó khăn, trở ngại và vấp ngã.  - Ý chí là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định đến thành công của con người; Nếu trong xã hội con người ai khi gặp khó khăn cũng bỏ cuộc thì xã hội sẽ không phát triển được như hiện nay, con người sẽ rơi vào bế tắc; Người có ý chí, nghị lực luôn là tấm gương sáng để chúng ta học tập và noi theo, giúp xã hội này tiến bộ hơn.  - Dẫn chứngnhà giáo Nguyễn Ngọc Kí, chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà bác học Thomas Edison,…  - Trong xã hội vẫn còn có nhiều người nóng vội, muốn đạt được thành quả nhanh chóng, lại có người dễ nản chí, bỏ cuộc khi gặp khó khăn,… những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.  - Khái quát và khẳng định lại tầm quan trọng của ý chí của con người đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân. |

**4. Củng cố:** Cáchtrình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: Kết cấu bài có ba phần rõ rằng; có nêu và phân tích, đánh giá.

**5. HDVN:**

- Thực hành nói và nghe về đề tài: Ý chí của con người.

- Tham khảo các bài viết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội, sử dụng làm tư liệu học tập.

Ngày soạn: …./…./……..

**BÀI 3:**

**KHAO KHÁT ĐOÀN TỤ**

**(TRUYỆN THƠ)**

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 5,5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 02 tiết, Ôn tập: 0,5 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ,…

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản truyện thơ.

- Phân tích được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát); nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.

- Biết giới thiệu một tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

**2. Về năng lực:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết, bài nói của bạn.

- Năng lực đặc thù: Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể về đọc, viết, nói, nghe.

**3. Về phẩm chất**:

- Biết trân trọng tình cảm và sự đoàn tụ gia đình.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**ĐỌC VĂN BẢN 1: LỜI TIỄN DẶN (2,5 tiết)**

**(Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ,…

- Phân tích được nỗi xót thương của chàng trai, nỗi đau khổ tuyệt vọng của cô gái và khát vọng hạnh phúc, tình yêu chung thủy của đôi trai gái.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản (sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, cách diễn tả tâm trạng nhân vật).

**2. Năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Phẩm chất:** Biết yêu thương và trân trọng tình cảm và sự đoàn tụ gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, video...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**ĐỌC VĂN BẢN 1: LỜI TIỄN DẶN(2,5 tiết)**

**(Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

* **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Câu hỏi:** Em đã học về truyện thơ Nôm ở lớp 9. Theo em, khi đọc một truyện thơ, chúng ta cần chú ý điều gì?  GV cho HS xem video clip bài “Thanh âm miền núi”.Tác giả Double 2T theo đường link sau:  https://www.youtube.com/watch?v=wvCRry\_VIxw&t=732s  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS nghe GV yêu cầu, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Dân tộc Thái luôn tự hào cho rằng: “Hát Tiễn dặn lên, gà ấp phải bỏ ổ, cô gái quên hái rau, chàng trai đi cày quên cày,.. Tại sao truyện thơ này lại làm say mê lòng người nh­ư vậy? Để tìm được câu trả lời chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu đoạn trích *Lời tiễn dặn.* | - HS chia sẻ những điều cần chú ý khi đọc một truyện thơ  + Những yếu tố về hình thức: Số đoạn (khổ thơ), số dòng thơ trong mỗi đoạn (khổ), số từ trong mỗi dòng thơ; cách gieo vần trong bài thơ (vần chân, vần lưng…)  + Những yếu tố về nội dung: Yếu tố miêu tả; Yếu tố tự sự; Ngôn ngữ thơ…  - HS nghe và xem video clip “Thanh âm miền núi”. |

* **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và hiểu được một số yếu tố quan trọng của truyện thơ: khái niệm, cốt truyện, nhân vật chính, ngôn ngữ.

**b. Nội dung:** HS quan sát, chắt lọc thông tin trong SGK để trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm học tập**  GV phát PHT số 1, yêu cầu HS hoàn thành PHT.  ***Phiếu học tập số 1: Điền vào sau dấu (…) những thông tin thích hợp:***  ***1. Khái niệm về truyện thơ dân gian…***  ***2. Cốt truyện trong truyện thơ dân gian…***  ***…………………….***  ***………………………………………….***  ***3. Nhân vật chính trong truyện thơ dân gian…***  ***…………….***  ***………………………………………….***  ***4. Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian...***  ***…………….***  ***………………………………………….***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị.  + Dự kiến khó khăn: Học sinh chưa đọc phần *Tri thức ngữ văn*, gặp khó khăn trong việc tổng hợp  + Tháo gỡ khó khăn: Câu hỏi gợi mở để HS trả lời; gọi HS khác giúp đỡ bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | ***1. Khái niệm***  ***2. Cốt truyện trong truyện thơ dân gian***  ***3. Nhân vật chính trong truyện thơ dân gian***  ***4. Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian*** |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN – LỜI TIỄN DẶN**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được những nét cơ bản về tác phẩm, đoạn trích.

**b. Nội dung:** HS quan sát, chắt lọc thông tin trong SGK để trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm học tập**  **GV nêu câu hỏi:** Hãy nêu những nét khái quát về truyện thơ “Tiễn dặn người yêu” và đoạn trích “Lời tiễn dặn”.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác phẩm**  **- “**Tiễn dặn người yêu” (Xống chụ xon xao) là truyện thơ nổi tiếng của dân tộc Thái.  - Truyện thơ này gồm 1846 câu thơ, là lời nhân vật trong cuộc kể lại câu chuyện tình yêu – hôn nhân của vợ chồng mình.  **2. Đoạn trích:** gồm 2 lời tiễn dặn  + Lời 1 (Guẩy gánh qua đồng… thẳng tới tận nhà): lời dặn dò của chàng trai khi tiễn cô gái về nhà chồng.  + Lời 2 *(Dậy đi em, dậy đi em ơi!..* cho đến hết đoạn trích*)*: lời khẳng định mối tình tha thiết, bền chặt của anh khi chứng kiến cảnh cô bị chồng hắt hủi, hành hạ. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được các đặc trưng của truyện thơ trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Lời tiễn dặn.*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẦM** |
| Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm, phát PHT để HS tìm hiểu về văn bản. HS theo dõi câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời trong PHT.  PHT số 2: Thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau  1. Xác định đề tài chính của văn bản *Lời tiễn dặn*.  2. Tóm tắt cốt truyện của văn bản *Lời tiễn dặn.*  3. Lời “tiễn dặn” được thuật lại theo ngôi kể nào? Vì sao em biết?  4. *-* Lời “tiễn dặn” giúp bạn hiểu biết gì về nhân vật chàng trai và cô gái? Qua đó, hãy nhận xét cách xây dựng nhân vật trong truyện thơ dân gian.  5. Cho biết cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả trong văn bản *Lời tiễn dặn.*  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  HS theo dõi câu hỏi trong PHT, thảo luận nhóm và trả lời.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 HS đại diện các nhóm trình bày kết quả  - Học sinh nhóm khác đánh giá qua bảng kiểm   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Có** | **Không** | | ***Nội dung*** | Trả lời đầy đủ các câu hỏi |  |  | | Nội dung thuyết trình tốt |  |  | | ***Hình thức*** | Bố cục hợp lý, rõ ràng, dễ theo dõi |  |  | | Chữ đúng chính tả, văn phạm, kích thước chữ dễ nhìn |  |  | | Trình bày đẹp, hấp dẫn |  |  | | ***Cách thuyết trình*** | Phong cách thuyết trình tự tin, linh hoạt, năng động, cuốn hút |  |  | | Nắm vững nội dung thuyết trình, tập trung làm sang tỏ vấn đề |  |  |   **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **II. Khám phá văn bản**  ***1.* Đề tài:** tình yêu, hôn nhân.  ***2.* Cốt truyện:**  + Chàng trai và cô gái là hai người yêu nhau thắm thiết; nhưng bị gia đình ngắn cản.  + Chàng trai nhà nghèo không được gia đình cô gái chấp nhận, phải đi làm ăn xa, lúc trở về thì đã quá muộn.  + Cô gái – con của nhà giàu có, bị cha mẹ ép hôn, sống không hạnh phúc.  + Sau nhiều khó khăn, thử thách hai người cũng đến được với nhau.  => đơn giản, không sử dụng yếu tố kì ảo, xoay quanh số phận của  ***3. Ngôi kể:***  - Lời tiễn dặn được thuật lại theo ngôi kể thứ nhất.  - Vì:  + Tác giả trực tiếp kể lại những gì đã chứng kiến, đã trải qua để thể hiện suy nghĩ tình cảm của mình.  + Thông qua các từ ngữ “đôi ta”, “người anh yêu”, “ta”…  => Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất đã làm tăng tính thuyết phục, tính truyền cảm cho lời dặn dò và lời khảng định mối tình chung thủy, tha thiết của chàng trai.  ***4. Nhân vật:***  **a. Hành động, tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng** – Vừa đi vừa ngoảnh lại, vừa đi vừa ngóng trông. => dùng dằng, chùng chình, nấn ná, không muốn rời xa người mình yêu. – Cô gái cũng muốn níu kéo cho dài ra những giây phút được ở bên người yêu: đầu “ngoảnh lại”, mắt “ngoái trông”, chân bước càng xa thì lòng càng đau. Mỗi lần đi qua một cánh rừng cô gái đều coi là cái cớ để dừng lại chờ người yêu, lòng đầy khắc khoải. Hình tượng : Lá ớt,lá cà ,lá ngón tượng trưng cho những điều không may mắn =>Con đường về nhà chồng => trở thành con đường khắc khoải, ngóng trông tình xưa, người cũ. **b. Lời dặn dò của chàng trai khi tiễn cô gái về nhà chồng.**  – Gọi cô gái “người đẹp anh yêu” -> tình yêu trong chàng vẫn còn thắm thiết. – Mong muốn “được nhủ đôi câu”, “được dặn đôi lời”, được “kề vóc mảnh”, được “ủ hương người” -> quyến luyến, thể hiện tình cảm sâu đậm, mãnh liệt, thủy chung. – Cử chỉ: “con nhỏ hãy đưa anh ẵm/ bé xinh hãy đưa anh bồng” -> ân cần, chu đáo, vị tha, cao thượng. – Lời thề son sắt, thủy chung: “Không lấy được nhau mùa hạ ta sẽ lấy nhau mùa đông/ không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi góa bụa về già”.  -> Thể hiện tình yêu tha thiết, cao thượng. **c. Lời khẳng định mối tình tha thiết, bền chặt của anh khi chứng kiến cảnh cô bị chồng hắt hủi, hành hạ.**  - Hoàn cảnh của cô gái: đau khổ, bị đánh đập, hành hạ, bị nhà chồng hắt hủi.  - Hành động của chàng trai:.+ Ân cần chăm sóc: “Đầu bù anh chải cho/ tóc rối đưa anh búi hộ”, “tơ rối ta cùng gỡ”. + Lời lay gọi ấm áp, chân tình: “Dậy đi em, dậy đi em ơi! Dậy rũ áo kẻo bọ! Dậy phủi áo kẻo lấm”  + Lời khảng định tình yêu bền chặt ngay cả khi chết đi (Chết thành sông…song song, *tình Lú - Ủa, bán trâu, thu lúa, vàng, đá, gỗ cứng đời gió*)  -> Nỗi đau của cô gái như được xoa dịu bởi một tấm lòng bao dung, độ lượng.  -> Thể hiện tình yêu tha thiết, bền chặt, không có gì có thể làm thay đổi được.  => Qua câu chuyện, ta thấy cách xây dựng nhân vật trong truyện thơ dân gian:  + Thường là những người có số phận bất hạnh.  + Phải trải qua mô hình: Gặp gỡ - Tai biến – Đoàn tụ  ***5. Ngôn ngữ***  Ngắn gọn, hàm súc, đậm màu sắc ngôn ngữ dân tộc Thái (Đại từ nhân xưng "người đẹp anh yêu", "anh yêu em", "đôi ta yêu nhau" ; các hô ngữ, mệnh lệnh thức "xin hãy", "dậy đi em", "hỡi gốc dưa yêu",… -> tăng tính trữ tình). |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Nhận xét và đánh giá được những đặc sắc về giá trị nội dung và nghệ thuật củavăn bản.

**b. Nội dung:** HS xâu chuỗi các kiến thức đã học ở trên thảo luận, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn  - Hãy nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Lời tiễn dặn*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe GV yêu cầu, thảo luận và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Đoạn trích thể hiện tâm trạng của chàng trai, cô gái ; tố cáo tập tục hôn nhân ngày xưa, đồng thời là tiếng nói chứa chan tình cảm nhân đạo, đòi quyền yêu đương cho con người  **2. Nghệ thuật**  - Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh thể hiện đặc trưng, gần gũi với đồng bào Thái.  - Cách miêu tả tâm trạng nhân vật chi tiết, cụ thể qua lời nói đầy cảm động, qua hành động săn sóc ân cần, qua suy nghĩ, cảm xúc mãnh liệt.  - Sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình. |

* **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản “*Lời tiễn dặn”*  đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra được các phương án đúng theo nội dung đã học của văn bản “*Lời tiễn dặn”*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa câu hỏi trắc nghiệm (từ 3-5 câu) yêu cầu học trả lời nhanh**  **Câu hỏi 1:**Chàng trai và cô gái trong Tiễn dặn người yêu nhận ra nhau qua kỉ vật nào?  a. Đàn môi                       b. Sáo  c. Khăn tay                       d. Khèn  **Câu hỏi 2:**Tác phẩm nào sau đây không phải là sử thi  a. Đăm săn b. Ramayana  c. Tiễn dặn người yêu d. Đẻ đất đẻ nước.  **Câu hỏi 3: Tình yêu của chàng trai và cô gái trong Tiễn dặn người yêu tan vỡ là vì:**  a. Chàng trai phụ bạc  b. Cô gái có người yêu khác giàu có hơn  c. Cha mẹ chàng trai không chấp nhận  d. Cha mẹ cô gái chê chàng trai nghèo, gả con cho người giàu có  **Câu hỏi 4: Bị từ chối hôn nhau, chàng trai quyết chí đi buôn để trở về giành lại người yêu. Chàng đã trao kỷ vật làm tin cho cô gái, đó là:**  a. Chiếc khăn b. Chiếc vòng bạc  c. Chiếc khèn d. Chiếc đàn môi  **Câu hỏi 5: Trong Tiễn dặn người yêu, sau bao nhiêu đọa đày, cô gái đã bị nhà chồng đem ra chợ bán rao. Người ta đã đổi cô để lấy:**  a. Vàng thoi b. Bạc nén  c. Một cuộn lá dong d. Một nắm lá ngón  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe GV yêu cầu, suy nghĩ và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Đáp án:**  [1]='a'  [2]='c'  [3]='d'  [4]='c'  [5]='b' |

* **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài “*Lời tiễn dặn”* để viết đoạn văn khoảng 150 chữ.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS viết đoạn văn nghị luận xã hội.

**c. Sản phẩm học tập:** bài làm tại lớp của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS viết 1 đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của em về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của thế hệ trẻ ngày nay.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động**  GV nhận xét, đánh giá và cho điểm. | **Gợi ý:**  **1. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của thế hệ trẻ ngày nay.  **2. Thân bài**  a. Giải thích  b. Tầm quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc  c. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc  **3. Kết bài**  Khẳng định lại tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của thế hệ trẻ ngày nay; đồng thời rút ra bài học cho bản thân.  **Bài tham khảo**  Đất nước Việt Nam ta bao đời nay được biết đến là một quốc gia có lịch sử lâu đời với nhiều bản sắc văn hóa dân tộc độc đáo. Là công dân của đất nước, chúng ta cần có ý thức và trách nhiệm giữ gìn những bản sắc đó. Bản sắc văn hóa dân tộc: là những nét văn hóa từ lâu đời của dân tộc được truyền từ đời này sang đời khác đã trở thành những phong tục tập quán, những đặc trưng vùng miền của cả đất nước ta. Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị tạo nên sự khác biệt của mỗi quốc gia, sự phong phú trong lối sống, sinh hoạt tập thể của con người và tạo nên sự đa dạng màu sắc cho cuộc sống. Trách nhiệm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của giới trẻ là việc giới trẻ tìm hiểu, có vốn kiến thức về văn hóa của dân tộc, đất nước mình, từ đó có ý thức giữ gìn, quảng bá nét đẹp đó ra rộng rãi hơn. Trong vô vàn những quốc gia tồn tại bình đẳng với bức tranh đa dạng và muôn màu sắc, bản sắc chính là một trong những yếu tố làm nên đặc trưng riêng, không thể hòa lẫn, hợp nhất giữa các đất nước. Bản sắc văn hóa có ý nghĩa vô cùng sâu sắc đối với mỗi một quốc gia, dân tộc. Trước hết, bản sắc chính là cái gốc, cái hồn cốt lõi khẳng định sự tồn tại của mỗi một quốc gia, dân tộc. Không chỉ dừng lại ở đó, bản sắc còn là cái nôi nuôi dưỡng ý thức về quyền độc lập và ý thức gìn giữ non sông, đất nước đối với mỗi một con người. Những người học sinh chúng ta là chủ nhân tương lai của đất nước, chúng ta cần phải tìm hiểu và có vốn kiến thức nhất định về bản sắc văn hóa dân tộc của đất nước mình. Bên cạnh đó, tích cực quảng bá những nét đẹp văn hóa đó đến với bạn bè năm châu để mọi người được biết đến. Mỗi người một hành động nhỏ cùng chung tay bảo vệ, giữ gìn bản sắc một chút thì đất nước ngày càng phát triển tốt đẹp hơn. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập bài “*Lời tiễn dặn”* .

+ Soạn bài: *“Tú Uyên gặp Giáng Kiều”* – Vũ Quốc Trân.

Ngày soạn:

**BÀI 3: KHAO KHÁT ĐOÀN TỤ**

**(TRUYỆN THƠ)**

**Tiết …. - VĂN BẢN 2: TÚ UYÊN GẶP GIÁNG KIỀU**

**(Trích Bích Câu kì ngộ - Vũ Quốc Trân)**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ… qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm: nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB truyện thơ qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

\* Năng lực đặc thù

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ… qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm: nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB truyện thơ qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**3. Về phẩm chất**: Biết trân trọng tình cảm và sự đoàn tụ gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

a. Đối với giáo viên

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

b.Đối với học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 11.

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**2. Học liệu:**

+ https://hocmai.vn/kho-tai-lieu/list.php?type=category&category=218&page=1

+ https://tailieugiaovien.edu.vn/subject\_lesson/van-11/

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** Trình bày đặc trưng của truyện thơ Nôm?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ cảm nhận cá nhân: Theo bạn, thế nào là “người đẹp trong tranh” hay “người đẹp như tranh”? Hãy thử chia sẻ tưởng tượng của bạn về hình ảnh người đẹp bước ra từ một bức tranh.

**c. Sản phẩm:** Những chia sẻ của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: Theo bạn, thế nào là “người đẹp trong tranh” hay “người đẹp như tranh”? Hãy thử chia sẻ tưởng tượng của bạn về hình ảnh người đẹp bước ra từ một bức tranh.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.  - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV dẫn dắt vào bài học mới: Truyện thơ Nôm là một hiện tượng văn học độc đáo của dân tộc. Hiếm có sản phẩm nghệ thuật (ngôn từ) nào lại có thể thâu kết vào mình nhiều đặc điểm, tính chất của các thể loại, kiểu dạng văn học đến vậy. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cũng đi tìm hiểu văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều để thấy được những nét đặc sắc ấy của truyện thơ Nôm. | - Gợi mở:  + “Người đẹp trong tranh” hay “người đẹp như tranh” là ngụ ý chỉ một vẻ đẹp toàn bích, không tì vết, đẹp đến từng đường nét và góc cạnh, đôi khi lung linh, huyền diệu khiến người nhìn mê đắm không rời. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả Vũ Quốc Trân và tác phẩm *Tú Uyên gặp Giáng Kiều.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Vũ Quốc Trân (? - ?)  - Quê: người làng Đan Loan, huyện Bình Giang, tỉnh (Hải Dương); nhưng sống ở phường Đại Lợi (một phần phố Hàng Đào thuộc Hà Nội ngày nay) vào khoảng giữa thế kỷ 19.  2. ***Tác phẩm***  - Bích Câu kỳ ngộ nguyên là một tiểu thuyết bằng chữ Hán, trích Tiễn dặn người yêu – Xống chụ xon xao, NXB Văn học, Hà Nội, năm 1973. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**  Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm, các chi tiết, nhân vật, đề tài và mối quan hệ giữa chúng; nhận biết và hiểu được thông điệp của tác giả qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều và chuẩn kiến thức GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu cốt truyện và chi tiết của văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chia HS cả lớp thành 3 nhóm, phân công nhóm trưởng, thư ký vào giao dụng cụ là bút và giấy khổ lớn cho mỗi nhóm.  - Từng thành viên sẽ viết ý kiến của mình vào góc của tờ giấy.  - Nhóm trưởng và thư ký sẽ tổng hợp các ý kiến và lựa chọn các ý kiến quan trọng viết vào giữa tờ giấy.  Lưu ý: mỗi thành viên làm việc tại góc riêng của mình.  - GV yêu cầu HS đọc văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều và trả lời câu hỏi:  - Nhóm 1: Dựa vào tóm tắt cho biết cốt truyện của “Bích Câu kì ngộ” được xây dựng theo mô hình nào? Tìm những chi tiết trong văn bản “Tú Uyên gặp Giáng Kiều” ứng với từng phần của mô hình đó và cho biết chi tiết có vai trò như thế nào trong việc thể hiện nội dung văn bản.  - Nhóm 2: Phân tích đặc điểm của nhân vật Tú Uyên và Giáng Kiều được thể hiện trong đoạn trích.  - Nhóm 3: Dấu hiệu nào trong đoạn trích “Tú Uyên gặp Giáng Kiều” cho thấy đây là truyện thơ Nôm bác học? Thông điệp nào mà tác giả muốn gửi gắm tới người đọc?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**- GV mời 1 - 2 HS đại diện các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:** Nhân vật trong văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều và trả lời câu hỏi:  Phân tích đặc điểm của nhân vật Tú Uyên và Giáng Kiều được thể hiện trong đoạn trích.  - Nhóm 3: Dấu hiệu nào trong đoạn trích “Tú Uyên gặp Giáng Kiều” cho thấy đây là truyện thơ Nôm bác học? Thông điệp nào mà tác giả muốn gửi gắm tới người đọc?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 - 2 HS đại diện các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **Nhiệm vụ.....**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Cốt truyện và chi tiết của văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều**  1. Mô hình cốt truyện và vai trò của chi tiết trong việc thể hiện nội dung.  - Bích Câu kì ngộ được xây dựng theo mô hình Gặp gỡ - Tai biến (Lưu lạc) – Đoàn tụ (Đoàn viên).  - Mô hình: GV có thể gợi mở theo PHỤ LỤC 14 trang 173.  \* Vai trò của chi tiết trong việc thể hiện nội dung  - Chi tiết có vai trò vô cùng quan trọng trong việc thể hiện nội dung.  Ví dụ:  + Chi tiết thể hiện nỗi nhớ nhung, si tình của Tú Uyên: Sớm khuya của bức họa đồ làm đôi; Từ phen giáp mặt đến giờ/ Những là ngày tưởng đêm mơ đã chồn; Để ai ruột héo, gan mòn vì ai?;...  + Chi tiết gặp gỡ của Tú Uyên và người trong tranh, đồng thời cũng là người trong mộng: Khách tiên chưa dễ qua vòng ái ân; Sáng mai cứ buổi ra đi / Liệu chừng thoắt trở lại về thử coi / Bỗng đâu thấy sự lạ đời / Trong tranh sao có bóng người vào ra?...  + Chi tiết về phép thần tiên: Nói thôi rút chiếc trâm đầu / Biến hình liền thấy đôi hầu theo ra; Bóng mây bỗng kéo quanh nhà / Thảo am thoắt đã đổi ra lâu đài;…  + Chi tiết về mối duyên giữa Giáng Kiều và Tú Uyên: Nhân duyên đã định từ xưa/ Tơ trăng xe đến bây giờ mới thân; Nàng rằng: “Xin quyết gieo cầu/ Tấm son thề với trên đầu xanh xanh…  **2. Nhân vật trong văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều**  **a. Đặc điểm của nhân vật Tú Uyên và Giáng Kiều được thể hiện trong đoạn trích.**  \* Đặc điểm của nhân vật Tú Uyên  - Nhân vật Tú Uyên là một trong những thành công của Bích Câu kì ngộ với hình tượng là đại diện cho tầng lớp Nho sĩ nghèo ở thành Thăng Long, chưa thành đạt trên con đường sự nghiệp.  - Ngoại hình của Tú Uyên không được nhắc đến trong đoạn trích, nhưng tính cách chàng lại vô cùng rõ nét.  + Sự bồng bột, hấp tấp, cuồng nhiệt, cả nể thể hiện qua cách chàng si tình quên ăn, quên ngủ: vội vàng đánh tiếng ra chào và lập tức thổ lộ tình cảm: Sinh rằng: “Trong bấy lâu nay / Nhắp sây gối muộn có ngày nào nguôi”, qua cách chàng mượn rượu lần khân với người con gái vừa gặp mặt: Giọng tình sánh với quỳnh tương / Giả say sinh mới toan đường lần khân.  + Những về sau, khi nàng khuyên can thì cũng thuận theo. Tính cách này của chàng Tú Uyên khá nhất quán, không chỉ trong trích đoạn mà còn xuyên suốt chiều dài của tác phẩm.  \* Đặc điểm của nhân vật Giáng Kiều: + Giáng Kiều là một tiên nữ xinh đẹp, có tấm lòng bao dung, chịu tha thứ cho người đã tổn thương mình.  + Dù đã quay trở lại trời khi không khuyên nhủ được Tú Uyên cai rượu nhưng vẫn quay trở lại khi anh có ý định tự tử và quyết định tha thứ cho mọi sai lầm ở quá khứ.  **b. Dấu hiệu trong đoạn trích “Tú Uyên gặp Giáng Kiều” cho thấy đây là truyện thơ Nôm bác học.**   Dấu hiệu chi thấy văn bản thuộc truyện thơ Nôm bác học là:  - Được sáng tác dưới hình thức văn vần, xoay quanh đề tài tình yêu.  - Có sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình.  - Cốt truyện xoay quanh số phận của 2 nhân vật chính với nội dung phản ánh số phận.  - Có chất lượng nghệ thuật cao khi nói đến hình ảnh Giáng Kiều.  **c. Thông điệp**  Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc là cần biết trân trọng những thứ có hiện tại. Dù để đạt được điều gì đó rất khó, khi đạt được có thể thỏa mãn với thành tựu của mình nhưng không nên buông thả bản thân để mất đi những gì đáng quý để rồi đến khi mất đi mới biết trân trọn. |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản theo PHT (Hs làm việc cá nhân)*   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **III. Tổng kết**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | Đoạn trích cho thấy vẻ đẹp trong tình yêu của Tú Uyên và Giáng Kiều và ca ngợi tình yêu son sắt, thủy chung, vẻ đẹp tâm hồn của hai nhân vật. Qua đó, tác giả cho thấy hy vọng thoát khỏi thực tại xung quanh và thái độ phê phán về xã hội loạn lạc. | - Thể thơ lục bát truyền thống.  - Truyện thơ Nôm bác học giàu điển cố, điển tích.  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ ước lệ tượng trưng.  - Các từ láy, câu hỏi tu từ. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”  **Câu 1:** Văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều của tác giả nào?  **A. Vũ Quốc Trân**  B. Đoàn Thị Điểm  C. Nguyễn Du  D. Nguyễn Dữ  **Câu 2:** Tú Uyên gặp Giáng Kiều trích từ tác phẩm nào?  **A. Bích Câu kì ngộ**  B. Đoạn trường tân thanh  C. Quốc âm thi tập  D. Tất cả các đáp án trên đều sai  **Câu 3:** Nội dung của đoạn trích là gì?  A. Kể về chàng Tú Uyên lúc nào cũng ôm tranh bên mình, lòng mơ tưởng đến người đẹp. Cho tới một ngày kia chàng bắt gặp người đẹp ra từ trong tranh  **B. Kể về cuộc sống hạnh phúc của Tú Uyên và Giáng Kiều ở trần gian**  C. Kể về sự hối hận, sầu não, đau ốm của Tú Uyên sau khi Giáng Kiều bỏ về tiên giới  D. Kể về cuộc sống hạnh phúc của Tú Uyên và Giáng Kiều hạnh phúc ở trên cõi tiên  **Câu 4:** Dòng nào sau đây nói không đúng về Giáng Kiều?  A. Giáng Kiều hiệu là Tiên Thù, dung mạo xinh đẹp như tiên giáng trần  B. Giáng Kiều ngày ngày từ bức tranh đi ra dọn dẹp cơm nước nhà cửa sẵn sàng cho Tú Uyên  C. Giáng Kiều vì không khuyên bảo được Tú Uyên bỏ rượu mà bỏ về tiên giới  **D. Giáng Kiều từ đó đi mãi không gặp lại Tú Uyên lần nào nữa**  **Câu 5:** Dòng nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Tú Uyên?  A. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ  B. Sống dưới thời Lê Thánh Tôn  C. Tú Uyên mua được bức tranh vẽ hình mĩ nữ y hệt người chàng đã gặp nên mang về treo trong nhà  **D. Tất cả các đáp án trên**  **Câu 6:** Cốt truyện của Bích Câu kì ngộ được xây dựng theo mô hình nào?  A. Gặp gỡ - Chia ly - Lưu Lạc  B. Gặp gỡ - Gia biến - Chia ly  **C. Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ**  D. Gặp gỡ - Chia ly - Tang thương  **Câu 7:** Đặc điểm của nhân vật Tú Uyên trong văn bản  **A. giàu tình cảm, si mê và chung thủy; một lòng một dạ yêu Giáng Kiều từ cái nhìn đầu tiên.**  B. là một người chồng vũ phu, thường hay đánh đập vợ  C. bỏ bê vợ con, sa đọa vào bài bạc  D. luôn biết cách vun vén, chăm lo cho gia đình nhỏ cùng Giáng Kiều  **Câu 8:** Đặc điểm của nhân vật Giáng Kiều trong văn bản  A. xấu xí, thô kệch, ngờ nghệch, tính nết xấu xa  B. xinh đẹp, thủy chung, hiền dịu  C. Mến mộ và một lòng son sắt với Tú Uyên  **D. Cả B và C đúng**  **Câu 9:** Đâu là chi tiết có vai trò quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản  A. Tú Uyên gặp Giáng Kiều ở hồ Bích Câu  B. Tú Uyên mua được bức tranh vẽ hình mĩ nữ hệt như Giáng Kiều  C. Giáng Kiều khuyên chồng bỏ rượu D. Chàng Tú Uyên rình xem, thấy mĩ nhân bước ra từ trong tranh và vội chạy đến chào hỏi. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

**b. Nội dung:** Hãy diễn xuôi đoạn trích này và nhận xét sự khác biệt giữa đoạn trích và đoạn diễn xuôi về hiệu quả thể hiện nội dung của tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Hãy diễn xuôi đoạn trích này và nhận xét sự khác biệt giữa đoạn trích và đoạn diễn xuôi về hiệu quả thể hiện nội dung của tác phẩm.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Diễn xuôi đoạn trích:  Đến nơi, thơ thẩn mãi đến xế chiều, chẳng thấy đâu… buồn rầu dạo bước, chợt Tú Uyên thấy một cụ già bán tranh tố nữ, tranh có vẽ cô gái giống hệt người hôm nọ đã gặp ở Ngọc Hồ, bèn mua về treo ngay ở phòng học, đến bữa cơm lại dọn thêm chén đũa, mời mọc, chuyện trò với người trong tranh như người thật. Một hôm Tú Uyên ở trường về muộn, đến nhà đã thấy cơm nước bày sẵn. Lòng nghi hoặc, hôm sau, chàng giả cách đến trường, đi một quãng liền quay lại, nấp vào một chỗ. Lát sau thấy thiếu nữ từ trong tranh bước ra quét dọn, lo bếp núc. Mừng rỡ vô cùng, Tú Uyên bước ra vái chào. Thiếu nữ không biến đi đâu được, thú thực mình là Giáng Kiều, người tiên vốn có tiền duyên với chàng. Tú Uyên tha thiết xin phối ngẫu. Giáng kiều bằng lòng rồi hóa phép biến nhà thành lâu đài nguy nga với đủ người phục dịch. Đám cưới được tổ chức, yến tiệc linh đình với bao nhiêu khách tiên đến dự…  - Sự khác biệt giữa đoạn trích và đoạn diễn xuôi về hiệu quả thể hiện nội dung của tác phẩm:  + Đoạn trích truyện thơ: có sử dụng yếu tố tự sự kết hợp với yếu tố trữ tình còn đoạn trích diễn xuôi chỉ sử dụng yếu tố tự sự, kể lại trình tự các sự việc diễn ra. |

**4. Củng cố:**

Tác giả Vũ Quốc Trân quê ở đâu?

Giáng Kiều và Tú Uyên sống hạnh phúc ở cõi trần với nhau mấy năm?

Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc là gì?

**5. HDVN:**

- Vận dụng các kiến thức đã học

- Soạn bài: Đọc kết nối chủ điểm.

Ngày soạn:

**BÀI 3: KHAO KHÁT ĐOÀN TỤ**

**(TRUYỆN THƠ)**

**Tiết …: PHẦN ĐỌC (Đọc kết nối chủ điểm)**

**NGƯỜI NGỒI ĐỢI TRƯỚC HIÊN NHÀ (Huỳnh Như Phương)**

**(0,5 tiết)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

 HS nhận biết được một số yếu tố hình thức (chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,…), nội dung (đề tài, chủ đề và ý nghĩa) của tản văn; kết hợp ôn lại các đặc điểm của các tác phẩm kí nói chung như: ngôi kể, tính xác thực của sự việc được kể, hình thức ghi chép.

- HS phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**2. Năng lực**

1. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

1. **Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực ngôn ngữ*: Nhận biết được một số yếu tố hình thức: chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,… của bài tản văn.

- *Năng lực văn học:* Nhận biết được một số yếu tố nội dung: đề tài, chủ đề và ý nghĩa của bài tản văn; Phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; Nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**3. Phẩm chất**

-  HS yêu quý, trân trọng truyền thống, cảnh vật và con người của quê hương, đất nước.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về nhà văn Huỳnh Như Phương;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

# **III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình, từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học Người ngồi trước hiên nhà.

**b. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS.

# **c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV nêu lên nhiều câu hỏi gợi mở cho HS thảo luận trả lời:  + Em có hiểu biết gì về những hi sinh, mất mát của dân tộc và nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm?  + Hãy nêu lên một ví dụ về sự hi sinh, mất mát đối với người phụ nữ trong cuộc kháng chiến mà em cho là mất mát lớn nhất.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS liên hệ bản thân để suy nghĩ trả lời các câu hỏi.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước cả lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá chia sẻ, câu trả lời thú vị của HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV liên hệ để dẫn dắt vào bài học mới: Ở bài học trước, chúng ta đã được học khát khao đoang tụ gia đình trong các bài Lời tiễn dặn và Tú Uyên gặp Giáng Kiều. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đọc và tìm hiểu một hình ảnh vô cùng đẹp khác, nhưng lại rất buồn về tình cảm vợ chồng trong cuộc kháng chiến ngày xưa. Hãy cùng bước vào văn bản **Người ngồi đợi trước hiên nhà** nhé! | - Từ chia sẻ của HS, GV liên hệ để dẫn dắt vào bài học mới: Ở bài học trước, chúng ta đã được học khát khao đoang tụ gia đình trong các bài Lời tiễn dặn và Tú Uyên gặp Giáng Kiều. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đọc và tìm hiểu một hình ảnh vô cùng đẹp khác, nhưng lại rất buồn về tình cảm vợ chồng trong cuộc kháng chiến ngày xưa. Hãy cùng bước vào văn bản **Người ngồi đợi trước hiên nhà** nhé! |

# **HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được những kiến thức cơ bản về tản văn.

**b. Sản phẩm:**

HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS xem lại khái niệm tản văn ở phần Kiến thức ngữ văn để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc, tìm hiểu thông tin về tản văn, trả lời các câu hỏi gợi mở.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một vài HS trình bày phần tìm hiểu của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **1. Một số tri thức về thể loại**  Tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc, có thể trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả phong cảnh, khắc họa nhân vật. Lối thể hiện đời sống của tản văn mang tính chất chấm phá, không nhất thiết đòi hỏi có cốt truyện phức tạp, nhân vật hoàn chỉnh nhưng có cấu tứ độc đáo, có giọng điệu, cốt cách cá nhân. |
| ***2. Hoạt động đọc văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS xem lại khái niệm tản văn ở phần Kiến thức ngữ văn để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.  + Bài tản văn viết về ai, về sự việc gì (đề tài)?  + Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào? Chỉ ra tác dụng của việc kết hợp đó.  + Vấn đề tác giả nêu lên có ý nghĩa xã hội như thế nào?  + Những yếu tố nào bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả?  + Tóm tắt nội dung của văn bản?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc VB, tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm và trả lời các câu hỏi gợi mở.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một vài HS trình bày phần tìm hiểu của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **2. Hoạt động đọc văn bản: *Người ngồi đợi trước hiên nhà***  **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - Bài tản văn viết về dì Bảy (Lê Thị Thỏa), một người phụ nữ quê ở Quảng Ngãi, đã chờ đợi chồng suốt cả cuộc chiến tranh. Chồng hi sinh trong chiến đấu, dì thầm lặng sống một mình cho đến lúc già.  - Tác giả sử dụng phưng thức biểu đạt tự sự và biểu cảm. Sự biểu cảm thể hiện qua lời người kể chuyện, nhằm bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả với câu chuyện được kể.  - Vấn đề tác giả nêu lên là vấn đề xuất hiện rất nhiều trong xã hội vào những năm tháng chiến tranh, những người phụ nữ phải chịu cảnh chia li người chống thân yêu của mình.  - Yếu tố ngôi kể đã bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả.  **2. Tìm hiểu chung**  **a) Tác giả**  - Tên khai sinh: Huỳnh Như Phương.  - Quê quán: Quảng Ngãi  - Năm sinh: 1955  - Thể loại sáng tác: Phê bình văn học.  - Tác phẩm tiêu biểu: Dẫn vào tác phẩm văn chương (1986); Trường phá thức Nga (2007), Những nguồn cảm hứng trong văn học (2008),…  **b) Tác phẩm**  - Xuất sứ: Trích trong Thành phố - những thước phim quay chậm, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2018.  - Thể loại: tản văn  - Bố cục:  + Phần 1: Từ đầu đến “đôi người đôi ngả”: Tình cảnh ly tán “kẻ Bắc người Nam” của những gia đình có người tập kết ra Bắc..  + Phần 2: Tiếp đến “tìm mộ phần của dượng”: Tình cảnh đáng thương của dì Bảy khi dượng Bảy ra chiến trận.  + Phần 3: Còn lại: Tấm lòng thủy chung, son sắt của dì |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả và tác phẩm Người ngồi đợi trước hiên nhà

**b. Sản phẩm:**

HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1.Đọc hiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS:  + Xác định ngôi kể của VB. Chỉ ra tác dụng của ngội kể đó.  + Tìm và phân tích một số câu hoặc đoạn văn trục tiếp bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ GV giao.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Sự kiện chính của VB**  - Dượng Bảy cùng nhiều người con đất Quảng lên đường ra Bắc tập kết.  - Ra miền Bắc rồi vào lại miền Nam chiến đấu, dượng Bảy vẫn liên lạc với gia đình.  - Dượng Bảy ngã xuống trong trận đánh ở Xuân Lộc, trên đường tiến vào Sài Gòn.  - Ngày hòa bình, đì tôi đã qua tuổi 40. Vẫn có người đàn ông để ý đến dì, nhưng lòng dì không còn rung động.  - Dĩ Bảy năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết.  **2. Ngôi kể của VB**  - Toàn bộ bài tản văn là lời người kể theo ngôi thứ nhất, xưng “tôi”, đó cũng chính là lời tác giả. Đoạn văn nào cũng là lời tác giả.  - Tác giả kể về câu chuyện của dì mình, lời người kể luôn nhỏ nhẹ, luôn thì thầm với người đọc. Cách kể ấy vừa thể hiện được tình cảm và thái độ quý trọng, kính cẩn, thiêng liêng của người cháu, vừa thể hiện được sự hi sinh thầm lặng, sự chịu đựng bền bỉ, âm thầm, lặng lẽ, “biết hi sinh nên chẳng nhiều lời” của những người phụ nữ Việt Nam.  **2. Nhân vật trong văn bản**  **2.1. Nhân vật dì Bảy**  **a. Hoàn cảnh**  - Mới lấy nhau được 1 tháng, dượng Bảy đã phải ra Bắc tập kết và đồi người đôi ngả.  - Cuối năm 1975, gia đình nhận được giấy bảo tử của dượng è dì dượng phải chia ly mãi mãi.  **b. Tính cách, phẩm chất**  - Dù cho có cô đơn, lẻ loi, dì Bảy vẫn một lòng chung thủy với người chống đã khuất của mình.  - Dì Bày là người phụ nữ đức hạnh, đại diện cho phầm chất của những người mẹ, người vợ Việt Nam anh hùng hi sinh tuổi thanh xuân, tuổi trẻ của mình, nén nỗi đau cá nhân vào bên trong, âm thầm góp sức vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.  **2.2. Nhân vật dượng Bảy**  **a. Hoàn cảnh**  - Dượng mồ côi cha mẹ, đi bộ đội, đóng quân ở làng tôi, thầm yêu dì, rồi đứng ra làm lễ cưới.  - Chỉ một tháng sau khi lấy vợ thì đơn vị chuyển đi, đôi người đôi ngả.  - Dượng hi sinh trong trận đánh ở Xuân Lộc, chỉ mười ngày trước khi chiến tranh ngưng tiếng súng.  **b. Tình cách, phẩm chất**  - Dượng Bảy đại diện cho những người anh hùng ra đi bỏ lại đằng sau là gia đình, người thân, chiến đấu để giải phóng dân tộc, để nhân dân được bình yên, hạnh phúc. Nhưng lại không có cái may mắn được chứng kiến ngày đất nước được giải phóng.  - Bên cạnh đó, dượng còn là một người luôn nhớ tới gia đình, tới người vợ tần tảo, phải chịu nhiêu thiệt thòi, vất vả.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Bài tản văn đã nêu lên được những vấn đề có ý nghĩa xã hội lớn lao: sự hi sinh thầm lặng, phẩm chất thủy chung, kiên định của người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh.  **2. Nghệ thuật**  - Kể bằng một câu chuyện giản đơn mà rất xúc động.  - Giọng văn nhỏ nhẹ, chất chứa đầy cảm xúc, suy tư và sự thành kính của người viết.  - Miêu tả nhân vật chân thật, sinh động.   * **Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa:**   **Câu 1:*Bạn có suy nghĩ gì về hình ảnh người vợ trong văn bản?***  Trả lời: Dì Bảy trong bài tản văn giống như hình tượng hòn Vọng Phu ở các câu chuyện cổ. Vì qua câu chuyện, em thấy được ở dì sự chờ đợi, thương yêu, không quản khó nhọc hi sinh vun vén gia đình, thủy chung một lòng với người chồng nơi chiến trận. Dù biết chồng đã hi sinh, dì cũng không màng đoái hoài tới những lời dạm hỏi, một lòng chăm lo cho gia đình nhỏ, ngày ngày ngồi đợi trước hiên nhà, hoài vọng quá khứ đã đi qua.  **Câu 2:*Niềm khát khao đoàn tụ được thể hiện trong văn bản như thế nào? Hãy nêu một số chi tiết tiêu biểu thể hiện điều này.***  Trả lời:  Mỗi ngày, sau khi đi làm đồng trở về, dì tôi thường ngồi trên bộ phản gõ ngoài hiên nhìn ra con ngõ, nơi ngày xưa dượng cùng những người đồng đội lần đầu đến nhà tôi xin chỗ trú quân. Năm dượng đi, dì tròn 20 tuổi. Suốt 20 năm sau đó, có những người ngỏ ý, dạm hỏi, dì vẫn không lung lạc, với niềm tin sẽ có ngày dượng trở về.  **Câu 3:*Bạn đã bao giờ nghe câu chuyện nào khác kể về sự chia ly và khát vọng đoàn tụ trong cuộc sống hay chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện đó với các bạn bằng cách kể hoặc viết lại.***  Trả lời:  Câ chuyện của Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều: Tôi có người bạn, nhà thơ, Tiến sĩ Nguyễn Huy Hoàng, anh ấy khi đang làm nghiên cứu sinh ở Nga, đứa con gái 13 tuổi mất tích mà chỉ sau mấy ngày, tóc anh bạc trắng cho đến tận bây giờ. Và anh suốt đời vẫn đi lang thang, ngày đêm chờ đứa con trở về, kể cả nó có trở về trong hình thức nào, trở về trong số phận nào, trở về trong một ngôn ngữ nào mặc dù có thể tiếng Việt đã lãng quên thì đấy vẫn là niềm hạnh phúc lớn nhất.  Anh nói với tôi rằng đôi mắt trần tục của anh có thể ngủ như một người bình thường nhưng đôi mắt yêu thương, đợi chờ lương tâm anh mở suốt mấy chục năm nay không bao giờ nhắm được. Nếu không tìm được người con đấy là nỗi đau lớn của bạn tôi |
| ***2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ GV giao.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét. | * **Các câu hỏi mở rộng:**   ***Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Ngồi đợi trước hiên nhà***  ***Trả lời:*** Văn bản kể về câu chuyện của vợ chồng dì Bảy, một câu chuyện buồn về một người vợ mòn mỏi đợi chồng đi kháng chiến rồi nhận hung tin chồng đã chết. Câu chuyện đã phản ánh sự tàn khốc của chiến tranh đã chia lìa biết bao gia đình, cướp đi những người con, người chồng, người cha của bao người phụ nữ.  **Câu 2.*Em hãy nêu nội dung chính của văn bản Ngồi đợi trước hiên nhà***  Văn bản kể về câu chuyện của vợ chồng dì Bảy, một câu chuyện buồn về một người vợ mòn mỏi đợi chồng đi kháng chiến rồi nhận hung tin chồng đã chết. Câu chuyện đã phản ánh sự tàn khốc của chiến tranh đã chia lìa biết bao gia đình, cướp đi những người con, người chồng, người cha của bao người phụ nữ.  **Câu 3**. **Nêu tác giả, tác phẩm, bố cục của văn bản Ngồi đợi trước hiên nhà** |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả và tác phẩm Người ngồi đợi trước hiên nhà

**b. Sản phẩm:**

HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật.**  **2. Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ GV giao.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét. | **1. Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật.**  Chiến tranh đã qua đi những những hậu quả mà chiến tranh để lại thì vẫn còn mãi. Một trong những hậu quả nặng nề mà chiến tranh để lại có là sự cô đơn, bơ vơ, chờ đợi trong mòn mỏi đến vô vọng của những người phụ nữ có chồng đi chiến trận và ở lại vĩnh viễn nơi chiến trường xa xôi kia.  Dì Bảy trong bài tản văn Người ngồi đợi trước hiên nhà của nhà văn Huỳnh Như Phương chính là người phụ nữ như thế.  Dì Bảy và dượng Bảy lấy nhau được chừng một tháng thì dượng phải ra miền Bắc tập kết. Hạnh phúc ngắn chẳng tày gang thì đôi người đôi ngả. Dì ở nhà mong ngóng chờ đợi tin tức của chồng mình qua những dòng thư ngắn, những lời hỏi thăm, những món quà nhỏ nhờ người quen gửi hộ.  Mặc dù đang ở độ tuổi xuân sắc có biết bao người hỏi tới dì, muốn mang đến cho dì một mái ấm hạnh phúc, nhưng dì nhất quyết không chấp nhận, không bao giờ lung lạc. Dì luôn chờ đợi một ngày dượng sẽ chờ về. Ngay cả khi biết rằng dượng đã không còn nữa, dì vẫn không mở lòng, dì vẫn ôm vào lòng hình bóng dượng.  Không chỉ có dì Bảy còn rất nhiều người phụ nữ họ phải chịu những nỗi tổn thương sâu sắc về tinh thần, cả đời họ là sự chờ đợi, ngóng chông để rồi thất vọng và cô đơn cứ bấu víu lấy mình. Họ hi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc cá nhân của mình để góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Họ chính là những người anh hùng thầm lặng, không cần cầm súng, cầm gươm, giáo chiến đấu với kẻ thù. Họ âm thầm, lặng lẽ là hậu phương vững chắc, là điểm tựa tinh thần cho những chiến sĩ ngoài chiến trường xa xôi kia.  Một lần nữa, xin hãy biết ơn những người mẹ, người vợ Việt Nam anh hùng. Họ đã dành cả tuổi xuân ngắn ngủi, ít ỏi của mình để đổi lấy bình yên, độc lập cho cả dân tộc Việt Nam ta. |

Ngày soạn:

**BÀI 3: KHAO KHÁT ĐOÀN TỤ**

**(TRUYỆN THƠ)**

**Tiết …. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI (0,5 tiết)**

**THỊ KÍNH NUÔI CON CỦA THỊ MẦU**

**(Trích Quan Âm Thị Kính – truyện thơ khuyết danh Việt Nam)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

* **Học sinh tóm tắt** nội dung của văn bản, **xác định** ngôi kể và **chỉ ra** những đặc điểm truyện thơ trong văn bản
* **Học sinh phân tích** nhân vật Thị Kính trong văn bản và nhận xét cách tác giả dân gian xây dựng nhân vật trong truyện thơ
* **Học sinh phân tích** đặc điểm của ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ truyện thơ Nôm trong văn bản
* **Học sinh chỉ ra** được thông điệp của văn bản trên

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,..

**3. Về phẩm chất**: Liên hệ về tình yêu thương, sự hi sinh cao thượng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV chiếu hình ảnh về Quan Âm Thị Kính và giới thiệu về vở chèo Quan Âm Thị Kính * HS theo dõi và lắng nghe | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV chiếu hình ảnh và gợi dẫn  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh theo dõi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh theo dõi  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV dẫn dắt vào bài học** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh tóm tắt** nội dung của văn bản, **xác định** ngôi kể và **chỉ ra** những đặc điểm truyện thơ trong văn bản * **Học sinh phân tích** nhân vật Thị Kính trong văn bản và nhận xét cách tác giả dân gian xây dựng nhân vật trong truyện thơ * **Học sinh phân tích** đặc điểm của ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ truyện thơ Nôm trong văn bản * **Học sinh chỉ ra** được thông điệp của văn bản trên   **b. Nội dung thực hiện:**   * Giáo viên chia nhóm, HS thảo luận và tìm hiểu về văn bản | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chia nhóm và đưa ra từng nhiệm vụ:   * **Nhiệm vụ 1. Học sinh tóm tắt** nội dung của văn bản, **xác định** ngôi kể và **chỉ ra** những đặc điểm truyện thơ trong văn bản * **Nhiệm vụ 2. Học sinh phân tích** nhân vật Thị Kính trong văn bản và nhận xét cách tác giả dân gian xây dựng nhân vật trong truyện thơ * **Nhiệm vụ 3.** **Học sinh phân tích** đặc điểm của ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ truyện thơ Nôm trong văn bản   **Thời gian:** 20 phút  **Chia sẻ và phản biện**: 5 phút/nhóm  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **I. Tìm hiểu chung**  **Tóm tắt:**  Thiện Sĩ, con Sùng ông, Sùng bà, kết duyên cùng Thị Kính, con gái Mãng ông, một nông dân nghèo. Một hôm, vợ ngồi khâu, chồng đọc sách rồi thiu thiu ngủ bên cạnh. Thấy chồng có sợi râu mọc ngược, Thị Kính cầm dao khâu toan xén đi. Thiện Sĩ giật mình, bất giác hô hoán lên. Cha mẹ chồng đổ riệt cho Thị Kính có ý giết Thiện Sĩ, đuổi Thị Kính về nhà bố đẻ. Bị oan ức nhưng không biết kêu vào đâu, Thị Kính giả trai, vào tu ở chùa Vân Tự, lấy pháp hiệu là Kính Tâm. Thị Mầu, con gái phú ông, vốn tính lẳng lơ, say mê Kính Tâm. Ve vãn Kính Tâm không được, Thị Mầu về nhà đùa ghẹo, ăn nằm với anh Nô là người ở, rồi có thai. Làng bắt vạ. Bí thế, Thị Mầu khai cho Kính tâm. Kính Tâm chịu oan, bị đuổi ra tam quan (cổng chùa). Thị Mầu đem con bỏ cho Kính Tâm. Trải ba năm, Kính Tâm đi xin sữa từng ngày nuôi con của Thị Mầu. Khi sức càn lực kiệt, Kính Tâm viết thư để lại cho cha mẹ. Bấy giờ mọi người mới rõ Kính Tâm là con gái và hiểu rõ được tấm lòng từ bi, nhẫn nhục của nàng.  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nội dung chính văn bản – Ngôi kể - Đặc điểm cơ bản của truyện thơ**  **a. Nội dung:** Văn bản kể về việc Thị Mầu mang thai, bị làng bắt phạt nên khai liều là của Kính Tâm. Thị Mầu sinh con mang tới chùa đổ vạ, Thị Kính suốt 3 năm trời ròng rã xin sữa nuôi con, cuối cùng thân tàn lực kiệt, viết thư để lại cho cha mẹ rồi chết đi. Cuối cùng mọi người mới biết Kính Tâm là nữ, bèn lập đàn giải oan cho nàng.  **b. Ngôi kể:**  - Việc Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu được thuật lại theo ngôi kể thứ 3, qua điểm nhìn của tác giả.  - Dựa vào nội dung văn bản, người kể giấu mình không xưng (tôi) chỉ kín đáo gọi sự vật theo ngôi thứ ba: gọi tên nhân vật theo nhận xét của mình và kể sao cho sự việc diễn ra theo trình tự.  **c. Đặc điểm của truyện thơ**  **- Yếu tố tự sự:**  + Có cốt truyện  + Nội dung phản ánh cuộc sống và khát vọng của tầng lớp nhân dân.  + Được viết theo mô hình nhân quả.  **- Yếu tố trữ tình:** Tác giả kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, vừa kể chuyện vừa vận dụng những yếu tố trữ tình giúp câu chuyện dễ nghe, dễ đọc, đưa vào lòng người đọc một cách dễ dàng, thuyết phục.  **2. Nhân vật Thị Kính**  - Thị Kính hiện lên là người có tấm lòng nhân hậu, có lòng hiếu sinh và xót thương cho những thân phận nhỏ bé dù cho hi sinh cả thanh danh của mình.  + Thị Kính nhặt nuôi đứa trẻ cửa chùa dù biết việc này có thể làm “dơ” thanh danh nơi linh thiêng của mình  *Tiểu đương tụng niệm khấn nguyền,*  *Bỗng nghe tiếng trẻ tá lên giật mình.*  *Ngoảnh đi thì dạ chẳng đành,*  *Nhận ra thì hoá là tình chẳng ngay.*  *Gớm thay mặt dạn mày dày,*  *Trân trân rằng giả con đây mà về.*  *Cơ thiền kể đã khắt khe,*  *Khéo xui ra đứa làm rể riếu mình.*  *Nhưng mà trong dạ hiếu sinh,*  *Phúc thì làm phúc, do thì đành do.*  *Cá trong chậu nước sơn sơ,*  *Thì nay chẳng cứu còn chờ khi nao*  + Mặc cho người đời dị nghị, cười chê, Thị Kính vẫn hết lòng nuôi con và nén sự thật không nói ra  *Nâng niu xiết nỗi truân chuyên,*  *Nhai cơm móm sữa để nên con người.*  *Đến dân ai cũng chê cười,*  *Tiểu kia tu có trót đời được đâu.*  *Biết chăng một đứa thương đâu,*  *Mình là hai với Thị Mầu là ba*.  - Kính Tâm là người yêu mến trẻ, hết mực chăm lo, săn sóc cho đứa trẻ  + Lo thuốc thang, chăm sóc, độ kinh  *Ra công nuôi bộ thực là,*  *Nhưng buồn có trẻ hoá ra đỡ buồn.*  *Khi trống tàn, lúc chuông dồn,*  *Tiếng chuông lẫn tiếng ru con tối ngày.*  *Phù trì như thổi ra ngay,*  *Lọ phương hoạt ấu lọ thầy bảo anh.*  *Bùa thiêng đã sẵn kim kinh,*  *Ma vương kia cũng phải kiêng lọ là.*  + Lo dạy dỗ, nâng đỡ  *Thoi đưa tháng trọn ngày qua,*  *Mấy thu mà đã lên ba tuổi rồi.*  *Con mày mà giống cha nuôi,*  *Hình dung ý tứ khác nào bản sinh.*  *Mai ngày đến lúc trưởng thành,*  *Cơ cầu dễ rạng tiền trình hơn xưa.*  **Cách xây dựng nhân vật:**  + Được tác giả chia thành hai tuyến rõ ràng: chính diện và phản diện. Kính Tâm hiện lên là người có đức độ, yêu thương và biết hi sinh  + Nhân vật trong truyện thơ gặp phải những biến cố cuộc đời mang đến sự hấp dẫn và nét đặc biệt cho nhân vật  **3. Ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ truyện thơ Nôm**  + Có sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình.  + Ngôn ngữ gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày.  “Rõ là nước lã mà nhầm,  Cũng đem giọt máu tình thâm hòa vào  Mẹ vò thì sữa khát khao  Lo nuôi con nhện làm sao cho tuyền.  Nâng niu xiết nỗi truân chuyên,  Nhai cơm mớm sữa để nên con người.”  + Tác giả kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, vừa kể chuyện vừa vận dụng những yếu tố trữ tình giúp câu chuyện dễ nghe, dễ đọc, đưa vào lòng người đọc một cách dễ dàng, thuyết phục. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận: Theo em, thông điệp của văn bản là gì? Vì sao em lại rút ra được thông điệp như vậy?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **4. Thông điệp của văn bản**  - Qua nhân vật Thị Kính, tác giả dân gian muốn nhắn nhủ đến người đọc người nghe về người có tấm lòng nhân hậu, những người ở hiền gặp lành.  - Dựa vào nội dung văn bản, cho ta thấy cuộc đời của Thị Kính đã trải qua rất nhiều khó khăn, thử thách nhưng vẫn giữ cho mình một tấm lòng trong sáng, nhân hậu. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** HS thực hành diễn xuôi hoặc dựng tiểu phẩm đoạn truyện thơ  **b. Nội dung thực hiện**  Từ nội dung văn bản HS thực hành diễn xuôi và dựng tiểu phẩm đoạn truyện thơ. | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ: Từ nội dung văn bản HS thực hành diễn xuôi và dựng tiểu phẩm đoạn truyện thơ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Sản phẩm của HS |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh liên hệ chia sẻ về sự hi sinh, lòng bao dung của con người. Liên hệ tới các vấn đề cha mẹ ruột, hay cha mẹ dượng bạo hành trẻ em ngày nay  **b. Nội dung thực hiện:** HS tìm hiểu và chia sẻ về vấn đề: Nhà nước có nên để trẻ em sống với cha mẹ dượng khi còn quá nhỏ? | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ tìm hiểu  **HS tìm hiểu và chia sẻ về vấn đề: Nhà nước có nên để trẻ em sống với cha mẹ dượng khi còn quá nhỏ?**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ của HS**  **Gợi ý:**  **Sự kiện có thật:** vụ việc bé Vân Anh bị mẹ kế bạo hành tới chết hay bé mới sinh bị người tình của mẹ bạo hành,…   * Có thể vẫn sống cùng nhưng cha mẹ đẻ cần có trách nhiệm bảo vệ con cái, tìm hiểu kĩ đối phương và nâng cao tinh thần cảnh giác vì tương lai của trẻ * Cần có trách nhiệm trong hôn nhân để xây dựng mái ấm cho trẻ |

***Phụ lục. Rubric thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết …: ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI**

**(01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài làm của bạn.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể.

- Phân tích được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ.

- Trân trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, PHT, máy chiếu/ti vi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu đoạn hội thoại và hỏi:  Em có nhận xét gì về đặc điểm ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật trong đoạn trích sau?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | Đoạn hội thoại:  - Kìa anh ấy gọi! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy!  Thị cong cớn:  - Có khối cơm trắng mấy giò đấy! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy?  Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười:  - Thật đấy, có đẩy thì ra mau lên!  Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.  - Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ. – Thị liếc mắt, cười tít.  (*Vợ nhặt*, Kim Lân)  **Nhận xét:**  - Ngôn ngữ đơn giản, gần với lời ăn tiếng nói  - Lời đối thoại hằng ngày |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

**-** Học sinh ghi nhớcác đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói

**-** Học sinh thực hànhnhận diện ngôn ngữ nói

**b. Nội dung:**

- Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi,

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu HS đọc phần tri thức Ngữ văn  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh trình bày các nội dung về ngôn ngữ nói  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **I. Tri thức tiếng Việt**  **Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói**  - Ngôn ngữ nói là lời nói sử dụng trong giao tiếp hằng ngày; thể hiện thái độ, phản ứng tức thời của người nói và người nghe. Vì vậy, ngôn ngữ nói thường có những đặc điểm cơ bản sau:  - Đa dạng về ngữ điệu (gấp gáp, chậm rãi; to, nhỏ;...), góp phần thể hiện trực tiếp tình cảm, thái độ của người nói.  - Thường sử dụng khẩu ngữ, từ địa phương, tiếng lóng, trợ từ, thán từ, từ ngữ chêm xen, đưa đẩy,...  - Thường sử dụng cả câu tỉnh lược và câu có yếu tố dư thừa, trùng lặp. Câu tỉnh lược thường được dùng để lời nói ngắn gọn. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, câu lại chứa nhiều yếu tố dư thừa, trùng lặp (do người nói vừa nghĩ vừa nói, không có điều kiện gọt giũa hoặc do người nói muốn lặp lại để giúp người nghe có thời gian lĩnh hội thấu đáo nội dung giao tiếp).  - Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ như: nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...  ***\* Lưu ý:***  - Nói và đọc (thành tiếng) một văn bản là khác nhau. Đọc (thành tiếng) bị lệ thuộc vào văn bản viết. Dù vậy, người đọc vẫn có thể tận dụng những ưu thế của ngôn ngữ nói như ngữ điệu, các phương tiện phi ngôn ngữ để làm cho phần đọc diễn cảm hơn.  - Ngôn ngữ nói có thể được ghi lại bằng chữ viết, chẳng hạn như đoạn đối thoại của các nhân vật trong văn bản truyện, cuộc phỏng vấn trong một bài báo,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết, phân tích được đặc điểm của ngôn ngữ nói.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh làm bài 1,2,3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *GV chia lớp thành 4 nhóm*  *+ Nhóm 1: Bài 1*  *+Nhóm 2: Bài 2*  *+Nhóm 3: Bài 3*  *+Nhóm 4: Bài 4*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS đọc thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 1 (trang 70 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Có những trường hợp ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết. Lấy ví dụ và chỉ ra những dấu hiệu nhận biết ngôn ngữ nói trong các trường hợp đó.**  - Có những trường hợp ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết như các văn bản truyện có lời nói của các nhân vật, bài báo ghi lại cuộc phỏng vấn hoặc tọa đàm, bài ghi lại cuộc nói chuyện…  - Dấu hiệu nhận biết ngôn ngữ nói trong các trường hợp đó:  + Thường sửu dụng khẩu ngữ, từ địa phương…  + Được trình bày theo dạng đối thoại.  **Câu 2 (trang 70 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Lời thoại của nhân vật trong các đoạn trích dưới đây có những đặc điểm nào của ngôn ngữ nói?**  **a. – Tươm rồi đấy, anh – Cô gái nói trong bóng tối.**  **- Cám ơn nhé, Nhật Giang!**  **Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:**  **- Ô kìa. Ừ nhỉ, sao anh biết tên em?**  **Tôi cười, không đáp.**  **- À, em biết rồi. Anh tọa độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?**  **- Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.**  **(Bảo Ninh, Giang)**  **b. Bỗng thằng Cò kêu “oái” một tiếng, hai tay vò trán lia lịa.**  **- Có ong sắt, tía ơi! Nó đánh con một vết đây nè!**  **Tôi nhanh trí ngược hướng gió chạy ra xa để tránh bầy ong, và nhân thể bứt vội vàng một nắm cỏ tranh và sậy khô đưa lại cho tía nuôi tôi:**  **- Tía ơi, đốt nó đi, tía!**  **Tía nuôi tôi mỉm cười, khoát khoát tay:**  **- Đừng! Không nên giết ong, con à! Để tía đuổi nó cách khác…**  **(Đoàn Giỏi, Đất rừng phương nam)**  Lời thoại của nhân vật trong các đoạn trích trên có những đặc điểm của ngôn ngữ nói là:  a. - Sử dụng khẩu ngữ, được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày.  - Sử dụng thán từ.  - Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ: nụ cười, cử chỉ.  - Sử dụng đa dạng về ngữ điệu.  b. - Sử dụng từ ngữ địa phương.  - Sử dụng đa dạng về ngữ điệu.  - Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ: nụ cười, cử chỉ.  **Câu 3 (trang 71 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  ***“Dậy đi em, dậy đi em ơi!***  ***Dật giũ áo kẻo bọ,***  ***Dậy phủi áo kẻo lấm!***  ***Đầu bù anh chải cho***  ***Tóc rối đưa anh búi hộ!”***  **(Truyện thơ dân tộc Thái, Tiễn dặn người yêu)**  **a. Lời của nhân vật trong đoạn trích trên có mang đặc điểm của ngôn ngữ nói không? Vì sao?**  **b. Từ các ngữ liệu ở bài tập 2 và 3, hãy nhận xét về sự khác biệt giữa lời nói của nhân vật trong văn bản truyện và văn bản truyện thơ.**  a. Lời nói của nhân vật có mang đặc điểm của ngôn ngữ nói, vì:  - Có sử dụng ngữ điệu.  - Sử dụng khẩu ngữ và từ ngữ địa phương.  b. Sự khác biệt giữa lời nói của nhân vật trong văn bản truyện và văn bản truyện thơ là:  - Trong các văn bản truyện, sử dụng nhiều khẩu ngữ, thán từ, câu từ đa dạng về ngữ điệu và có sự kết hợp nhiều với các phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, nụ cười…  - Trong các văn bản truyện thơ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương, sử dụng cả các câu tỉnh lược và câu có yếu tố trùng lắm và ít kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ hơn…  **Câu 4 (trang 71 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Đọc (thành tiếng) phần Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói ở mục Tri thức Ngữ văn. Phần đọc (thành tiếng) này có những đặc điểm của ngôn ngữ nói không? Vì sao?**  - Phần đọc (thành tiếng) phần Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói ở mục Tri thức Ngữ văn không phải ngôn ngữ nói.  - Tuy nhiên người đọc có thể tận dụng những ưu thế của ngôn ngữ nói như ngữ điệu.  - Có thể chêm xen và sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để cho phần đọc trở nên diễn cảm hơn. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu **Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu nhận xét về một nhân vật/ chi tiết trong một truyện thơ đã để lại cho bạn ấn tượng sâu sắc nhất.**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện .  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình .  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo. | **Đoạn văn tham khảo**  Trong văn bản “Lời tiễn dặn”, diễn biến tâm trạng của chàng trai trên đường tiễn người yêu về nhà chồng đã để lại cho người đọc ấn tượng sâu sắc. Đưa tiễn người yêu về nhà chồng, chàng trai vô cùng đau khổ, xót xa. Chàng trai vẫn dành rất nhiều tình cảm cho cô gái. Điều này thể hiện qua cách gọi cô gái của chàng trai là “người đẹp anh yêu”, khẳng định tình yêu dành cho cô gái vẫn vô cùng thắm thiết. Lúc đưa tiễn chàng trai có nhiều cử chỉ, hành động như muốn níu kéo những phút giây cuối cùng được ở bên cạnh người yêu, muốn ngồi lại, âu yếm chị, nựng con của chị…Chàng trai dặn dò người mình yêu đôi câu rồi nặng nề quay trở về. Qua hành động ấy ta thấy được tình yêu cao cả đến nhường nào của anh đối với cô gái, bỏ qua tất cả để đến với chị bằng tấm lòng chân thành, thật đáng ngợi ca. |

**IV. Phụ lục**

**4. Củng cố:**

- Nêu các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

- Cần có những lưu ý gì giữa đọc văn bản và ngôn ngữ nói?

**5. HDVN:**

- Hoàn thành bài tập vận dụng.

- Chuẩn bị phần đọc mở rộng theo thể loại: “Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu”.

Ngày soạn:

Tiết:

**BÀI 3: KHÁT KHAO ĐOÀN TỤ (truyện thơ)**

**Phần 3: DẠY VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**(TRUYỆN THƠ) HOẶC MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BÁI HÁT)**

**(2 tiết)**

1. **MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể

**1.Kiến thức:**

**-** Các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một tác phẩm truyện thơ hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát): kiểu bài, nội dung, hình thức.

- Cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện thơ hoặc một tác phẩm nghệ thuật: Bố cục (mở, thân, kết).

**2. Năng lực**

**2.1 Năng lực chung**

Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết của bạn.

**2.2 Năng lực đặc thù**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể.

- Viết được VB nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát); nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.

**3. Phẩm chất:**

- Góp phần bồi dưỡng năng lực cảm thụ tác phẩm văn chương/ âm nhạc thông qua việc viết cảm nhận về tác phẩm.

- Yêu thích và hứng thú với các hoạt động ứng dụng của môn Ngữ Văn.

**II. KIẾN THỨC**

**-** Các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một tác phẩm truyện thơ hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát): kiểu bài, nội dung, hình thức.

- Cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện thơ hoặc một tác phẩm nghệ thuật: Bố cục (mở, thân, kết).

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV

- PHT

- Âm nhạc (một số bài hát)

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (khởi động)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *- Cách 1: Trò chơi “BÀI HÁT TÔI YÊU”*  *Cho HS nghe một số đoạn nhạc và đoán tên bài hát*  *1. Nấu cho em ăn.*  *2. Để Mị nói cho mà nghe*  *3. Bài ca tôm cá*  *4. Đường đến vinh quang*  *5. Tết đong đầy*  *- Cách 2: Nhìn hình ảnh, đọc thơ đoán tên tác phẩm (liên quan đến truyện thơ)*  *1. Đầu lòng hai ả tố nga*  *Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân*  *2. Không lấy được nhau vào mùa hạ, ta sẽ lấy nhau vào mùa đông,*  *Không lấy được nhau thời trẻ, ta lấy nhau khi góa bụa về già.*  *3. Bỗng đâu thấy sự lạ đời*  *Trong tranh sao có bóng người bước ra*  Khi muốn nghị luận về nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm trên, ta sẽ làm như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS quan sát, suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, giới thiệu kiểu bài. | Gợi ý:  Cách 1  *1. Nấu cho em ăn.*  *2. Để Mị nói cho mà nghe*  *3. Bài ca tôm cá*  *4. Đường đến vinh quang*  *5. Tết đong đầy*  Cách 2:  1. Truyện Kiều  2. Tiễn dặn người yêu  3. Bích câu kì ngộ |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được những hiểu biết về kiểu bài văn nghị luận phân tích đánh giá một truyện thơ hoặc một bài hát.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS và PHT.

**c. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Đọc khung Tri thức về kiểu bài (SGK/75) và trả lời các câu hỏi sau:*  *+ Bài nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát) là kiểu bài như thế nào?*  *+ Bài nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát) cần đảm bảo những yêu cầu nào?*  *Bố cục của bài nghị luận gồm những phần nào?*  *+ Nêu những gì em chưa rõ về những điều trên (nếu có)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HT**  - HS đọc sách, suy nghĩ, trao đổi  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **1. Kiểu bài:**  Nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát) là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**  - Về nội dung nghị luận: Nêu và nhận xét được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện thơ/bài hát dựa trên những lí lẽ xác đáng và bằng chứng tiêu biểu, hợp lí được lấy từ tác phẩm.  - Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài như:  + Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc.  + sử dụng các phương tiện liên kết văn bản  + Kết hợp các thao tác lập luận hợp lí.  **3. Bố cục:**  - Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận (tên truyện thơ/ bài hát, tác giả, khái quát nội dung chính của tác phẩm) hoặc nêu định hướng bài viết.  - Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm để làm nổi bật những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật; đưa lí lẽ, bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - Kết bài: Khẳng định ý kiến về giá trị của tác phẩm hoặc nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân người đọc/ người nghe. |

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a**. **Mục tiêu**: Nhận biết được các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.

**b. Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

**c. Tổ chức hoạt động:**

* **Giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu ngữ liệu tham khảo theo từng đoạn và yêu cầu học sinh đọc thầm ngữ liệu tham khảo (SGK/ trang 75, 76, 77, 78), chú ý đến những phần được đánh số và khung chứa thông tin tương ứng. Sau đó, GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi (think – pair – share) để trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu văn bản. (SGK/ trang 76 – 78).
* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân học sinh đọc ngữ liệu tham khảo, theo dõi các khung chứa thông tin hướng dẫn. Sau đó, thảo luận nhóm đôi để tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu bài.
* **Báo cáo thảo luận:** Đại diện 2 -3 nhóm đôi HS trình bày câu trả lời trước lớp.
* **Kết luận nhận định**: GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS xác định các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện thơ/ bài hát: Chú trọng những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật theo định hướng sau:

**1,** Mở bài, thân bài và kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài phân tích, đánh giá một truyện thơ/ bài hát vì:

- Mở bài giới thiệu được một truyện thơ/ bài hát cần phân tích, đánh giá (tên của tác phẩm, xuất xứ) và nêu lên định hướng của bài viết.

- Thân bài lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và ý nghĩa của những chủ đề ấy.

- Kết bài: Khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật.

2, Vấn đề nghị luận của bài viết là: Đối với ngữ liệu 1 là giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện thơ Trê Cóc; Đối với ngữ liệu 2 là giá trị nội dung, ý nghĩa tư tưởng của bài hát “Bài ca hi vọng” của nhạc sĩ Văn Kí.

Với những vấn đề ấy, tác giả đã triển khai thành các luận điểm như sau

|  |  |
| --- | --- |
| **NGHỊ LUẬN VỀ TRUYỆN THƠ**  **“TRÊ CÓC”** | **NGHỊ LUẬN VỀ BÀI HÁT**  **“BÀI CA HI VỌNG”** |
| **Luận điểm 1:** Tóm tắt nội dung tác phẩm truyện thơ  **Luận điểm 2**: Phân tích nội dung, tư tưởng của tác giả dân gian gửi gắm trong tác phẩm.  **Luận điểm 3**: Phân tích hình thức nghệ thuật  **Luận điểm 4**: Khẳng định lại vấn đề | **Luận điểm 1:** Khái quát hoàn cảnh sáng tác và nội dung chủ yếu của bài hát  **Luận điểm 2:** Phân tích vẻ đẹp nội dung và ý nghĩa của bài hát thông qua một số câu từ, hình ảnh tiểu biểu nhất định.  **Luận điểm 3**: Giới thiệu những nghệ sĩ đã trình bày ca khúc  **Luận điểm 4:** Khái quát lại tầm ảnh hưởng của tác phẩm, thông qua đó khẳng định giá trị của nó. |

3,Mỗi luận điểm được làm sáng tỏ bằng những dẫn chứng trong chính tác phẩm. Liên hệ bằng ca dao tục ngữ (đối với truyện thơ), lời bài hát (đối với bài hát). Đây là những bằng chứng rõ ràng và thuyết phục.

4, Bài học rút ra về cách viết bài văn nghị luận về một truyện thơ hay bài hát: Về nội dung, nêu và nhận xét được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện thơ/bài hát dựa trên những lí lẽ và bằng chứng xác đáng, tiêu biểu, hợp lí được lấy từ tác phẩm. Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiên liên kết văn bản và kết hợp thao tác lập luận hợp lý.

**3. Hoạt động 3: Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát).

**b. Sản phẩm**: Bảng tóm tắt quy trình viết của HS (theo mẫu PHT số 1).

**c. Tổ chức hoạt động:**

**Giao nhiệm vụ học tập**: HS đọc phần Hướng dẫn quy trình viết (SGK/78) sau đó thảo luạn nhóm 4 – 6 HS và điền vào thông tin vào bảng theo mẫu sau:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | ***Thao tác cần làm*** | **Lưu ý** |
| *Bước 1: Chuẩn bị viết* | *Xác định mục đích viết và người đọc*  *.....................................................................* | ................................. |
| *Thu thập tư liệu*  *................................................................................* | ................................. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý* | *Tìm ý*  *.......................................................................* | ................................. |
| *Lập dàn ý*  *.......................................................................* | ................................. |
| *Bước 3:Viết bài* | *.......................................................................* | ................................. |
| *Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa* | *.......................................................................* | ................................. |

Thực hiện nhiệm vụ HT: Cá nhân học sinh đọc sách giáo khoa, thảo luận nhóm và hoàn thành.

Báo cáo, thảo luận: 1 -2 nhóm HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét, kết luận dựa vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** |
| Bước 1: Chuẩn bị viết | ***Xác định tác phẩm viết (truyện thơ hoặc bài hát)***  Lựa chọn một truyện thơ/ hoặc bài hát theo gợi ý của SGK hoặc một tác phẩm em đã biết. | - Cần chọn truyện thơ hoặc bài hát mà bản thân thực sự yêu thích để có hứng thú.  - Nên chọn những tác phẩm mà HS thuận lợi trong việc thu thập tài liệu, tìm ý để chuẩn bị cho bài viết. |
| ***Thu thập tư liệu***  - Tìm các nguồn liên quan đến truyện thơ/ bài hát muốn phân tích, đánh giá theo gợi ý của SGK.  - Cần ghi chép trong quá trình đọc tài liệu để phục vụ cho việc dẫn chứng bài viết văn | - Nên chọn đọc tài liệu từ các nguồn có uy tín như bài nghiên cứu trên tạp chí, báo chính thống.  - Cần lưu nguồn các bài báo, trang web đã tham khảo để dẫn nguồn trong bài viết, tránh mắc lỗi đạo văn hoặc vi phạm luật sở hữu trí tuệ. |
| Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | ***Tìm ý***  Tìm ý trên cả hai phương diện  - Chủ đề, ý nghĩa tác phẩm.  - Những nét đặc sắc về hình thức và nghệ thuật của tác phẩm.  - Ý nghĩa của tác phẩm  - Những ảnh hưởng liên ngành/ nếu có. | Có thể thực hiện bằng việc trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa |
| ***Lập dàn ý***  Sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí. | - Tham khảo những lưu ý khi lập dàn ý phần thân bài trong SGK.  - Cần đảm bảo bổ cục ba phần của bài viết. |
| Bước 3: Viết bài | Từ dàn ý đã lập, viết bài văn hoàn chỉnh | - Cần làm sáng tỏ các luận điểm của bài viết.  - Diễn đạt mạch lạc, lựa chọn văn phong phù hợp với mục đích viết và người đọc. |
| Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa | Đọc lại bài viết, chỉnh sửa.  Ghi lại những kinh nghiệm rút ra khi viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện thơ hoặc bài hát | Xem lại và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm trong SGK.  Có thể nhờ thầy cô, bạn đọc góp ý cho bài viết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (TRUYỆN THƠ) VÀ MỘT BÀI HÁT**

**1. Hoạt động chuẩn bị viết**

1. **Mục tiêu hoạt động:**

**Học sinh vận dụng năng lực** ngôn ngữ để tạo lập văn bản nghị luận về về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát)

**b. Nội dung thực hiện**

HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo hai bước

* Tạo lập dàn ý theo hướng dẫn phiếu học tập
* Hoàn thành bài viết theo rubric chấm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành hoàn thiện dàn ý  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Câu trả lời của HS. |

**\* Tìm ý, lập dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiếm trong SGK trong tiết chia sẻ bài viết trên lớp (thực hiện sau khi cho học xem lại và chỉnh sửa rút kinh nghiệm). | Sơ đồ tìm ý của HS, dàn ý, bài viết. |

**2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV tổ chức buổi trình bày, chia sẻ   * 1. Hai HS trao đổi bài viết cho nhau, đọc và góp ý cho nhau (dựa vào bảng kiểm).   2. Cá nhân HS trình bày bài luận của mình   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) và (2).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Hs chia sẻ một số kinh nghiệm để gây ấn tượng cho bài luận; một số bí quyết để bài luận được đánh giá cao, …  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó, đưa ra những lưu ý về kĩ năng tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà. | Bài viết của học sinh |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

Mở bài:………..

Thân bài:……….

Kết bài:…………

Luận điểm 1: ………

Luận điểm 2:………...

**3. Hoạt động rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh hoàn thiện bài viết hoàn chỉnh (Ở nhà hoặc tại lớp)

**b. Nội dung thực hiện:** HS hoàn thành bài viết và tự đối chiếu với rubric chấm trước khi nộp cho GV

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh nộp bài  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Bài viết đã được công bố của HS. |

Học sinh sử dụng bảng kiểm để tự kiểm tra lại bài viết của mình

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (TRUYỆN THƠ) HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BÀI HÁT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG KIỂM TRA** | | **ĐẠT** | **CHƯA ĐẠT** |
| **Mở bài** | Giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật (tên tác phẩm, tác giả, thể loại…) |  |  |
| Khái quát giá trị đặc sắc của tác phẩm |  |  |
| **Thân bài** | Trình bày tóm tắt nội dung của tác phẩm |  |  |
| Phân tích, đánh giá giá trị đặc sắc về nội dung của tác phẩm |  |  |
| Phân tích, đánh giá giá trị đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm |  |  |
| Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm |  |  |
| **Kết bài** | Khẳng định lại một cách khái quát giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm |  |  |
| Nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân người đọc |  |  |
| **Kĩ năng, trình bày, diễn đạt** | Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm mạch lạc. |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy từ tác phẩm |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài |  |  |
|  | Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, bằng chứng lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết |  |  |

**4. Củng cố:** Nhắc lại kiến thức trọng tâm.

- GV chia lớp thành các nhóm (4-6 HS), mỗi nhóm 2 nhiệm vụ

***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** HS chia nhóm để thảo luận

***\* Báo cáo và thảo luận kết quả nhiệm vụ học tập:*** HS trình bày kết quả thảo luận

***\* Nhận xét, kết luận:*** GV nhận xét và định hướng ôn tập, ghi nhớ tri thức quan trọng.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA TRUYỆN THƠ**

**“PHẠM CÔNG CÚC HOA”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | Trong các truyện thơ Nôm Việt Nam, Phạm Công Cúc Hoa là tác phẩm mang đầy giá trị về đạo lý làm người và sự uyên thâm của văn hóa truyền thống. |
| **Thân bài** | **Tóm tắt:**  Phạm Công – Cúc Hoa kể về câu chuyện đôi vợ chồng ở phủ Quỳnh Vân, cầu con được Ngọc Hoàng thương tình phái tiên đồng xuống đầu thai làm con gái, chính là Phạm Công. Chàng lớn lên, thông minh, hiếu thảo, nhân nghĩa nên được con quan phủ Quỳnh Vân là Cúc Hoa đem lòng thương yêu, kết duyên vợ chồng. Khi Phạm Công đi thi, Cúc Hoa ở nhà chờ đợi, bị Tào Thị hãm hại. Trong lúc đó, Phạm Công đỗ trạng nguyên được vua gã công chúa nhưng chàng từ chối.Khi quay về biết tin vợ mất, chàng hết sức đau lòng, sau đó vì bị lừa dối nên đã gán nghĩa với Tào Thị, rồi phụng mệnh lên đường dẹp giặc. Tào Thị ở nhà đuổi Tiến Lực và Nghi Xuân ra khỏi nhà. Hai đứa bé bơ vơ đi tìm cha, khi gặp lại kể hết sự tình, Phạm Công xuống âm phủ tìm vợ, cả gia đình đoàn tụ.  **Đánh giá nội dung và nghệ thuật**  Phạm Công – Cúc Hoa” là thiên tình sử giữa chàng Phạm Công và nàng Cúc Hoa hiếu nghĩa vẹn toàn, câu chuyện của họ trải dài từ thiên thượng tới nhân gian, rồi xuống cả âm tào địa phủ. Vượt trên chuyện tình yêu đôi lứa thường tình, “Phạm Công – Cúc Hoa” là tuyệt tác văn chương có tác dụng khuyến thiện, trừng ác, làm sáng tỏ đạo lý “thiện ác hữu báo” mà cả Phật gia, Đạo gia và Nho gia đều giảng dạy. Cúc Hoa vốn là công chúa con Diêm Vương, Phạm Công vốn là thái tử con Ngọc Hoàng, họ đầu thai xuống trần gian để diễn dịch cho con người nội hàm của đạo hiếu, đạo phu thê, đạo làm người. Trải qua rất nhiều cực khổ, khảo nghiệm sống chết, Phạm Công đã thành tựu cốt cách của bậc chí nhân, chí nghĩa, chí thành. Đó phải chăng là con đường tu luyện, “phản bổn quy chân”, trở về thiên giới mà lịch sử đã lưu lại cho hậu thế?  Truyện thơ “Phạm Công – Cúc Hoa” như một tuyệt tác trong kho tàng văn học dân tộc với nội dung li kì, hấp dẫn, nghệ thuật tự sự dân gian được thể hiện đặc sắc qua thể thơ lục bát.Tác phẩm thể hiện bước tiến trong việc sáng tác của các tác giả dân gian ẩn danh đối với thể loại truyện thơ. |
| **Kết bài** | Truyện thơ “Phạm Công – Cúc Hoa” như một viên ngọc trong kho tàng văn hoá dân tộc với nội hàm mỹ hảo uyên thâm, bài viết ngắn ngủi với kiến giải cá nhân chỉ khám phá được một phần rất nhỏ. Hy vọng sớm tái ngộ cùng quý vị độc giả trong những bài viết khác, làm sáng tỏ thêm vẻ đẹp của thi phẩm tuyệt diệu này. |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Thu Hiền, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Lê Hoa Tranh, Đinh Phan Cẩm Vân, Phan Thu Vân. *Ngữ văn 11*, Bộ sách Chân trời sáng tạo. Hồ Chí Minh: Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Thu Hiền, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Lê Hoa Tranh, Đinh Phan Cẩm Vân, Phan Thu Vân, *SGV Ngữ văn 11*, Bộ sách Chân trời sáng tạo. Hồ Chí Minh: Giáo dục Việt Nam.

Ngày soạn: …/…./….

**BÀI 3: KHÁT KHAO ĐOÀN TỤ**

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết ….: GIỚI THIỆU MỘT TRUYỆN THƠ HOẶC**

**MỘT BÀI HÁT THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**-** Biết giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nhận xét được nội dung và cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi những điểm cần làm rõ.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

- Năng lực nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nhận xét được nội dung và cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi những điểm cần làm rõ.

**3. về phẩm chất:** Tích cực và trách nhiệm trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**: Máy chiếu, micro, bảng, phấn/ bút lông…

**2. Học liệu**

- SGK; SGV; KHBD, tài liệu tham khảo

- Phiếu học tập, sơ đồ, bảng kiểm, Internet….

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **11…** |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập liên quan đến nội dung bài học ***Giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.***

**b. Nội dung:** Gv nêu câu hỏi, HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS vận dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi:  - Kể tên một số truyện thơ/bài hát mà em yêu thích?  - Trong thực tế của cuộc sống, những tình huống nào chúng ta sẽ sử dụng kĩ năng giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ câu trả lời.  **B3. Báo cáo, thảo luận:**  1 – 2 HS trả lời câu hỏi; các HS khác lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS.  GV ghi nhận các câu trả lời của HS, hướng dẫn HS tổng hợp:  + Một số tác phẩm/bài hát  + Tình huống sử dụng kĩ giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân. | + Một số tác phẩm/bài hát: Lục Vân Tiên, Quan Âm Thị Kính, Em ơi Hà Nội Phố,Viếng lăng Bác…  + Tình huống sử dụng kĩ giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân như; Câu lạc bộ văn học, buổi thuyết trình về một tác phẩm văn học; buổi sinh hoạt ngoại khoá, buổi giao lưu, trả lời phỏng vấn,… |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các bước nói khi giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Cách 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK/tr80 và nêu các bước nói.  - Cách 2: HS thực hiện hoàn thành sơ đồ tóm tắt hoạt động chuẩn bị nói như sau.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cách 1: HS thảo luận nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ HT, đọc thông tin trong SGK trả lời hoặc hoàn thành sơ đồ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV mời 1 – 2 nhóm HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Xác định các bước nói**  **Bước 1: Chuẩn bị nói**  - Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe  • Đề tài: Giới thiệu một tác phẩm truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân.  • Mục đích nói: Giúp người nghe hiểu được lí do lựa chọn tác phẩm và cái hay, cái đẹp của tác phẩm.  • Đối tượng người nghe có thể là bạn học cùng lớp, thầy, cô giáo, thành viên trong câu lạc bộ…  - Tìm ý và lập dàn ý  + Tìm ý  Để tìm ý cho bài nói, bạn cần:  – Xác định tác phẩm của ai, ra đời năm nào, trong bối cảnh nào, thuộc thể loại hay loại hình nghệ thuật gì.  – Xác định thể loại của tác phẩm.  – Xác định nội dung của tác phẩm.  – Xác định những biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng.  – Nhận xét, đánh giá về tác phẩm.  + Lập dàn ý: Dựa vào những ý đã tìm, có thể phác thảo dàn ý theo gợi ý *ở* *phụ lục 1*  **Luyện tập:**  Dựa vào gợi ý trên, bạn có thể luyện nói một mình hoặc với bạn bè.  **Bước 2: Trình bày bài nói**  Khi trình bày bài nói, hãy nhớ một số yêu cầu cơ bản sau:  • Nói từ tốn, tự tin, với âm lượng đủ nghe.  • Tương tác với người nghe.  • Sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách chừng mực để giúp cho bài  • Sử dụng các phương tiện hỗ trợ để giới thiệu được tác phẩm nghệ thuật một cách trực quan sinh động. nói thêm sinh động.  **Bước 3: Trao đổi, đánh giá**  - Trao đổi  • Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.  • Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.  - Đánh giá: có thể dựa theo bảng kiểm bài 1 |

**\*Sơ đồ tóm tắt hoạt động nói**

***\* Phụ lục 1***

|  |  |
| --- | --- |
| **Truyện thơ** | **Bài hát** |
| Tác giả (nếu có), tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác | Tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác |
| Lí do lựa chọn tác phẩm | Lí do lựa chọn tác phẩm |
| Thể loại | Thể loại |
| – Tóm tắt nội dung, cốt truyện  – Giới thiệu nhân vật | Giới thiệu nội dung, phương thức thể hiện |
| - Nếu điểm nổi bật về nghệ thuật (kết cấu, hình ảnh, ngôn ngữ nghệ thuật...) | Nêu điểm nổi bật về nghệ thuật (tiết tấu, ca từ, hòa âm, nghệ thuật diễn xướng...) |
| Khái quát chủ đề, thông điệp | Khái quát chủ đề, thông điệp |
| Ý kiến đánh giá | Ý kiến đánh giá |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành được bài *Nói và nghe:*

**-** Biết giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nhận xét được nội dung và cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi những điểm cần làm rõ.

**b. Nội dung:** HS thực hành nói và nghe.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân của HS và sự đánh giá của cả lớp.Bảng kiểm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Trước tiên, luyện tập theo nhóm đôi để trình bày bài giới thiệu, từng HS trình bày bài nói của mình cho bạn nghe và góp ý dựa trên bảng kiểm đánh giá kĩ năng ở Bài 1 **Thông điệp từ thiên nhiên.** Sau đó, cá nhân HS trình bày bài nói của mình trước lớp.  - Khi nghe bài giới thiệu, đánh giá về một bài thơ hoặc bài hát theo sự lựa chọn cá nhân của bạn, ghi chép tóm tắt nội dung, ghi những câu hỏi muốn trao đổi với người nói.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS luyện tập, trình bày.(có thểquay lại video gửi cho GV)  Cá nhân HS thực hiện việc lắng nghe và ghi chép.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời lần lượt 2 HS lên trình bày bài nói trước lớp. Với mỗi HS lên trình bày, GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, trao đổi với bạn sau khi bạn trình bày xong.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm, khen ngợi cả lớp. | **II. Thực hành nói và nghe**  *Bài nói của HS chuẩn bị* |

***Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu một tác phẩm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở đầu | Chào hỏi và tự giới thiệu. |  |  |
| Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả. |  |  |
| Nêu lí do lựa chọn tác phẩm một cách thuyết phục, hấp dẫn. |  |  |
|  | Nhận xét khái quát về tác phẩm |  |  |
| **Nội dung chính** | Giới thiệu đặc điểm nội dung và hình thức cuả tác phẩm |  |  |
| Giới thiệu chủ đề, thông điệp của tác phẩm. |  |  |
| Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm/điều thích hoặc không thích về tác phẩm/tình cảm, cảm xúc khi đọc/xem/nghe tác phẩm. |  |  |
| Sắp xếp các ý hợp lí, logic |  |  |
| **Kết thúc** | Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm. |  |  |
| Khuyến khích người nghe thưởng thức tác phẩm. |  |  |
| Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe. |  |  |
| Cảm ơn và chào kết thúc. |  |  |
| **Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe** | Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu |  |  |
| Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày. |  |  |
| Tương tác tích cực với người nghe trong quá trình nói |  |  |
| Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

***Bảng kiểm khi nghe và trao đổi***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Chuẩn bị nghe** | Tìm hiểu thông tin về bài thuyết trình |  |  |
| **Trong khi nghe** | Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình |  |  |
| Ghi chép tóm tắt nội dung thuyết trình bằng các từ khóa, cụm từ, sơ đồ dàn bài |  |  |
| Đánh dấu những thông tin quan trọng. |  |  |
| Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung và cách thức thuyết trình. |  |  |
|  | Ghi lại những câu muốn trao đổi, tranh luận. |  |  |
| **Sau khi nghe** | Sử dụng kĩ thuật PMI để nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của bài thuyết trình về nội dung, cách thức thuyết trình. |  |  |
| Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi (biết chờ đến lượt mình, xác nhận quan điểm của người nói khi trao đổi, tôn trọng quan điểm người nói). |  |  |
| Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi |  |  |

**Bài nói tham khảo: Giới thiệu bài hát “Em ơi, Hà Nội phố”**

*Xin chào thầy cô và các bạn, tôi là ….. học sinh lớp….. trường…..*

*Chắc hẳn mỗi chúng ta ai cũng đã từng được lắng nghe ca khúc “Em ơi, Hà Nội phố” (thơ Phan Vũ, nhạc Phú Quang). Bài hát ấy thực sự là hoài niệm níu chân kẻ si tình.*

*Ca khúc phổ thơ Phan Vũ gợi cảm giác bâng khuâng, nhớ nhung về thủ đô lãng mạn nhưng cũng đầy buồn thương.*

*Bài hát do Phú Quang phổ nhạc năm 1986, dựa lời thơ Phan Vũ. Nhạc sĩ kể khi vào Sài Gòn sống được nửa năm, ông nhớ Hà Nội. Trong buổi trà chiều, Phan Vũ đọc cho ông nghe bài thơ Em ơi, Hà Nội phố - trường ca dài 443 câu thơ, chia làm 24 khổ. Nghe xong, Phú Quang xúc động và nói với Phan Vũ chắc chắn có một bài hát hay.*

*“Vẫn biết một bài ca có đáng là bao để trả món nợ ra đi, nhưng khi bài ca được viết ra, tôi đã giải thoát dù chỉ phần nào. Và dẫu chỉ là ít ỏi thì tôi cũng đã xây dựng được chút gì cho kỷ niệm về Hà Nội, nơi chứng kiến bao buồn vui của tôi trong suốt nửa cuộc đời”, nhạc sĩ bộc bạch. Ông đã chọn 21 câu thơ trong sáng tác của Phan Vũ, kết hợp cảm xúc của mình làm nên Em ơi, Hà Nội phố.*

*Những câu thơ Phú Quang chọn phổ nhạc gắn với hình ảnh đặc trưng của Hà Nội mà hễ mở lời, dễ dẫn dụ người nghe đồng cảm. Phú Quang rời Hà Nội năm 37 tuổi để tìm điều mới lạ cũng như muốn giã từ vài thứ phiền muộn. Ở Sài Gòn được ba tháng, ông khao khát trở về. Thế nhưng, phải 25 năm sau, ông mới quay lại Hà Nội. “Hà Nội có thể không sang trọng bằng khách sạn nào đó, không hoành tráng như thủ đô nào đó. Tôi yêu Hà Nội, tình yêu cực đoan đến nỗi khi nhìn chiếc lá, trong phút ngông cuồng tôi đã nghĩ lá ở Hà Nội xanh hơn nơi khác”, Phú Quang thú nhận.*

*Em ơi Hà Nội phố*

*Ta còn em mùi hoàng lan*

*Ta còn em mùi hoa sữa*

*Con đường vắng rì rào cơn mưa nhỏ*

*Ai đó chờ ai tóc xõa vai mềm*

*Lời ca đầy dịu dàng mở ra thứ cảm xúc lãng mạn, tình tứ. Nhân vật chính là “em” - Hà Nội - được gọi thân mật. Hà Nội tựa như người tình, bạn tri kỷ níu chân Phú Quang. Hà Nội mơ màng và mong manh, thanh lịch. Hoàng lan, hoa sữa tồn tại như thực thể có hồn, phảng phất mùi hương rồi ăn sâu vào tiềm thức. Lối đi xưa bảng lảng bóng một người con gái.*

*Ta còn em cây bàng mồ côi mùa đông*

*Ta còn em nóc phố mồ côi mùa đông*

*Mảnh trăng mồ côi mùa đông*

*Mùa đông năm ấy tiếng dương cầm trong căn nhà đổ*

*Tan lễ chiều sao còn vọng tiếng chuông ngân*

*Mùa đông năm 1972, Hà Nội tang tóc bởi trận dội bom của quân đội Mỹ. Nỗi mất mát đóng hình trong Em ơi, Hà Nội phố. Con chữ mộc mạc khắc sâu cảnh phố xá trơ trụi, ký ức đau thương. Hà Nội thêm cô đơn, trống vắng giữa trời đông rét buốt. Sự sống thưa thớt, bám trụ trên nền đất hoang tàn. Tiếng dương cầm như mới dứt, gây thổn thức khôn cùng. Hình ảnh chuyển hóa từ kỷ niệm của nhà thơ Phan Vũ với cô gái tên Trịnh Thị Nhàn - người ông thầm thương. Nhà Nhàn ở phố Chân Cầm. Phan Vũ si mê khúc dương cầm réo rắt và dành sự cảm mến cho cô.*

*Em ơi, Hà Nội phố không chỉ là lời thủ thỉ tự tình mà ẩn sâu nỗi xót xa. Phan Vũ chia sẻ: Cụm từ “ta còn em” trong từng đoạn là những hoài niệm yêu thương của tôi về Hà Nội mà đôi lần khi cần nương tựa, an ủi, tôi lại tìm về".*

*Ta còn em một màu xanh thời gian*

*Một chiều phai tóc em bay*

*Chợt nhòa chợt hiện*

*Người nghệ sĩ lang thang hoài trên phố*

*Bỗng thấy mình chẳng nhớ nổi một con đường*

*Ta còn em hàng phố cũ rêu phong*

*Và từng mái ngói xô nghiêng*

*Nao nao kỷ niệm*

*Chiều Hồ Tây lao xao hoài con sóng*

*Chợt hoàng hôn về tự bao giờ*

*Vẫn còn đó Hà Nội của những hoài bão, ước mơ và hy vọng. Thế nhưng, nghệ sĩ chẳng thể trốn tránh nỗi đơn côi, phút chạnh lòng. Hình ảnh thiếu nữ ẩn hiện trong Em ơi Hà Nội phố, không rõ bóng hình, không dòng địa chỉ. Họ chợt hiện rồi chợt tan tạo cảm giác mộng mị, đủ khiến kẻ si tình vấn vương, quyến luyến. Độc bước trên con phố dài không dấu chân, kẻ sĩ hoài nhớ dãy nhà cổ tịch mịch, vẻ trầm mặc của 36 phố phường, ánh hoàng hôn buông trên sóng nước Hồ Tây.*

*“Em ơi, Hà Nội phố” hòa trộn giữa văn chương và hội họa. Ngôn từ chất đầy những hình khối, màu sắc tựa bức tranh. Những đường cọ chỉ chấm phá đôi nét mờ nhòa, tạo không gian lắng đọng cho người thưởng thức. “Em ơi, Hà Nội” phố đồng điệu cảm xúc của cặp nghệ sĩ Phan Vũ - Phú Quang, thể hiện tình yêu mãnh liệt và chân thành.*

*Phan Vũ viết “Em ơi, Hà Nội phố” trong căn gác số 4 Hàng Bún ngay sau trận trút bom. Hiện nay, tuổi ngoài 90, ông khao khát một lần trở lại Hà Nội, nơi có hương hoàng lan, hoa sữa và kỷ niệm về phụ nữ đẹp. Còn Phú Quang: “mỗi khi lòng xác xơ, tôi vội vã trở về”.*

*Trên đây là những lời giới thiệu về bài hát “Em ơi, Hà Nội phố”. Cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý lắng nghe. Mong được sự góp ý của các bạn.*

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học và kĩ năng nói, nghe để giới thiệu một truyện thơ/bài hát với bạn bè, người thân.

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học và kĩ năng nói, nghe để nói với bạn bè, người thân.

**c. Sản phẩm:** Phần giới thiệu của HS với bạn bè, người thân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS về nhà thực hành nói và nghe với người thân.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, về nhà thực hiện.

**B3. Báo cáo thảo luận:** GV cho HS nêu những câu hỏi còn thắc mắc.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá buổi học.

**4. Củng cố:** HS ghi nhớ kiến thức đã học, thực hành vận dụng thêm cho nhiều tác phẩm khác.

**5. HDVN:** GV dặn dò HS

+ Ôn tập lại các văn bản và kiến thức đã học ở *Bài 3. Khát khao đoàn tụ*

+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

**Tiết…: ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**2. Năng lực.**

- HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong *bài 3 Khát khao đoàn tụ* để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong tiết ôn tập.

- Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

- Báo cáo kết quả thực hiện phần Đọc mở rộng theo thể loại.

- Thực hành : Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật .

- Biết giới thiệu một truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân.

**3. Phẩm chất**

Biết trân trọng khát khao đoàn tụ

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Bảng, phấn/viết lông

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi.

# **III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung *bài 3 Khát khao đoàn tụ.*

**b. Sản phẩm**

Nhận thức và thái độ học tập của HS.

# **c. Tổ chức thực hiện**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV chơi trò chơi ***Ai nhanh hơn*** *e*m hãy kể tên các văn bản đã học ở *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS nghe và trả lời

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS trình bày sản phẩm thảo luận.

GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét, đánh giá: Những văn bản đã học ở *bài 3 Khát khao đoàn tụ: Lời tiễn dặn, Tú Uyên gặp Giáng Kiều, Người ngồi đợi trước hiên nhà.*

GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập các văn bản và các kiến thức tiếng Việt đã được học trong *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ÔN TẬP

**1. Hoạt động ôn tập về đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học để trả lời các câu hỏi ôn tập về đọc trong SGK/tr.82.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về các bài tập đã thực hiện ở nhà.

**c. Tổ chức thực hiện:**

***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2 trong SGK/tr.82 (ở nhà).

***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ vào vở cá nhân.

***\* Báo cáo, thảo luận:*** Mời 2-3 HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. HS khác quan sát, bổ sung, góp ý (nếu có).

***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và hướng dẫn HS theo định hướng tham khảo sau.

***Câu 1 (SGK/tr.82)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Lời tiễn dặn | Tú Uyên gặp Giáng Kiều | Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu |
| Cốt truyện | + Yêu nhau tha thiết;  + Tình yêu tan vỡ, đau khổ;  + Vượt qua, thoát khỏi cảnh ngộ, chết cùng nhau hoặc sống bên nhau hạnh phúc | Người đẹp trong tranh là câu chuyện dân gian Việt Nam, kể về sự tích Tú Uyên – Giáng Kiều kết duyên chồng vợ, sau đó cả hai cùng cưỡi hạc bay về trời. | Thiện Sĩ ngồi đọc sách thì thiu thiu ngủ, Thị Kính ngồi khâu bên cạnh nhìn thấy chồng có chiếc râu mọc ngược thì lấy dao khâu định xén đi. Thiện Sĩ chợt tỉnh thì hô toáng lên. Rồi mặc cho Thị Kính hết lời van xin, Sùng ông, Sùng Bà đánh đuổi Thị Kính về nhà Mãng ông. Sau khi làm cho hai bố con Mãng ông nhục nhã, khổ sở hai vợ chồng nhà Sùng bỏ vào nhà mặc cho hai bố con ôm nhau khóc rồi đưa nhau về. |
| Nhân vật | Nhân vật Anh yêu và Em yêu từ khi còn là hai bào thai | Tú Uyên và Giáng Kiều | Thiện Sĩ, Thị Kính, Sùng ông, Sùng bà, Mãng ông.   Nhân vật chính thể hiện xung đột là Sùng bà và Thị Kính. |
| Người kể chuyện | Tác giả thay lời nhân vật trong cuộc kể lại câu chuyện tình yêu | Tác giả | Tác giả |
| Ngôn ngữ | Ngôn ngữ xưng hô trong dân ca Thái, gần gũi, quen thuộc | Câu chuyện được viết bằng ngôn ngữ dân gian, gần gũi thân thuộc | Lời hát, lời văn mang đậm màu sắc dân gian |
| Nhận xét chung | Cả ba văn bản đều được thể hiện và gắn liền với ngôn ngữ dân gian, dễ gần và thân thuộc với con người Việt Nam | | |

***Câu 2 (SGK/tr.82)***

Lời của các nhân vật từ câu " Bữa sau sự phụ mới hay" đến câu " Mệnh người dám lấy làm chơi mà liều" (trích Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu) có mang đặc điểm của ngôn ngữ nói. Dựa vào lời văn và việc sử dụng ngôn ngữ như ru thì, phù đồ mang đậm ngôn ngữ fana gian. Ngoài ra từ : Như thế thì...... chơi mà liều" là lời nói của sư phụ được chuyển thành câu thơ do đó mà lời của các nhân vật mang đặc điểm của ngôn ngữ nói.

**2. Hoạt động ôn tập viết, nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học để trả lời các câu hỏi ôn tập về viết, nói và nghe trong SGK/tr.82.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về các bài tập đã thực hiện ở nhà.

**c. Tổ chức thực hiện:**

***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3,4,5 trong SGK/tr.82 (ở nhà).

***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ vào vở cá nhân.

***\* Báo cáo, thảo luận:*** Mời 2-3 HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. HS khác quan sát, bổ sung, góp ý (nếu có).

***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và hướng dẫn HS theo định hướng tham khảo sau.

***Câu 3 (SGK/tr.82)***

Khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học ( truyện thơ) hoặc tác phẩm nghệ thuật( bài hát), bạn cần lưu ý:

* Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm mạch lạc.
* Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm
* Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.
* Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.

***Câu 4 (SGK/tr.82)***

Khi giới thiệu một truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân cần chú ý:

* Xác định được tác phẩm mà mình định nói là của ai, ra đời năm nào, trong bối cảnh nào, thuộc thể loại nào hay loại hình nghệ thuật gì.
* Xác định được thể loại của tác phẩm
* Xác định nội dung của tác phẩm
* Xác định những biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng

***Câu 5 (SGK/tr.82)***

Trong hoàn cảnh xa cách, con người trở nên biết trân trọng những khoảnh khắc gần nhau, mới biết được niềm vui của đoàn tụ mà chỉ khi mất đi con người mới nhận ra được. Nhưng trong sự đau khổ ấy con người lại hiện lên những vẻ đẹp, phẩm chất đáng quý về sự khát khao đoàn tụ, về sự thủy chung một lòng.

**HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong *bài 3 Khát khao đoàn tụ* và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt: *Bài 3 chúng ta đã học, đọc về các văn bản nghị luận Khát khao đoàn tụ: Lời tiễn dặn, Tú Uyên gặp Giáng Kiều, Người ngồi đợi trước hiên nhà về.* Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói. Báo cáo kết quả thực hiện phần Đọc mở rộng theo thể loại. Thực hành : Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật Biết giới thiệu một truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân.

**BÀI 4 NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**(VĂN BẢN THÔNG TIN)**

Thời gian thực hiện: 10 tiết

(Đọc: 6 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về phẩm chất:** Trân trọng, có ý thức giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc

**2. Về năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực hợp tác.

**- Năng lực đặc thù:** Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học

+ Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.

+ Nhận biết được bố cục mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.

+ Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.

+ Biết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

+ Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc** | * Sơn Đoòng – Thế giới chỉ có một * Đồ gốm gia dụng của người Việt * **KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**: Chân quê (Nguyễn Bính) * **MỞ RỘNG**: Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai |
| **Thực hành Tiếng Việt** | * Trích dẫn và phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản |
| **Viết** | * Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội |
| **Nói và nghe** | * Trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội |
| **Ôn tập** | * Ôn tập chủ đề |

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết ….**

**VĂN BẢN 1:**

**SƠN ĐOÒNG – THẾ GIỚI CHỈ CÓ MỘT**

**(2.5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về phẩm chất:** Trân trọng, có ý thức giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc

**2. Về năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực hợp tác.

**- Năng lực đặc thù:** Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học

+ Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.

+ Nhận biết được bố cục mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.

+ Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.

+ Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp; biết trình bày báo cáo về một vấn đề xã hội/tự nhiên.

+ Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, máy tính

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, video, tranh, ảnh…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú, tâm thế thoải mái và thu hút sự chú ý sự chú ý thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** học sinh xem video và chia sẻ về danh lam, thắng cảnh của đất nước mà mình biết.

**c. Sản phẩm:** Những chia sẻ của học sinh về danh thắng của đất nước

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- HS thực hiện nhiệm vụ:** xem video và kể lại những thắng cảnh xuất hiện trong video.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giao nhiệm vụ:**  **+** GV cho HS xem video giới thiệu cảnh đẹp Việt Nam https://www.youtube.com/watch?v=Au6LqK1UH8g.  + GV yêu cầu:   * Kể lại tên những danh thắng xuất hiện trong video. * Chia sẻ về di sản thiên nhiên Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình)   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** xem video và ghi nhớ những thắng cảnh xuất hiện trong video.  **B3. Báo cáo thảo luận:** 1,2 HS trình bày, chia sẻ suy nghĩ cá nhân.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Nhận xét câu trả lời của học sinh, kết nối hoạt động hình thành kiến mới. | - HS kể tên thắng cảnh và chia sẻ hiểu biết về di sản thiên nhiên Phong Nha – Kẻ Bàng |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:** Tìm hiểu một số yếu tố của văn bản thông tin.
2. **Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày hiểu biết về một số yếu tố của văn bản thông tin
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Ở lớp 10 em đã học văn bản thông tin nào? (*Tranh Đông Hồ - Nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam*; *Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*)  - Nhắc lại định nghĩa về văn bản thông tin  Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin. Trong đời sống, có nhiều loại văn bản thông tin khác nhau: báo cáo, bản tin, thông báo, thư từ, diễn văn, tiểu luận,…  **- GV yêu cầu:**  + Dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trang 83, em hãy trình bày đặc điểm của văn bản thông tin?  + Tìm hiểu một số yếu tố của văn bản thông tin, điền vào bảng:   |  |  | | --- | --- | | **Một số yếu tố của văn bản thông tin** | **Cách nhận diện/ xác định trong văn bản** | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trình bày, chia sẻ ý kiến  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, chốt ý. | **I. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Văn vản thông tin**  - Cung cấp thông tin về đối tượng cho người đọc  - Kết hợp nhiều nguồn thông tin, cách trình bày (dạng chữ/ dạng hình ảnh/ sơ đồ/ bảng biểu…), nhiều phương thức biểu đạt (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận…)  **2. Một số yếu tố của văn bản thông tin**   |  |  | | --- | --- | | **Một số yếu tố của văn bản thông tin** | **Cách nhận diện/ xác định trong văn bản** | | ***Các yếu tố hình thức của văn bản*** | - Nhan đề;  - Kí hiệu đánh dấu các phần, mục chú thích cho hình ảnh;  - Bảng số liệu;  - Biểu đồ, sơ đồ, lược đồ; mô hình bản đồ,... | | ***Dữ liệu*** | Sự thật hiển nhiên hoặc những phát biểu/ tuyên bố được xác minh bằng những bằng chứng cụ thể, được đo lường, quan sát một cách khoa học và mọi người công nhận.  🡪 Dữ liệu mang tính khách quan và là yếu tố làm nên tính chính xác, đáng tin cậy của văn bản thông tin. | | ***Thái độ, ý kiến, quan điểm của người viết*** | - Những phát biểu thể hiện niềm tin, cảm nhận hoặc suy nghĩ của người viết về một vấn đề/ đối tượng nào đó.  - Ý kiến, quan điểm có thể được/ không được xác minh bằng sự thật hoặc chứng cứ cụ thể.  🡪 thái độ, ý kiến và quan điểm thường mang tính chủ quan. | | ***Thông tin cơ bản*** | Thông tin quan trọng nhất mà người viết muốn truyền tải văn bản. Thông tin cơ bản được hỗ trợ bởi các thông tin chi tiết. | | ***Cách trình bày ý tưởng và thông tin dữ liệu*** | - Ý chính và nội dung chi tiết.  - Trật tự thời gian  - Cấu trúc nguyên nhân – kết quả.  - Cấu trúc so sánh – đối chiếu.  - Cấu trúc vấn đề – cách giải quyết. | |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1. SƠN ĐOÒNG – THẾ GIỚI CHỈ CÓ MỘT**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung:** Cảm nhận vẻ đẹp của hang Sơn Đoòng

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu video về giới thiệu về hang Sơn Đoòng.  https://oxalisadventure.com/vi/cave/hang-son-doong/  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem video quan sát, cảm nhận  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS chia sẻ suy nghĩ  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV chốt ý, dẫn dắt vào bài học |  |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.

- Nhận biết được bố cục mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.

- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.

- Nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết.

- Thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của VB hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.

**b. Nội dung:** Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu về tác phẩm qua các hoạt động: Phiếu học tập, thảo luận nhóm và phát vấn cá nhân

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi:  *+ Vẽ sơ đồ tóm tắt bố cục của văn bản*  *+ Bố cục ấy có mối quan hệ như thế nào với nhan đề?*  *+ Cách trình bày dữ liệu và thông tin ở phần (1) và (2) của văn bản?*  *+ Nhận xét về hiệu quả của các cách trình bày đó.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận và thực hiện  Thời gian: 20 phút  **B3. Báo cáo thảo luận**  Học sinh trình bày nhiệm vụ  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Nhiệm vụ 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia nhóm 4 – 6 HS đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:  *+ Xác định nội dung chính của văn bản*  *+ Tìm và chỉ ra các yếu tố hình thức của văn bản đã hỗ trợ thể hiện nội dung chính. Lí giải.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận và thực hiện trên giấy A3  Thời gian: 20 phút  **B3. Báo cáo thảo luận**  Học sinh trình bày kết quả thảo luận  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét và chốt lại những kiến thức cơ bản.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi:  *- Tìm thông tin chính và các chi tiết được trình bày trong đoạn văn: “Điểm đặc biệt của Sơn Đoòng là có hai hố sụt ... cây ưa bóng râm chen dày, thực vật biểu sinh như tầm gửi, phong lan,..”.*  *- Các chi tiết này đóng vai trò gì trong việc thể hiện thông tin chính của đoạn văn?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện  - Thời gian: 5 phút  **B3. Báo cáo thảo luận**  Học sinh trình bày kết quả thảo luận  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét, chốt ý  **Nhiệm vụ 4:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phát vấn cá nhân:  *+ Xác định thái độ của tác giả được thể hiện qua văn bản và chỉ ra căn cứ để xác định (những) thái độ đó.*  *+ Em có đồng tình với quan điểm của người viết được thể hiện ở phần văn bản “Để phát triển hang động lớn nhất thế giới – Sơn Đoòng” không? Vì sao?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  Thời gian: 10 phút  **B3. Báo cáo thảo luận**  Học sinh trình bày, chia sẻ suy nghĩ  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét, chốt lại những kiến thức cơ bản. | **KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Bố cục, cách trình bày dữ liệu và thông tin của văn bản**  **a. Bố cục: 2 phần**  **Sơn Đoòng – thế giới chỉ có một**  “*Chính vì những điểm đặc biệt, có một không hai ... từ du khách, chính quyền cho đến người dân sở tại*” **(2)**  🡪 Định hướng phát triển bền vững hang động lớn nhất thế giới - Sơn Đoòng.  “*Sơn Đoòng bắt đầu được biết đến từ năm 1990 ... Phía sau “bức tường” là cửa hang, có lối đi ra ngoài*” **(1)**  🡪 Những minh chứng cụ thể khẳng định Sơn Đoòng là Đệ nhất kì quan  🡺 Mối quan hệ giữa bố cục với nhan đề của VB:  - Nội dung VB phù hợp với nhan đề  - Bố cục là sự chi tiết hoá nội dung khái quát được nêu ở nhan đề, góp phần triển khai, làm rõ nội dung thông tin được xác định ở nhan đề của VB.  **b. Cách trình bày dữ liệu và thông tin của văn bản**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phần văn bản** | **Cách trình bày** | **Căn cứ xác định** | | **(1)** “*Sơn Đoòng bắt đầu được biết đến từng năm 1990 ... công bố là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới vào năm 2010*” | **Trật tự thời gian** để cung cấp thông tin về lịch sử tìm kiếm, phát hiện và công nhận những kì tích của hang Sơn Đoòng | Dữ liệu được sắp xếp theo trật tự thời gian (**lần đầu tiên Sơn Đoòng được biết đến** trong một chuyến đi rừng tình cờ của Hồ Khanh vào năm **1990**; cuộc gặp gỡ giữa Hồ Khanh và Hao-ớt Lim-bơ cũng như nỗ lực của Hồ Khanh tìm kiếm trở lại Sơn Đoòng vào năm **2008**; sự kiện chính thức phát hiện và thám hiểm toàn bộ hang Sơn Đoòng của Hao-ớt Lim-bơ và Hồ Khanh vào năm **2009**; Sơn Đoòng được công bố trên tạp chí Địa lí Quốc gia Mỹ vào năm **2010**). | | **(2)** “*Theo số liệu chính xác do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn An Thi Việt Nam …Phía sau “bức tường” là cửa hang, có lỗi đi ra ngoài*” | **Mối quan hệ giữa ý chính và nội dung chi tiết** để cung cấp cho người đọc những minh chứng cho thấy Sơn Đoòng xứng đáng được xem là Đệ nhất kì quan | Phần VB trình bày nhiều dữ liệu về những điểm đặc biệt của Sơn Đoòng như số liệu chính xác về chiều dài, chiều cao và thể tích của hang; nét đặc biệt của hang Én; thảm thực vật ở hai hố sụt; những cột nhũ đá và thế giới “ngọc động” của Sơn Đoòng, “bức tường Việt Nam”; những dữ liệu ấy góp phần làm rõ ý chính Sơn Đoòng được xem là Đệ nhất kì quan. |   - **Nhận xét:**  + Cách trình bày thông tin theo trật tự thời gian giúp người đọc hiểu rõ hơn về lịch sử phát hiện, tìm kiếm và công bố thông tin về hang Sơn Đoòng.  + Cách trình bày thông tin theo mối quan hệ giữa ý chính và nội dung chi tiết giúp cho thông tin cơ bản của phần VB “Sơn Đoòng - Đệ nhất kì quan” được hỗ trợ làm rõ bằng những dữ liệu cụ thể, chính xác, khách quan; trên cơ sở đó, tạo tính thuyết phục cho thông tin cơ bản và người đọc, nhờ vậy mà hiểu rõ hơn về thông tin cơ bản.  **2. Các yếu tố hình thức của văn bản**  - **Nội dung chính của VB:** Cung cấp những minh chứng rõ ràng, khách quan để khẳng định Sơn Đoòng là Đệ nhất kì quan và định hướng cụ thể để phát triển bền vững hang Sơn Đoòng.  **- Tác dụng của các yếu tố hình thức:**  ***+ Nhan đề, hệ thống đề mục*:** làm rõ bố cục của VB, góp phần xác định, tóm tắt và làm nổi bật nội dung chính, giúp người đọc có cơ sở định hướng, tiếp nhận nội dung của VB  ***+ Sơ đồ, hình ảnh*:** minh hoạ trực quan, làm cho thông tin của VB trở nên cụ thể, rõ ràng, sinh động, dễ hiểu, dễ hình dung hơn với người đọc  ***+ Những chú thích cho các phương tiện phi ngôn ngữ*:** bổ sung thông tin cho sơ đồ, hình ảnh, tạo sự kết nối giữa những phương tiện phi ngôn ngữ với nội dung thông tin mà chúng hỗ trợ biểu đạt.  **3. Mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.**  - Thông tin chính của đoạn văn: Điểm đặc biệt của hai hố sụt trong hang Sơn Đoòng (Hỗ sụt Khủng Long và Vườn Ê-đam).  - Các chi tiết được trình bày trong đoạn văn:  + Nguyên nhân tạo ra hai hố sụt.  + Đặc điểm thảm thực vật của Hố sụt Khủng Long.  + Đặc điểm của thảm thực vật của Vườn Ê-đam.  🡪 **Triển khai chi tiết cho thông tin chính; tạo tính khách quan và làm rõ cho việc biểu đạt thông tin chính.**  **4. Thái độ của tác giả và thái độ của cá nhân đối với quan điểm của người viết.**  **- Thái độ của tác giả thể hiện qua VB:**  ***+ Ngợi ca, tự hào*** với những điểm đặc biệt của hang Sơn Đoòng.   * Nhan đề “Sơn Đoòng – thế giới chỉ có một”, đề mục “Sơn Đoòng – Đệ nhất kì quan”. * Sơ đồ, hình ảnh, các chú thích 🡪 nổi bật vẻ đẹp độc đáo của Sơn Đoòng.   ***+ Thán phục*** với tạo tác kì diệu của thiên nhiên.   * Những số liệu cụ thể về chiều dài, chiều cao và thể tích của hang Sơn Đoòng. * Lí giải nguồn gốc và dữ liệu miêu tả hang Én * Dữ liệu về thảm thực vật ở Hố sụt Khủng Long, vườn Ê-đam “*Ánh sáng tự nhiên từ các giếng trời này rọi xuống, tạo nên một thảm thực vật dày đặc, một khu rừng nhiệt đới đặc biệt không nơi nào có được*”, chiều cao về những cột nhũ đá “*Với kích cỡ con người chỉ bé xíu bằng một chú kiến khi đặt trong ma trận nhũ đá cùng vòm hang khổng lồ, chúng ta sẽ thấy khả năng tạo tác thần kì của mẹ thiên nhiên quả là không giới hạn*”, thế giới “ngọc động” và “bức tường Việt Nam”   ***+ Trân quý*** tuyệt tác mà thiên nhiên ban tặng cho quê hương, đất nước:   * Trình bày ý kiến của chuyên gia * Đề xuất định hướng phát triển bền vững hang động lớn nhất thế giới – Sơn Đoòng: việc khai thác cảnh quan phải đi đôi với việc giữ gìn, bảo vệ các giá trị độc đáo ấy.   **- HS trình bày quan điểm và lí giải** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Dựa vào nội dung tìm hiểu về văn bản, HS theo dõi một dạng văn bản thông tin khác và tìm hiểu nội dung chính của văn bản, các yếu tố hình thức hỗ trợ thể hiện nội dung chính.

**b. Nội dung:** HS xác định nội dung chính của văn bản “Hồ Ba Bể - Viên ngọc vô giá của thiên nhiên” và chỉ ra các yếu tố hình thức hỗ trợ nội dung văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV yêu cầu** học sinh đọc văn bản “Hồ Ba Bể - Viên ngọc vô giá của thiên nhiên”.

https://backan.gov.vn/Pages/ho-ba-be---vien-ngoc-vo-gia-cua-thien-nhien.aspx

+ Xác định nội dung chính của văn bản.

+ Tìm và chỉ ra các yếu tố hình thức của văn bản đã hỗ trợ thể hiện nội dung chính.

**- Dự kiến sản phẩm của học sinh:**

***+ Nội dung chính:*** Văn bản giới thiệu vẻ đẹp kì ảo của hồ Ba Bể, giá trị của nó trong cuộc sống và vị thế của hồ Ba Bể trên thế giới.

***+ Các yếu tố hình thức của văn bản:***

* Nhan đề “Hồ Ba Bể - viên ngọc vô giá của thiên nhiên”: khẳng định hồ Ba Bể là kì công quý hiếm, có giá trị thiên nhiên ban tặng.
* Câu in đậm: nêu thông tin chính về đặc điểm của hồ Ba Bể.
* Số liệu, hình ảnh: nội dung văn bản đầy đủ, chân thực, đáng tin cậy.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS trình bày kết quả nhiệm vụ

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV nhận xét, đánh giá

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống thực tiễn

**b. Nội dung:** Viết tích cực

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu: Đóng vai một biên tập viên, viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) giới thiệu một di sản thiên nhiên ở Việt Nam.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc độc lập

**B3. Báo cáo thảo luận:**

**-** GV gọi một số học sinh báo cáo sản phẩm học tập.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn của HS (nếu có sai sót)

**BÀI 4: NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**PHẦN ĐỌC (Đọc hiểu văn bản) VĂN BẢN 2**

**Tiết : ĐỒ GỐM GIA DỤNG CỦA NGƯỜI VIỆT**

**(Phan Cẩm Thượng)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

- Vai trò của các dữ liệu, thông tin trong việc thể hiện tư tưởng, nội dung hay thông điệp của văn bản.

- Một số dạng văn bản thông tin tổng hợp.

- Nhan đề, mục đích và thái độ của người viết văn bản.

**2. Năng lực**

**-** Phân tích và đánh giá được tác dụng của yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của VB thông tin qua văn bản Đồ gốm gia dụng của người Việt.

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của VB, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá của chúng qua văn bản Đồ gốm gia dụng của người Việt.

- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB; phân tích và đánh giá được để tài, thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của VB hay quan điểm của người viết và giải thích lí do qua văn bản Đồ gốm gia dụng của người Việt.

- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Phẩm chất**

Trân trọng và có ý thức giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, giá treo phiếu học tập, bút, giấy a3

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái, dẫn dắt HS đi vào tìm hiểu bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh kể tên một số vật dụng bằng gốm có trong gia đình; nói được vai trò của gốm sứ trong cuộc sống.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV phát vấn: Kể tên một số đồ gốm gia dụng gia đình em? Theo em, gốm sứ có vai trò như thế nào trong cuộc sống thường nhật?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS chia sẻ những cảm nhận, suy nghĩ  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Học sinh chia sẻ  ***\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện***  Giáo viên đánh giá phần trả lời, bổ sung thêm một vài kiến thức về đồ gốm; dẫn dắt vào bài học | - Một số đồ gốm: chén (bát); đĩa, ấm chén trà, bình, lọ hoa; chum, vại, đồ thờ.....  - Vai trò quan trọng trọng trong cuộc sống thường nhật.  + Là vật chứa đựng.  + Trang trí nhà cửa  + Gắn liền với yếu tố tâm linh của người Việt |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong thẻ đọc**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và sử dụng một số kĩ thuật đọc để trả lời câu hỏi trong thẻ đọc.

**b. Nội dung:** Đọc văn bản, các chú thích và trả lời câu hỏi trong thẻ đọc.

**c. Sản phẩm:** Phần đọc của học sinh (văn bản và phần chú thích từ khó), phần

ghi chép, chú thích, câu trả lời cho các câu hỏi trong thẻ đọc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Giáo viên yêu cầu tất cả học sinh cùng đọc văn bản, vừa đọc vừa ghi chú câu trả lời theo yêu cầu của thẻ đọc.  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ***  Cá nhân học sinh đọc văn bản và ghi chú câu trả lời.  ***B3. Báo cáo thảo luận***  Giáo viên gọi học sinh trả lời câu hỏi trong thẻ đọc trước lớp, các học sinh khác nhận xét, đánh giá, ghi chú bổ sung.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện:***  Giáo viên kết luận, nhận định về câu trả lời và phần nhận xét của học sinh. | **I. Hoạt động đọc văn bản**  **GỢI Ý TRẢ LỜI**  **1.Thẻ 1:**  **- Ý kiến/ quan điểm:**  + Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà... không thay đổi.  + Chỉ riêng cái bát ăn cơm ....khác nhau.  + Một cải tiến nữa kết hợp ...cái bát chiết yêu duyên dáng.  **- Dữ liệu:**  +Tiền thân của cái bát có lẽ ... ra đời.  + Những chiếc bát men đen, men ngọc thời Lý ... có dạng loe miệng và thót đáy như một cái nón.  +Cái bát cong đều như thế có trong gốm hoa Lam thời Trần và chúng có chân rất cao.  **2. Thẻ 2**  Đoạn văn này trình bày một xu hướng riêng của đồ gốm gia dụng trong xã hội Việt Nam từ sau thế kỉ XV. Đó là xu hướng dùng đồ gốm Trung Hoa và Nội phủ. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu: Học sinh**

- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của VB thông tin.

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của VB, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.

- Suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB.

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả.

- Nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết và thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của VB hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.

**b. Nội dung:** Các kiến thức xoay quanh bố cục, nhan đề, cách trình bày dữ liệu, các yếu tố hình thức... sau khi học sinh tìm hiểu văn bản *Đồ gốm gia dụng của người Việt*.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời, phiếu học tập.... của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu bố cục và nhan đề của văn bản**  ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi số 1 ở mục *Sau khi đọc*.  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh thảo luận, tìm bố cục, đánh giá mối quan hệ giữa bố cục và nhan đề của văn bản.  ***B3. Báo cáo thảo luận***  Giáo viên mời một vài nhóm trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện:***  Giáo viên nhận xét phần trình bày của các nhóm, nhấn mạnh những kiến thức cơ bản. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Bố cục và nhan đề của văn bản**  **- Bố cục của VB: Chia thành 2 phần**  + Phần VB “*Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà ... sinh ra cái bát chiết yêu duyên dáng thế kỉ XVIII – XIX*”: Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có lịch sử phát triển liên tục, điển hình là trường hợp của cái bát ăn cơm.  + Phần còn lại: Đặc điểm của đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần.  **- Mối quan hệ giữa bố cục và nhan đề của VB**: Bố cục cho thấy nội dung VB phù hợp với nhan đề và bố cục thể hiện rõ sự chi tiết qua chủ đề được gợi ra từ nhan đề ấy. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách trình bày dữ liệu và thông tin của văn bản**  ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ***  GV chia lớp thành 8 nhóm, trả lời câu hỏi số 2 ở mục *Sau khi đọc*  + Nhóm 1,2, 3,4: Xác định cách thức trình bày thông tin của đoạn (1)  + Nhóm 5,6,7,8: Xác định cách thức trình bày thông tin của đoạn (2)  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh thảo luận trên giấy a3. Sau khi hết thời gian thảo luận, giáo viên yêu cầu các nhóm trao đổi sản phẩm cho nhau và nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm bạn.  ***B3. Báo cáo thảo luận***  - Giáo viên gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  - Giáo viên gọi đại diện các nhóm nhận xét, bổ sung.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện:***  Giáo viên nhận xét sản phẩm của HS và trình chiếu gợi ý câu trả lời. | **2. Cách trình bày dữ liệu và thông tin của văn bản**  - **Cách trình bày thông tin của đoạn văn “Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có cả một lịch sử phát triển ... cái bát chiết yêu duyên dáng thế kỉ XVIII – XIX”:** Thông tin của đoạn văn này được trình bày theo mối quan hệ giữa ý chính và nội dung chi tiết ( thể hiện qua việc tác giả trình bày chi tiết lịch sử phát triển của cái bát ăn cơm; để từ đó, làm rõ cho một nội dung chính mà đoạn văn muốn chuyển tải là đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có một lịch sử phát triển liên tục).  - **Cách trình bày thông tin của đoạn văn “Đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần quá thanh nhã ... bức tranh trừu tượng với bốn hoặc sáu ghê”**: Thông tin của đoạn văn này được trình bày kết hợp theo hai cách sau:  + **Cách trình bày thông tin theo mối quan hệ giữa ý chính và nội dung chi tiết** (được thể hiện qua việc tác giả trình bày chi tiết đặc điểm thanh nhã của đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần, sự phân biệt trong một số xu hướng dùng đồ gốm từ sau thế kỉ XV, để từ đó, làm rõ cho nội dung chính mà đoạn văn muốn chuyển tải là đặc điểm của đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần).  + **Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh – đối chiếu (** được thể hiện qua việc trình bày sự phân biệt về xu hướng sử dụng đồ gốm giữa dân gian và triều đình, giữa dân thành thị và nông thôn để cho thấy sự phong phú của thị trường đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần).  - **Hiệu quả của các cách trình bày thông tin ấy trong VB**: Góp phần làm nổi bật thông tin chính, chi tiết hoá để làm rõ thông tin chính của VB. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu các yếu tố hình thức của văn bản**  ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi số 3 ở mục Sau khi đọc.  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh thảo luận, trả lời câu hỏi  ***B3. Báo cáo thảo luận***  Giáo viên mời một vài nhóm trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện***  Giáo viên nhận xét phần trình bày của các nhóm, nhấn mạnh những kiến thức cơ bản. | **3. Các yếu tố hình thức của văn bản**  - **Các yếu tố hình thức của VB**: Nhan đề, hình ảnh minh hoạ và các chú thích tương ứng với từng hình.  - **Nét đặc biệt trong cách sử dụng các yếu tố hình thức của VB**:  + Không sử dụng hệ thống các để mục để tóm tắt các thông tin chính của VB.  + Sử dụng duy nhất một loại phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là hình ảnh và các chú thích cho thấy một số hình ảnh mô tả hình dạng của cái bát ăn cơm được sắp xếp theo trình tự thời gian.  - **Đánh giá hiệu quả của các yếu tố hình thức đối với việc biểu đạt thông tin chính của VB:**  + Nhan để khái quát thông tin chính của VB, giúp người đọc có cơ sở định hướng để tiếp nhận thông tin.  + Hệ thống hình ảnh đi kèm với các chú thích cụ thể đã minh hoạ chi tiết, rõ ràng, sinh động cho các loại đồ gốm gia dụng được đề cập trong VB, giúp người đọc hình dung rõ hơn về nội dung của VB, tăng hiệu quả trực quan cho những thông tin chính được trình bày.  + Đặc biệt là hệ thống hình ảnh mô tả hình dáng của cái bát ăn cơm được sắp xếp theo trình tự thời gian, hỗ trợ biểu đạt trực quan cho nội dung thông tin về lịch sử phát triển của cái bát ăn cơm ở phần đầu của VB. |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu mối quan hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản**  ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ***  **Giáo viên chiếu bảng phụ**   |  |  | | --- | --- | | **Đoạn văn “Đồ gốm sứ nhỏ ....thế kỉ XVIII -XIX”** | | | **Thông tin cơ bản** |  | | **- Thông tin chi tiết**  **- Mối liên hệ giữa các chi tiết.** |  | | **Vai trò của các chi tiết** |  |   ***B2. Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh thảo luận trên giấy A3. Sau khi hết thời gian thảo luận, giáo viên yêu cầu các nhóm trao đổi sản phẩm cho nhau và nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm bạn.  ***B3. Báo cáo thảo luận***  - Giáo viên gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  - Giáo viên gọi đại diện các nhóm nhận xét, bổ sung.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện***  GV nhận xét sản phẩm của HS và trình chiếu gợi ý câu trả lời. | **4. Mối quan hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản**   |  |  | | --- | --- | | **Đoạn văn “Đồ gốm sứ nhỏ ....thế kỉ XVIII -XIX”** | | | **Thông tin cơ bản** | Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà... không thay đổi. | | **- Thông tin chi tiết**  **- Mối liên hệ giữa các chi tiết** | Tiền thân của cái bát ăn cơm; sự phát triển về hình dáng của nó qua các thời kì như: thời Hán, thời Lý, thời Trần, thời Hậu Lê, thế kỉ XVIII – XIX  Cùng làm sáng tỏ thông tin cơ bản. | | **Vai trò của các chi tiết** | Cung cấp thông tin chi tiết về lịch sử phát triển của một trường hợp đồ gốm sứ nhỏ quen thuộc, xuất hiện thường nhật trong cuộc sống sinh hoạt gia đình là cái bát ăn cơm; từ đó, tạo cơ sở khách quan và thuyết phục cho việc biểu đạt thông tin chính. | |
| **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu thái độ của tác giả**  ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Giáo viên phát vấn, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi số 5, số 6.  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh đọc, dự kiến câu trả lời.  ***B3. Báo cáo thảo luận***  Giáo viên gọi học sinh trả lời, bổ sung ý kiến.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện***  Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh và trình chiếu gợi ý câu trả lời. | **5.Thái độ của tác giả**  **- Thái độ của tác giả thể hiện qua VB:**  + Ngạc nhiên pha lẫn thích thú trước đặc điểm thanh nhã của đồ gốm gia dụng thời Lý - Trần.  + Khách quan khi phản ánh sự phân biệt về xu hướng sử dụng đồ gốm giữa dân gian và triều đình, giữa dân thành thị và nông thôn để cho thấy sự phong phú của thị trường đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần.  **- Căn cứ xác định thái độ của tác giả thể hiện qua VB:**  + Sử dụng trực tiếp từ ngữ, câu văn thể hiện trực tiếp thái độ của tác giả.  + Lựa chọn chi tiết và sử dụng từ ngữ, câu văn trung hoà về mặt cảm xúc. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**Củng cố lại các đặc điểm của văn bản thông tin qua việc đọc văn bản *Đồ gốm gia dụng của người Việt.*

**b. Nội dung:** Những kiến thức cơ bản về đặc điểm của văn bản thông tin.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy do học sinh vẽ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Giáo viên yêu cầu học sinh: Thông qua việc đọc văn bản *Đồ gốm gia dụng của người Việt*, hãy vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm của văn bản thông tin.  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ***  Cá nhân học sinh thực hiện vẽ sơ đồ tư duy.  ***B3. Báo cáo thảo luận***  Giáo viên mời đại diện học sinh trình bày, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện***  Giáo viên nhận xét, lưu ý học sinh một số vấn đề khi vẽ sơ đồ tư duy. | **III. Tổng kết**  **-** Về hình thức: Sơ đồ tư duy phải có từ khóa, các nhánh chính, nhánh phụ.  **-**Về nội dung: Sơ đồ cần trình bày một số đặc điểm của văn bản thông tin:  + Các yếu tố hình thức.  + Dữ liệu và thông tin cơ bản của văn bản.  + ý kiến, quan điểm, thái độ của người viết.  + Quan điểm của người tiếp nhận. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

Dựa vào tri thức ngữ văn và kinh nghiệm đọc văn bản *Đồ gốm gia dụng của người Việt*, học sinh giải mã một văn bản thông tin khác để củng cố thêm kinh nghiệm khi đọc văn bản thông tin.

**b. Nội dung: Học sinh tìm hiểu văn bản *Nghệ thuật làm gốm của người chăm được Unesco ghi da*nh (https://baodantoc.vn/nghe-thuat-lam-gom-cua-nguoi-cham-duoc-unesco-ghi-danh-1669740723809.htm) – Nguyệt Anh**

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Giáo viên trình chiếu văn bản *Nghệ thuật làm gốm của người chăm được Unesco ghi danh*  Yêu cầu HS đọc văn bản, thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi theo gơi ý của bảng hướng dẫn sau   |  |  | | --- | --- | | ***Nghệ thuật làm gốm của người chăm được Unesco ghi danh*** | | | **Nội dung văn bản** |  | | **Bố cục và cách thức thể hiện nội dung thông tin** |  | | **Yếu tố hình thức của văn bản** |  | | **Thái độ của tác giả** |  |   ***B2. Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh đọc văn bản, thảo luận nhóm đôi.  ***B3. Báo cáo thảo luận***  Giáo viên gọi đại diện một vài nhóm trả lời; các nhóm nhận xét.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện***  Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh và trình chiếu gợi ý câu trả lời. | ***Nghệ thuật làm gốm của người chăm được Unesco ghi danh***   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung văn bản** | Nghệ thuật làm gốm của người Chăm được UNESCO ghi vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp | | **Bố cục và cách thức thể hiện nội dung thông tin** | Bố cục cho thấy nội dung VB phù hợp với nhan đề và bố cục thể hiện rõ sự chi tiết hoa chủ đề được gợi ra từ nhan đề ấy.  - **Thông tin từ Bộ văn hóa.... kỳ họp này:** Nghệ thuật làm gốm của người Chăm được Unesco ghi danh.  **- Nghề làm gốm truyền thống ... quan tâm đến nghề:** lịch sử hình thành, quy trình chế tác và sự mai một của nghề làm gốm của người Chăm.  **- Việc Unesco ghi danh ... cộng đồng dân cư:** khẳng định giá trị văn hóa của nghề gốm do người Chăm làm ra và niềm tin về việc bảo tồn giá trị văn hóa có nguy cơ bị mai một này. | | **Yếu tố hình thức của văn bản** | Nhan đề, hình ảnh minh hoạ và các chú thích tương ứng với từng hình.  Nhan để khái quát thông tin chính của VB, giúp người đọc có cơ sở định hướng để tiếp nhận thông tin.  Hệ thống hình ảnh đi kèm với các chú thích cụ thể đã minh hoạ chi tiết, rõ ràng, sinh động giúp người đọc hình dung rõ hơn về nội dung của VB, tăng hiệu quả trực quan cho những thông tin chính được trình bày. | | **Thái độ của tác giả** | - Thể hiện niềm vui, tự hào.  - Niềm tin về nghề gốm của người Chăm sẽ được cơ quan quản lí quan tâm, tìm giải pháp bảo tồn | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:**

Từ việc đọc văn bản *Đồ gốm gia dụng của người Việt*, học sinh thực hiện hoạt động góp phần nâng cao ý thức văn hóa truyền thống của địa phương.

1. **Nội dung:**

Hình thức 1: Học sinh thiết kế bưu thiếp, thiệp chúc Tết trên đó có hình vẽ sản phẩm truyền thống địa phương.

Hình thức 2: Quay một video thời lượng 5 phút, giới thiệu về một làng nghề truyền thống của đại phương.

1. **Sản phẩm:**

Bưu thiếp, thiệp chúc Tết hoặc video

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên yêu cầu học sinh đăng ký nhóm (tối đa 4 học sinh), chọn một trong hai hình thức nêu trên để thực hiện hoạt động.

Giáo viên thông tin cụ thể đến học sinh những yêu cầu của sản phẩm, thời gian nộp sản phẩm và đánh giá.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh đăng ký nhóm trên biểu mẫu; cùng các thành viên hoàn thành sản phẩm.

Nộp sản phẩm qua padlet (để đánh giá) và sau đó nộp trực tiếp cho giáo viên.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Các nhóm đánh giá sản phẩm của nhóm bạn trên padlet.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Giáo viên nhận xét, đánh giá sản phẩm của học sinh.

Tổ chức cho HS đánh giá đồng đẳng sau quá trình làm việc nhóm.

**4. Củng cố:**

**Yêu cầu HS khái quát lại cách đọc văn bản thông tin.**

**5. HDVN:**

Đọc trước phần *Đọc kết nối chủ điểm* và *Đọc mở rộng theo thể lo*ại. Trả lời câu hỏi sau khi đọc.

**THANG ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC NHÓM CỦA CÁC THÀNH VIÊN VỚI NHAU (Đánh giá đồng đẳng)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | | **Điểm** | **Tên**  **HS** | **Tên**  **HS** | **Tên HS** | **Tên HS** | **Tên HS** |
| **1. Sự nhiệt tình tham gia công việc**  (mức điểm cao nhất: 1.5 điểm) | Không nhiệt tình | **0** |  |  |  |  |  |
| Bình thường | **0.5** |  |  |  |  |  |
| Nhiệt tình | **1.5** |  |  |  |  |  |
| **2. Đưa ra ý kiến và ý tưởng mới cho sản phẩm của nhóm**  (mức điềm cao nhất: 2 điểm) | Không đưa ra được ý kiến, ý tưởng | **0** |  |  |  |  |  |
| Có đưa ra ý kiến nhưng không nhiều | **0.5** |  |  |  |  |  |
| Đưa ra được ý kiến nhưng chưa có ý tưởng mới | **1.0** |  |  |  |  |  |
| Tích cực đóng góp ý kiến và ý tưởng mới | **2.0** |  |  |  |  |  |
| **3. Sự thân thiện, hòa đồng**  (mức điểm cao nhất: 1 điểm) | Không có | **0** |  |  |  |  |  |
| Bình thường | **0.5** |  |  |  |  |  |
| Thân thiện, hòa đồng | **1.0** |  |  |  |  |  |
| **4. Biết lắng nghe trong quá trình thảo luận nhóm**  (mức điềm cao nhất: 2 điểm) | Không lắng nghe | **0** |  |  |  |  |  |
| Bình thường | **0.5** |  |  |  |  |  |
| Có lắng nghe ý kiến của nhóm | **1.0** |  |  |  |  |  |
| Tích cực lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhóm | **2.0** |  |  |  |  |  |
| **5. Tham gia vào việc đóng góp ý kiến cho sản phẩm của các nhóm khác**  (mức điềm cao nhất: 1.5 điểm) | Không tham gia | **0** |  |  |  |  |  |
| Có tham gia nhưng chưa đóng góp được nhiều ý kiến cho các nhóm khác | **0.5** |  |  |  |  |  |
| Tham gia tích cực và đóng góp được nhiều ý kiến cho các nhóm khác | **1.5** |  |  |  |  |  |
| **6. Hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả**  (mức điềm cao nhất: 2 điểm) | Không hoàn thành nhiệm vụ | **0** |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành nhiệm vụ | **0.5** |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt nhiệm vụ | **1.0** |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | **2.0** |  |  |  |  |  |
| **Tổng điểm** | | **10** |  |  |  |  |  |

**BÀI 4. NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**( VĂN BẢN THÔNG TIN)**

**TIẾT 4: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**CHÂN QUÊ**

**---Nguyễn Bính---**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

**Học sinh vận dụng tri thức Ngữ văn để:**

- **Nêu** nội dung bao quát của văn bản Chân quê.

- **Nhận biết** được thái độ, quan điểm của tác giả.

- **Phân tích và đánh giá** được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.

- **Thể hiện** thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với nội dung của văn bản/ quan điểm của người viết và nêu lí do.

1. **Về năng lực**

***Năng lực chung***

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù***

- **Nhận biết và phân tích** được một số yếu tố về mặt nội dung và hình thức của văn bản Chân quê.

- **Phân tích và đánh giá** được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB Chân quê.

1. **Về phẩm chất**: Trân trọng các giá trị của bản sắc văn hóa Việt Nam, có ý thức bảo vệ và phát triển bản sắc; biết lên án những hành động làm mai một văn hóa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

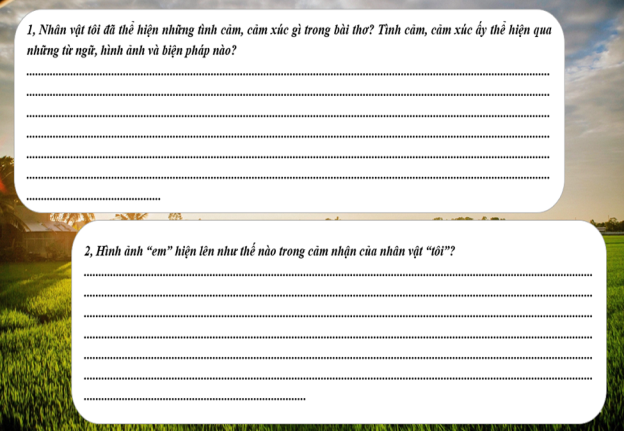
**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

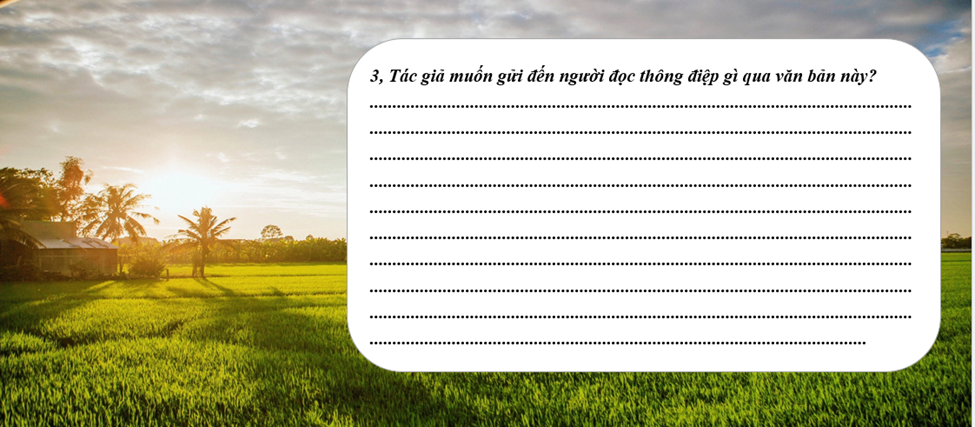
**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a, Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học Chân quê.  **b, Nội dung:**GV chiếu hình ảnh và cho HS quan sát, trả lời câu hỏi.  **c, Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh. | |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chiếu video và đặt câu hỏi.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên gợi dẫn vào bài học. | **Gợi ý câu trả lời:**  **Nội dung:**  - Áo tứ thân  - Áo bà ba  - Áo dài - Ca Huế  - Vọng cổ.  - Hát quan họ |
| **2, HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a, Mục tiêu:**  **Học sinh vận dụng tri thức Ngữ văn để:**  - **Nêu** nội dung bao quát của văn bản Chân quê.  - **Nhận biết** được thái độ, quan điểm của tác giả.  - **Phân tích và đánh giá** được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.  **b, Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học về chủ điểm, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu bài tập tìm hiểu về tác phẩm.  **c, Sản phẩm:** Phiếu trả lời của học sinh. | |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** | 1. **Tìm hiểu chung** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.  *1, Nêu nội dung chính của văn bản “Chân quê”.*  *2, Xác định thể loại, bố cục của văn bản “Chân quê”. Cho biết nhân vật “em” trong bài thơ là ai?*  *3, Nhan đề bài thơ có ý nghĩa gì?*  **Thời gian thảo luận**: 5 phút.  **Chia sẻ và trao đổi:** 5 phút.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thảo luận.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo. | ***1,  Nội dung chính của văn bản “Chân quê”.***  "Chân quê" của Nguyễn Bính là một câu chuyện tình yêu đầy cảm xúc và sâu sắc. Chàng trai trong câu chuyện này không thể giữ được vẻ đẹp chân quê của người yêu mình sau khi nàng trở về từ phương Tây. Điều này làm cho chàng rất buồn và thất vọng, bởi vì nét đẹp mộc mạc, bình dị của quê hương đã bị mất đi.  ***2, Thể loại:***  - Viết bằng thể thơ lục bát.  - Nhân vật em trong bài thơ là người yêu của anh – một chàng trai thôn quê - tác giả Nguyễn Bính.  ***3, Nhan đề:***Nghĩa của từ Chân quê là vẻ đẹp mộc mạc, đằm thắm, giản dị và chân chất. Chúng ta hay nghe nói tới từ “Chân Quê” khi nhắc tới những gì vốn rất chân thật của người dân thôn quê, nó thể hiện tính thật thà, mộc mạc của con người, cũng như lối sống giản dị, chân chất. Đó là cái gì đó trong sáng, hồn nhiên và mang đậm tình người. Bởi thế mà nhà thơ Nguyễn Bính đã sáng tác tuyệt phẩm “Chân Quê” để nói lên những tâm tình này. |
| **Hoạt động 2: Khám phá văn bản** | 1. **Khám phá văn bản** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ, chia nhóm.  **Thời gian thảo luận**: 5 phút.  **Chia sẻ và trao đổi:** 5 phút.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thảo luận.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo. | **Học sinh thực hiện phiếu học tập tìm hiểu bài thơ.**  ***1, Nhân vật tôi đã thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì trong bài thơ? Tình cảm, cảm xúc ấy thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh và biện pháp nào?***  - Nhân vật tôi thể hiện cảm xúc buồn bã, tiếc nuối và hụt hẫng khi gặp lại nhân vật em, vì “tôi” nhận thấy sự thay đổi của người yêu mình, không còn mộc mạc, giản dị như ngày trước.  - Tình cảm, cảm xúc ấy được thể hiện qua:  + Từ ngữ, hình ảnh: “áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!”,  “Nào đâu cái yếm lụa sồi  Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?  Nào đâu cái áo tứ thân?  Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?”  + Biện pháp tu từ:   * Liệt kê: hình ảnh yếm lụa sồi, áo tứ thân, khăn mỏ quạ, quần nái đen … * Điệp cấu trúc: “nào đâu… cái” * Câu hỏi tu từ, câu cảm thán thán và thể thơ lục bát.   ***2, Hình ảnh “em” hiện lên như thế nào trong cảm nhận của nhân vật “tôi”?***  Hình ảnh “em” hiện lên trong cảm nhận của nhân vật “tôi”:  - Trước đây: Là cô gái dịu dàng, giản dị, mộc mạc - “yếm lụa sồi”, “áo tứ thân”, “khăn mỏ quạ”, “cái quần nái đen” …  - Hiện tại: Không còn mang dáng vẻ trong sáng, chân chất nữa – “khăn nhung”, “quần lĩnh”, “áo cài khuy bấm” …  = > Sự thay đổi này khiến cho nhân vật tôi cảm thấy buồn bã, hụt hẫng - “em làm khổ tôi”, “van em em hãy giữ nguyên quê mùa.  ***3, Tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì qua văn bản này?***  - Tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp: hãy sống là chính mình, đừng vì chạy theo những thứ xa hoa, phù du mà đánh mất đi con người mình. |
| 1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**   **a, Mục tiêu:** Học sinh ôn tập lại nội dung văn bản đã học qua các câu hỏi củng cố.  **b, Nội dung:** GV chiếu câu hỏi.  **c, Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh. | |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ, trình chiếu câu hỏi.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và suy nghĩ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần trả lời của mình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các câu trả lời, đưa ra đáp án đúng. | **Câu 1.**Phương thức biểu đạt chính của văn bản là  A. Nghị luận.  B. Tự sự.  C. Miêu tả.  **D. Biểu cảm.**  **Câu 2.**Hình ảnh nào không xuất hiện cùng cô gái trong bài thơ ?  A. Khăn nhung, quần lĩnh.  **B. Chiếc nón quai thao.**  C. Cái yếm lụa sồi.  D. Áo cài khuy bấm.  **Câu 3.**Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ:  *Nào đâu cái yếm lụa sồi ?*  *Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?*  *Nào đâu cái áo tứ thân?*  *Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*  **A. Nhấn mạnh sự nuối tiếc, hụt hẫng của chàng trai trước sự thay đổi của cô gái**  B. Nhấn mạnh sự thay đổi ngoại hình của cô gái.  C. Nhấn mạnh sự mất mát của chàng trai trước sự thay đổi của cô gái.  D.Nhấn mạnh nét hiện đại của cô gái.  **Câu 4.** Ngôn ngữ của tác giả trong bài thơ là ngôn ngữ:   1. Cổ kính mà hiện đại.   B. Mộc mạc, quê mùa, hóm hỉnh, gần gũi với người dân quê.  **C. Giản dị, mộc mạc, gần gũi với ngôn ngữ dân gian.**  D. Hiện đại, cách tân táo bạo.  **Câu 5.**Chàng trai muốn nhắn nhủ điều gì qua câu thơ ?  *“Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa”*  A. Nhắn nhủ cô gái giữ gìn những nét đẹp thôn quê.  **B. Nhắn nhủ cô gái giữ gìn những nét đẹp truyền thống.**  C. Nhắn nhủ cô gái giữ gìn những nét đẹp dân dã.  D. Nhắn nhủ cô gái đừng chạy theo trào lưu hiện đại.  **Câu 6.**Chàng trai thể hiện thái độ gì trong hai câu thơ sau:  *Nói ra sợ mất lòng em,*  *Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.*  A. Buồn rầu, u uất.  B. Phẫn nộ, tức giận.  C. Chán ghét, bực dọc.  D. Chân thành, tha thiết. |
| 1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**   **a, Mục tiêu:**  - **Thể hiện** thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với nội dung của văn bản/ quan điểm của người viết và nêu lí do.  - Trân trọng các giá trị của bản sắc văn hóa Việt Nam, có ý thức bảo vệ và phát triển bản sắc; biết lên án những hành động làm mai một văn hóa.  **b, Nội dung:** HS viết đoạn văn thể hiện quan điểm của mình về việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa.  **c, Sản phẩm:** Bài viết của học sinh. | |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  ***1,****Anh/ chị có đồng tình với quan niệm “giữ nguyên quê mùa” của chàng trai trong bài thơ không? Vì sao?*  ***2,****Anh/ chị cần làm gì trong việc giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và viết đoạn văn.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ phần bài làm và thuyết trình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ. | ***1, Trình bày quan điểm cá nhân:***  Em vừa đồng tình vừa không đồng tình với quan niệm “giữ nguyên quê mùa” của chàng trai trong bài thơ. Vì:  + Đồng tình: Việc giữ gìn bản chất, văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập cũng là một điều rất cần thiết.  + Không đồng tình: vì trong thời kỳ hội nhập, việc thay đổi là cần thiết để tránh bị lạc quẻ và quê mùa.  ***2, Để giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống, ta cần:***  + Trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.  + Cần tiếp thu có chọn lọc những văn hóa mới.  + Lên án những hành động làm mai một văn hóa.... |
| 1. **MỞ RỘNG**   **a, Mục tiêu:** Mở rộng vốn hiểu biết của học sinh.  **b, Nội dung:** GV chiếu clip; HS quan sát, theo dõi.  Chiếu cho học sinh xem ca khúc chân quê được phổ nhạc từ bài thơ Chân quê của tác giả Nguyễn Bính. | |

***Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu văn bản***





***Phụ lục 2. Rubic thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

*Sản phẩm của nhóm Zalo: NGỮ VĂN THPT (Nhóm cô Thu Huyền) – DỰ ÁN CỘNG ĐỒNG*

**BÀI 4. NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**( VĂN BẢN THÔNG TIN)**

**TIẾT …... ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**CUNG ĐƯỜNG CỦA KÍ ỨC, HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI**

**(Vũ Hoài Đức)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

**- Học sinh nhận biết** được bố cục, mạch lạc của VB, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng

**- Học sinh phân tích và đánh giá** được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của VB thông tin.

**- Học sinh biết suy luận và phân tích** mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB.

**- Học sinh phân tích và đánh giá** được đề tài, thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả.

**- Học sinh nhận biết** được thái độ và quan điểm của người viết và thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của VB hay quan điểm của người viết và giải thích lí do

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,..

**3. Về phẩm chất**: Liên hệ văn hóa truyền thống, vẻ đẹp của cổ xưa của Hà Nội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

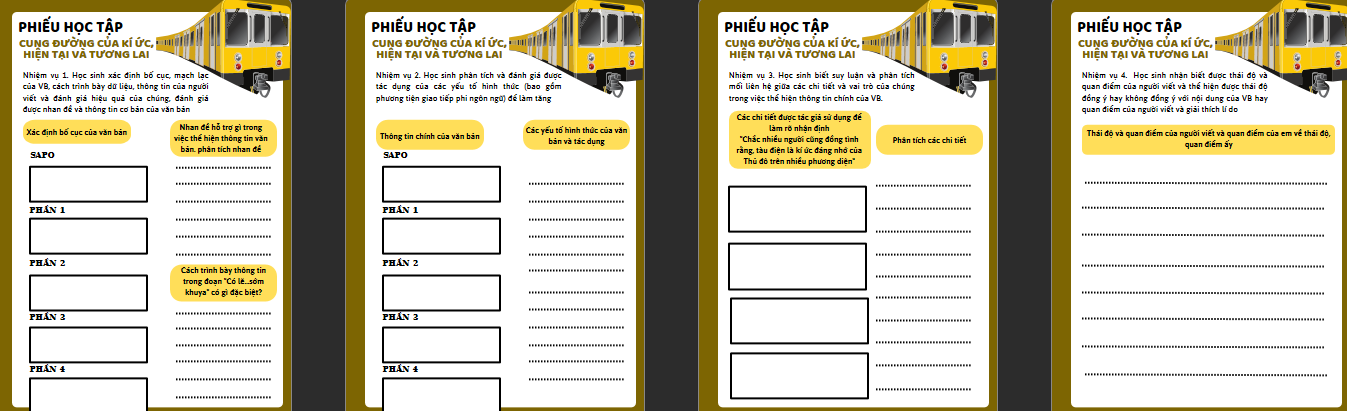
**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV chiếu video hình ảnh về tàu điện Hà Nội xưa qua link:   https://www.youtube.com/watch?v=-ojBhC4Vu6U   * HS theo dõi và nêu cảm nhận | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV chiếu video và gợi dẫn  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh theo dõi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh theo dõi  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV dẫn dắt vào bài học** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  **- Học sinh nhận biết** được bố cục, mạch lạc của VB, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng  **- Học sinh phân tích và đánh giá** được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của VB thông tin.  **- Học sinh biết suy luận và phân tích** mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB.  **- Học sinh phân tích và đánh giá** được đề tài, thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả.  **- Học sinh nhận biết** được thái độ và quan điểm của người viết và thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của VB hay quan điểm của người viết và giải thích lí do  **b. Nội dung thực hiện:**   * Giáo viên chia nhóm, HS thảo luận và tìm hiểu về văn bản theo phiếu học tập | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chia nhóm và đưa ra từng nhiệm vụ:   * **Nhiệm vụ 1. Học sinh xác định** bố cục, mạch lạc của VB, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng**, đánh giá** được nhan đề và thông tin cơ bản của văn bản * **Nhiệm vụ 2. Học sinh phân tích và đánh giá** được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của VB thông tin. * **Nhiệm vụ 3.** **Học sinh biết suy luận và phân tích** mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB. * **Nhiệm vụ 4. Học sinh nhận biết** được thái độ và quan điểm của người viết và thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của VB hay quan điểm của người viết và giải thích lí do   **Thời gian:** 20 phút  **Chia sẻ và phản biện**: 5 phút/nhóm  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **1. Bố cục, nhan đề, thông tin cơ bản và cách trình bày thông tin**  **a. Bố cục**   * Phần 1: Sa-pô: Tóm tắt nội dung chính của VB. * Phần 2: “Có lẽ ... nuối tiếc”: Trình bày giá trị lịch sử, khoa học của hệ thống tàu điện Hà Nội được vận hành từ thời Pháp thuộc. * Phần 3: “Ở các nước trên thế giới ... mang tính bền vững”: Nêu lí do vì sao nên khôi phục lại hệ thống tàu điện. * Phần 4: Phần còn lại: Thể hiện mong muốn có một hệ thống tàu điện vừa hiện đại vừa truyền thống, kết nối các địa điểm trong thành phố. * Tất cả đều hướng đến chủ đề của văn bản là việc khôi phục hệ thống tàu điện của Hà Nội   **b. Nhan đề**:  - Cách đặt nhan đề “Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai” có mối tương quan chặt chẽ với nội dung VB, vì VB trình bày ba nội dung chính: 1. Hình ảnh tàu điện trong quá khứ; 2. Hiện tại – thời điểm người viết viết bài này – hệ thống tàu điện đã bị gỡ bỏ; 3. Đề xuất xây dựng hệ thống tàu điện hiện đại nhưng vẫn mang hình bóng của tàu điện lịch sử.  - Đồng thời, nhan đề này: Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai được hiểu là Cung đường hệ thống đường điện tại thủ đô: Đã từng xuất hiện trong quá khứ, cần tiếp diễn đến hiện tại và phát triển trong tương lai. Nhan đề mang tính gợi mở, không nói trực tiếp vào đối tượng của văn bản thông tin mà gây tò mò, chờ mong các thông tin được trình bày trong nội dung chính  **c. Cách trình bày thông tin:**  - Phần VB này được trình bày bằng cách nếu ý chính (hình ảnh những đoàn tàu điện vẫn nằm trong kí ức của người Hà Nội, làm nên nét đẹp riêng của Hà Nội); sau đó, nếu nội dung chi tiết.  - Tác dụng của cách trình bày này là lần lượt giúp người đọc hiểu rõ ý chính bằng các thông tin chi tiết.  **2. Yếu tố hình thức**  - **Thông tin cơ bản**: Khôi phục lại hệ thống tàu điện của Hà Nội  - **Các yếu tố hình thức được sử dụng trong văn bản là**: Sơ đồ các tuyến tàu điện Hà Nội năm 1985 và hình ảnh  **- Tác dụng**: Tác dụng làm cho thông tin trong VB có tính trực quan, dễ hiểu, hấp dẫn đối với người đọc.  **3. Mối liên hệ giữa chi tiết và nội dung chính**  Các chi tiết để làm rõ “Chắc hẳn nhiều người cũng đồng tình rằng, tàu điện là kí ức đáng nhớ của Thủ đô trên nhiều phương diện” là:  1. Hệ thống tàu điện Hà Nội là chứng nhân cho quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kiểu thành thị phương Đông sang hình thái đô thị hiện đại kiểu phương Tây.  2. Giá trị của mạng lưới tàu điện theo mô hình hướng tâm, là những huyết mạch giao thông cơ bản của thành phố.  3. Bài học kinh nghiệm trong việc phát triển giao thông công cộng.  4. Hình ảnh những đoàn tàu điện vẫn nằm trong kí ức của người Hà Nội, làm nên nét đẹp riêng của Hà Nội.  **4. Thái độ, quan điểm và cách đánh giá của người viết**  Thái độ của người viết trong bài này là thái độ hoài  niệm hệ thống tàu điện của Hà Nội trước kia gắn với những giá trị lịch sử, văn hoá. Quan điểm của người viết là nên khôi phục và xây dựng hệ thống tàu điện vừa hiện đại, vừa thể hiện những giá trị của lịch sử. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** HS chia sẻ được những cảm nhận, nhận định về quan điểm của người đư atin  **b. Nội dung thực hiện**  HS xem lại video từ đầu buổi học và chia sẻ về quan điểm của người đưa tin | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ: Từ nội dung video đầu bài học (https://www.youtube.com/watch?v=-ojBhC4Vu6U) em hãy chia sẻ về quan điểm của người đưa tin trong clip  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **HS có thể nêu ra một số nội dung:**  - Hoài niệm, tiếc nuối  - Trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống xưa cũ  - Kì vọng vào tương lai của hệ thống tàu điện thủ đô |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh liên hệ về vấn đề văn hóa truyền thống, thực trạng giao thông đô thị và các vấn đề về việc khôi phục lại hệ thống tàu điện lịch sử của Hà Nội.  **b. Nội dung thực hiện:** HS tìm hiểu và chia sẻ về vấn đề: Có nên hay không nên khôi phục lại hệ thống tàu điện lịch sử của Hà Nội. | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ tìm hiểu  **Có nên hay không nên khôi phục lại hệ thống tàu điện lịch sử của Hà Nội.**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh chia nhóm thực hiện thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ của HS vì đây là câu hỏi mở.** |

***Phụ lục 1. Phiếu học tập theo nhóm***



***Phụ lục 2. Rubric thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Chuẩn đầu ra** | **Trọng số** | **Mô tả chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **100%**  **(10 điểm)** | **Cần cố gắng** | **Đạt** | **Làm tốt** | **Xuất sắc** |
| **(0 – 4.9)** | **(5.0 – 6.9)** | **(7.0 – 8.4)** | **(8.5 – 10)** |
| **Hình thức báo cáo** | Sản phẩm hoàn thiện về mặt hình thức (Giấy A3/A0 hoặc powerpoint hoặc bản word hoặc hình ảnh…) | **20%**  **(2 điểm)** | **(0 điểm)**  1. Bài làm sơ sài  2. Chữ viết cẩu thả/lỗi font chữ, sai lỗi chính tả | **(1 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng  2. Không lỗi font/ chữ viết dễ nhìn  3. Mắc lỗi nhỏ về chính tả (Dưới 2 lỗi) | **(1.5 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng.  2. Không lỗi font/chữ đẹp, dễ nhìn  3. Không mắc lỗi chính tả | **(2 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng.  2. Không lỗi font/chữ đẹp, dễ nhìn  3. Không mắc lỗi chính tả  4. Có sự sáng tạo trong hình thức |  |
| **Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm** | Sản phẩm hoàn thiện về phần nội dung (Thực hiện đúng trọng tâm nhiệm vụ, trả lời đầy đủ các ý và câu hỏi phụ) | **40%**  **(4 điểm)** | **(0 – 1.5 điểm)**  1. Nội dung bài làm quá sơ sài, chỉ gạch vài ý đầu dòng, chưa có liên hệ, dẫn chứng, phản biện.  2. Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  3. Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn | **(1.6 – 2.5 điểm)**  1. Nội dung bài làm dừng ở mức độ nhận biết, trả lời theo dẫn chứng có sẵn ở tài liệu  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Không trả lời đủ các câu hỏi gợi dẫn (Dưới 2 câu) | **(2.6 – 3.0 điểm)**  1. Nội dung bài làm ở mức độ nhận biết, thông hiểu.  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Trả lời được toàn bộ câu hỏi gợi dẫn tới vấn đề  4. Có thêm các phần dẫn chứng, liên hệ, phản biện. | **(3.1 – 4.0 điểm)**  1. Nội dung bài làm ở mức độ nhận biết, thông hiểu.  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Trả lời được toàn bộ câu hỏi gợi dẫn tới vấn đề  4. Có thêm các phần dẫn chứng, liên hệ, phản biện.  5. Có sự sáng tạo riêng |  |
| **Kĩ năng trình bày** | Trình bày tự tin, giọng điệu rõ ràng, hiểu vấn đề trình bày | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Nói nhỏ, không tự tin và không giao tiếp người nghe | **(0.1 – 0.5 điểm)**  Nói nhỏ, tương đối tự tin, ít giao tiếp người nghe | **(0.6 - < 1 điểm)**  Nói vừa đủ, tương đối tự tin, thỉnh thoảng giao tiếp người nghe | **(1 điểm)**  Nói to, rõ ràng, tự tin và giao tiếp người nghe tốt |  |
| **Trả lời câu hỏi phản biện** | Hiểu vấn đề trình bày và linh hoạt xử lí các tình huống | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi đặt ra | **(0.1 – 0.5 điểm)**  Trả lời trên 1/2 số câu hỏi đặt ra | **(0.6 - < 1 điểm)**  Trả lời được 2/3 số câu hỏi đặt ra | **(1 điểm)**  Trả lời được toàn bộ số câu hỏi đặt ra |  |
| **Hiệu quả nhóm** | Đoàn kết, có sự đồng thuận, tất cả thành viên đều có nhiệm vụ riêng | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Chỉ khoảng 40% thành viên tham gia hoạt động | **(0.1 – 0.5 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận  3. Khoảng 60% thành viên tham gia hoạt động | **(0.6 - < 1 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  3. Khoảng 80% thành viên tham gia hoạt động | **(1 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  3. Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | | |  |

Ngày soạn:

**BÀI 4: NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

Thời gian thực hiện: 9 tiết

(Đọc: 5,0 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1,0 tiết, Viết: 2.5 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1.VỀ KIẾN THỨC:**

- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.

- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp; biết trình bày báo cáo về một vấn đề xã hội/ tự nhiên.

**2. VỀ NĂNG LỰC:**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. VỀ PHẨM CHẤT**:

Trân trọng và có ý thức giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết …:** CÁCH TRÌNH BÀY TÀI LIỆU THAM KHẢO

TRONG MỘT TIỂU LUẬN HAY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

**(01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức:**

Nhận biết và hiểu được cách trích dẫn tài liệu tham khảo.

Nhận biết và sử dụng được phương tiện phi ngôn ngữ.

**2. Về năng lực:**

Phân tích được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

Vận dụng được vào việc giao tiếp và tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất:**

Chăm chỉ, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

Có trách nhiệm sử dụng đúng nghĩa của từ trong giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung: trò chơi TAM SAO THẤT BẢN.** Gv chốt + phát vấn: Dựa vào đâu để các trích dẫn có cơ sở và hiệu quả trong bài viết?

**c. Sản phẩm:** Phần ghi chú, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Trò chơi Tam sao thất bản Dựa vào đâu để các trích dẫn có cơ sở và hiệu quả trong bài viết?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh tham gia trò chơi, suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | GV chia lớp thành 4 đội, chuẩn bị giấy A4 chứa các câu nói  Lần lượt HS bàn 1 sẽ truyền tai nhỏ tuần tự đến HS bàn cuối  Trò chơi kết thúc, HS bàn cuối đọc lại câu được truyền, được nghe. Đội nào số từ chính xác nhiều nhất sẽ chiến thắng  Câu hỏi sau trò chơi: Bạn nào được nghe lời dẫn trực tiếp? (Bạn đầu tiên)  Bạn nào nói lời dẫn gián tiếp (Các bạn khác)  Dựa vào đâu để các trích dẫn có cơ sở và hiệu quả trong bài viết?  Câu gợi ý  + Chùm hoa súng xum xuê suốt mùa mưa.  + Vịt lội ruộng rồi lặn, vịt rặn một hột vịt  + Một thằng lùn nhảy vô lùm lượm cái chum lủng.  + Chị nhặt rau rồi luộc em nhặt rau luộc rồi |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NHẬN BIẾT CÁCH TRÍCH DẪN VÀ LẬP DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**a. Nhân biết: Học sinh ghi nhớ** khái niệm và các cách trích dẫn, ghi nhớ cách thức lập danh mục tài liệu tham khảo

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. NHẬN BIẾT CÁCH TRÍCH DẪN VÀ LẬP DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Giáo viên yêu cầu HS đọc phần tri thức Ngữ văn  **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh trình bày các nội dung  **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **1. Trích dẫn**  - Trong tiểu luận hay báo cáo nghiên cứu, việc trích dẫn giúp đảm bảo độ tin cậy, sự minh bạch, tránh tình trạng đạo văn, đồng thời cho phép người đọc theo dõi và tìm được nguồn trích dẫn. Có hai kiểu trích dẫn:  **- Trích dẫn trực tiếp**  Ví dụ: “Chắc hẳn nhiều người cũng đồng tình rằng, tàu điện là kí ức đáng nhớ của Thủ đô trên nhiều phương diện” (Vũ Hoài Đức, 2019).  **- Trích dẫn gián tiếp**  Ví dụ: Nguyễn Văn Trung (1986) cho rằng…  **2. Lập danh mục tài liệu tham khảo**  - Danh mục tài liệu tham khảo được đặt ở cuối tiểu luận hay báo cáo nghiên cứu. Hiện nay có nhiều cách viết tài liệu tham khảo. Dưới đây là cách trình bày tài liệu tham khảo theo chuẩn APA: liệu tham khảo. Dưới đây là cách trình bày tài liệu:   * Henderson, J. C. (2009). Food Tourism Reviewed. *British Food Journal*, 111(4), 317-326. * Nguyễn Văn Trung (1986). *Câu đố Việt Nam*. Hà Nội: Thời đại.   Vũ Hoài Đức. (2019). Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai. *Tạp chí Kiến trúc*, số 10. Truy xuất ngày 29/9/2020 từ https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen- muc/cung-duong-cua-ky-uc-hien-tai-va-tuong-laihtml. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Nhân biết: Học sinh thực hành trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo**

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Giáo viên yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi làm bài tập trong SGK  **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh trình bày  **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Bài 1.**  **Trả lời:**   * Những phần trích dẫn và kiểu trích dẫn có trong đoạn trích: Theo Nguyễn Thị Phương Châm (2013), nhìn vào hầu hết... 🡪 Trích dẫn gián tiếp. * “Có lẽ chỉ trong bối cảnh hiện tại ... điện ảnh quốc tế của giới trẻ...” (Nguyễn Thị Phương Châm, 2013) 🡪 Trích dẫn trực tiếp.   **Bài 2.**  **Trả lời:**  a. Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong VB Sơn Đoòng – thế giới chỉ có một và Đồ gốm gia dụng của người Việt là sơ đồ, hình ảnh.  b. Điểm đáng lưu ý trong cách trình bày các phương tiện ấy là:  - Trích dẫn nguồn của phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có).  - Chú thích ngắn gọn tên của phương tiện phi ngôn ngữ.  c. Tác dụng của từng loại phương tiện phi ngôn ngữ trong VB:  - Đối với VB Sơn Đoòng – thế giới chỉ có một. Hệ thống sơ đồ, hình ảnh minh hoạ trực quan thông tin của VB; giúp người đọc dễ hiểu và dễ hình dung nội dung VB hơn.  - Đối với VB Đồ gốm gia dụng của người Việt: Hệ thống hình ảnh tăng hiệu quả trực quan cho những thông tin chính, từ đó, người đọc dễ hiểu VB hơn. Đặc biệt là hệ thống hình ảnh mô tả hình dáng của cái bát ăn cơm được sắp xếp theo trình tự thời gian, hỗ trợ trực quan cho nội dung trình bày về lịch sử phát triển của cái bát ăn cơm ở phần đầu VB.  **Bài 3**  **Trả lời**  a. Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong VB:  - Biểu đồ mô tả sự biến đổi về lượng điện ở Việt Nam tiết kiệm được qua sự kiện Giờ Trái Đất từ năm 2012 đến năm 2021.  - Một số hình ảnh minh hoạ gợi liên tưởng đến những hành động nhỏ góp phần kiến tạo tương lai cho Trái Đất.  Lưu ý: Có thể xem đây là infographic (information graphic: đồ hoạ thông tin), là sự kết hợp những thông tin ngắn gọn với biểu đồ; hình ảnh minh hoạ sinh động, bắt mắt, giúp truyền đạt thông tin nhanh chóng, rõ ràng.  b. Hiệu quả của việc sử dụng kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ với phương tiện ngôn ngữ trong VB: Cung cấp thêm thông tin chi tiết cho nội dung của VB (thông tin về lượng điện Việt Nam tiết kiệm được qua sự kiện Giờ Trái Đất từ năm 2012 đến năm 2021 và thông tin về các hành động nhỏ góp phần kiến tạo tương lai cho Trái Đất), giúp cho nội dung VB trở nên chi tiết, rõ ràng, cụ thể hơn đối với người đọc. | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành từ đọc đến viết

**b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu: **Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) đề xuất một giải pháp nhằm phát triển tình yêu văn hoá dân tộc cho học sinh trong trường.**

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Giáo viên yêu cầu **Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) đề xuất một giải pháp nhằm phát triển tình yêu văn hoá dân tộc cho học sinh trong trường.**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thực hiện  **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Có thể tham khảo các giải pháp sau:**  Nhằm phát triển tình yêu văn hóa dân tộc cho học sinh trong trường, những giải pháp tối ưu  1. Đưa các nội dung giáo dục văn hóa truyền thống vào bài học  2. Hoạt động học tập trải nghiệm văn hóa dân tộc trong một ngày hoặc định kì  3. Nuôi dưỡng tình yêu văn hóa dân tộc bằng các dự án thiết kế poster, tranh ảnh, các dự án thiện nguyện lan tỏa văn hóa dân tộc tới mọi người  …. |

**HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ**

**a. Mục tiêu:** HS tìm văn bản thông tin có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

**b. Nội dung:** Tìm một văn bản thông tin có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (lưu ý dẫn nguồn đầy đủ). Cho biết loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng và tác dụng của phương tiện ấy trong văn bản.

**c. Sản phẩm:** Văn bản học sinh tìm được

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Giáo viên yêu cầu HS tìm trong SGK khác, tìm trên mạng…  **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh trình bày  **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Bài 4. Tìm một văn bản thông tin có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (lưu ý dẫn nguồn đầy đủ). Cho biết loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng và tác dụng của phương tiện ấy trong văn bản.**  (HS linh hoạt tìm kiếm trên các trang báo hoặc các văn bản thông tin khác) |

**HDVN:**

Xem trước bài học: VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI (lựa chọn sẵn 1 chủ đề cho bản thân và các thông tin liên quan dựa trên Tri thức về kiểu bài)

**BÀI 4. NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**( VĂN BẢN THÔNG TIN)**

**PHẦN VIẾT**

**TIẾT : THỰC HÀNH VIẾT**

**VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

**- Học sinh ghi nhớ** được kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

**- Học sinh ghi nhớ** phương pháp thực hiện kiểu bài viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

**- Học sinh thực hành viết** bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

**- Học sinh đánh giá kết quả bài viết** báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Tỉ mỉ, ham học hỏi và nghiên cứu chuyên sâu vấn đề

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

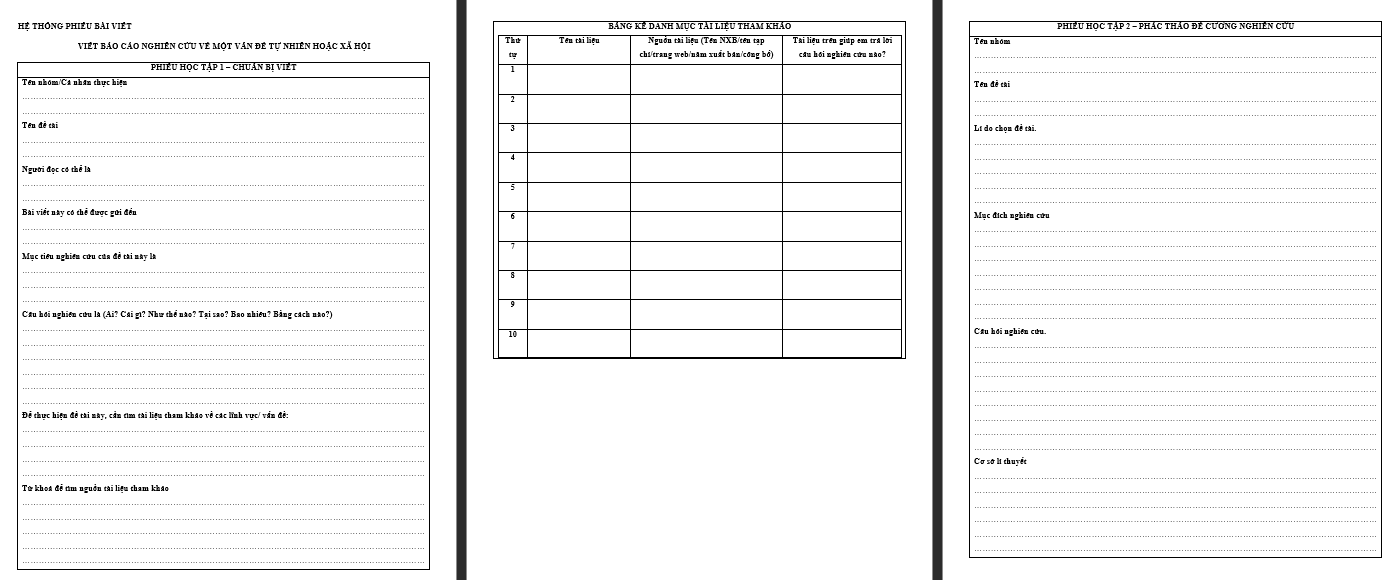
**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

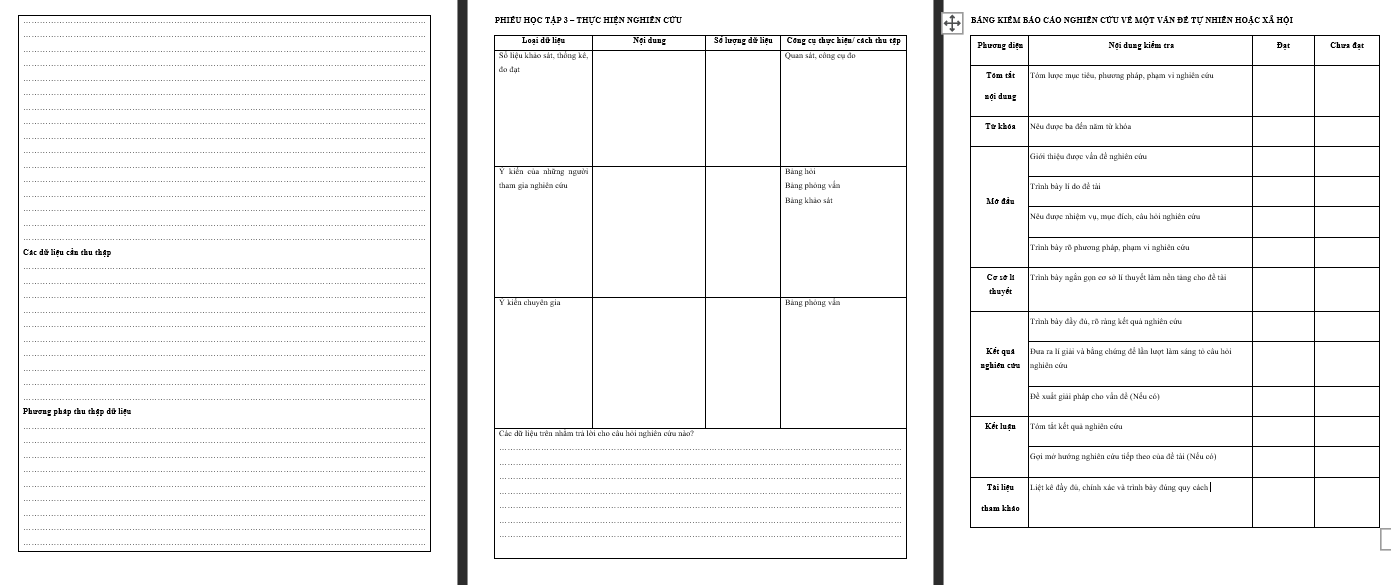
**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV cho HS ghi nhớ lại những kinh nghiệm khi thực hiện báo cáo nghiên cứu trong CT Ngữ văn 10 * HS thực hiện bảng | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ   |  |  | | --- | --- | | Kinh nghiệm thực hiện báo cáo nghiên cứu | Điều em mong muốn được cải thiện và học hỏi thêm | |  |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh ghi nhớ** được kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội * **Học sinh ghi nhớ** phương pháp thực hiện kiểu bài viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội * **Học sinh thực hành viết** bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội * **Học sinh đánh giá kết quả bài viết** báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội   **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh định hướng cách viết bằng các phương pháp: phát vấn, thảo luận, thực hiện phiếu học tập, nghiên cứu,… | |
| **2.1 Định hướng kiểu bài**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ định hướng kiểu bài và trả lời câu hỏi * *Bài báo cáo nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội là kiểu bài như thế nào?* * *Bài báo cáo nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội cần đảm bảo những yêu cầu nào* * *Bố cục bài báo cáo kết quả nghiên cứu gồm những phần nào?* * *Nếu ít nhất một điều em chưa rõ về những thông tin trên (nếu có).*   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * Học sinh trả lời câu hỏi   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ và thảo luận  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bảm | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Kiểu bài**  Báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội là kiểu bài trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội dựa trên những bằng chứng từ quá trình khảo sát thực tế hoặc thực nghiệm những giải pháp mà người nghiên cứu đề xuất.  **2. Yêu cầu với kiểu bài**  - Trình bày đầy đủ, thuyết phục các kết quả nghiên cứu thu nhận được. • Sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu.  - Sử dụng ngôn ngữ chính xác, khách quan.  - Sử dụng phù hợp các trích dẫn, cước chú, các phương tiện hỗ trợ như: hình ảnh, bảng biểu, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...  - Bố cục văn bản báo cáo gồm các phần, mục:   * Tên đề tài/ nhan đề báo cáo * Tóm tắt: Trình bày tóm tắt mục tiêu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu. * Từ khoá: Nếu từ ba đến năm từ quan trọng liên quan đến nội dung nghiên cứu. * Mở đầu   + Nêu vấn đề nghiên cứu.  + Trình bày lí do chọn đề tài.  + Nêu câu hỏi nghiên cứu.  + Nêu nhiệm vụ, câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu.   * Nội dung chính   + Trình bày cơ sở lí thuyết của đề tài.  + Trình bày kết quả khảo sát, đề xuất giải pháp hoặc và kết quả thực nghiệm (trích dẫn phù hợp, đúng quy cách; sử dụng các phương tiện hỗ trợ để làm rõ kết quả nghiên cứu (bảng biểu, sơ đồ,...)).   * Kết luận   + Tóm lược nội dung bài viết, khẳng định ý nghĩa, giá trị của kết quả nghiên cứu.  + Gợi mở hướng phát triển của đề tài (nếu có).   * Tài liệu tham khảo: Trình bày danh mục tài liệu tham khảo: tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, tên nhà xuất bản/ tạp chí (theo trình tự A, B, C). * Phụ lục (nếu có) |
| **2.2. Phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi theo SGK theo nhóm đôi * Thời gian: 15ph   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * Học sinh trả lời câu hỏi   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ và thảo luận  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bảm | **II. Bài viết tham khảo**  **1. Văn bản trên gồm mấy phần? Tóm tắt nội dung của từng phần.**  **Phần 1. Mở đầu**  **Phần 2. Nội dung nghiên cứu**  **2.1 Khái niệm đa dạng sinh học**  **2.2 Kết quả nghiên cứu và đề xuất**  2.2.1 Đa dạng sinh học chim khu vực Đông Bắc  2.2.2 Công tác quản lí, bảo tồn  2.2.3 Đề xuất giải pháp công tác quản lí, bảo tồn  **Phần 3. Kết luận, kiến nghị**  Tài liệu tham khảo  **2. Các tác giả đã đề ra những câu hỏi nghiên cứu nào? Kết quả nghiên cứu có lần lượt trả lời được các câu hỏi nghiên cứu không? Hãy lí giải.**  Các kết quả nghiên cứu đã lần lượt trả lời cho hai câu hỏi nghiên cứu: Thực trạng công tác bảo tồn chim ở các khu bảo tồn và các giải pháp để quản lí đa dạng chim nói riêng, tài nguyên thiên nhiên nói chung.  **3. Vì sao cần trình bày phương pháp thực hiện nghiên cứu, phạm vi khảo sát hoặc thực nghiệm?**  Cần trình bày phương pháp nghiên cứu để người đọc hiểu rõ kết quả nghiên cứu được thực hiện bởi các phương pháp nào, có phù hợp hay không. Mỗi nghiên cứu có thể chỉ có kết quả tin cậy trong một phạm vi nhất định, một thời điểm nhất định, do vậy, cần nêu rõ phạm vi khảo sát hoặc thực nghiệm.  **4. Ý nghĩa của việc lí giải kết quả khảo sát hoặc thực nghiệm là gì?**  Mỗi nghiên cứu dù là khảo sát hay thực nghiệm đều nhằm tìm hiểu, chứng minh, phân tích, lí giải một vấn đề nào đó của tự nhiên, xã hội, nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu và trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Điều này làm nên ý nghĩa, tác dụng của nghiên cứu đối với cuộc sống của loài người và của vạn vật.  **5. Danh mục các tài liệu tham khảo đã được trình bày đúng quy cách hay chưa?**  Danh mục các tài liệu tham khảo trong bài viết này đã được trình bày theo đúng chuẩn APA  **6. Sau khi đọc văn bản trên, bạn rút ra được những lưu ý gì về cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên?**  Cách trình bày câu hỏi nghiên cứu; cách chọn lựa phương pháp nghiên cứu phù hợp; cách phân tích, lí giải kết quả nghiên cứu;.. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT**  **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực** ngôn ngữ để hoàn thiện đề cương báo cáo nghiên cứu theo dàn ý  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo hai bước   * Tạo lập đề cương theo dàn ý * Hoàn thành báo cáo nghiên cứu (Làm tại nhà) | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ, với báo cáo nghiên cứu HS có thể thực hiện theo nhóm hoặc cá nhân. GV có thể giao cho HS tùy hình thức lựa chọn  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành hoàn thiện dàn ý  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **HS thực hiện phiếu học tập dàn ý theo hướng dẫn** |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh hoàn thiện bài báo cáo nghiên cứu (Làm tại nhà)  **b. Nội dung thực hiện:** HS hoàn thành bài viết và tự đối chiếu với rubric chấm trước khi nộp cho GV | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh nộp bài  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS |

***Phụ lục 1. Phiếu thực hiện dàn ý (Có hướng dẫn dàn ý)***



******

***Phụ lục 2. Rubric đánh giá bài viết***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Tóm tắt**  **nội dung** | Tóm lược mục tiêu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu |  |  |
| **Từ khóa** | Nêu được ba đến năm từ khóa |  |  |
| **Mở đầu** | Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu |  |  |
| Trình bày lí do đề tài |  |  |
| Nêu được nhiệm vụ, mục đích, câu hỏi nghiên cứu |  |  |
| Trình bày rõ phương pháp, phạm vi nghiên cứu |  |  |
| **Cơ sở lí thuyết** | Trình bày ngắn gọn cơ sở lí thuyết làm nền tảng cho đề tài |  |  |
| **Kết quả nghiên cứu** | Trình bày đầy đủ, rõ ràng kết quả nghiên cứu |  |  |
| Đưa ra lí giải và bằng chứng để lần lượt làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu |  |  |
| Đề xuất giải pháp cho vấn đề (Nếu có) |  |  |
| **Kết luận** | Tóm tắt kết quả nghiên cứu |  |  |
| Gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài (Nếu có) |  |  |
| **Tài liệu**  **tham khảo** | Liệt kê đầy đủ, chính xác và trình bày đúng quy cách |  |  |
| **Kĩ năng trình bày diễn đạt** | Đề mục rõ ràng, logic, sắp xếp theo trình tự hợp lí. |  |  |
| Sử dụng trích dẫn và cước chú đúng quy định |  |  |
| Sử dụng hợp lí, hiệu quả các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. |  |  |
| Dùng ngôn ngữ chính xác, khách quan. |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng trong sáng, không mắc lỗi chính tả ngữ pháp. |  |  |

**BÀI 4. NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**( VĂN BẢN THÔNG TIN)**

**TIẾT ……. NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

**- Học sinh ghi nhớ** được các bước trình bày bài báo cáo nghiên cứu

**- Học sinh tự tin trình bày** báo cáo nghiên cứu

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Phẩm chất và tinh thần về công dân số, công dân toàn cầu được rút ra từ tác phẩm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV giới thiệu bài học * HS kiểm tra lại bài viết và chuẩn bị để thực hành báo cáo | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV giới thiệu và dẫn dắt  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **Yêu cầu chuẩn bị**  - Dùng phần mềm MS. Powerpoint để thiết kế bài báo cáo.  - Dùng sơ đồ để tóm tắt nội dung báo cáo.  - Kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, âm thanh, video, thí nghiệm (nếu có).  - Quay clip bài báo cáo và gửi bài lên Google Classroom/Google Drive của lớp.  - Các nhóm khác nghe, xem và gửi góp ý cho bài báo cáo của nhóm bạn dựa trên bảng kiểm |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh ghi nhớ** được các bước trình bày bài báo cáo nghiên cứu * **Học sinh tự tin trình bày** báo cáo nghiên cứu   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh đọc thật kỹ các thao tác chuẩn bị nói và nghe * Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị * HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân * HS thực hành lập dàn ý và nói   **Đề bài**: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội (Dựa trên kết quả bài viết)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành nói theo chủ đề  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức | **Bước 1: Chuẩn bị nói**  - **Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói**: Đề tài của bài nói đã được bạn chuẩn bị ở phần Viết. Bạn cần tự trả lời những câu hỏi sau khi chuẩn bị bài báo cáo:   * Mục đích của bài nói là gì? * Bạn có bao nhiêu phút để trình bày kết quả nghiên cứu và trả lời câu hỏi của người nghe theo quy định của ban tổ chức? * Người nghe của bạn là những ai? Họ mong muốn được nghe điều gì từ bài báo cáo? * Nơi báo cáo có những phương tiện, thiết bị gì mà bạn có thể sử dụng khi báo cáo?   **- Tìm ý và lập dàn ý**  Bạn hãy chuyển nội dung của bài viết thành dàn ý cho bài nói, bằng cách:   * + Lựa chọn những nội dung quan trọng nhất để trình bày: tên đề tài, câu hỏi, mục đích, phương pháp và kết quả nghiên cứu.   + Tóm tắt nội dung báo cáo dưới dạng sơ đồ.   + Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, âm thanh, video clip, thí nghiệm (nếu có) để làm rõ kết quả nghiên cứu.   + Dùng phần mềm phù hợp để thiết kế bài báo cáo.   + Cân nhắc nội dung chính, phụ để điều chỉnh dung lượng báo cáo.   + Dự kiến các câu hỏi của người nghe và chuẩn bị câu trả lời.   ***-* Luyện tập**  Bạn có thể tự ghi âm để nghe lại hoặc luyện tập với các bạn. Khi luyện tập, cần chú ý:   * Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói. * Kết hợp sử dụng ngôn ngữ nói với phương tiện phi ngôn ngữ như: bài trình chiếu, hình ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu,... * Sử dụng các từ nối để phần trình bày mạch lạc, rõ ràng * Tốc độ nói phù hợp. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH BÀI NÓI**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học để thực hành nói - nghe  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubric chấm | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành nói – nghe theo nhóm hoặc nói trước cả lớp  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Bước 2: Trình bày bài nói**  Khi trình bày, bạn cần:   * Dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị từ trước. * Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. * Đảm bảo thời gian cho phép.   **Bước 3: Trao đổi, đánh giá**  **Khi trao đổi với người nghe, bạn nên**   * Lắng nghe và ghi chép các câu hỏi, đánh dấu những câu hỏi có nội dung trùng lặp, lựa chọn một số câu hỏi quan trọng để phản hồi. * Gạch đầu dòng ngắn gọn những ý trả lời cho các câu hỏi. * Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đúng trọng tâm với thái độ lịch sự.   **Sau khi trình bày xong bài báo cáo, bạn hãy tự trả lời những câu hỏi sau để hoàn thiện kĩ năng trình bày kết quả nghiên cứu:**   * Điều gì làm tôi hài lòng khi trình bày bài báo * Cần điều chỉnh những gì (về nội dung báo cáo, cách báo cáo,...) và điều chỉnh như thế nào để người nghe hiểu rõ và hứng thú theo dõi bài trình bày của tôi? |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói  **b. Nội dung thực hiện:** HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS |

***Phụ lục. Bảng kiểm kĩ năng nói – nghe***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở đầu** | Giới thiệu vấn đề nghiên cứu |  |  |
| Trình bày được mục đích nghiên cứu |  |  |
| Nêu được câu hỏi nghiên cứu |  |  |
| Trình bày rõ các phương pháp nghiên cứu |  |  |
| **Nội dung báo cáo** | Trình bày được cơ sở lí thuyết của đề tài. |  |  |
| Trình bày đầy đủ, rõ ràng các kết quả nghiên cứu. |  |  |
| Đề xuất được giải pháp để giải quyết, khắc phục (nếu có). |  |  |
| **Kết luận** | Tóm tắt kết quả nghiên cứu và khuyến nghị (nếu có). |  |  |
| **Kĩ năng trình bày tương tác giữa người nói và người nghe** | Trình bày rõ ràng, mạch lạc, đúng thời gian quy định |  |  |
| Sử dụng từ ngữ chính xác, đơn nghĩa. |  |  |
| Khai thác hiệu quả sự hỗ trợ của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. |  |  |
| Sử dụng giọng điệu, điệu bộ hợp lí. |  |  |
| Tương tác tích cực với người nghe trong quá trình báo cáo. |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe. |  |  |

**BÀI 4. NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**( VĂN BẢN THÔNG TIN)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù:**

**- Học sinh trình bày** các kiến thức về văn bản thông tin và tóm tắt các văn bản thông tin đã học

**- Học sinh nêu** được bài học kinh nghiệm về việc đọc hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin, rút ra (những) điểm cần chú ý khi tạo lập văn bản có sử dụng các phương tiện ấy.

**- Học sinh trình bày** các lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu và trình bày kết quả báo cáo nghiên cứu về vấn đề tự nhiên và xã hội

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Liên hệ các vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV cho HS điền bảng K – W – L nhắc lại những kiến thức đã học trong chủ đề | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV chiếu bảng  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV linh hoạt sử dụng phần trả lời của HS** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  **- Học sinh trình bày** các kiến thức về văn bản thông tin và tóm tắt các văn bản thông tin đã học  **- Học sinh nêu** được bài học kinh nghiệm về việc đọc hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin, rút ra (những) điểm cần chú ý khi tạo lập văn bản có sử dụng các phương tiện ấy.  **- Học sinh trình bày** các lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu và trình bày kết quả báo cáo nghiên cứu về vấn đề tự nhiên và xã hội  **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh thảo luận nhóm – Làm phiếu bài tập – Thuyết trình tranh luận. | |
| **VỀ KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU (kết hợp THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT)**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên giao nhiệm vụ   Câu 1 – 2 – 3 HS thảo luận nhóm 4 – 6 HS  Thời gian: 15ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo phần giải bài tập ở phụ lục |
| **VỀ KĨ NĂNG VIẾT – NÓI NGHE**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên giao nhiệm vụ   Câu 4 - 5. HS thảo luận nhóm đôi  Thời gian: 10ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo đáp án ở phần phụ lục |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LIÊN HỆ - MỞ RỘNG**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Liên hệ các vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc  **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh viết bài viết ngắn | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ câu hỏi 6 (Hoàn thiện cá nhân)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện chia sẻ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS |

***Phụ lục 1. Đáp án bài tập***

**Bài 1. Trình bày những hiểu biết của bạn về đặc điểm của văn bản thông tin.**

(Dựa vào phần nội dung tri thức Ngữ văn để ôn tập)

**1. Mục đích:** Văn bản thông tin được viết nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin cho người đọc. Để truyền tải thông tin sinh động, hiệu quả, văn bản thông tin có thể sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, nhiều cách trình bày (dạng chữ, dạng hình ảnh/ sơ đồ/ bảng biểu,...), nhiều phương thức biểu đạt (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận,...).

**2. Các yếu tố hình thức trong văn bản thông tin:** Văn bản thông tin có thể sử dụng một số yếu tố hình thức (bao gồm cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để biểu thị cách sắp xếp, cấu trúc thông tin trong văn bản hoặc làm cho các ý tưởng và thông tin hấp dẫn, sinh động, dễ hiểu. Chẳng hạn như: nhan đề; kí hiệu đánh dấu các phần, mục chú thích cho hình ảnh; bảng số liệu; biểu đồ, sơ đồ, lược đồ; mô hình bản đồ,...

**3. Dữ liệu** trong văn bản thông tin là sự thật hiển nhiên hoặc những phát biểu/ tuyên bố được xác minh bằng những bằng chứng cụ thể, được đo lường, quan sát một cách khoa học và mọi người công nhận. Vì thế, dữ liệu mang tính khách quan và là yếu tố làm nên tính chính xác, đáng tin cậy của văn bản thông tin.

**4. Thái độ, ý kiến, quan điểm** của người viết trong văn bản thông tin thường được trình bày dưới dạng những phát biểu thể hiện niềm tin, cảm nhận hoặc suy nghĩ của người viết về một vấn đề/ đối tượng nào đó. Ý kiến, quan điểm có thể được/ không được xác minh bằng sự thật hoặc chứng cứ cụ thể, vì đó có thể là những suy nghĩ cảm tính hoặc diễn giải của người viết về thông tin, dữ liệu. Vì vậy, thái độ, ý kiến và quan điểm thường mang tính chủ quan. Đó là lí do dẫn đến hiện tượng cùng một dữ liệu, nhưng có thể có nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau về dữ liệu ấy.

**5. Thông tin cơ bản** của văn bản là thông tin quan trọng nhất mà người viết muốn truyền tải văn bản. Thông tin cơ bản được hỗ trợ bởi các thông tin chi tiết. qua

**6. Cách trình bày ý tưởng và thông tin, dữ liệu**: Ý tưởng và thông tin, dữ liệu trong văn bản thông tin thường được trình bày theo một số cách nhất định để hỗ trợ người đọc nhận ra mối liên hệ giữa chúng chẳng hạn như: ý chính và nội dung chi tiết, trật tự thời gian, cấu trúc nguyên nhân – kết quả, cấu trúc so sánh – đối chiếu, cấu trúc vấn đề – cách giải quyết.

**Bài 2. Tóm tắt ba văn bản đã học (Sơn Đoòng – thế giới chỉ có một; Đồ gốm gia dụng của người Việt; Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai) theo các phương diện sau: đề tài; thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết thể hiện thông tin cơ bản; cách trình bày dữ liệu, thông tin và hiệu quả của cách trình bày; đặc trưng về yếu tố hình thức và vai trò của các yếu tố ấy đối với việc thể hiện thông tin chính của văn bản; thái độ, quan điểm của người viết; phương tiện phi ngôn ngữ.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện tóm tắt** | **Sơn Đoòng – thế giới chỉ có một** | **Đồ gốm gia dụng của người Việt** | **Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai** |
| **Đề tài** | Những nét độc đáo của hang Sơn Đoòng | Những điểm đặc biệt của đồ gốm gia dụng Việt Nam qua một số giai đoạn lịch sử | Giá trị của tàu điện Hà Nội. |
| **Thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết thể hiện thông tin cơ bản** | **Thông tin cơ bản**: Sơn Đoòng là Đệ nhất kì và định trong nhà có lịch sử quan hướng cụ thể để phát triển bền vững hang Sơn Đoòng  **Một số thông tin chi tiết:** Quá trình phát hiện ra hang; những điểm đặc biệt của hang; ý kiến về cách khai thác và bảo tổn hạng. | **Thông tin cơ bản:** Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có sự phát triển liên tục, điển hình là trường hợp của cái bát ăn cơm; đặc điểm của đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần.  **Một số thông tin chi tiết:** Các chi tiết liền quan đến lịch sử phát triển của cái bát ăn cơm; các chi tiết về đặc điểm thanh nhã của đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần; các chi tiết về sự phân biệt trong một số xu hướng dùng đồ gốm từ sau thế kỉ XV. | **Thông tin cơ bản:** Thông tin về tàu điện trong quá khứ, hiện tại và những đề xuất xây dựng lại hệ thống tàu điện.  **Một số thông tin chi tiết:** Giá trị văn hoá, lịch sử, khoa học của hệ thống tàu điện Hà Nội xưa; việc giữ lại và cải tạo hệ thống tàu điện ở nước ngoài; đề xuất khôi phục lại hệ thống tàu điện Hà Nội. |
| **Cách trình bày dữ liệu, thông tin và hiệu quả của cách trình bày** | **Kết hợp hai cách:** Trật tự thời gian, ý trình bày và nội dung chi tiết.  **Hiệu quả:** Giúp người đọc hiểu rõ hơn về lịch sử phát hiện, tìm kiếm và công bố thông tin về Sơn Đoòng; mối quan hệ giữa thông tin cơ bản và nội dung chi tiết**.** | **Kết hợp các cách:** ý chính và nội dung chi tiết; so sánh – đối chiếu.  **Hiệu quả:** Góp phần làm nổi bật thông tin chính, chi tiết hoá để làm rõ thông tin chính. | **Kết hợp cách:** nêu ý chính và nếu nội dung chi tiết (7 đoạn đầu), so sánh – đối chiếu (việc hệ – thống tàu điện ở Hà Nội bị bỏ với việc hệ thống tàu điện ở cácnước được giữ lại, phát triển).  **Hiệu quả:** Góp phần chi tiết hoá thông tin chính, làm nổi bật thông tin chính |
| **Đặc trưng về yếu tố hình thức và vai trò của các yếu tố ấy đối với việc thể hiện thông tin chính của VB** | - Sử dụng nhan đề và hệ thống đề mục, sơ đồ, hình ảnh và các chú thích cho các phương tiện phi ngôn ngữ.  **Vai trò:** Làm rõ bố cục của VB; làm nổi bật nội dung chính; minh hoạ trực quan, làm cho thông tin của VB trở nên cụ thể, rõ ràng, sinh động, dễ hiểu. | **-** Sử dụng nhan đề, hình ảnh minh hoạ và các chú thích tương ứng với từng hình, không sử dụng hệ thống các đề mục để tóm tắt các thông tin chính của VB.  **Vai trò:** Nhan đề khái - quát thông tin chính của VB; hệ thống hình ảnh đi kèm với các chú thích cụ thể; trực quan của thông tin. | **-** Sử dụng nhan đề, bản đồ, hình ảnh, số liệu, không sử dụng hệ thống các đề mục để tóm tắt các thông tin chính của VB.  **Vai trò:** Làm cho thông tin của VB trở nên cụ thể, rõ ràng, sinh động, dễ hiểu. |
| **Thái độ, quan điểm của người viết** | **- Thái độ:** Ngợi ca, tự hào xen lẫn thán phục tạo tác kì diệu của thiên nhiên; trân quý tuyệt tác mà thiên nhiên ban tặng.  **- Quan điểm:** Khai thác cánh quan nhưng phải đi đội với việc giữ gìn, bảo vệ các giá trị độc đáo của cảnh quan | **- Thái độ:** Khẳng định đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có một lịch sử phát triển liên tục; ngạc nhiên pha lẫn thích thú trước đặc điểm thanh nhã của đồ gốm gia dụng thời Lý Trần; khách quan khi phảnánh sự phân biệt về xu hướng sử dụng đồ gốm giữa dân gian và triều đình, giữa dân thành thị và nông thôn**.**  **- Quan điểm:** Chưa thể hiện rõ quan điểm của tác giả. | **- Thái độ:** Yêu quý, tự hào, thán phục giá trị lịch sử, văn hoá của hệ thống tàu điện xưa của Hà Nội  **- Quan điểm:** Nên khôi phục và xây dựng hệ thống tàu điện vừa hiện đại, vừa thể hiệnnhững giá trị của lịch sử. |
| **Phương tiện phi ngôn ngữ** | Hình ảnh, số liệu. | Hình ảnh, số liệu. | Bản đồ, hình ảnh, số liệu. |

**Bài 3. Nêu ít nhất một bài học kinh nghiệm về việc đọc hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. Từ đó, rút ra (những) điểm cần chú ý khi tạo lập văn bản có sử dụng các phương tiện ấy.**

**- Bài học kinh nghiệm:** Quan sát hình ảnh, đọc kĩ chú thích, gắn với nội dung được nói đến trong văn bản

**- Điều cần chú ý:**

+ Hình ảnh rõ ràng, có sự kết nối với nội dung

+ Chú thích đầy đủ, rõ ràng

+ Đưa ra những phương tiện ngay sau phần nội dung đã trình bày để làm rõ cho nội dung trình bày

**Bài 4. Trình bày một số điểm cần lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.**

**1. Lưu ý về đề tài:**

- Đề tài cụ thể, gần gũi với HS, nằm trong mối quan tâm của các em

- Gắn với thực tế địa phương, có tính thời sự

- Có tính khả thi (phù hợp với năng lực và điều kiện thực hiện của HS)

- Là vấn đề đang được nhiều người quan tâm**.**

**2. Lưu ý về cách làm bài**

- Nghiên cứu gắn với số liệu và cơ sở thực tiễn

- Lưu ý về quy cách viết bài và trình bày bài nghiên cứu (đủ các phần và có đề mục đầy đủ, cần bổ sung các bảng biểu, số liệu thông kê nếu cần,…)

**3. Lưu ý về trích dẫn**

- Cần trích dẫn nguồn đầy đủ, đúng quy cách và tiêu chuẩn

**Bài 5. Ghi lại những kinh nghiệm về cách trình bày kết quả nghiên cứu.**

- Chuẩn bị bài nói bằng cách xây dựng dàn ý ngắn gọn, gạch các từ khóa sẽ trình bày

- Dùng sơ đồ để tóm tắt nội dung báo cáo.

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.

- Kết hợp sử dụng ngôn ngữ nói với phương tiện phi ngôn ngữ như: bài trình chiếu, hình ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu,...

- Sử dụng các từ nối để phần trình bày mạch lạc, rõ ràng

- Tốc độ nói phù hợp.

**Bài 6. Từ những gì đã học trong bài học này, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý nghĩa của việc giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc trong bối cảnh hiện nay.**

Gợi ý dàn ý (Nguồn vndoc.com)

**1. Mở bài**

Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc giữ gìn bản sắc dân tộc.

Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào khả năng của mình.

**2. Thân bài**

*a. Thực trạng*

* Xã hội phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, con người hòa nhập với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới.
* Nhiều bản sắc văn hóa của dân tộc đang ngày bị mai một, giới trẻ ngày càng ít quan tâm, tìm hiểu về những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

*b. Nguyên nhân*

* Chủ quan: ý thức của mỗi con người trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc chưa cao, họ cho rằng đó là việc của cơ quan Nhà nước, bản thân mình không có trách nhiệm.
* Khách quan: do việc tuyên truyền tầm quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc đến người dân chưa thực sự hiệu quả,…

*c. Hậu quả*

* Những giá trị truyền thống tốt đẹp ngày càng bị mai một dần đi, nhiều bản sắc đã và đang dần mất đi, giới trẻ bị thu hẹp tầm hiểu biết về những truyền thống tất yếu của dân tộc mình.
* Con người đánh mất đi giá trị cốt lõi của đất nước mình.

*d. Giải pháp*

* Mỗi cá nhân đặc biệt là học sinh chúng ta phải tìm hiểu những bản sắc văn hóa vốn có của dân tộc, giữ gìn và phát huy những giá trị đó với bạn bè năm châu.
* Nhà trường cần tổ chức nhiều hơn những hoạt động để tuyên truyền, mang đến cho học sinh nguồn tri thức về bản sắc văn hóa dân tộc.
* Học sinh cần phải đặt trách nhiệm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc lên hàng đầu.
* Tích cực trau dồi hiểu biết của mình về những giá trị văn hóa tốt đẹp của nước nhà.

**3. Kết bài**

Khẳng định lại tầm quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời rút ra bài học cho bản thân, cho các bạn trẻ.

**Ngày soạn………..**

**BÀI 5: BĂN KHOĂN TÌM LẼ SỐNG**

**(BI KỊCH)\_(11 tiết)**

(Đọc và thực hành tiếng Việt: 8 tiết; viết: 2 tiết; nói và nghe: 1 tiết)

1. **MỤC TIÊU BÀI DẠY**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Kiến thức:**

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

+ Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

+ Phân tích được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết.

+ Học sinh thực hành bài tập về những đặc điểm của ngôn ngữ viết.

+ Học sinh vận dụng hiểu và sử dụng đúng, hay đặc điểm của ngôn ngữ viết

+ Học sinh vận dụng hoàn thành bài tập đặc điểm của ngôn ngữ viết

1. **Năng lực**

Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc viết nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết, bài nói của bạn.

1. **Phẩm chất:**

Trân trọng lẽ sống cao đẹp; có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**PHẦN 1: DẠY ĐỌC**

**Tiết: ….**

**VĂN BẢN 1: VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI**

**(Trích Vũ Như Tô)**

**Nguyễn Huy Tưởng**

(Thời gian thực hiện: 03 tiết)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc, chủ đề.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

**2. Năng lực**

Năng lực giải quyết vấn đề và sang tạo, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Phẩm chất:**

Trân trọng lẽ sống cao đẹp; có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, ...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chia sẻ hình ảnh:  THỂ VĂN HỌC KỊCH | VĂN HỌC VIỆT NAM  GV đặt câu hỏi: *Em đã bắt gặp hình ảnh này bao giờ chưa? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về hình ảnh.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Học sinh xem, lắng nghe câu hỏi của GV, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài học mới: *Nguyễn Huy Tưởng cùng thế hệ với Nam Cao, Tô Hoài nhưng có thiên hướng khai thác các đề tài lịch sử và rất thành công trong hai thể loại kịch lịch sử và tiểu thuyết lịch sử như: Đêm hội Long Trì; An Tư; Lá cờ thêu sáu chữ vàng; Sống mãi với thủ đô...Vũ Như Tô là vở kịch đầu tay - bi kịch lịch sử có giá trị nhất của ông.* | - Hình ảnh biểu tượng mặt nạ hài kịch và bi kịch  - Kịch là một môn nghệ thuật sân khấu, một trong ba phương thức phản ánh hiện thực của văn học.  - Thuật ngữ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "hành động", kịch tính. Là sự kết hợp giữa 2 yếu tố bi và hài kịch.  - Mặc dù kịch bản văn học vẫn có thể đọc như các tác phẩm văn học khác, nhưng kịch chủ yếu để biểu diễn trên sân khấu. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**NỘI DUNG 1: HÌNH THÀNH TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được nội dung chủ đề *Băn khoăn tìm lẽ sống*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài *Băn khoăn tìm lẽ sống*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài *Băn khoăn tìm lẽ sống*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm học tập**  GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và nêu lên các yếu tố của của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc…  - Sa đó, chọn và nối hai cột tương ứng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS nghe GV yêu cầu, sau đó đọc thông tin trong SGK, phát biểu trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời đại diện trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức ngữ văn**  **1. Bi kịch** là thể loại kịch tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa những khát vọng cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại, dẫn tới sự thảm bại hay cái chết của nhân vật.  **2. Hành động trong bi kịch** là hệ thống hành động của các nhân vật được tổ chức và kết nối lại, tạo nên sự phát triển của cốt truyện bi kịch.  - Hành động của các nhân vật bi kịch, cũng như hành động của nhân vật kịch nói chung, thường được phân thành hai dạng chính: các hành động bên ngoài (lời nói, cư xử, hoạt động) và hành động bên trong (sự chuyển biến nội tâm, các độc thoại nội tâm).   1. **Cốt truyện bi kịch** là tiến trình của các sự việc, biến cố trong câu chuyện kịch được tổ chức tạo nên sự phát triển xung đột, cũng như sự phát triển hành động và tính cách các nhân vật.   - Đó thường là một chuỗi các sự kiện dẫn đến những tổn thất, đau thương trong cuộc đời nhân vật chính (từ đỉnh cao danh vọng, quyền uy, hạnh phúc... đến cái chết hoặc sự mất mát khủng khiếp của nhân vật).   1. **Xung đột bi kịch** là nhân tố tổ chức tác phẩm kịch, thể hiện sự va chạm, đấu tranh, loại trừ giữa các thế lực đối lập giữa các mặt khác nhau của cùng một tính cách, giữa các tính cách nhân vật khác nhau, hoặc giữa tính cách nhân vật với hoàn cảnh.   - Xung đột bi kịch thường nảy sinh giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém hoặc giữa khát vọng cao cả với số phận khắc nghiệt.   1. **Nhân vật chính của bi kịch** thường có bản chất tốt đẹp, có khát vọng vượt lên và thách thức số phận, nhưng cũng có những nhược điểm trong hành xử hoặc sai lầm trong đánh giá.   - Những nhược điểm, sai lầm đó sẽ buộc nhân vật phải trả giá rất đắt, thậm chí bằng cả cuộc đời của mình và những gì mình trân trọng.   1. **Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch**   - Những chấn động cảm xúc mạnh mẽ mà bi kịch gây nên trong tâm hồn khán giả là cơ sở tạo nên hiệu ứng thanh lọc của thể loại này.  - Thoạt tiên, bi kịch khiến khán giả thương xót trước số phận bi đát của một con người vốn cao quý, tốt đẹp; sợ hãi trước cái chết, trước những mất mát khủng khiếp.  - Tuy nhiên, sâu xa hơn, bi kịch khiến khán giả nhận ra, thức tỉnh và đồng cảm trước những giá trị tốt đẹp, có ý nghĩa trong đời; đau đớn trước sự huỷ diệt những giá trị đó.  - Từ đây, họ có thể giải tỏa sự xót thương, nỗi sợ hãi thường tình, hướng tâm hồn tới cái cao cả, phấn đấu cho những sức mạnh tinh thần lớn lao.  **7. Chủ đề chính và chủ đề phụ:** Trong những tác phẩm văn học cỡ lớn (truyện lịch sử, truyện thơ, tiểu thuyết, hay kịch bản văn học... gồm nhiều phần, nhiều chương khúc) thường có nhiều chủ đề. Trong đó, có một chủ đề chính và một số chủ đề phụ xoay quanh chủ đề chính. |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN - VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được những nét cơ bản về tác giả, văn bản.

**b. Nội dung:** HS quan sát, chắt lọc thông tin trong SGK để trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm học tập**  - GV cho HS xem video về nhà văn Nguyễn Huy Tưởng theo đườnglink sau:  https://www.youtube.com/watch?v=iQteO7rc2fE  - GV cho HS xem 1 đoạn trong vở bi kịch Vũ Như Tô theo đường link sau:  https://www.youtube.com/watch?v=WnfSXQlErbA  - GV phát PHT số 2, yêu cầu HS hoàn thành PHT.  ***Phiếu học tập số 2 : thảo luận cặp đôi và thực hiện những yêu cầu sau đây***  - Trình bày nét chính về tác giả Nguyễn Huy Tưởng?  - Tóm tắt vở kịch *Vũ Như Tô*?  - Nêu xuất xứ của đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  -Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960), quê Hà Nội.  - Ông là nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng ở Việt Nam.  - Ông là cha đẻ của những vở kịch nổi tiếng như: Vũ Như Tô, Bắc Sơn, Sống mãi với Thủ đô,…  **2. Văn bản**  **a. Tóm tắt vở kịch: SGK**  **b. Đoạn trích:**  - *"Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài"* thuộc hồi V, hồi cuối của tác phẩm.  - Xoay quanh việc binh lính, dân chúng đốt Cửu Trùng Đài, giết Đan Thiềm, Vũ Như Tô. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẦM** |
| Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm để HS tìm hiểu về văn bản. HS theo dõi câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời.  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu một số yếu tố của bi kịch (xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, chủ đề) -** Nhóm 1,3 : Nhóm nhạc sĩ, nhà thơ.  **Nhiệm vụ 2: Phân tích chi tiết tiêu biểu, đề tài, sự kiện -** Nhóm 2,4: Nhóm họa sĩ, nhà văn.  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  HS theo dõi câu hỏi trong PHT, thảo luận nhóm và trả lời.  **Nhóm 1,3 : Nhóm nhạc sĩ, nhà thơ**  + *H*ãy xác định những xung đột cơ bản của tác phẩm.  + Chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt trong tính cách của hai nhân vật Đan Thiềm, Vũ Như Tô trước tình huống bạo loạn nguy hiểm đối với sinh mệnh của Cửu Trùng Đài và đối với bản thân họ.  +Cho biết Vũ Như Tô mang những đặc điểm nào của nhân vật chính của bi kịch.  + Nhận xét về ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của hai nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm qua các lớp kịch.  + Theo em, bi kịch Vũ Như Tô là tác phẩm có một chủ đề hay nhiều chủ đề? Điều đó đã được thể hiện trong Hồi V (Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài) như thế nào?  **Nhóm 2,4: Nhóm họa sĩ, nhà văn**  **+** Bạn hình dung thế nào về công trình “Cửu Trùng Đài” mà Vũ Như Tô đang xây dựng dở dang?  +Việc xây dựng công trình ấy có phải là nguyên nhân chính gây nên bạo loạn và kết cuộc bi thảm ở cuối Hồi V hay không? Vì sao?  **+**Thể loại bi kịch thường kết thúc với cái chết hoặc sự mất mát khủng khiếp của nhân vật. Từ đoạn kết của bi kịch Vũ Như Tô, hãy chỉ ra những mất mát mà nhân vật chính phải gánh chịu.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 HS đại diện các nhóm trình bày kết quả  - Học sinh nhóm khác đánh giá qua bảng kiểm   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Có** | **Không** | | ***Nội dung*** | Trả lời đầy đủ các câu hỏi |  |  | | Nội dung thuyết trình tốt |  |  | | ***Hình thức*** | Bố cục hợp lý, rõ ràng, dễ theo dõi |  |  | | Chữ đúng chính tả, văn phạm, kích thước chữ dễ nhìn |  |  | | Trình bày đẹp, hấp dẫn |  |  | | ***Cách thuyết trình*** | Phong cách thuyết trình tự tin, linh hoạt, năng động, cuốn hút |  |  | | Nắm vững nội dung thuyết trình, tập trung làm sang tỏ vấn đề |  |  |   **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **II. Khám phá văn bản**  **1.** **Một số yếu tố của bi kịch**  **a.** **Những xung đột cơ bản của tác phẩm.**  - Mâu thuẫn 1: giữa tầng lớp phong kiến >< nhân dân lao => Mâu thuẫn vốn có từ trước, đến khi Lê Tương Dực bắt Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài thì nó biến thành xung đột căng thẳng, gay gắt.  - Mâu thuẫn 2: giữa Vũ Như Tô >< những người phu phen bị bắt bớ, phu dịch để xây Cửu Trùng Đài ⇒ nghệ thuật cao siêu >< đời sống hiện thực của con người.  **b.Điểm tương đồng, khác biệt trong tính cách của hai nhân vật Đan Thiềm, Vũ Như Tô trước tình huống nguy hiểm**  **-**Tương đồng:  + Yêu cái đẹp, hiểu rõ giá trị của Cửu Trùng Đài, xem nhau là tri kỉ.  + Cả hai đều ngạc nhiên trước thái độ, hành động của dân.  - Khác biệt:  **+ Đan Thiềm:**hiểu được tình thế hiện tại, lo lắng, giục Vũ Như Tô bỏ chạy để bảo toàn tính mạng, sẵn sàng hy sinh tính mạng để bảo vệ người tài.  **+ Vũ Như Tô:**bình tĩnh, tin vào bản thân “quang minh chính đại”, hy vọng sẽ thuyết phục được bọn phản loạn.  **c. Vũ Như Tô mang đặc điểm của nhân vật chính của bi kịch.**  **- Có khát vọng, yêu cái đẹp, muốn xây dựng Cửu Trùng Đài để làm nên một vẻ đẹp cao quý cho dân tộc.**  **- Có quyết định sai lầm khi đồng ý xây dựng Cửu Trùng Đài khiến nhân dân rơi vào cực khổ, lầm than.**  **=>  Vũ Như Tô phải trả giá đắt bằng chính mạng sống của mình.**  **d. Ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của hai nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm qua các lớp kịch.**  **-**Văn bản chủ yếu là đối thoại  + thể hiện sinh động tình huống xung dột, hành động, tính cách của nhân vật  + tạo không khí, nhịp điệu của cuộc sống trong cơn bạo loạn.  **e. Chủ đề trong bi kịch Vũ Như Tô**  - Bi kịch Vũ Như Tô có nhiều chủ đề.  + Chủ đề 1: Phản ánh mâu thuẫn giữa triều đình với phe khởi loạn; giữa nhân dân với hôn quân bạo chúa Lê Tương Dực.  + Chủ đề 2: Thể hiện tình cảnh ngang trái và số phận bi thương của người nghệ sĩ giàu tài năng, khát vọng nhưng bị dân chúng, người đời hiểu lầm và oán giận.  + Chủ đề 3: Ngợi ca những tâm hồn tri kỉ.  **2. Chi tiết tiêu biểu, đề tài, sự kiện**  **a. Công trình “Cửu Trùng Đài” mà Vũ Như Tô đang xây dựng dở dang**  **-**Là một công trình kiến trúc kì vĩ, siêu đẳng.  - Để hoàn thành công trình đó phải có kiến trúc sư kì tài, những người thợ giỏi và sẽ phải huy động rất nhiều tiền bạc, nhân công, vật lực,...  **b. Cửu Trùng Đài có phải “là nguyên nhân gây nên bạo loạn và kết cuộc bi thảm ở cuối Hồi V**  - Nhìn từ quan hệ giữa dân chúng (thợ xây đài) với hỗn quân bạo chúa hay Vũ Như Tô thì Cửu Trùng Đài chính là nguyên nhân khiến họ nổi dậy.  - Nhìn từ quan hệ giữa triều đình và phe nổi loạn thì Cửu Trùng Đài là bằng chứng để kết tội triều đình, là cái cớ để họ gây bạo loạn.  => Như vậy việc xây dựng công trình này là nguyên nhân chính gây nên bạo loạn và kết cục bi thảm ở cuối Hồi V.  **c. Mất mát Vũ Như Tô phải gánh chịu**  - Bị dân chúng – thợ xây đài hiểu lầm, oán thán: mất lòng dân.  - Bị phe phản nghịch và người đời kết tội oan, là “gian phu dâm phụ”, là tội đồ làm hao hụt công khổ, để dân gian lầm than”: mất danh dự.  - Mất Đan Thiêm: mất người tri kỉ.  - Cửu Trùng Đài bị đốt thành tro bụi: mộng lớn tiêu tan  - Bị giải ra pháp trường: mất mạng sống.  ***=> Ông rơi vào tình cảnh bi đát tột cùng, mất tất cả*** => *kết thúc quen thuộc ở thể loại bi kịch*. |

**2.3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Nhận xét và đánh giá được những đặc sắc về giá trị nội dung và nghệ thuật của** văn bản.

**b. Nội dung:** HS xâu chuỗi các kiến thức đã học ở trên thảo luận, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn  - Hãy nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe GV yêu cầu, thảo luận và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra vấn đề sâu sắc, có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật thuần túy cao siêu muôn đời với lợi ích thiết thân và trực tiếp của nhân dân.  **2. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ kịch điêu luyện, giàu màu sắc cổ điển, thể hiện cảm xúc cao độ.  - Khắc họa thành công tính cách tâm trạng nhân vật.  - Xây dựng xung đột kịch có cao trào, thắt nút. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”*  đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra được các phương án đúng theo nội dung đã học của văn bản “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa câu hỏi trắc nghiệm (từ 3-5 câu) yêu cầu học trả lời nhanh**  **Câu hỏi 1:** Trong những lời của mình (Ông Cả! Đài lớn tan tành! Ông Cả ơi! Xin cùng ông vĩnh biệt!) của trích đoạn Vĩnh biêt Cửu Trùng Đài của Nguyễn Huy Tưởng, Đan Thiềm đã bái biệt Vũ Như Tô và cầu xin cùng ông vĩnh biệt gì?  *a. Cùng vĩnh biệt cuộc đời.*  *b. Cùng vĩnh biệt mộng lớn.*  *c. Cùng vĩnh biệt Cửu trùng đài.*  *d. Cùng vĩnh biệt nhau.*  **Câu hỏi 2:** Dòng nào sau đây diễn đạt đúng nhất ý nghĩa đối nghịch hàm chứa ngay trong công trình nghệ thuật Cửu Trùng Đài, tất yếu làm nảy sinh bi kịch của người trí thức – nghệ sĩ Vũ Như Tô?  *a. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc bền vững, vĩnh cửu vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa.*  *b. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc tuyệt tác, kì vĩ vừa là hiện thân cho cái đẹp dở dang.*  *c. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc tuyệt tác, kì vĩ, bền vững hoàn hảo cửu vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa, nhất thời, dở dang.*  *d. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc hoàn hảo vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa.*  **Câu hỏi 3:** Tình tiết nào trong các tình tiết sau cho thấy nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh bi kịch (vỡ mộng) của Vũ Như Tô?  *a. Lợi dụng tình huống rối ren, Trịnh Duy Sản cầm đầu một phe cánh phản nghịch trong triều dấy binh nổi loạn, lôi kéo thợ thuyền làm phản.*  *b. Có tin binh biến, bạo loạn trong cung vua đe doạ sinh mạng Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài, Đan Thiềm hết lòng khuyên Vũ Như Tô đi trốn, Vũ Như Tô một mực không nghe.*  *c. Lê Tương Dực cùng hoàng hậu, đại thần bị giết hoặc tự tử; lũ cung nữ và bọn nội dám nháo nhào tìm cách thoát thân.*  *d. Cửu Trùng Đài bị thiêu huỷ, Đan Thiềm hết lời xin tha và xin được chết thay cho Vũ Như Tô không được, nàng bị bắt đi hành hình, còn Vũ Như Tô đau đớn vĩnh biệt Cửu Trùng Đài và bình thản ra pháp trường.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe GV yêu cầu, suy nghĩ và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | Đáp án:  [1]='c'  [2]='c'  [3]='a' |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”* để viết đoạn văn khoảng 150 chữ.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS viết đoạn văn nghị luận xã hội.

**c. Sản phẩm học tập:** bài làm tại lớp của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS viết 1 đoạn văn khoảng 150 chữ bàn về khát vọng và tham vọng của con người trong cuộc sống.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động**  GV nhận xét, đánh giá và cho điểm. | **Gợi ý:**  **1. Giải thích ý nghĩa của hai từ "khát vọng" và "tham vọng"**  **2. Bàn luận về "khát vọng" và "tham vọng"**  **3. Mở rộng vấn đề**  **4.** Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận và liên hệ bản thân. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập bài “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”* .

+ Soạn bài: *“Sống hay không sống – Đó là vấn đề”* (Trích Hăm-lét) – Sếch-xpia.

Ngày soạn: ………..

Tiết:………………..

**VĂN BẢN 2**

**SỐNG HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ**

**(Trích *Hăm – lét* (Hamlet))**

**Sếch-xpia (Sheakespeare)**

**Thời gian thực hiện: 2,5 tiết**

# **I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**- Về kiến thức:**

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

+ Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

- **Về năng lực:** phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác; phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học.

- **Về phẩm chất:** trân trọng lẽ sống cao đẹp, có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

# **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu:**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên, Sách bài tập.

- Một số tranh ảnh có trong sách giáo khoa được phóng to, ảnh chân dung tác giả; tranh ảnh do giáo viên chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm, văn bản đọc.

- Các phiếu học tập; bảng tóm tắt một số đặc điểm của thể loại truyện và lưu ý về cách đọc.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm.

**2. Phương tiện:**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video clip tư liệu liên quan, nội dung các phiếu học tập, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho học sinh.

- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của học sinh) (nếu có), giấy A4, A0/ A1/ bảng nhóm để học sinh trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

# **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

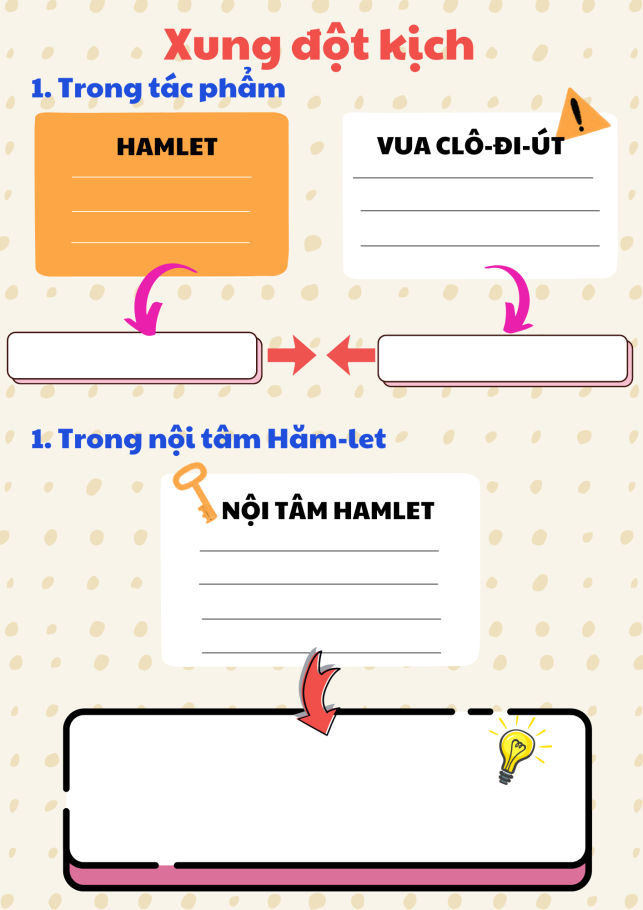
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** | | |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG** | | | |
| **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  - Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân HS với nội dung của văn bản.  - Bước đầu dự đoán được nội dung của văn bản.  - Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.  **b. Nội dung thực hiện**:  - Giáo viên đặt câu hỏi cho học sinh về nội dung dự đoán của văn bản  - HS chia sẻ câu trả lời của bản thân.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  \* GV cho HS xem phim: trích đoạn “*Xuý Vân giả dại”*  🡪 Yêu cầu: **Theo em, trong ngôn ngữ giao tiếp,cách nói năng, ứng xử giữa một người điên (hay giả điên) với một người bình thường khác nhau như thế nào?** **Hãy chia sẻ ý kiến với các bạn trong lớp**.  - Học sinh thảo luận nhóm đôi và thực hiện theo yêu cầu.  - Phương pháp: Nêu ý kiến lên bảng  - Phương tiện: Bảng/ Bảng phụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ, trao đổi, chuẩn bị câu trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 - 2 nhóm học sinh trình bày ý kiến của mình, các nhóm học sinh khác nhận xét, góp ý.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt ý và giới thiệu bài học. | | ***Gợi ý một số thông tin có thể chia sẻ cho HS:***  **+ Người điên:** thường nói năng lung tung, giao tiếp không theo nghi thức lời nói, hành vi kì lạ,…  ***+* Người bình thường** tỉnh táo thì không như thế.  **+ Người giả điên:** cố tình làm ra vẻ nói năng lung tung, gioa tiếp không theo nghi thức lời nói, hành vi kì lạ,…nhưng thỉnh thoảng cũng vô tình để lộ sự tỉnh táo của mình khiến có thể bị phát hiện đang giả điên. | |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | | |
| **NỘI DUNG 1. TÌM HIỂU CHUNG**  **a. Mục tiêu:** HS kích hoạt kiến thức nền về tác giả, tác phẩm, đoạn trích  **b. Nội dung:** HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trên Phiếu học tập 1  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Dựa vào phần chuẩn bị trước ở nhà, hãy chia sẻ những hiểu biết của em về nội dung vở kịch, vị trí của VB (trích).  **- Hoạt động nhóm đôi**:  + Đọc thông tin  + Chú ý các từ ngữ khó  + Tóm tắt các thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.  + Hoàn thành **Phiếu học tập 1**.  - **GV cho xem phim:** Tóm tắt cốt truyện Kịch Hamlet.  + Hoàn thành **Sơ đồ tóm tắt Hăm-lét (*Theo mẫu)***  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh làm việc cá nhân: hoàn thành Phiếu học tập 1  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản. | | | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **PHIẾU HỌC TẬP 1**  **1. Tác giả:** Sheakespeare:  **SGK/ 126**  **2. Hăm-let (Hamlet):**  **-** Được viết vào khoảng năm 1601  **- Thể loại:** Bi kịch  **- Gồm:** 5 Hồi  - Kịch bản phỏng theo một truyện dân gian Đan Mạch và *Câu chuyện bi thảm thứ năm* của nhà biên soạn Pháp - Belleforest: thái tử Amlet (Amleth) phải giả điên để tìm cách báo thù cho cha, vì người chú ruột đã giết cha chàng, lấy mẹ chàng và cướp đoạt ngôi vua. Nhưng Sếch-xpia đã thể thiện chủ đề tư tưởng riêng.  **3. Văn bản: *Sống hay không sống* – đó là vấn đề**  **- Vị trí:** Trích Hồi III – Cảnh I vở kịch Hăm-let của Sếch-xpia.  **- Nội dung:** Hăm-lét giả điên để che giấu những suy nghĩ và toan tính liên quan đến cái chết đột ngột của vua cha và hành động ám muội của Clô-đi-út. |
| **NỘI DUNG 2. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **NHIỆM VỤ 1: TÌNH THẾ CỦA HĂM-LET VÀ MỤC ĐÍCH GIẢ ĐIÊN CỦA CHÀNG**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: *cốt truyện*  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến câu hỏi về: *cốt truyện.*  - Học sinh thảo luận, trình bày tìm hiểu về: *cốt truyện*  **c. Sản phẩm:**  Học sinh hoàn thiện **Phiếu học tập** **1**  **d. Tổ chức hoạt động** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **- HS:** Đọcphần tóm tắt cốt truyện kịch trong SGK và theo dõi lời thoại của một số nhân vật ở phần đầu của VB (trước phần độc thoại của Hăm-lét) để rút ra nhận định về tình thế của Hăm-lét dẫn đến việc giả điên của chàng.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lưu ý 2 sự kiện khi đọc phầm tóm tắt cốt truyện kịch trong SGK  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 - 2 nhóm học sinh trình bày ý kiến của mình, các nhóm học sinh khác nhận xét, góp ý.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt ý. | | | **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **1. TÌNH THẾ CỦA HĂM-LET VÀ MỤC ĐÍCH GIẢ ĐIÊN CỦA CHÀNG**  **PHIẾU HỌC TẬP 2** |
| **NHIỆM VỤ 2: XUNG ĐỘT TRONG VĂN BẢN VÀ NHỮNG GIẰNG XÉ NỘI TÂM CỦA HĂM-LÉT**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: *xung đột kịch*  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến câu hỏi về: *xung đột kịch*.  - Học sinh thảo luận, trình bày tìm hiểu về*: xung đột*  **c. Sản phẩm:**  Học sinh hoàn thiện **Phiếu học tập** **3**  **d. Tổ chức hoạt động** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- HS hoạt động nhóm đôi:**  **+** Xung đột trong văn bản là gì?  + Hăm-let có những giằng xé nội tâm như thế nào?  + Tác dụng của việc thể hiện những giằng xé nội tâm của Hăm-lét là gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** hoàn thành các Phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | **2. XUNG ĐỘT TRONG VĂN BẢN VÀ NHỮNG GIẰNG XÉ NỘI TÂM CỦA HĂM-LÉT**  **a. Xung đột trong văn bản**  **Phiếu học tập 3a**  **b. Xung đột trong Văn bản trích và trong nội tâm Hăm-lét**  **Phiếu học tập 3b** |
| **NHIỆM VỤ 3: NGÔN NGỮ VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA NHÂN VẬT** | | | |
| **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: *lời thoại và hành động kịch*  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến câu hỏi về: *lời thoại và hành động kịch*  - Học sinh thảo luận, trình bày tìm hiểu về*: lời thoại và hành động kịch*  **c. Sản phẩm:**  Học sinh hoàn thiện **Phiếu học tập**  **d. Tổ chức hoạt động** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- HS hoạt động nhóm**  **+ NHÀ NGÔN NGỮ**  **+ CHUYÊN GIA HÀNH ĐỘNG**  - Phân tích đoạn độc thoại nội tâm của Hăm-lét và những lời đối thoại của chàng với O-phê-li-a.  - Nhận xét về nghệ thuật xây dựng ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của các nhân vật.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** hoàn thành các Phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | **3. NGÔN NGỮ VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA NHÂN VẬT**  **a. Lời độc thoại của Hăm-lét**  **- Bố cục: tương tự một bài luận**  **+ Mở: *Nêu vấn đề*** (phân đoạn **[1]**)  **+ Thân: *Giải quyết vấn đề***( các phân đoạn **[2], [3], [4], [5]** )  **+ Kết: *Kết luận vấn đề*** (phân đoạn **[6]** )  **b. Nghệ thuật xây dựng độc thoại, đối thoại:**  **- Độc thoại của Hăm-let:** Màn độc thoại nội tâm sâu sắc, Đậm chất triết học và tính trí tuệ.  - **Câu độc thoại của Clô-đi-út**: có tác dụng lật tẩy, chiếc “mặt nạ” được kéo xuống để phơi bày tội ác, tâm địa và cả nỗi hoang mang, sợ hãi của y.  - **Ngôn ngữ đối thoại:**  + thể hiện được một cách sinh động tính cách từng nhân vật  + thể hiện tính hành động mạnh mẽ  c. **Hành động kịch:**  + Hành động bên trong  + Hành động bên ngoài  \* **Nhận xét sự khác biệt con người qua hành động bên trong – hành động bên ngoài.**  Trong cuộc chiến sinh tử, các nhân vật thuộc về 2 phe đối lập đều phải dùng mặt nạ để che giấu động cơ, ý đồ cũng như con người thực của mình. |
| **NHIỆM VỤ 4: CHỦ ĐỀ VÀ THÔNG ĐIỆP CỦA VĂN BẢN** | | | |
| **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: *chủ đề và thông điệp*  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến câu hỏi về: *chủ đề và thông điệp*  - Học sinh thảo luận, trình bày tìm hiểu về*: chủ đề và thông điệp*  **c. Sản phẩm:**  Học sinh hoàn thiện **Phiếu học tập**  **d. Tổ chức hoạt động** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Xác định chủ đề và cho biết thông điệp của văn bản  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** hoàn thành các Phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | **4. CHỦ ĐỀ VÀ THÔNG ĐIỆP CỦA VĂN BẢN**  **a. Chủ đề:** Niềm băn khoăn về vấn đề “sống hay là không sống” của Hăm-let và việc giả điên của chàng  **b. Thông điệp:** mỗi người cần phải vượt lên trên thách thức của hoàn cảnh, chọn cho mình một thái độ sống cao quý, một cách hiện hữu xứng đáng trong cuộc đời. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | | | |
| **a. Mục tiêu:**  - Trắc nghiệm củng cố kiến thức về thể loại và đặc trưng thể loại.  - Rút ra những lưu ý khi đọc KỊCH BẢN VĂN HỌC.  - HS biết viết đoạn văn liên hệ từ đọc đến viết.  **b. Nội dung:** HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, Đoạn văn của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời trắc nghiệm liên quan đến Thể loại và đặc điểm thể loại.  - HS Rút ra những lưu ý khi đọc KỊCH BẢN VĂN HỌC  - HS Viết đoạn văn  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** hoàn thành các Phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | **\* TRẮC NGHIỆM (Phụ lục)**  **\* LƯU Ý KHI ĐỌC KỊCH BẢN VĂN HỌC**  **- Đọc hiểu Nội dung:**  Phát hiện, phân tích rõ xung đột, kiểu xung đột  🡪 Xác định chủ đề, tư tưởng, thông điệp của vở kịch.  **- Đọc hiểu Hình thức:**  - Cách dẫn dắt xung đột, kiểu xung đột  - Cách khắc hoạ tính cách nhân vật kịch qua HĐ bên trong, HĐ bên ngoài  - Cách sử dụng ngôn ngữ của nhân vật kịch  **\* TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT**  Từ việc đọc 2 văn bản bi kịch “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”, “*Sống hay không sống – đó là vấn đề*”, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: ***Thanh niên ngày nay nên chọn lí tưởng sống như thế nào?*** |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG** | | | |
| **a. Mục tiêu:** Bài tập sáng tạo  **b. Nội dung**: lựa chọn một trong 2 văn bản đã học  **c. Sản phẩm:** Vở diễn trên sân khấu  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS biết hợp tác thành lập nhóm kịch sân khấu hóa tác phẩm bi kịch.  - biết chọn một phần hoặc toàn phần của một trong 2 văn bản vĩnh biệt cửu trùng đài, sống hay không sống đó là vấn đề để xây dựng kịch bản sân khấu hóa  - Nêu được dự định chọn vai nhân vật để tham gia diễn xuất hàng sân khấu hóa của nhóm và giải thích lý do.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Xây dựng kịch bản sân khấu hoá (một phần hoặc toàn phần) một trong 2 VB Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài, Sống hay không sống – đó là vấn đề.  - trao đổi trong nhóm để nhận vai nhân vật (chủ động nhận vai hoặc nhận vai trên cơ sở phân công của nhóm) theo kịch bản đã xây dựng để tập luyện và thực hiện vở diễn.  Trình bày ý kiến cá nhân về dự định chọn vai nhân vật để tham gia diễn xuất màn sân khấu hóa của nhóm và giải thích lý do.  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | Vở diễn trên sân khấu |

**PHỤ LỤC**









**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống…để hoàn tất đoạn văn sau:

*Bi kịch là thể loại………………… tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa những…………………… cao đẹp của con người với tình thế…………….. của thực tại, dẫn tới sự…………. hay……………. của nhân vật.*

1. Kí, cái tôi, tự sự, trữ tình, sự kiện, cảm xúc
2. Văn học dân gian, văn vần, tự sự, trữ tình
3. Cung cấp thông tin, sinh động, hiệu quả
4. **Kịch, khát vọng, bi đát, thảm hại, cái chết**

**Câu 2.** Loại yếu tố nào sau đây **không** **phải** là biểu hiện của hành động bên ngoài trong văn bản kịch nói chung, văn bản bi kịch nói riêng?

1. **Lời nói của nhân vật**
2. Sự chuyển biến nội tâm của nhân vật
3. Cách cư xử của nhân vật
4. Hoạt động của nhân vật

**Câu 3.** Dạng xung đột nào sau đây không phải là xung đột trong văn bản bi kịch?

1. **Xung đột giữa cái thấp kém với cái thấp kém**
2. Xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả
3. Xung đột giữa các cao cả với cái thấp kém
4. Xung đột giữa khát vọng cao cả với số phận khắc nghiệt

Ngày soạn….

Tiết:………

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: CHÍ KHÍ ANH HÙNG**

* **Nguyễn Công Trứ -**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức**

* Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp đối, chủ thể trữ tình.
* Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản
* Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc, thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

1. **Năng lực**
2. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản ***Chí khí anh hùng***

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản ***Chí khí anh hùng***

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất**

- Ca ngợi lí tưởng và chí khí anh hùng của đấng nam nhi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên**

* Giáo án
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* Tranh ảnh về nhà văn hình ảnh
* Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

1. **Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ Văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn bài học, vở ghi.
2. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**
3. **Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học ***Chí khí anh hùng***
2. **Nội dung:** GV tổ chức cho HS chia sẻ về vai trò của người làm trai trong xã hội và đặt câu hỏi gợi mở vấn đề.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và đáp án về vai trò của người làm trai trong xã hội.
4. **Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

* GV đặt câu hỏi gợi mở: Theo em, người làm trai trong xã hội phải làm những việc gì?
* GV mở đoạn video, hình ảnh về những việc làm của người con trai trong xã hội xưa và nay....

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

* HS lắng nghe yêu cầu của GV, xung phong chia sẻ những việc làm của người con trai trong xã hội

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

* GV mời một số HS nêu câu trả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

* GV nhận xét đánh giá
* GV dẫn dắt vào bài: *Nguyễn Công Trứ từng có câu thơ rất hay: Đã mang tiếng ở trong trời đất/ Phải có danh gì với núi sông”. Thật vậy, người con trai sinh ra trên đời phải đầu đội trời, chân đạp đất, phải có ý chí tung hoành ngang dọc bốn phương để giúp nước, giúp đời. Vậy trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu xem chí anh hùng của người làm trai qua* ***Bài Chí khí anh hùng****.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Đọc văn bản**

**1.1. Tìm hiểu khái quát:**

1. **Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại và đọc văn bản ***Chí khí anh hùng.***
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản ***Chí khí anh hùng.***
3. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản ***Chí khí anh hùng.***
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà theo **phiếu học tập 1**:     *+ Hãy trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Công Trứ và tác phẩm Chí khí anh hùng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin trong SGK, hoặc hiểu biết của bản thân chuẩn bị trình bày trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.  Dự kiến sản phẩm: HS tóm tắt về nêu vài nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1***. ***Tác giả***:  - Nguyễn Công Trứ (1778 – 1858), là một trong những nhà thờ tiêu biểu của nước ta trong nửa đầu thế kỉ XIX.  - Ông là một nhà nho, văn võ song toàn, có tài kinh bang tế thế.  - Về mặt thơ văn, những bài thơ viết theo thể hát nói của ông cho ta thấy một tâm hồn khoáng đạt, một cốt cách mạnh mẽ hào hùng, rất độc đáo.  ***2. Văn bản:***  - Nguyễn Công Trứ có 1 số bài thơ nổi tiếng như: *Bài ca ngất ngưởng, Đi thi tự vịnh, Tự thuật….*  - Trong đó, văn bản *Chí khí anh hùng* thuộc thể loại hát nói.  - Nội dung: Lí tưởng và chí khí anh hùng của đấng nam nhi: có chí lớn tung hoành ngang dọc bốn phương, giúp nước, giúp đời và để lại tiếng thơm lưu danh sử sách.  - Bố cục  + 8 dòng thơ đầu: Quan niệm về chí anh hùng của đấng nam nhi  + 4 dòng tiếp theo: đường đời quân tử trải qua đôi khi có những biến động, thử thách bắt buộc phải đối mặt để vượt qua.  + 3 dòng thơ cuối: Người quân tử khi đã trả xong nợ tang bồng, lập được công danh sự nghiệp thì có quyền được thảnh thơi vui sướng bầu bạn cùng rượu và ngắm nhìn trăng thanh gió mát, đó cũng chính là một cách để hưởng lạc. |

**1.2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được văn bản *Chí khí anh hùng*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Chí khí anh hùng*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Chí khí anh hùng*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Quan niệm của chủ thể trữ tình về chí anh hùng**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà với **Phiếu học tập số 2:**  *+ Chủ thể trữ tình trong bài thơ quan niệm như thế nào về chí anh hùng?*  *+ Theo em, cách thể hiện quan niệm ấy trong tám dòng thơ đầu, bốn dòng thơ tiếp theo và ba dòng thơ cuối có gì khác nhau?*  - Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** Các nhóm thảo luận để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** GV mời đại diện 1 nhóm lên bảng yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** GV nhận xét, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Dựa vào kiến thức và văn bản đã chuẩn bị ở nhà với **phiếu học tập số 3** hãy cho biết:  + *Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là gì*?  + *Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, và các yếu tổ vần, nhịp, âm điệu có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện cảm hứng ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** Các nhóm thảo luận để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** GV mời đại diện 1 nhóm lên bảng yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** GV nhận xét, chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 3:** **Nuôi dưỡng chí anh hùng trong mỗi người**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * Dựa vào phần chuẩn bị tại nhà em hãy trả lời các câu hỏi sau đây:   *+ Không phải ai cũng có thể trở thành “anh hùng” nhưng đã là con người, ai cũng có thể có và nuôi dưỡng “chí anh hùng”. Bạn suy nghĩ thế nào về quan niệm trên?*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng yêu cầu của GV, sau đó thảo luận theo cặp để tóm tắt.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày phần tóm tắt trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4: Tổng kết**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-*** GV chia HS thành các nhóm (4-6 HS), yêu cầu HS hoàn thành **phiếu học tập số 4:**  + *Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.*  *-* GV yêu cầu HS rút ra kết luận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để xác định nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - HS rút ra kết luận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - GV quan sát phần thảo luận của các nhóm, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** GV mời đại diện một số nhóm xác định nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét phần trả lời của nhóm bạn, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Quan niệm của chủ thể trữ tình về chí anh hùng:**  - Quan niệm về chí anh hùng của chủ thể trữ tình trong bài thơ là: Người có chí anh hùng là người có chí lớn ở bốn phương, tung hoành giữa trời đất, ra sức phò vua, giúp nước, giúp đời. Ngoài ra còn phải đem tài năng của mình thi thố với thiên hạ, làm nên công danh sự nghiệp để lại tấm lòng son trong sử sách.  - Cách thể hiện quan niệm ấy:  + 8 dòng thơ đầu: nam nhi phải đầu đội trời chân đạp đất. Hơn nữa phải có chí bốn phương, tung hoành ngang dọc bốn phương, phải có cho mình một nghề nghiệp hoặc tài nghệ, tấm lòng phải rạng rỡ, không được làm gì sai với lẽ đời, có vay có trả sòng phẳng.  + 4 dòng tiếp theo: đường đời quân tử trải qua đôi khi có những biến động, thử thách bắt buộc phải đối mặt để vượt qua. Khi gặp loạn lạc, chuyện bất bình, người chí khí thì không ngại ra tay phân xử hợp tình hợp lí.  + 3 dòng thơ cuối: Ở đây nhà thơ đã mượn hình ảnh ẩn dụ để ý nói thi đỗ và sẽ lập được công danh. Và khi đó có quyền được thảnh thơi vui sướng bầu bạn cùng rượu và ngắm nhìn trăng thanh gió mát, đó cũng chính là một cách để hưởng lạc.  **2. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**  - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: Đề cao lí tưởng và chí khí anh hùng của đấng nam nhi: hết lòng giúp nước, giúp đời, để lại cho sự nghiệp lừng lẫy và tấm lòng son lưu vào sử sách.  - Tác dụng của cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố vần, nhịp, âm điệu trong việc thể hiện cảm hứng là:  + Hình ảnh kỳ vĩ lớn lao góp phần thể hiện sự lớn lao của lí tưởng khát vọng anh hùng.  + Từ ngữ, câu thơ cổ kính, trang trọng cho thấy quan niệm anh hùng của chủ thể trữ tình là sự phát huy truyền thống , đã trở thành lẽ sống, cảm hứng chung của bao thế hệ  + Nhịp thơ linh hoạt, khỏe khoắn: câu thơ co duỗi phóng túng, nhịp nhàng cùng với cách ngắt nhịp linh hoạt, khỏe khoắn, cách gieo vần liền luân phiên theo từng cặp rất đặc biệt của thể hát nói (vay- tây; bể - nghệ,…) giúp làm nên âm điệu hào hùng của một bài ca biểu dương lẽ sống cao đẹp.   * Tất cả các yếu tố trên góp phần thể hiện một tiếng nói, một giọng điệu tự tin, kiêu hãnh, hảo sảng… của một chủ thể trữ tình nhân danh đấng làm trai, luôn đầy ắp hùng tâm tráng trí. Đó là yếu tố làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của cảm hứng chủ đạo, chủ đề và hình tượng nghệ thuật trong bài thơ.   **3. Nuôi dưỡng chí anh hùng trong mỗi người.**  Đây là quan niệm đúng bởi để nuôi dưỡng “chí anh hùng” của bản thân là một lẽ sống ý nghĩa, lẽ sống ấy giúp con người ta sống tốt và hoàn thiện bản thân từ đó có thể phát triển bản thân thành con người có ích hơn cho xã hội.  **III. Tổng kết**   1. **Nội dung**   Bài thơ *“Chí khí anh hùng”* của Nguyễn Công Trứ đã nói lên một cách hào hùng về chí nam nhi, nợ tàng bồng của kẻ sĩ trong xã hội phong kiến. Là đấng nam nhi thì phải có chí vẫy vùng  quyết lập công, lập danh để tiếng thơm lưu danh ngàn đời. Nguyễn Công Trứ đã sống và hành động như một đấng trượng phu. Đặc biệt ông có công rất lớn trong việc di dân, lập ấp, khai khẩn đất hoang. Đó cũng chính là cách mà nhà thơ hiện thực hóa quan niệm của mình.  **2. Nghệ thuật**  - Giọng thơ lúc nhẹ nhàng, thư thái lúc hào hùng tràn đầy ý chí sau khi đã làm tròn nghĩa vụ với đời, đã trang trải hết nợ tang bồng. - Ngôn ngữ thơ trang trọng cổ kính. Hình tượng thơ mang tính chất ước lệ tượng trưng.  - Nghệ thuật láy âm, điệp từ, luyến láy rất tài tình kết hợp các biện pháp tu từ ẩn dụ,... làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho bài thơ. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Vài nét chính về cuộc đời Nguyễn Công Trứ |  |
| Các tác phẩm tiêu biểu của ông |  |
| Thể loại văn bản *Chí khí anh hùng* |  |
| Bố cục văn bản *Chí khí anh hùng* |  |
| Nội dung chính văn bản *Chí khí anh hùng* |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Theo em, chí anh hùng nghĩa là gì ? |  |
| Chủ thể trữ tình trong bài thơ quan niệm như thế nào về chí anh hùng? |  |
| Theo em, cách thể hiện quan niệm ấy trong tám dòng thơ đầu, bốn dòng thơ tiếp theo và ba dòng thơ cuối có gì khác nhau? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là gì? |  |
| Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, và các yếu tổ vần, nhịp, âm điệu có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện cảm hứng ấy? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Nội dung |  |
| Nghệ thuật |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Chí khí anh hùng* đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện ý chí anh hùng của đấng nam nhi. Từ đó, nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Gv đặt câu hỏi: *Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện ý chí anh hùng của đấng nam nhi. Từ đó, nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, dựa vào văn bản để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:

+ Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện ý chí anh hùng của đấng nam nhi là: “Vòng trời đất”, “dọc ngang ngang dọc”, “nam bắc đông tây”, “nợ tang bồng”, “trong bốn bể”, “thỏa sức vẫy vùng”, “mây tuôn sóng vỗ”, “buồm lái với cuồng phong”, “toan xẻ núi lấp sông”.

*+* Cảm hứng chủ đạo: ngợi ca, đề cao lí tưởng và chí khí anh hùng của đấng nam nhi: hết lòng giúp nước, giúp đời, để lại cho sự nghiệp lừng lẫy và tấm lòng son lưu vào sử sách.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về nội dung bài thơ, thực hành viết bài cảm nhận ngắn trên lớp.

**b. Nội dung:** GV chiếu đề, HS suy nghĩ, viết cảm nhận ngắn.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm viết của HS trên lớp.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm chuẩn bị 5 – 7 phút cho bài cảm nhận ngắn của mình: *Tuổi trẻ thời hiện đại nên chọn lý tưởng sống như thế nào?*

*- GV gợi ý:* GV hướng dẫn HS viết các ý chính về những lý tưởng sống của giới trẻ hiện đại

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm chuẩn bị bài viết trong 5 – 7 phút, thực hiện nhanh trên lớp để GV đánh giá.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá dựa trên ý tưởng sáng tạo của HS.

**4. Củng cố:**

**5. Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập bài *Chí khí anh hùng*.

+ Soạn bài: ***Thực hành tiếng Việt.***

Ngày soạn…………

Tiết: ……………..

**PHẦN 2: DẠY TIẾNG VIỆT**

**ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ VIẾT**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* **Học sinh**  Phân tích được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết.
* **Học sinh thực hành** bài tập về những đặc điểm của ngôn ngữ viết.
* **Học sinh vận dụng** hiểu và sử dụng đúng, hay đặc điểm của ngôn ngữ viết
* **Học sinh vận dụng** hoàn thành bài tập đặc điểm của ngôn ngữ viết

**2. Về năng lực:** Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề thông qua hoạt động làm bài tập nhóm.

**3. Về phẩm chất**: Trân trọng và có tình yêu với Tiếng Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, phấn, micro, máy tính, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**: GV đưa ra một số câu hỏi TN liên quan đến bài học  **3. Sản phẩm:** Phần đọc và **c**âu trả lời của HS.  Định hướng trả lời: *ở mỗi câu trả lời, HS cần liên hệ tri thức Ngữ văn đã tìm hiểu*  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức hoạt động: GV trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện trả lời nhanh  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV chốt lại đáp án  - Giáo viên dẫn dắt vào bài học | 1. **KHỞI ĐỘNG**   **Câu 1: Ngôn ngữ do ai tạo ra?**   1. Vận động kiến tạo của thiên nhiên 2. Do tự nhiên sáng tạo   **C. Chính con người tạo nên**  D. Thượng đế sáng tạo nên.  **Câu 2: Con người tạo ra ngôn ngữ nhằm mục đích gì?**   1. **Trao đổi thông tin, tình cảm.**   B. Thể hiện cảm xúc  C. Nghiên cứu thiên nhiên  D. Sáng tác văn học.  **Câu 3: Hoạt động giao tiếp nào không sử dụng ngôn ngữ dưới dạng lời nói?**  A. Phần thi ứng xử của hoa hậu  **B. Bài học trong SGK**  C. Trò chơi Ai là triệu phú .  D. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  **Câu 4: Ngôn ngữ tồn tại chủ yếu ở dạng nào?**  A. Dạng nói và cử chỉ, điệu bộ.  B. Dạng viết và hệ thống kí tự.  **C. Dạng nói và dạng viết.**  D. Cử chỉ điệu bộ và hệ thống kí tự.  **Câu 5: Chọn từ thích hợp**  *“Hoạt động giao tiếp là hoạt động trao đổi ………...của con người trong xã hội, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện…………..nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, về tình cảm, về hành động”.*  A. Thông tin, giao tiếp  B. Lời nói, ngôn ngữ  C. Thông tin, lời nói  **D. Thông tin, ngôn ngữ** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI, KỸ NĂNG MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh ghi nhớ** các đặc điểm của ngôn ngữ viết * **Học sinh** hình thành và nắm vững được các khái niệm về ngôn ngữ viết * **Học sinh vận dụng** hiểu và sử dụng ngôn ngữ viết đúng, linh hoạt và có hiệu quả cao.   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu tri thức về Tiếng Việt trong bài đặc điểm của ngôn ngữ viết   **3. Sản phẩm:** Phần đọc và **c**âu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên cho HS thực hiện nhắc lại phần tri thức ngữ văn  - Khái niệm: ngôn ngữ viết là gì?  - Các đặc điểm của ngôn ngữ viết về:  + Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu  + Từ ngữ  + Câu  + Phương tiện hỗ trợ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc phần tri thức tiếng Việt và trả lời các câu hỏi để tìm hiểu tri thức của bài học  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ, trả lời câu hỏi  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | 1. **TRI THỨC TIẾNG VIỆT**   **1. Khái niệm:**  - Ngôn ngữ viết: Là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác.  - Khi viết, người viết có điều kiện để chọn lọc các phương tiện ngôn ngữ; còn khi đọc, người đọc có điều kiện suy ngẫm, phân tích kỹ lưỡng   1. **Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết** 2. Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu: Chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự. 3. Từ ngữ: Được chọn lọc, gọt giũa, phù hợp với từng phong cách, tránh sử dụng khẩu ngữ, từ địa phương. 4. Câu: câu dài nhiều thành phần, được tổ chức chặt chẽ, mạch lạc. 5. Phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ: hình ảnh minh họa, sơ đồ, biểu đồ… |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ, kiến thức Tiếng Việt để hoàn thành bài tập trong SGK  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập  **3. Sản phẩm:** Phần đọc và **c**âu trả lời của HS.  Định hướng trả lời: *ở mỗi câu trả lời, HS cần liên hệ tri thức Ngữ văn đã tìm hiểu*  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  - BT1: HS làm tại nhà vào phiếu dướI đây, lên lớp trao đổi, chốt ý   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Ngôn ngữ viết** | **Ngôn ngữ nói** | | **Phương tiện thể hiện** |  |  | | **Từ ngữ** |  |  | | **Câu** |  |  | | **Phương tiện kết hợp** |  |  |   - BT2: HS làm theo nhóm đôi vào phiếu sau   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | Câu a | Câu b | | **Phương tiện thể hiện** |  |  | | **Từ ngữ** |  |  | | **Câu** |  |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành làm bài tập  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình, nhận xét, bổ sung bài tập của bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | 1. **THỰC HÀNH**   **Câu 1: Đọc lại phần tri thức tiếng Việt, mục Tri thức Ngữ văn của bài này và Bài 3 để thực hiện bảng so sánh sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Ngôn ngữ viết** | **Ngôn ngữ nói** | | **Phương tiện thể hiện** | - Chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự. | - Âm thanh, Lời nói, ngữ điệu | | **Từ ngữ** | - Được chọn lọc, gọt giũa, phù hợp với từng phong cách, tránh sử dụng khẩu ngữ, từ địa phương. | - Từ địa phương, khẩu ngữ, tiếng lóng, biệt ngữ, trợ từ, thán từ, các từ ngữ đưa đẩy, chêm xen… | | **Câu** | - Câu dài nhiều thành phần, được tổ chức chặt chẽ, mạch lạc. | Kết cấu linh hoạt (câu tỉnh lược, câu có yếu tố dư thừa…) | | **Phương tiện kết hợp** | - Hình ảnh minh họa, sơ đồ, biểu đồ… | - Nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ |   **Câu 2: Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ viết được thể hiện trong các đoạn trích sau/ SGK 128**   1. - Về phương tiện: Được thể hiện bằng chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự.   - Về từ ngữ:  sử dụng hệ thống thuật ngữ được chọn lọc, liên quan đến thể loại bi kịch: mâu thuẫn, xung đột, giai cấp, nghệ thuật…  - Về câu: Câu dài được tổ chức rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhờ hệ thống từ ngữ có chức năng liên kết: thứ nhất, thứ hai   1. - Về phương tiện: Được thể hiện bằng chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự.   - Về từ ngữ:  sử dụng hệ thống thuật ngữ được chọn lọc, liên quan đến thể loại bi kịch: mâu thuẫn, xung đột…  - Về câu: Câu dài được tổ chức rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhờ hệ thống từ ngữ có chức năng liên kết: Tuy nhiên |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh vận dụng liên hệ: Giải nghĩa một số từ khó trong các văn bản  **b. Nội dung thực hiện:** HS trao đổi và thực hiện với các bạn trong nhóm  **3. Sản phẩm:** Phần đọc và **c**âu trả lời của HS.  Định hướng trả lời: *ở mỗi câu trả lời, HS cần liên hệ tri thức Ngữ văn đã tìm hiểu*  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện trình bày, thuyết trình  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | 1. **VẬN DỤNG**   **Câu 3: Điều chỉnh các câu dưới đây cho phù hợp với ngôn ngữ viết/ SGK 128**   1. Từ “hết sảy” chưa phù hợp với ngôn ngữ viết   -> Hôm nay, cô giáo em mặc một bộ áo dài rất đẹp.   1. Từ “kì cục”, “rối nùi” là khẩu ngữ   -> Hành động kì quặc của ông ấy khiến cả nhà cảm thấy rối bời.   1. Từ “mở tung”, “ tha hồ” chưa phù hợp với ngôn ngữ viết   -> Đường bay quốc tế đã mở nên du khách nước ngoài rất thuận lợi khi đến Việt Nam du lịch.   1. Tùy ngữ cảnh   -> Bà ấy đói quá nên ăn tất cả các món ăn trên bàn.  **Câu 4: Phân tích những đặc điểm của ngôn ngữ nói trong đoạn trích sau/ SGK 128**  - Văn bản là ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái hiện trong tác phẩm  - Văn bản là cuộc đối thoại giữa Vũ Như Tô và Đan Thiềm  - Các lời thoại đa dạng về ngữ điệu góp phần thể hiện thông tin, thái độ của người nói.  - Có từ ngữ mang tính khẩu ngữ: hớt hơ hớt hải, từ chỉ dẫn về cử chỉ, hiệu bộ: thở hổn hển, - Câu tỉnh lược: Việc gì phải trốn?… |
| **V. HOẠT ĐỘNG V: LIÊN HỆ, MỞ RỘNG**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh vận dụng liên hệ: viết đoạn văn NLXH thể hiện rõ đặc điểm của ngôn ngữ viết.  **b. Nội dung thực hiện:** HS làm bài ở nhà  **3. Sản phẩm:** Bài làm của HS  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thực hiện tại nhà  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện viết bài  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | LIÊN HỆ, MỞ RỘNGTỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT **Câu hỏi:** Từ việc độc hai văn bản bi kịch trên đây, hãy viết đoạn văn( khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: Thanh niên ngày nay nên chọn lí tưởng sống như thế nào? trong đó lưu ý lựa chọn từ ngữ, câu văn phù hợp với ngôn ngữ viết.  **Bài tham khảo:**  Chúng ta không thể biết tương lai cuộc sống có những gì sẽ xảy ra. Chính vì thế, ta hãy sống trọn vẹn hiện tại, sống có ước mơ, lí tưởng để thấy rằng cuộc sống thật tươi đẹp và đáng sống. Vậy thế nào là lí tưởng sống? Lí tưởng sống chính là những suy nghĩ, hành động tích cực của con người, hướng đến những điều tốt đẹp và cao cả. Lí tưởng sống ảnh hưởng quan trọng đến suy nghĩ và hành động của giới trẻ đặc biệt là các bạn thanh niên hiện nay. Người có lí tưởng sống là những người biết phấn đấu, vươn lên trong cuộc sống của mình, nỗ lực hết sức để mong muốn đạt được những thành tựu cho riêng mình. Khi vấp ngã họ không chán nản, buông xuôi mà tìm cách đứng dậy sau vấp ngã để đi tiếp con đường mình đã chọn. Họ cũng là những người biết yêu thương những người xung quanh, luôn muốn lan tỏa những thông điệp tích cực ra xã hội, làm cho xã hội này tốt đẹp hơn. Lí tưởng sống có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc sống con người. Khi chúng ta sống có lí tưởng, biết phấn đấu vươn lên, ta sẽ nhận được thành quả xứng đáng sau những nỗ lực, cố gắng. Ngoài ra, lí tưởng sống còn giúp chúng ta tôi luyện những phẩm chất quý giá: chăm chỉ, cần cù, lạc quan,… Nó cũng khiến chúng ta được người khác yêu thương, tin tưởng và học tập theo. Mỗi người học sinh chúng ta trước hết phải sống có ước mơ, hoài bão, nỗ lực học tập, trau dồi bản thân để thực hiện ước mơ đó. Bên cạnh đó, chúng ta cần sống chan hòa, yêu thương mọi người, bỏ qua cái tôi cá nhân để hướng đến cái ta chung để cống hiến nhiều hơn cho xã hội. Là một người công dân của tổ quốc, chúng ta cần cố gắng trở thành một người tốt, cống hiến những điều tốt đẹp cho xã hội. Quỹ thời gian của con người hữu hạn, chính vì thế, chúng ta hãy sống có ước mơ, lí tưởng để không lãng phí và không phải hối tiếc về sau. |

Ngày soạn…….

Tiết:…………..

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**ÂM MƯU VÀ TÌNH YÊU**

**Si-le (Sile/ Schiller)**

**Thời gian thực hiện: 0.5 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văm bản có nhiều chủ đề.

**2. Về năng lực:**

**2.1 Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, năng lục hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm

**2.2 Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văm bản có nhiều chủ đề.

**3. Về phẩm chất:**

- Trân trọng lẽ sống cao đẹp; có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi và HS suy nghĩ trả lời

**c. Sản phẩm:** Những chia sẻ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV đặt câu hỏi: Hãy kể tên một số vở kịch mà em biết? Điều gì khiến em thích thú với vở kịch đó?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -Học sinh suy nghĩ trả lời  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình.  **B4. Kết luận, nhận định:**  -Từ những chia sẻ của học sinh, GV dẫn dắt vào bài học: *Âm mưu và tình yêu* của nhà văn Friedrich Schiller là một tác phẩm kinh điển trong văn học thế giới. Đoạn kịch *Âm mưu và tình yêu* đã vẽ nên toàn cảnh con người và xã hội trong một thời đại. Những con người nhỏ bé ấy tạo nên những mảng màu đặc sắc và đậm chất riêng biệt. Để hiểu thêm về thế giới ấy, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu đoạn kịch *Âm mưu và tình yêu* của nhà văn Friedrich | -Câu trả lời của học sinh |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu đôi nét về tác giả và văn bản để hỗ trợ cho việc đọc đoạn *kịch Âm mưu và tình yêu*.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ học tập, HS sử dụng SGK và sử dụng kỹ năng đọc lướt để trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: Nêu một số nét cơ bản về tác phẩm: tóm tắt nội dung của đoạn kịch *Âm mưu và tình yêu* và vị trí đoạn trích.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thảo luận  **B3. Báo cáo thảo luận**  -Đại diện 1-2 nhóm trình bày. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. Yêu cầu HS gạch chân những ý chính vào SGK  -GV có thể giới thiệu thêm về tác giả Schiller: -Sile (1759-1805) là kịch tác gia vĩ đại, “viên công tố của toàn nhân loại đã kêu gọi loài người cùng hướng về trời sao”. Cùng với Gớt, Sile là một trong hai ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Đức thế kỷ 18.  -Tác phẩm kịch gồm có: *Những tên cướp* (1780), *Âm mưu và tình yêu* (1784), *Người thiếu nữ ở Orleăng* (1801*), Tinhem Ten* (1804).... Sile đã xây dựng thành công những vở kịch có xung đột dữ dội, những nhân vật, tính cách điển hình thể hiện mãnh liệt khát vọng tự do và tinh thần bất khuất chống cường quyền bạo lực | 1. **Tìm hiểu chung** 2. **Tác giả:**   **- Johann Christoph Friedrich Schiller** (1759–1805), từ 1802 là **von Schiller**, phiên âm **Tiếng Việt** là **Si-le**. Ông là một nhà thơ, nhà viết bi kịch và triết gia người Đức.  - Ông được xem như là nhà viết bi kịch có tầm quan trọng nhất cùng với Goethe, Wieland và Herder; là người đại diện quan trọng nhất của phong trào Văn học cổ điển Weimar.  - Ông được mệnh danh là *"Shakespeare của văn học Đức"*.   1. **Tác phẩm: Âm mưu và tình yêu**   - Là tác phẩm mẫu mực về nghệ thuật bi kịch người Đức. Đoạn trích thuộc Hồi I – Cảnh 1 và Hồi II – Cảnh 2, tác phẩm *Âm mưu và tình yêu* thể hiện hành động đấu tranh bảo vệ tình yêu của Phéc-đi-năng và Luy-dơ.  -Tóm tắt: SGK/129 |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văm bản có nhiều chủ đề.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Âm mưu và tình yêu*.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Âm mưu và tình yêu*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hành động nhân vật, xung đột kich**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu nhóm HS (4-6 em) thảo luận và trả lời câu hỏi số 1 trong SGK/133  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thực hiện yêu cầu, thảo luận và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận**  -GV mời 1-2 nhóm HS đại diện trình bày kết quả chuẩn bị. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi nếu có.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chủ đề và xung đột kịch**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi số 2 SGK/134 bằng hình thức cá nhân.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS suy nghĩ, vận dụng kiến thức đã học và phần chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -GV gọi 1-2 HS trả lời  -Các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi nếu có.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Phân tích một số yếu tố của bi kịch: nhân vật, lời thoại, xung đột, sự kiện,...**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:  Nhóm 1: câu 3 trong SGK/134  Nhóm 2: câu 4 trong SGK/134  Nhóm 3: câu 5 trong SGK/134  Nhóm 4: câu 6 trong SGK/134  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  -GV có thể định hướng HS (nếu cần)  **Câu 3**: HS có thể chọn một trong hai nhân vật để phân tích. Phân tích nhân vật kịch khác với phân tích nhân vật truyện, chủ yếu tập trung phân tích một số biểu hiện của tính cách thông qua hành động (bên ngoài/bên trong) và động cơ thúc đẩy hành động của nhân vật. Riêng đối với nhân vật bi kịch, cần chỉ ra các biểu hiện cho tính chất cái cao hay thấp kém trong bản chất tính cách nhân vật.  **Câu 6**: GV nhắc HS thực hiện các thao tác sau:   1. Nắm vững đặc điểm của nhân vật bi kịch trong phần Tri thức Ngữ văn 2. Đọc lại tóm tắt tác phẩm, lưu ý kết cuộc trong câu chuyện kịch 3. Đọc lại VB kịch ở hai hồi (trích) và suy nghĩ cách trả lời câu hỏi.   Tùy góc nhìn và nội dung của từng hồi, cảnh mà bạn có thể chọn nhân vật và chứng minh nhân vật mang đặc điểm rõ nhất của nhân vật bi kịch là Luy-dơ (Hồi I) hoặc Phéc-đi-năng (Hồi II). Tuy nhiên, nhân vật tiêu biểu nhất cho tính chất bi kịch vẫn là Phéc-đi-năng.  GV hướng dẫn HS dựa vào các đặc điểm sau để giải thích ý kiến:   * Có bản chất tốt đẹp, khát vọng vươn lên và thách thức số phận. * Có những nhược điểm trong hành xử hoặc sai lầm trong đánh giá. * Kết cuộc phải trả giá đắt, thậm chí bằng cả cuộc đời mình và những gì mình trân trọng (dựa vào kết cuộc nêu trong box tóm tắt tác phẩm)   **B3. Báo cáo thảo luận:**  -GV mời các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **Câu 1.**  Bảng a. Những hành động giải bày, khẳng định tình yêu của Luy-dơ trong Hồi 1 – Cảnh 1   |  |  | | --- | --- | | **Tình huống nảy sinh xung đột** | **Hành động của Luy-dơ** | | 1.Luy-dơ từ nhà thờ về nhà, ông Min-le không hài lòng khi biết Luy-dơ chưa thể quên Phéc-đi-năng. | Hồn nhiên bộc lộ nỗi nhớ và mong mỏi được gặp Phéc-đi-năng. | | 2.Ông Min-le dung tình cha con và lời lẽ thiết tha để thuyết phục Luy-dơ phải quên hẳn Phéc-đi-năng, tránh một kết cuộc không tốt. | Hồn nhiên bảo vệ tình yêu của mình với Phéc-đi-năng và cầu mong cha hiểu cho lòng mình; có lúc nàng đồng nhất tình yêu với những gì tốt đẹp nhất mà Chúa có thể ban tặng. | | 3.Luy-dơ dần chìm đắm vào đời sống nội tâm | Mỗi lúc một chìm sâu vào đời sống nội tâm với hình ảnh tiếng nói tưởng tượng. |   Bảng b. Những hành xoay quanh cuộc đáu tranh bảo vệ tình yêu và danh dự của Phéc-đi-năng trong Hồi II – Cảnh 2   |  |  | | --- | --- | | **Tình huống, xung đột** | **Hành động của Phéc-đi-năng** | | 1.Luy-dơ bị đau đớn, ngã ngất bởi sự nhục mạ của Van-te. | Phéc-đi-năng lao đến che chở cho Luy-dơ và tỏ rõ sự căm giận đối với cha mình. | | 2.Luy-dơ và ông bà Min-le bị Tể tướng Van-te uy hiếp, nhục mạ, hô hào nhân viên pháp đình bắt trói, tống giam, treo lên giá nhục hình,… | Phéc-đi-năng kháng cự lệnh của Tể tướng, đâm bị thương nhân viên pháp đình; tuyên bố kháng cự đến cùng và làm mọi cách bảo vệ Luy-dơ; ba lần nêu câu hỏi vừa cầu xin vừa thách thức: “cha vẫn cương quyết không chuyển chăng?”. | | 3.Van-te vẫn “cương quyết không chuyển”. | Phéc-đi-năng tuyên bố sẽ dung đến phương kế của loài ma quỷ: tố giác bí mật tội ác của Tể tướng cho cả thành phố biết. |   Nhận xét:  -Ở bảng a, những hành động giải bày, khẳng định tình yêu của Luy-dơ cho thấy nàng là một hiện thân của một tình yêu rấ mực trong sáng, tha thiết, chân thành. Điều đặc biệt là Luy-dơ trước sau vẫn tỏ ra thánh thiện, kính Chúa, thương yêu cha mẹ và yêu Phéc-đi-năng với tất cả trái tim trinh nữ.  - Ở bảng b, những hành động xoay quanh cuộc đấu tranh bảo vệ tình yêu và danh dự của Phéc-đi-năng cho thấy chàng là một chàng sĩ quan cương nghị, trọng danh dự, sẵn sang làm tất cả để bảo vệ tình yêu và công lí.  - Mâu thuẫn – xung đột kịch:  Xung đột giữa người cha – viên tể tướng, là điển hình của tầng lớp quý tộc phong kiến già cỗi, tàn bạo, đề cao địa vị và quyền lực **><** người con – Phéc-đi-năng, là điển hình cho tầng lớp quý tộc và tư sản tiến bộ, giàu lí tưởng, trung thực.   * Đây là xung đột giữa cái ác và cái thiện, cao hơn là xung đột giữa ý thức hệ phong kiến lỗi thời, trì trệ với ý thức hệ của các lực lượng tiên tiến trong thế kỉ ánh sáng.   **Câu 2.**  - Nhan đề Âm mưu và tình yêu thâu tóm chủ đề của vở kịch. Chủ đề này bao gồm hai chủ đề nhỏ: chủ đề “âm mưu” và chủ đề “tình yêu”. Trong vở kịch, hai chủ đề nhỏ này gắn liền và bổ sung cho nhau; song, tùy theo các tổ chức kịch bản và ý đồ nghệ thuật của tác giả, hai chủ đề nêu trên được thể hiện trong các hồi, các cảnh với mức độ đậm nhạt khác nhau.  - Trong Âm mưu và tình yêu, Hồi I – Cảnh 1 (trích) tập trung vào chủ đề tình yêu; Hồi II – Cảnh 2 (trích) thể hiện cả chủ đề “tình yêu” và chủ đề “âm mưu”: âm mưu hủy hoại tình yêu, còn tình yêu thì bất khuất trước âm mưu. Đó là sự khác nhau trong cách triển khai chủ đề. Các chủ đề dù khác nhau nhưng vẫn liên hệ mật thiết trong quan hệ nhân quả và tiếp nối.  - Chủ đề ở Hồi I – Cảnh 1 chuẩn bị cho chủ đề ở Hồi II – Cảnh 2. Tình yêu được thể hiện ở Hồi 1 – Cảnh 1 càng trong sáng, tha thiết, chân thành thì âm mưu ở Hồi II – Cảnh 2 càng bỉ ổi, xung đột phát triển càng  gay gắt, căng thẳng,...  **Câu 3**  - Phéc-đi-năng (hiện thân cho cái cao cả) có những nét tính cách nổi bật như: có tình yêu mãnh liệt, chân thành; trọng danh dự; có ý chí đấu tranh; quyết liệt bảo vệ tình yêu và sự công bằng;...Những nét tính cách ấy được thể hiện qua việc Phéc-đi-năng cãi lại, thậm chí muốn cầm kiếm lên chiến đấu với cha để bảo vệ và cứu người chàng yêu. Tính cách của thiếu tá Phéc-đi-năng xung khắc mạnh mẽ với tính cách của tể tướng Phôn Van-te  - Tể tướng Phôn Van-te (hiện thân cho cái thấp kém), có thể chỉ ra một số nét tính cách như: có âm mưu đen tối, ích kỉ, đê hèn; hành động, nói năng ngang ngược, ngạo mạn; để đạt được mục đích riêng, sẵn sàng chà đạp, xúc phạm nhân cách của người khác,... tính cách của tể tướng Phôn Van-te xung khắc mạnh mẽ với tính cách của Phéc-đi-năng  => Nguyên nhân dẫn đến xung đột giữa hai nhân vật là người cha – Phôn Van-te ngăn cấm và châm biếm tình yêu của người con – Phéc-đi-năng.  **Câu 4.**  - Nhân vật Luy-dơ hiện lên trong vở kịch với những nét tính cách nổi bật: yêu Phéc-đi-năng tha thiết; có niềm tin mãnh liệt vào tình yêu, người yêu; có tâm hồn thánh thiện, một lòng tin yêu cha mẹ và kính Chúa; số phận ngang trái, bị tể tướng – cha của người yêu đối xử thô bạo, tàn độc,…  - Diễn biến tâm lí của Luy-dơ tinh tế và phức tạp vì hiểu được số phận và tình yêu ngang trái trong hoàn cảnh oái ăm. Điều này được tác giả thể hiện qua cử chỉ, hành vi và qua đối thoại, độc thoại của Luy-dơ. (GV và HS có thể chọn phân tích một số lời thoại). => Qua diễn biến tâm lí, ngôn ngữ đối thoại, cử chỉ và hành động của Luy-dơ cho thấy cô là người thuộc phái yếu trong xã hội, là người yếu đuối và nhu nhược nhưng vẫn luôn giữ tình yêu thủy chung với Phéc-đi-năng.  **Câu 5.**  - Ngôn ngữ kịch chủ yếu là ngôn ngữ (đối thoại, độc thoại,…) của nhân vật, là ngôn ngữ biểu đạt hành động (bên trong và bên ngoài), kết hợp một cách chọn lọc với các chỉ dẫn sân khấu (của tác giả). Ngôn ngữ kịch trong *Âm mưu và tình yêu* cũng mang những đặc điểm trên nhưng đặc biệt giàu kịch tính, tạo tương tác qua lại và dẫn dắt xung đột kịch phát triển mau lẹ, hợp lí.  - Chẳng hạn ở Hồi I – Cảnh 1, trên sân khấu xuất hiện 3 nhân vật, có cả bà Mi-le và Luy-dơ nhằm tập trung thể hiện sự bất công sâu sắc giữa hai cha con. Trong đó, các lời thoại của ông Mi-le thường ngắn và có vai trò tạo cơ hội để Luy-dơ giãi bày tâm tình sâu kín cũng như quan niệm về tình yêu của mình, đồng thời tự bênh vực cho tình yêu ấy. Ngôn ngữ kịch dù vẫn thể hiện mâu thuẫn xung đột cần có, báo hiệu về một kết cuộc ngang trái, song vẫn thấm đẫm tính trữ tình. Đến Hồi II – Cảnh 2, ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật lại khác hẳn: đó đúng là một cuộc đấu khẩu dựa trên sự va đập quyết liệt trong tính cách của hai cha con Van-te và Phéc-đi-năng.  - Điều đó cho thấy sự đa dạng, linh hoạt trong cách xây dựng ngôn ngữ kịch của tác giả: hai kiểu kịch tính khác nhau được thể hiện bằng ngôn ngữ kịch mang đặc điểm, tính chất khác nhau. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văm bản có nhiều chủ đề.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu đặc điểm của thể loại bi kịch

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**   1. Trong văn bản trên, nhân vật nào mang đặc điểm rõ nhất của nhân vật kịch? Căn cứ vào đâu để bạn kết luận như vậy? 2. Nêu một số dấu hiệu giúp bạn nhận biết phần văn bản trên thuộc thể loại bi kịch.   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy trên giấy A0.  -GV trình bày sản phẩm của HS bằng kĩ thuật phòng tranh  **B3. Báo cáo thảo luận**  -HS cả lớp đi xem “triễn lãm” và có thể có ý kiến bình luận hoặc bổ sung  -HS khác đánh giá, nhận xét qua việc bình chọn sản phẩm mình ấn tượng  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, góp ý, đánh giá. | **Câu 6.**  Trong văn bản trên, nhân vật Thiếu tá Phéc-đi-năng là nhân vật mang đặc điểm rõ nhất của nhân vật bi kịch. Thông qua tình huống truyện, có thể thấy Phéc-đi-năng là nhân vật có xuất thân quyền quý, chàng đã dung cảm và ngoan cuồng chống lại bạo quyền vì khát vọng tự do và hạnh phúc. Nhân vật này sẵn sàng hi sinh cả bản thân mình, thà chết cùng người mình yêu chứ không chịu khuất phục trước sự ngăn cấm của người cha.  **Câu 7.**  - Bi kịch là thể loại kịch tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa những khát vọng cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại, dẫn tới sự thảm bại hay cái chết của nhân vật.  → Trong Âm mưu và tình yêu, bi kịch giữa khát vọng cao đẹp của con người chính là khát vọng được yêu, được bên cạnh người mình yêu của Phéc-đi-năng và Luy-đơ ><  tình thế bi đát của thực tại: sự ngăn cấm của người cha Tể tưởng vì cho rằng tình yêu của họ là không cân xứng, không môn đăng hộ đối.  - Xung đột bi kịch: Phéc-đi-năng sẵn sàng tự tay giết chết người mình yêu và tự sát hoặc đâm vào tể tướng chỉ để đấu tranh cho tình yêu chân chính của mình. Trước bạo quyền của người cha, Phéc-đi-năng vẫn một mực chống trả, đấu tranh để đòi lại tự do và hạnh phúc của mình. Bạo quyền đã bị đánh gục chỉ bằng một câu nói của Phéc-đi-năng. |

## Ngày soạn………..

Tiết:…………..

## **PHẦN 3: DẠY VIẾT**

## **VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (KỊCH BẢN VĂN HỌC) HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BỘ PHIM)**

## **(Thời gian thực hiện: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực tiếp thu, nhận diện kiểu bài.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Ti vi, bảng nhóm, Phiếu học tập,

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**2. Học liệu:** powerpoint, bảng kiểm, giáo án,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Em có yêu thích một bài thơ nào không? Hãy đọc bài thơ đó? Điều gì khiến em ấn tượng về bài thơ? Hay em có thích một bộ phim nào không? Kể sơ lược nội dung bộ phim? Em ấn tượng điều gì trong bộ phim đó?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe câu hỏi của GV, suy nghĩ để trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá.  - GV dẫn vào bài học: *Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu kiểu bài và cách viết dạng bài:* **Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật** | **- Câu trả lời của HS** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc mục *Tri thức về kiểu bài* và thể hiện lại bằng sơ đồ tư duy. (xem lại yêu cầu đối với kiểu bài ở bài 3: *Khát khao đoàn tụ)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, đọc mục Tri thức về kiểu bài, thể hiện lại bằng sơ đồ tư duy *(Phiếu học tập số 1)*    **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày sơ đồ tư duy trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức kiểu bài**  **1. Kiểu bài**  *Nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc bộ phim là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và một số nét nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm văn học (kịch bản VH) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bộ phim) đó.*  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài**  - Về nội dung:  Nêu và nhận xét được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của *tác phẩm văn học hoặc bộ phim* dựa trên những lí lẽ xác đáng và bằng chứng tiêu biểu, hợp lí lấy từ tác phẩm.  - Về hình thức:  Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết văn bản và kết hợp các thao tác lập luận hợp lí.  - Bố cục bài viết gồm 3 phần:   * Mở bài: giới thiệu vấn đề nghị luận (tên *tác phẩm văn học hoặc bộ phim,* tác giả; khái quát nội dung chính…), hoặc nêu định hướng của bài viết. * Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm để làm nổi bật những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật; đưa ra lí lẽ và bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. * Kết bài: khẳng định ý kiến về giá trị của tác phẩm hoặc nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc/người nghe. |

**Nội dung 2: Phân tích ngữ liệu tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về ngữ liệu tham khảo.

**c. Sản phẩm học tập:** Kiến thức HS nắm được về đặc điểm văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc VB tham khảo trong SGK **Xung đột trong bi kịch Vũ Như Tô, Ám ảnh nước trong Mùa len trâu**  - GV lưu ý HS đọc bài viết lẫn các thông tin chỉ dẫn kèm theo; nhắc các em khi đọc, phải làm sao vừa bao quát toàn VB, vừa nắm bắt các chi tiết cụ thể về ý tưởng lẫn cách thức nghị luận.  - GV yêu cầu 3 nhóm sau khi đọc xong VB tham khảo, thảo luận để trả lời 3 câu hỏi ở cuối mỗi VB. (nhóm 1,2,3 trả lời văn bản **Xung đột trong bi kịch Vũ Như Tô, nhóm 4,5,6** trả lời văn bản **Ám ảnh nước trong Mùa len trâu.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm nghe yêu cầu của GV, đọc VB và thảo luận để trả lời câu hỏi cuối VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. | **II. Phân tích ngữ liệu tham khảo**  **Phân tích kiểu văn bản Xung đột trong bi kịch Vũ Như Tô**  **Câu 1**  - Vấn đề nghị luận: xung đột trong bi kịch của Vũ Như Tô.  **Câu 2**  Người viết đã đưa ra những lí lẽ, bằng chứng sau:  - Lí lẽ 1: Vũ Như Tô, nghệ sĩ tài trời đã ngoại tứ tuần mà chưa làm nên sự nghiệp, đứng trước ngã rẽ: hoặc là từ chối thiên chức hoặc là tự sát hoặc là tuân lệnh và mượn tay Lê Tương Vục để thực hiện mộng lớn.  + Ông đòi vua của mình toàn quyền làm việc, kẻ nào tái lệnh chém bêu đầu. Công trình với năm vạn thợ bên trong và mười vạn thợ bên ngoài được so sánh với cuộc chiến tranh nước ngoài.  + Thể hiện ý kiến về hình tượng nước trong phim thông qua tác phẩm và giá trị hiện thực của người đạo diễn.  + Cái quyền sống của nhân dân bị hi sinh không thương tiếc trong cuộc chiến ấy được phát lên thành nhiều lần và từ nhiều miệng…  + …  - Lí lẽ 2: Nếu quan niệm hoạt động sáng tạo là sự thực hiện mệnh lệnh của cái đẹp và việc bảo vệ quyền sống và các quyền chính đáng khác của con người là sự thực hiện mệnh lệnh của cái thiện., thì trước chúng ta là cuộc xung đột khốc liệt giữa cái đẹp và cái thiện.  **Câu 3 (trang 136 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):**Bạn rút ra được lưu ý gì khi viết văn bản nghị luận về một vở bi kịch từ văn bản trên?  **Trả lời:**  - Khi viết văn bản nghị luận về một vở kịch cần lưu ý:  + Nêu được vấn đề cần nghị luận.  + Đưa ra các dẫn chứng, lí lẽ phù hợp, chính xác.  + Khẳng định lại luận đề sau khi phân tích.  **\* Phân tích kiểu văn bản Ám ảnh nước trong Mùa len trâu**  **Câu 1**  - Vấn đề nghị luận trong văn bản là: Nước trở thành hình tượng xuyên suốt Mùa len trâu, thành một thứ ngôn ngữ phim truyện riêng, độc đáo.  **Câu 2**  - Người viết trích dẫn ý kiến của Nguyễn Võ Nghiêm Minh, đạo diễn phim Mùa len trâu và nhiều lần liên hệ đến tập truyện Hương rừng Cà Mau của Sơn Nam nhằm dụng ý:  + Đưa dẫn chứng cụ thể để làm rõ và xác thực quá trình chuyển thể từ truyện sang phim  + Thể hiện ý kiến về hình tượng nước trong phim thông qua tác phẩm và giá trị hiện thực của người đạo diễn.  **Câu 3**  - Giống: Nội dung và hình thức của 1 kịch bản văn học hoặc một tác phẩm phim truyện đều có nhiều khía cạnh, vấn đề có thể gợi lên một hay nhiều vấn đề cần bàn luận.  - Khác nhau:  + Văn bản nghị luận về một kịch bản văn học:  Nội dung chính: xung đột bi kịch và hành động trong bi kịch. Từ xung đột, cốt truyện và hành động của các nhân vật chính → Gửi gắm thông điệp về xã hội, vấn đề.  + Văn bản nghị luận về một tác phẩm phim truyện:  Nội dung chính thể hiện qua hình ảnh và hành động của nhân vật vì vậy ít chi tiết hơn là ngôn ngữ trong kịch. |

**Nội dung 3: Thực hành viết**

**a. Mục tiêu:** HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật theo quy trình.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi GV đặt ra và thực hành viết theo quy trình.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và bài văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phân nhóm, HS đọc lướt hướng dẫn chuẩn bị viết và thảo luận  + Nên lựa chọn tác phẩm kịch/ phim hoặc trích đoạn kịch/ phim như nào?  + Tác phẩm có thể có bao nhiêu khía canh/vấn đề nghị luận?  + Chọn vấn đề nào của tác phẩm để nghị luận?  - Gv hướng dẫn HS cách thực hiện các bước và HS vận dụng vào đề bài.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, thảo luận nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn rút ra kết luận.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -Sau khi HS nắm được các bước viết bài, GV giao đề bài cho HS bằng cách đọc to yêu cầu và ghi lên bảng: *Câu lạc bộ Văn học – Nghệ thuật của trường bạn tổ chức cuộc thi viết về Tác phẩm sân khấu – điện ảnh tôi yêu. Để tham gia, hãy viết văn bản nghị luận nhận xét về nội dung và hình thức nghệ thuật của một kịch bản văn học hoặc bộ phim mà bạn yêu thích.*  - GV yêu cầu HS theo dõi SGK/138 để nắm bố cục chung của kiểu bài, So sánh ngữ liệu Xung đột trong bi kịch “Vũ Như Tô” và “Ám ảnh nước trong “Mùa len trâu” để thấy sự khác biệt trong cách triển khai các luận điểm nghị luận về một kịch bản văn học và nghị luận về một bộ phim.  - GV yêu cầu HS lập dàn ý (hoàn thành phiếu học tập số 2)    - Thực hành viêt mở bài, kết bài  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Đại diện nhóm trình bày dàn ý, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - HS xem lại và chỉnh sửa bài viết của nhóm, nhận xét bài viết của các nhóm khác trong lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá. | **III. Thực hành viết**  **Đề bài (trang 137 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):**  Câu lạc bộ Văn học – Nghệ thuật của trường bạn tổ chức cuộc thi viết về Tác phẩm sân khấu – điện ảnh tôi yêu. Để tham gia, hãy viết văn bản nghị luận nhận xét về nội dung và hình thức nghệ thuật của một kịch bản văn học hoặc bộ phim mà bạn yêu thích.  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  Khi xác định đề tài, nên lựa chọn tác phẩm kịch/ phim hoặc trích đoạn kịch/ phim có chủ đề rõ ràng, nội dung và hình thức nghệ thuật đặc sắc, có độ dài vừa phải để phân tích.  • Nếu lựa chọn giới thiệu tác phẩm kịch, bạn có thể chọn một trong các văn bản như: Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích Vũ Như Tô); Sống hay không sống – đó là vấn đề (trích Hăm-lét); Âm mưu và tình yêu (trích Âm mưu và tình yêu);... hoặc một kịch bản văn học đã đọc.  • Nếu lựa chọn giới thiệu một bộ phim, bạn nên chọn tác phẩm có đề tài gần gũi và phù hợp với lứa tuổi, có giá trị nghệ thuật cao (được các tạp chí chuyên ngành đánh giá cao, đạt các giải thưởng phim có uy tín trong nước hoặc quốc tế). Nếu bộ phim chuyển thể từ tác phẩm văn học, bạn nên tìm đọc tác phẩm để có thể so sánh kịch bản và nguyên tác.  • Nội dung, hình thức của một kịch bản văn học/ bộ phim thường có nhiều khía cạnh/vấn đề, mỗi khía cạnh/vấn đề có thể gọi lên một hay nhiều vấn đề cần bàn luận. Trong khuôn khổ một bài nghị luận ở lớp 11, khó có thể phân tích đánh giá toàn diện về mọi mặt của tác phẩm, do vậy chỉ nên chọn nghị luận về một khía cạnh, vấn đề cụ thể. Chẳng hạn: với bi kịch Vũ Như Tô, bạn có thể tập trung vào xung đột bi kịch (như Ngữ liệu tham khảo 1); với phim Mùa len trâu chỉ tập trung vào hình ảnh nước (như Ngữ liệu tham khảo 2).  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Dựa vào bố cục chung về kiểu bài dưới đây để lập dàn ý:  IMG_256  So sánh ngữ liệu Xung đột trong bi kịch “Vũ Như Tô” và “Ám ảnh nước trong “Mùa len trâu” để thấy sự khác biệt trong cách triển khai các luận điểm nghị luận về một kịch bản văn học và nghị luận về một bộ phim.  **Bước 3: Viết bài**  **Bài văn tham khảo:**         Nguyễn Huy Tưởng một nhà tri thức giàu lòng yêu nước, nổi bật với thiên hướng khai thác đề tài lịch sử đặc biệt là kịch lịch sử. Là một con người yêu nước, yêu mến trân trọng lịch sử dân tộc nên các tác phẩm của ông được nhân dân đón nhận. Tác phẩm “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” là một tác phẩm thành công khi ông khắc họa rõ nhân vật Vũ Như Tô. Vũ Như Tô là một người tài giỏi, yêu nước muốn cống hiến cho quê hương đất nước nhưng lại hơi mù quáng với hoài bão của mình.  Vũ Như Tô là nhà kiến trúc sư chân chính, tài giỏi có tài “Tranh tinh xảo với hóa công”. Ông đã xây dựng được nhiều công trình kiến trúc tuyệt mĩ có tiếng đến vua quan và bị Lê Tương Dực bắt xây dựng Cửu Trùng Đài - nơi để vui chơi, hưởng lạc với cung nữ. Vốn là con người chín chắn, gắn bó với nhân dân dù bị ép buộc, dọa giết nhưng ông quyết không đem tài năng cống hiến cho hôn quân. Sau khi được cung nữ Đan Thiềm - con người ham mê cái đẹp của nghệ thuật thuyết phục lợi dụng tiền của và quyền lực vua chúa để xây dựng cho đất nước tòa lâu đài vĩ đại cho dân ta “nghìn thu còn hãnh diện” nên ông mới đồng ý làm nên Cửu Trùng Đài.  Vũ Như Tô là con người có khát vọng nghệ thuật chân chính xuất phát từ thiên lương của một nghệ sĩ yêu mến cái đẹp và từ tấm lòng của người con yêu nước muốn đem tài năng cống hiến, điểm tô cho vẻ đẹp dân tộc nhưng đáng tiếc thay con người ấy, tài năng ấy lại đặt không đúng nơi, đúng thời và xa rời thực tế khi chà đạp lên tính mạng và quyền lợi của nhân dân. Để rồi cha đẻ của Cửu Trùng Đài phải trả giá bằng tính mạng cho đứa con tinh thần.  Khát vọng của Vũ Như Tô có phần chính đáng, cao đẹp, xuất phát từ thiên chức của người nghệ sĩ, từ lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Nhưng, khát vọng nghệ thuật ấy đã đặt nhầm chỗ, lầm thời. Giai cấp thống trị lúc đó quá xa hoa, thối nát, nhân dân đói khổ vì sưu thuế và xa thực tế dần. Vũ Như Tô đã phải trả giá bằng sinh mệnh của bản thân và cả công trình nghệ thuật.  **Bài 4: Xem lại và chỉnh sửa**  Khi tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng viết kiểu bài này, bạn sử dụng mẫu bảng kiểm nên ở Bài 3. Khát khao đoàn tụ, có thể điều chỉnh một số tiêu chí cho phù hợp với đặc điểm của kiểu bài nghị luận về một kịch bản văn học hoặc một bộ phim. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS hoàn thành bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**b. Nội dung:** HS tiếp tục viết bài văn văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài viết.  - GV lưu ý HS:  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp tục hoàn thành bài viết. GV quan sát lớp, hỗ trợ HS.  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 1 – 2 HS đọc một số đoạn văn phần thân bài trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá. | * Cách thức tiến hành viết bài như đã thực hiện khi viết bài văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật. * Tập trung phân tích, đánh giá sức biểu cảm của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật * Nêu rõ ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về những nét đặc sắc của văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật * Làm sáng tỏ các ý kiến nhận xét, đánh giá về chủ đề và nghệ thuật bằng việc trích dẫn các hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân. HS viết được bài nghị luận một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật khác.

**b. Nội dung:** HS viết hoàn chỉnh văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết hoàn chỉnh của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS chỉnh sửa, kiểm tra lại bài văn theo bảng kiểm.  - Thực hiện ở nhà, sửa bài ở tiết sau.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, tiếp nhận yêu cầu của GV  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV một số HS nhận xét bài của một số học sinh. (tiết học sau)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá. | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt | | Mở bài | Giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật(tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...). |  |  | | Nêu nội dung khái quát cần nghị luận |  |  | | Thân bài | Xác định chủ đề, đề tài tác phẩm |  |  | | Phân tích, đánh giá chủ đề tác phẩm |  |  | | Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật, nội dung tác phẩm. |  |  | | Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật |  |  | | Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật |  |  | | Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm. |  |  | | Kết bài | Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật |  |  | | Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật |  |  | | Kĩ năng trình bày, diễn đạt | Sắp xếp luận điểm (lí lẽ và bằng chứng) hợp lí. |  |  | | Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc. |  |  | | Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng đúng yêu cấu của kiểu bài. |  |  | | Sử dụng được các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ. |  |  | |

**4. Củng cố:**

**5. \* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn lại bài *Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật*

+ Soạn trước bài ***Nói và nghe.***

Ngày soạn:…….

Tiết: …

**PHẦN: DẠY NÓI VÀ NGHE**

**GIỚI THIỆU MỘT KỊCH BẢN VĂN HỌC HOẶC MỘT BỘ PHIM THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Biết giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học/một bộ phim

- Nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

**2. Về năng lực:**

Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

***3.* Phẩm chất**

- Biết trân trọng những sáng tác của các tác giả.

- Trung thực khi giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một kịch bản văn học/một bộ phim.

- Trung thực khi nghe, nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người khác.

- Bồi đắp tình yêu văn học, nghệ thuật; nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Xem video**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chiếu cho HS xem một đoạn phim ngắn/1 vở kịch/ 1 bộ phim điện ảnh chuyển thể từ kịch bản văn học (VD: Romeo và Juliet, phần đoạn trích đọc hiểu). Yêu cầu HS theo dõi, sau khi xem xong bộ phim sẽ nêu ấn tượng về bộ phim.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**-** HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ.

**-** GV động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời một số HS trình bày ý kiến.

- Các HS khác góp ý, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm học tập của HS:

- Bộ phim cho chúng ta thấy được điều gì?

- Giúp chúng ta nhận ra tình yêu, sức mạnh của tình yêu có thể chiến thắng mọi hận thù....

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**GV dẫn vào nội dung bài học:**

Cũng như khi xem một bộ phim, chúng ta có thể đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá về bộ phim đó. Khi đọc một kịch bản văn học, ta cũng có thể đưa ra những ý kiến phân tích và nhận xét của mình về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm kịch đó. Tức là chúng ta giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một kịch bản văn học/ một bộ phim mà chúng ta đã xem.

Vậy quy trình giới thiệu, đánh giá về một bộ phim hay một tác phẩm kịch như thế nào, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học nói và nghe hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được các bước tiến hành bài nói nghe *Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.*

**b. Nội dung:** HS dựa vào gợi ý SGK để trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01: CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  **GIỚI THIỆU MỘT KỊCH BẢN VĂN HỌC HOẶC MỘT BỘ PHIM**  **THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN**  **Tên Vở kịch hoặc Bộ phim (đề tài):……………………………………………**  **HS thực hiện:……………………………………………**  **\*Xác định mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói**  Tôi thực hiện bài nói này nhằm mục đích:…………………………………..  Người nghe là:…………………………………………………………………  Không gian, thời gian nói:…………………………………………………….  Tôi sẽ chọn cách thuyết trình:…………………………………………………  **\*Tìm ý:**  1. Tên tác phẩm/ tác giả/ tên NXB/ năm xuất bản: (Đạo diễn, Biên kịch, năm sản xuất phim, của nước nào) ……………………………………………………………………………………  2. Một số ý về nhân vật, cốt truyện:…………………………………………….  3. Chủ đề, thông điệp của vở kịch/bộ phim………………………………….  4. Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc, tác dụng của chúng: ………………  5. Nhận xét, đánh giá về vở kịch/bộ phim:……………………………………………….  \***Lập dàn ý:**   |  | | --- | | **Giới thiệu về một kịch bản văn học hoặc một bộ phim theo lựa chọn cá nhân:** | | - Thông tin về tác phẩm, tác giả, bối cảnh:…………………………………..  - Tóm tắt cốt truyện (mâu thuẫn, sự kiện gắn với các nhân vật chính, cách giải quyết mâu thuẫn):…………………………………………………………….  - Nêu những điểm nổi bật về nghệ thuật theo đặc trưng thể loại kết hợp với các bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm để chứng minh:…………………………  - Nêu chủ đề, thông điệp:……………………………………………………... | | - Nêu ý kiến nhận xét, đánh giá khái quát về nội dung và nghệ thuật: ………………… |   **\*Luyện tập:**  - Những cách trình bày bài nói hấp dẫn:…………………………………………….  - Dự kiến phần mở đầu:……………………………………………………….  - Dự kiến phần kết thúc:………………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Chuẩn bị nói**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** **Bước 1 Chuẩn bị** **nói** gồm những thao tác nào?  - GV hướng dẫn HS hoàn thành **Phiếu học tập 01** để chuẩn bị cho bài nói.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS hoàn thiện **Phiếu chuẩn bị bài nói** (Phiếu học tập 01)  + GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức | **1. Bước 1: Chuẩn bị nói**  - Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói.  - Tìm ý và lập dàn ý.  - Luyện tập.  - Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ cho bài thuyết trình (máy chiếu, tranh ảnh,…) |
| **Thao tác 2: Trình bày nói**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** Chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm lần lượt trong thời gian 01 phút nêu ít nhất một cách thức để làm cho bài nói trở nên hấp dẫn, thú vị; nhóm nào đến giây cuối cùng vẫn nêu được ý tưởng không trùng lặp với ý trước đó thì là nhóm thắng cuộc.  - GV yêu cầu HS rút ra:  + *Theo em, để bài nói thuyết phục người nghe, em cần lưu ý gì khi trình bày bài nói?*  *+ Khi trao đổi với người nghe, em cần lưu ý điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **2. Bước 2: Trình bày bài nói**  \***Lưu ý khi trình bày bài nói:**  - Dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị trước, có thể sử dụng thêm giấy nhớ để ghi chú ngắn gọn nội dung trình bày dưới dạng từ, cụm từ.  - Trình bày bài nói từ khái quát đến cụ thể: từ tóm tắt hệ thống ý của bài nói rồi đi vào từng phần:  + Giới thiệu tên và nội dung vở kịch/ bộ phim.  + Giới thiệu những điểm nổi bật về nghệ thuật, chủ đề, thông điệp của vở kịch/ bộ phim.  + Nhận xét, đánh giá kịch bản văn học/ bộ phim.  - Đưa ra các lí lẽ và bằng chứng tin cậy (trích từ văn bản).  - Sử dụng ngữ điệu linh hoạt, cử chỉ phù hợp, kết hợp sử dụng một số hình ảnh trực quan (nếu có).  - Di chuyển hợp lí trong không gian nói để có tương tác với người nghe, kết hợp tương tác bằng ánh mắt,… |
| **Thao tác 3: Trao đổi, đánh giá**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Theo em, nhiệm vụ của người nói trong bước trao đổi, đánh giá là gì?  - Đọc bảng kiểm (phía dưới) để tìm hiểu các tiêu chí đánh giá kĩ năng giới thiệu, một kịch bản văn học/bộ phim, xác định những vấn đề chưa rõ cần được giải thích thêm. Bảng kiểm này nên được sử dụng như thế nào cho hiệu quả?  - GV yêu cầu HS đặt câu hỏi về những nội dung các em chưa rõ trong quy trình nói.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận về những lưu ý cần thực hiện khi giới thiệu kịch bản văn học/bộ phim  - Giải đáp câu hỏi của HS (nếu có). | **3. Bước 3: Trao đổi, đánh giá**  \* **Trao đổi:**  **-** Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.  - Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.  \* **Đánh giá**: Dựa vào bảng kiểm GV cung cấp, hãy tự đánh giá phần trình bày của chính mình và góp ý cho bạn. |

**Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu một kịch bản văn học/một bộ phim**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| ***Mở đầu*** | - Lời chào ban đầu và lời tự giới thiệu. |  |  |
| - Giới thiệu kịch bản văn học/một bộ phim: tên tác phẩm, tác giả (đạo diễn, biên kịch), xuất xứ: … |  |  |
| - Nêu khái quát về nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính). |  |  |
| ***Nội dung chính*** | - Trình bày ý kiến đánh giá về chủ đề của tác phẩm. |  |  |
| - Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của tác phẩm. |  |  |
| - Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm. |  |  |
| - Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của người nói về tác phẩm. |  |  |
| - Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm. |  |  |
| ***Kết thúc*** | - Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm. |  |  |
| - Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe. |  |  |
| - Cảm ơn và chào kết thúc. |  |  |
| ***Kĩ năng trình bày, tương tác với nghe*** | - Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói. |  |  |
| - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói. |  |  |
| - Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày. |  |  |
| - Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

**Bảng kiểm kĩ năng nghe giới thiệu một kịch bản văn học/một bộ phim**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Chuẩn bị nghe** | Dự kiến những điều muốn trao đổi về kịch bản văn học/một bộ phim. |  |  |
| Đọc (xem) tác phẩm, tìm hiểu những tài liệu liên quan, chủ đề bài nói. |  |  |
| Chuẩn bị bút, giấy đề ghi chép. |  |  |
| **Lắng nghe và ghi chép** | Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ. |  |  |
| Ghi chép tóm tắt đánh giá của người nói về kịch bản văn học/một bộ phim |  |  |
| Ghi lại câu hỏi về những điều chưa rõ trong khi nghe. |  |  |
| **Trao đổi, nhận xét, đánh giá** | Xác nhận lại quan niệm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân. |  |  |
| Nhận xét, đánh giá những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói. |  |  |
| Khẳng định sự đồng tình với ý kiến, quan điểm của người nói. |  |  |
| Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất với quan điểm của người nói. |  |  |
| Nhận xét về cách trình bày bài nói. |  |  |
| **Thái độ và ngôn ngữ** | Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá. |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói. |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 02: THỰC HÀNH NGHE**  **CUỘC THI: *NGƯỜI THUYẾT TRÌNH VỀ TRUYỆN/ KỊCH HAY NHẤT***  **(Thời gian………….. Địa điểm…………………..)**  Tên kịch bản văn học/bộ phim: …………………………………………………………………..  Người thực hiện nói:: ………………………………………………………………  **CHUẨN BỊ NGHE**  \*Những điều tôi tìm hiểu về kịch bản văn học/bộ phim mà người nói sẽ trình bày:  ………………..……………………………………………………………  ………………..……………………………………………………………  **LẮNG NGHE VÀ GHI CHÉP**   |  |  | | --- | --- | | Các thông tin chính của bài nói (*các từ khoá, ý chính*) | Nội dung ghi chép  *(ghi chép, diễn giải nội dung của thông tin chính)* | | - Ý kiến 1………………  - Ý kiến 2……………… | …………………………….  ……………………………... |   **TRAO ĐỔI VỚI NGƯỜI NÓI**  1. ……………………………………………………………………………  2. ……………………………………………………………………………  3. ……………………………………………………………………………….  **NHẬN XÉT VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC BÀI NÓI**  (Dựa vào bảng kiểm GV cung cấp)  1. Về nội dung bài nói……………………………………………………………  ………………..…………………………………………………………………..  2. Về hình thức bài nói……………………………………………………………  ………………..…………………………………………………………………..  **KINH NGHIỆM RÚT RA CHO BẢN THÂN SAU KHI THAM GIA BUỔI TOẠ ĐÀM**  ………………..…………………………………………………………………..  ………………..…………………………………………………………………..  ………………..………………………………………………………………….. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng các kĩ năng nói và nghe vào thực hành nói giới thiệu kịch bản văn học/bộ phim; thực hành nghe và năm bắt ý kiến, quan điểm của người nói, nhận xét và đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

**b. Nội dung:** HS thực hành nói và nghe dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học, có chỉnh sửa sau khi tìm hiểu quy trình nói và nghe.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, phần nhận xét và đánh giá bài nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GV tổ chức cuộc thi:**  ***Người thuyết trình về một kịch bản/bộ phim hay nhất***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần giới thiệuvề một kịch bản/bộ phimcủa các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.  (GV có thể để HS tự nguyện đăng kí nội dung thuyết trình trước tiết học. MC lên danh sách những người tham gia thuyết trình, thông báo các đề tài đã đăng kí trước tiết học để các HS khác tìm hiểu trước tiết nói – nghe.)  HS có thể giới thiệu, đánh giá về các phương diện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện/ kịch hoặc chỉ tập trung vào một phương diện hoặc vấn đề nổi bật.  HS được tự do lựa chọn tác phẩm và đăng kí trước tiết học.  - GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và những chú ý khi thực hiện bài nói và lắng nghe sản phẩm.  - GV quy định rõ thời gian cho mỗi bài giới thiệu để HS không phải trình bày quá nhiều nội dung, tạo điều kiện cho nhiều HS được nói và có thể nói kĩ, nói sâu về một vài ý mà HS thực sự quan tâm, hứng thú.  - GV thông qua các hạng mục giải thưởng: *Bài giới thiệu hay nhất, Bài giới thiệu sáng tạo nhất, Bài giới thiệu được khán giả bình chọn, Câu hỏi hay nhất,…*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**  **-** MC dẫn chương trình.  - Lần lượt các HS (đã đăng kí thuyết trình) lên trình bài bài giới thiệuVở kịch/Bộ phimmà mình tự chọn.  - Những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm kĩ năng nói và bảng kiểm kĩ năng nghe (mẫu phía trên)  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:**  - Sau phần nói của mỗi HS, MC mời1 – 2 HS thực hiện phần trao đổi, nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người nói.  Các HS khác quan sát, nhận xét cách thức thực hiện trao đổi, nhận xét, đánh giá của bạn mình theo các tiêu chí trong bảng kiểm.  - Sau tất cả các phần thuyết trình của các HS, tiến hành bình chọn và trao các hạng mục giải thưởng.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV khen ngợi HS về khả năng giới thiệu, đánh giá sâu sắc, sáng tạo của HS về nội dung và nghệ thuật của Vở kịch/Bộ phim; khen ngợi những câu hỏi, góp ý hay, cách góp ý nhẹ nhàng, lịch sự của người nghe đối với người thuyết trình. | **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE:**  **Cuộc thi:**  ***Người thuyết trình về một kịch bản/bộ phim hay nhất***  **\*Yêu cầu chung:**  **- Người nói:**  **+** Dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị trước, có thể sử dụng thêm giấy nhớ để ghi chú ngắn gọn nội dung trình bày dưới dạng từ, cụm từ.  + Trình bày bài nói từ khái quát đến cụ thể: từ tóm tắt hệ thống ý của bài nói rồi đi vào từng phần.  + Phân tích, đánh giá, kết nối các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ với bài nói (thiết kế bài trình chiếu, sử dụng sơ đồ tư duy, tranh, ảnh minh hoạ, phần nhạc nền cho bài nói nếu thấy cần thiết).  **\* Chú ý:**  + Sử dụng các từ ngữ, các câu chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi. Ví dụ:  *Vở kịch/Bộ phim mà tôi muốn giới thiệu với các bạn có nhan đề……., được viết bởi….*  *Biện pháp nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong tác phẩm là………*  *Chủ đề tác phẩm là………… Tôi nhận thấy, qua tác phẩm này, tác giả muốn gửi gắm thông điệp về……….*  *Nét đặc sắc/ thành công nổi bật của tác phẩm này, theo tôi là…………….*  + Sử dụng giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết,…  + Sử dụng có hiệu quả các động tác cơ thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe và di chuyển vị trí một cách hợp lí.  + Các phương tiện phi ngôn ngữ như *hình ảnh về tác giả, tác phẩm; cuốn sách; sơ đồ tư duy về tác phẩm,…*(nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói.  **- Người nghe:**  + Chú ý lắng nghe bài nói của bạn.  + Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói.  + Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn chưa rõ.  + Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình. |
| **GV hướng dẫn, dặn dò HS chuẩn bị phần Ôn tập** | |

**3. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Phát triển năng lực sáng tạo, sử dụng công nghệ thông tin để làm video clip giới thiệu Vở kịch/Bộ phim.

**b. Nội dung:** HS tiến hành làm sản phẩm video clip giới thiệu Vở kịch/Bộ phim**.**

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm video của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS làm một video clip trình bày nội dung, nghệ thuật một Vở kịch/Bộ phim dưới các hình thức:

+ Cá nhân HS tự quay video clip để giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật của Vở kịch/Bộ phim.

+ 2 HS quay clip cùng trao đổi về giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật của Vở kịch/Bộ phim, mỗi bạn sẽ đưa ra ý kiến trên một góc nhìn bổ sung hoặc đối lập về tác phẩm biến đoạn clip thành một talk-show trao đổi về của Vở kịch/Bộ phim đó.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

HS dùng điện thoại di động quay video bản thân tự chia sẻ hoặc trao đổi, đối thoại với một bạn trong lớp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS tải các clip lên nhóm Zalo hay Facebook của lớp để tất cả HS và GV đều có thể xem và bình luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của các HS.

Ngày soạn:……….

Tiết:…………..

**BÀI 5 - ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Kiến thức:**

- Hs nắm vững và trình bày được các yếu tố của bi kịch: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Hs nắm được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và những lưu ý khi sử dụng ngôn ngữ viết.

- Hs biết trình bày được các lưu ý khi viết một văn bản nghị luận giới thiệu một kịch bản văn học hoặc một bộ phim..

- Hs chia sẻ được ý nghĩa của lẽ sống đối với mỗi người.

**2. Năng lực:**

**\*Năng lực chung:**

-Tự học tự chủ: chủ động tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà, biết làm chủ cảm xúc của bản thân

-Giao tiếp, hợp tác: hiểu rõ nhiệm vụ, phối hợp với bạn hoàn thành nhiệm vụ

-GQVĐ và sáng tạo: Xác định được các thông tin liên quan đến bài học, thiết kế trình bày sản phẩm nhóm sản phẩm cá nhân khoa học và thẩm mĩ

**\* Năng lực đặc thù:**

* **Học sinh trình bày** các kiến thức về kịch bản văn học đã học
* **Học sinh nêu** được bài học kinh nghiệm về việc sử dụng ngôn ngữ viết
* **Học sinh trình bày** các lưu ý khi viết bài nghị luận giới thiệu về một kịch bản văn học hay một bộ phim

**3. Phẩm chất**: HS biết liên hệ các vấn đề về ý chí, lí tưởng và lẽ sống cao đẹp của mỗi người

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, bảng phụ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Sản phẩm**: Câu trả lời của Hs

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu bảng: HS điền bảng K – W – L nhắc lại những kiến thức đã học trong chủ đề  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV linh hoạt sử dụng phần trả lời của HS** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh trình bày** các kiến thức về kịch bản văn học đã học * **Học sinh nêu** được bài học kinh nghiệm về việc sử dụng ngôn ngữ viết * **Học sinh trình bày** các lưu ý khi viết bài nghị luận giới thiệu về một kịch bản văn học hay một bộ phim   **b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **c. Tổ chức thực hiện:** Học sinh thảo luận nhóm – Làm phiếu bài tập – Thuyết trình tranh luận. | |
| **VỀ KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên giao nhiệm vụ * Câu 1 – 2 – 3 HS thảo luận nhóm 6-8 HS (6 nhóm): nhóm 1,2 câu 1, nhóm 3,4 câu 2; nhóm 5,6 câu 3; làm trên bảng phụ. Thời gian: 15ph   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Giáo viên bốc thăm nhóm trình bày tuần tự các câu. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo phần giải bài tập ở phụ lục |
| **VỀ KĨ NĂNG VIẾT – NÓI NGHE**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên giao nhiệm vụ   Câu 4 - 5. Gv chia lớp thành 2 dãy. Mỗi dãy là một nhóm lớn phụ trách 1 câu. HS thảo luận nhóm đôi trong mỗi nhóm để trả lời câu hỏi.  Thời gian: 6 ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi ngẫu nhiên (vòng quay random) một vài học sinh chia sẻ bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo đáp án ở phần phụ lục |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LIÊN HỆ - MỞ RỘNG**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Liên hệ các vấn đề ý nghĩa của lí tưởng sống trong cuộc sống của con người  **b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **c. Tổ chức thực hiện:** Học sinh viết bài viết ngắn | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ câu hỏi 6 (Hoàn thiện cá nhân): 5ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện chia sẻ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Gv gọi hs bất kì (theo vòng quay ngẫu nhiên…) để chia sẻ bào làm.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS |

***Phụ lục 1. Đáp án bài tập***

**Câu 1. Đọc lại các văn bản kịch đã học và điền thông tin phù hợp vào bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Cốt truyện** | **Xung đột** |
| **Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài** |  |  |
| **Sống hay không sống – đó là vấn đề** |  |  |
| **Âm mưu và tình yêu** |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Cốt truyện** | **Xung đột** |
| **Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài** | Xoay quanh hành động chính: Bạo loạn xảy ra, Đan Thiềm khuyên Vũ Như Tô đi trốn nhưng ông không nghe vì không tin là mình có tội, bị căm ghét thù oán. Khi hiểu ra sự thật thì đã muộn, Cửu Trùng Đài bị đốt, Vũ Như Tô đành chấp nhận ra pháp trường. | - Xung đột giữa Vũ Như Tô, Đan Thiềm  - Xung đột giữa quân khởi loạn và dân chúng, thợ xây đài – triều đình Lê Tương Dực và Vũ Như Tô.  - Xung đột giữa quân khởi loạn triều đình Lê Tương Dực. |
| **Sống hay không sống – đó là vấn đề** | Cho rằng cái chết của vua cha là đáng ngờ, Hăm-lét một mặt băn khoăn lựa chọn giữa “sống” hay “không sống”; mặt khác, giả điên và lên kế hoạch để điều tra sự thật; phía vua Clô-đi-út cũng nghi ngờ Hăm-lét và tìm cách đối phó với chàng. | - Xung đột giữa Hăm-lét - vua Clô-đi-út, hoàng hậu và bọn tay chân của Clô-đi-út.  - Xung đột giữa Hăm-lét - Ô-phê-li-a. 1 Xung đột giữa sống – không sống trong nội tâm Hăm-lét. |
| **Âm mưu và tình yêu** | Cho rằng tình yêu Luy-dơ và Phéc-đi-năng sẽ dẫn đến kết cuộc bất hạnh, nhạc công Mi-le khuyên Luy-dơ từ bỏ tình yêu. Nàng không nghe vì đã dành trọn tình yêu cho Phéc-đi-năng (Hồi I - Cảnh 1). Tể tướng Van-te, cha của Phéc-đi-năng không chấp nhận tình yêu Phéc-đi-năng Luy-dơ, tìm mọi cách ngăn cản. Mâu thuẫn giữa các bên trở nên gay gắt và phức tạp**.** | - Xung đột giữa âm mưu và tình yêu  - Xung đột giữa Luy-dơ – Mi-le.  Xung đột giữa Luy-dơ, ông bà Mi-le - Tể tướng Phôn Van-te.  - Xung đột giữa Thiếu tá Phéc-đi- năng - Tể tướng Phôn Van-te. |

**Câu 2. Kẻ bảng dưới đây vào vở, liệt kê một số hành động, lời thoại tiêu biểu, từ đó, khái quát tính cách của các nhân vật:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật chính** | **Hành động, lời thoại và tính cách** | |
| **Hành động, lời thoại** | **Tính cách** |
| **Vũ Như Tô** |  |  |
| **Hăm-lét** |  |  |
| **Phéc-đi-năng** |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật chính** | **Hành động, lời thoại và tính cách** | |
| **Hành động, lời thoại** | **Tính cách** |
| **Vũ Như Tô** | **Hành động**:  - Tin vào sự “quang minh chính đại” trong việc làm của mình, nghi ngờ lời khuyên của Đan Thiềm; vẫn nuôi hi vọng xây đài  - Khi hiểu ra sự thật, thể hiện sự tuyệt vọng, chấp nhận cái chết.  **Lời thoại**: “Họ tìm tôi, nhưng có lí gì họ giết tôi. Tôi có gây oán gây thù gì với ai?”. | - Khát vọng sáng tạo nghệ thuật đến mê muội, ảo tưởng.  - Nhân cách cứng cỏi, sống tình | nghĩa với những người tri kỉ như Đan Thiềm. |
| **Hăm-lét** | **Hành động:**  - Đấu tranh nội tâm (đấu tranh với nghịch cảnh)  - Giả điên, chấp nhận sự hiểu lầm | của người yêu để tìm cho ra sự thật.  **Lời thoại**: “Sống hay không sống - đó là vấn đề” | - Can đảm đối mặt với bản thân và nghịch cảnh  - Coi trọng lương tri và sự thật. |
| **Phéc-đi-năng** | **Hành động**:  - Bảo vệ Luy-dơ đến cùng.  - Dùng lời nói và hành động quyết liệt chống trả những lời nói, hành động ngang trái của Tể tướng Phôn Van-te dù người đó là cha mình.  **Lời thoại**: “– Cha vẫn cương quyết không chuyển chăng?” hoặc: “Xin Chúa cao cả chứng giám cho tôi. Tôi đã dùng hết mọi phương tiện của con người, bây giờ tôi chỉ còn cách dùng đến một thủ đoạn của loài ma quỷ.” | - Trân trọng, tin tưởng ở tình yêu, người yêu.  - Trọng danh dự, công bằng.  - Can đảm, mạnh mẽ chống trả cường quyền bạo ngược. |

**Câu 3. Qua các văn bản Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài, Sống hay không sống – đó là vấn đề, Âm mưu và tình yêu, hãy làm rõ hiệu ứng thanh lọc của kịch.**

**Trả lời**

Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch được thực hiện qua những chấn động cảm xúc mạnh mẽ mà bi kịch gây nên trong tâm hồn khán giả:

- Cả ba VB bi kịch nếu trên đúng là đều đã mang lại cho người đọc/ người xem “những chấn động cảm xúc mạnh mẽ”: thương xót, lo lắng, ái ngại trước nghịch cảnh, kết cuộc bi đát, cái chết hoặc những mất mát khủng khiếp của các nhân vật Vũ Như Tô, Hãm-lét, Phúc-đi-năng/ Luy-do.

- Nhưng đó mới chỉ là hiệu ứng ban đầu và trên bề mặt. Sâu xa hơn, các vở bi kịch nếu trên đã khiến khán giả nhận ra, thức tỉnh và đồng cảm trước những giá trị tốt đẹp, có ý nghĩa trong đời; đau đớn trước sự huỷ diệt những giá trị đó. Từ đây, mỗi một khán giả có thể giải toả sự xótthương, nỗi sợ hãi thường tình, hướng tâm hồn mình tới cái cao cả, và có thêm động lực phấn đấu cho những sức mạnh tinh thần lớn lao.

**Câu 4. Khi sử dụng ngôn ngữ viết, chúng ta cần lưu ý những gì?**

**Trả lời**

**Câu 5. Cần lưu ý những điều gì khi viết văn bản nghị luận giới thiệu về một kịch bản văn học hoặc bộ phim?**

**Trả lời:**

**Câu 6. Theo em, lẽ sống có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc đời của mỗi người?**

**Trả lời:**

- Lẽ sống đóng vai trò xác định những điều đúng đắn: có lẽ sống đúng đắn tức là con người có một lối sống, quan điểm sống đúng và tốt đẹp.

- Lẽ sống giúp mang lại cho con người và xã hội niềm hạnh phúc chân chính. Lẽ sống đúng đắn sẽ tạo nên tinh thần lạc quan, yêu đời hơn cho dù có bất kỳ khó khăn, thử thách nào cũng luôn vui vẻ và vượt qua.